NĂM THỨ MƯỜI BA • # 155 • MARCH 2002

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky@kicon.com

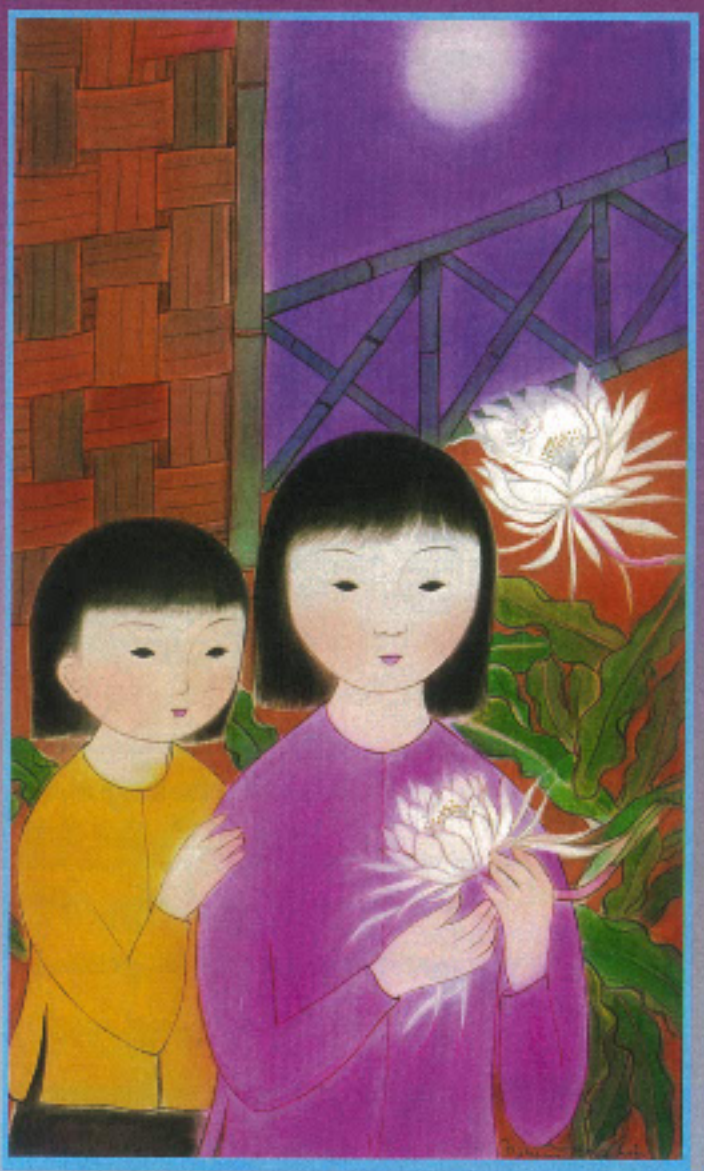

SỐ TÂN NIÊN

Quê hương lam lũ, dấu yêu!

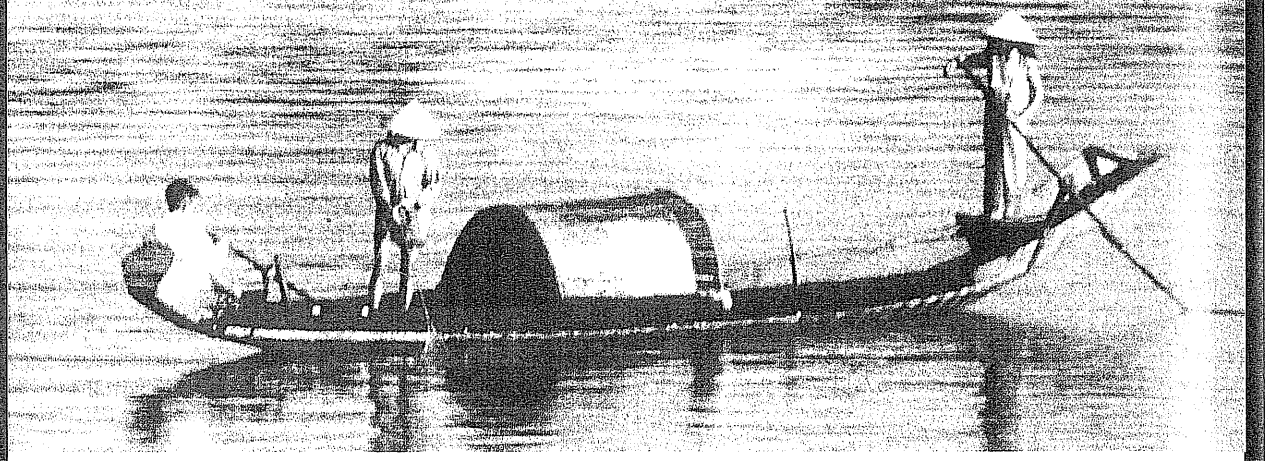

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cùng cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tàn phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

FOUNTAIN VALLEY:	17330 Brookhurst St., Ste. 220	Fountain Valley, CA 92708	(714) 962-4440
IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste.180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Annuity Corporation (Tổ Hợp Delaware) Phát Hành.

©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

TRUNG TÂM Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

Những tác phẩm Audio Book (băng đọc truyện) của

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn

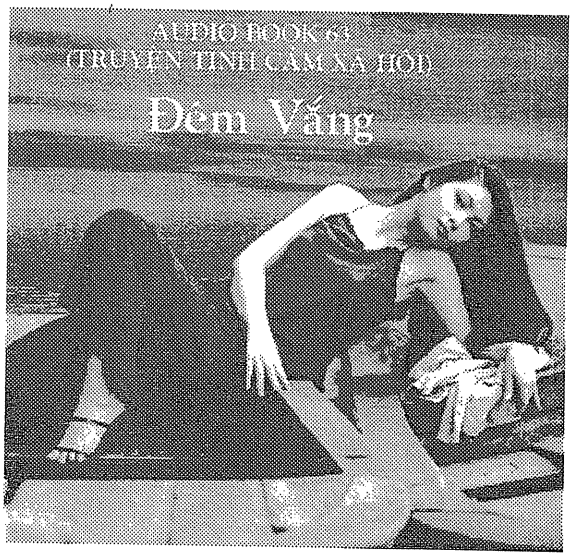

đã và đang phát hành

TRUYỆN TÌNH CẢM XÃ HỘI

1. Ai Cũng Cần Có Một Bà Mẹ
2. Lạ Giường
3. Người Đàn Bà Đi Bên Tôi
4. Một Lần Rồi Thôi
5. Dấu Chân Xưa
6. Tấm Vé Số - Thầy Thanh
7. Ven Rừng
8. Chung Quanh Tôi
9. Bước Chân Người Tình
10. Qua Đường
11. Vách Tường Cũ
12. Phòng Mạch
13. Ánh Mắt Vô Tình
14. Biển Vẫn Đợi Chờ
15. Tâm Bệnh
16. Tình Muộn
17. Dấu Vết Ân Tình
18. Dốc Cao Với Vợi
19. Phòng Tắm
20. Rồi Đến Một Ngày
21. Cây Trứng Cá
22. Nhịp Cầu
23. Đi Thêm Một Bước

AUDIO CASSETTE & CD

24. Kể Một Chuyện Tình
25. Một Lần Hạnh Phúc
26. Ngoại Tình
27. Cõi Đêm
(Truyện 6 cassettes)
28. Người Đàn Bà Đi Trước
29. Dòng Đời Lặng Lẽ
30. Chút Kỷ Niệm Xưa
31. Đếm Những Mảnh Tình
(Truyện 6 cassettes)
32. Mưa Trong Bóng Đêm
33. Dốc Đứng
34. Sau Lần Cửa Khép
(Truyện 6 cassettes)
35. Gặp Gỡ Lần Đầu
36. Giã Từ Sân Khấu
37. Tàu Về Miền Xuôi
38. Mây Đen
39. Trong Quan Tài Buồn
(Truyện 6 cassettes)
40. Món Quà Cuối Năm
41. Ngày Trở Lại
42. Thời Vận
43. Bên Hành Lang Tòa Án
44. Màu Cỏ Úa
(Truyện 6 cassettes)
45. Dòng Sông Hờ Hững
46. Trong Sân Trường Ngày Ấy
47. Khu Phố Chợ Trời

48. Nỗi Mong Đợi Khốn Cùng
49. Ngày Buồn Cũng Qua Mau
(Truyện 6 cassettes)
50. Tiếng Quạ Réo Vong Hồn
(Truyện Ma)
51. Đêm Trong Căn Nhà Ma
(Truyện Ma)
52. Bãi Đất Hoang Sau Nhà
(Truyện Ma)
53. Ngôi Mộ Mới Đắp
(Truyện Ma)
54. Xóm Đạo
(Phần 1 - Truyện 6 cassettes)
55. Xóm Đạo
(Phần 2 - Truyện 6 cassettes)
56. Bóng Người Dưới Trăng
(Truyện Ma)
57. Mái Ấm
(Truyện Tình Cảm)
58. Nhìn Quanh Một Mình
(Truyện 6 cassettes)
59. Nước Đục
(Truyện 6 cassettes)
60. Cõi Âm
(Truyện 2 cassettes)
61. Đa Thê
(Truyện 2 cassettes)
62. Quay Trong Cơn Lốc
(Truyện 6 cassettes)
63. Đêm Vắng
(Truyện 2 cassettes)
64. Hồn Về Trong Gió

TRUYỆN MA

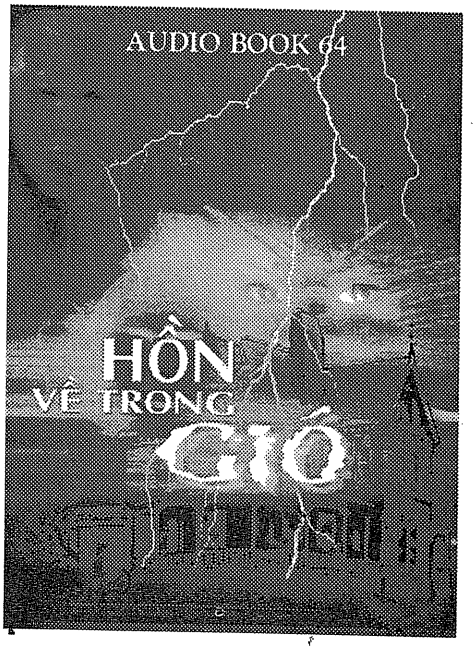

Độc Quyền Sản Xuất và Phát Hành
THUY NGA
9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683.
Tel: (714) 893-2860 Fax: (714) 891-9673

Phiếu mua Tạp Chí Thế Kỷ 21

Giá áp dụng từ 1- tháng 1- 2002

Quà tặng đầy ý nghĩa

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )..... Sở Làm:( )*.....

ĐẶT MUA THẾ KỶ 21 :

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Tên Quốc Gia
Giá	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	Hoa kỳ & Canada
Giá		*US$48.00*		*US$90.00 100 Euro*		*US$170.00 189 Euro*	Pháp Đức Bỉ Hòa-Lan..Tây âu
Giá		*US$35.00*		*US$65.00*		*US$112.00*	Nga, Tiệp, Ba lan.. Đông âu
Giá		*US$55.00*		*US$100.00*		*US$194.00*	*Á châu, Úcchâu, Việt nam*

*Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu hoặc bằng thẻ tín dụng để mua báo Tạp Chí **Thế Kỷ 21** theo ba cách:*

. BƯU ĐIỆN: Chi phiếu, ngân phiếu (money order) **xin ghi trả cho Tạp Chí Thế Kỷ 21** và gửi về địa chỉ : 11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA.92840. USA.

Liên lạc Ban trị sự: / Phát hành, gửi báo, báo thất lạc,trả tiền bằng Visa, Master Card.. Phone: (714) 534-9432 (12am-7pm PCT) Fax=714-534-9433 (24/24) Liên Lạc đăng quảng cáo : (714)775-6301 .

Liên Lạc về bài vở tòa soạn: (714) 839-8746 (Chủ bút)

. ĐIỆN THƯ: Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu và FAX về số (714) 534-9433.

. ĐIỆN THOẠI: Gọi Điện Thoại số (714) 839 - 8746 để cung cấp đầy đủ chi tiết ghi trong phiếu.

Họ Tên Người Mua /trả tiền: (như trên -----check vào đây)

Địa Chỉ:.....

Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....

Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )*.....

Sở Làm:().....

Sáng kiến đề nghị cùng tạp chí: (714) 585-4666

Báo cũ : Để bổ túc các bộ tạp chí lưu trữ, Tòa soạn cần mua lại một số ấn bản Tạp Chí Thế Kỷ 21 sau đây:

Các số 7, 10, 33&34, 42, 48, 94, và 118&119.

Quí vị nào có dư những số tạp chí nói trên, xin liên lạc về tòa soạn, chúng tôi xin bồi hoàn tiền, hoặc đổi báo mới.

Thường xuyên **giảm giá 15% khi mua để tặng bạn hữu.**

Tạp chí đang mở rộng mạng phát hành, **cần thêm nhiều đại lý. Huê hồng cao.**

Như thường lệ: Quí vị nào giới thiệu 3 độc giả, xin tặng 9 tháng báo; giới thiệu 5 độc giả mua báo, xin tăng nguyên năm 1st class

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại **Alpha Funding & Real Estate**
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
Đặc biệt: Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Trung Tâm Quang Tuyến
MAGNOLIA IMAGING & ADVANCED RADIOLOGY

Trung tâm quang tuyến do những bác sĩ có bằng chuyên môn thực thụ BOARD CERTIFIED rất giỏi, kinh nghiệm, tận tâm phục vụ cộng đồng từ năm 1987. Văn phòng được trang bị máy móc tối tân nhất trong cộng động hiện nay để định bệnh bằng quang tuyến, siêu âm và phóng xạ.

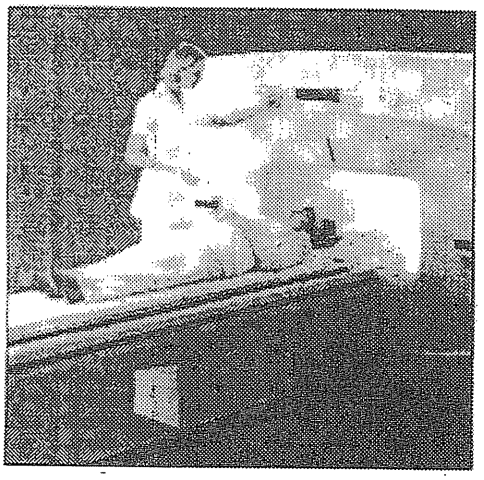

- X-RAY
- COLOR ULTRASOUND
- CAT SCAN
- MRI
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

ĐẶC BIỆT CHO PHÁI NỮ

Do nữ chuyên viên đảm nhận

- Chụp ngực kỹ thuật mới rất ít phóng xạ
- Có máy siêu âm mầu để rà bướu tử cung và ngực rất rõ ràng tránh định bệnh sai

ĐẶC BIỆT CHO PHÁI NAM

- Có máy siêu âm mầu đặc biệt chuyên rà ung thư nhiếp hộ tuyến (Prostate)

- Máy mới đặc biệt đo độ sốp xương (BONE DENSITY) chính xác tránh được nhiều bệnh như đau lưng, cụp xương sống, gãy xương do thiếu chất vôi.
- Có máy siêu âm mầu chụp mạch máu cổ để ngừa bị nghẽn gây ra liệt, bán thân bất toại (Tai biến mạch máu não - STROKE)

Máy móc của trung tâm được điều chỉnh, bảo trì và cải tiến thường xuyên, phẩm chất phim ảnh tốt nên rất rõ ràng và chính xác. Chúng tôi đã tìm được nhiều bệnh mà các trung tâm khác không tìm ra và được sự tín nhiệm của rất nhiều bác sĩ

CHÚ Ý: *Quý vị có quyền tự do lựa chọn bác sĩ quang tuyến*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 6PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM

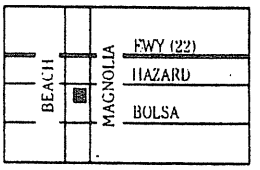

14571 MAGNOLIA #101 WESTMINSTER, CA 92683
Tel (714) 893-1915 Fax: (714) 898-8142

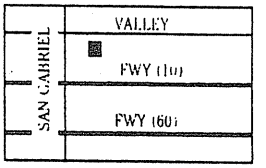

808 E. VALLEY BLVD. SAN GABRIEL, CA 91776
Tel (626) 280-0431 Fax (626) 280-6840

NHẬN HẦU HẾT CÁC LOẠI BẢO HIỂM, MEDICAL, MEDICARE, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO QUÝ VỊ TRẢ TIỀN MẶT

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

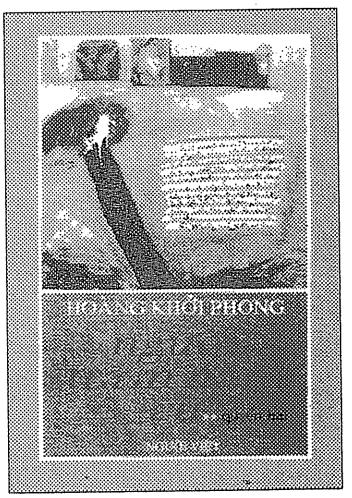

NGƯỜI TRĂM NĂM CŨ

Tiểu thuyết lịch sử trường thiên gồm 6 cuốn của HOÀNG KHỞI PHONG

Đã xuất bản cuốn I và II, nói về cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế. Hào hùng, cảm động, lôi cuốn, nhưng luôn luôn bám sát sự thật lịch sử.

Giá 20 Mỹ kim.

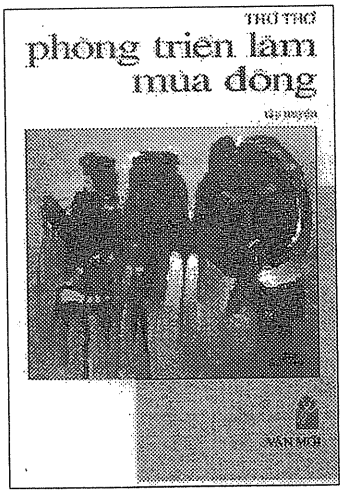

PHÒNG TRIỂN LÃM MÙA ĐÔNG

Tập truyện của THƠ THƠ

Ý kiến của nhà văn Duy Lam về người viết văn nữ trẻ tuổi này: *"Một văn tài lạ và phải nói là độc đáo. Những đam mê ghê gớm của nghệ thuật, những bi kịch về những cái chết (...) Thơ Thơ đã sáng tác được những truyện ngắn phức tạp, đặc sắc và khó quên."*

Giá 12 Mỹ kim.

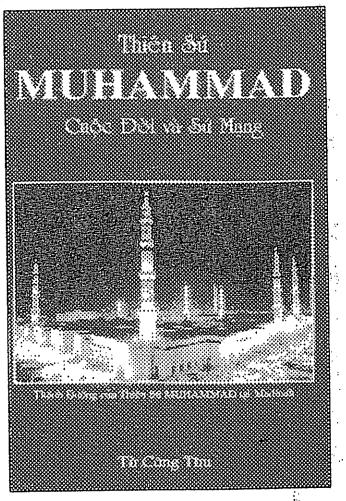

THIÊN SỨ MUHAMMAD, CUỘC ĐỜI VÀ SỨ MẠNG

Biên khảo của TỪ CÔNG THU

Cuốn sách tiếng Việt đầu tiên giới thiệu một cách đầy đủ nhất về lịch sử, tín điều và vị tiên tri sau cùng của đạo Islam (tức Hồi giáo). Sau biến cố khủng bố 11.9, để tránh những hiểu lầm sai lệch về Hồi giáo, cần phải đọc cuốn sách này. Giá 18 Mỹ kim.

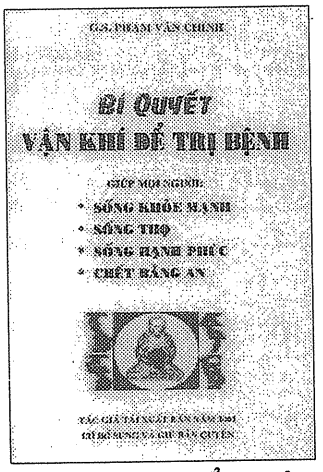

BÍ QUYẾT VẬN KHÍ ĐỂ TRỊ BỆNH

của G.S. PHẠM VĂN CHÍNH

Dạy bí quyết ***vận khí*** để trị bịnh mập phì, mất ngủ, ăn mất ngon, giúp ổn định thần kinh và các bịnh kinh niên bất trị khác. Sách được viết rất cô đọng, đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng.

Giá 12 Mỹ kim.

Kèm theo sách là băng video TIÊN THIÊN KHÍ CÔNG để hướng dẫn thực hành. Giá 8 Mỹ kim.

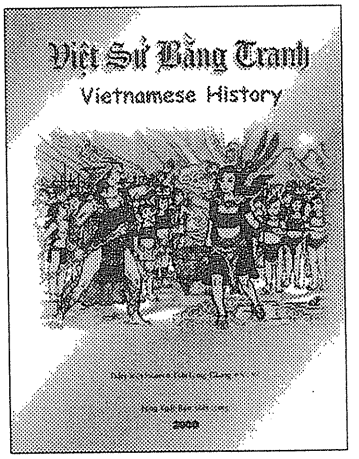

VIỆT SỬ BẰNG TRANH VIETNAMESE HISTORY

của các tác giả TRẦN VIỆT NAM, CỬU LONG GIANG, VI VI

Tóm lược bằng tranh vẽ và hình ảnh cùng với chú thích bằng tiếng Việt và tiếng Anh lịch sử Việt Nam từ thời thượng cổ cho đến hiện đại. Rất cần cho con em Việt Nam lớn lên ở hải ngoại để hiểu lịch sử dân tộc của mình.

Giá 20 Mỹ kim.

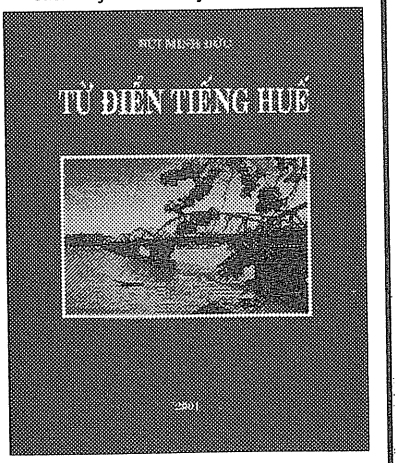

TỪ ĐIỂN TIẾNG HUẾ

của BÙI MINH ĐỨC

Giải thích ngôn ngữ của địa phương Huế. Đây là cuốn từ điển đầu tiên có quy mô trong loại từ điển phương ngữ Việt Nam.

Giá 27 Mỹ kim.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com * WWW.TULUC.NET

Sau hai năm thu thập, tuyển chọn, sắp xếp, đã in xong:

TUYỂN TẬP LÊ ĐÌNH ĐIỂU

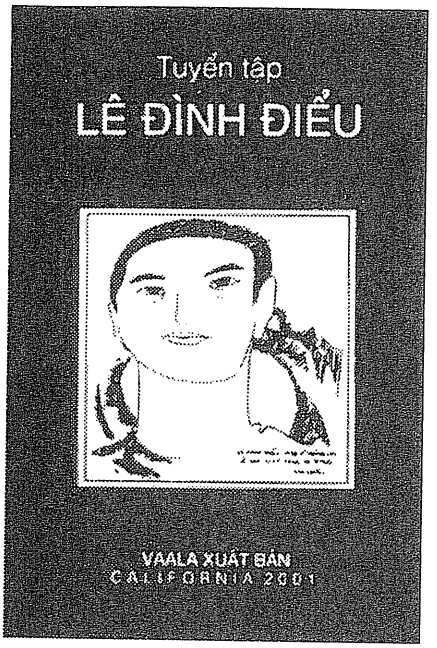

Gồm:

* Thơ Y Dịch (bút hiệu của Lê Đình Điểu)
  Tuyển chọn các bài viết trong suốt cuộc đời làm báo của ông
* Viết về Lê Đình Điểu:
  Lê Tất Điều, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Bùi Bích Hà, Nhã Ca, Trần Mộng Tú, Thụy Khuê, Vũ Ánh, Phạm Đức Khoan, Thụy Lữ, Phạm Phú Minh, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Trọng Thụy, Y-Sa...
* *Bìa:* tranh Mai Chửng, Trịnh Cung trình bày
* *Bốn phụ bản màu* với các họa phẩm của Thái Tuấn, Hồ Hữu Thủ, Đỗ Quang Em và Trịnh Cung
  Nhạc phẩm của Vũ Thành An, Phạm Anh Dũng, Thụy Lữ, Diễm Ly
* Hình ảnh kỷ niệm

Sách dày gần 500 trang, giá $25, phát hành vào trung tuần tháng 11 năm 2001.

Liên lạc:
cô Phan Mỹ Sương
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove, CA 92840
USA
Tel: (714) 537-7686

Ra mắt vào lúc 3 giờ chiều ngày 17 tháng 11, 2001 tại phòng Sinh Hoạt báo Người Việt.
Tiền bán sách sẽ sung vào quỹ VAALA để hỗ trợ các hoạt động văn học nghệ thuật.

PHIẾU ĐẶT MUA "TUYỂN TẬP LÊ ĐÌNH ĐIỂU"

Yêu cầu gửi cho tôi: .....cuốn với giá US $25.00 một cuốn.
Cước phí: US $3.00 cho mỗi cuốn (trong nước Mỹ); US $7.00 cho mỗi cuốn (ngoài nước Mỹ).
Tôi gửi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền: US $ .....
Chi/lệnh phiếu USD đề VAALA và gửi về Hội: VAALA, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92840.

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....
Fax: .....
E-mail: .....

Toàn bộ số tiền bán sách, sau khi trừ chi phí, sẽ được sung vào quỹ của VAALA cho các sinh hoạt văn học nghệ thuật.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoàng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Bìa: tranh của họa sĩ Nguyễn Thị Hợp
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 155 Tháng Ba 2002

THỜI SỰ CHÍNH TRỊ KINH TẾ

12. Mạn đàm đầu năm: Áp dụng thương ước từ phía Việt Nam - **Phạm Đỗ Chí**
15. Trò chơi kế toán Enron - **Thanh Thảo**
17. Nghĩa vụ bảo vệ bờ cõi Việt Nam - **Nguyễn Đình Sài**
39. Giai thoại ngoại giao năm 2001 - **Từ Trì**
43. Tranh luận về Tòa án Quân sự xét xử khủng bố - **Nguyễn Văn Thành**

LỊCH SỬ TÀI LIỆU

27. Ải Nam Quan trong lịch sử - **Trần Gia Phụng**
48. Đình Minh Hương Gia Thạnh - **Lâm Vĩnh Thế**
81. Những câu hỏi chung quanh một vấn đề lịch sử - **Nghiêm Y**
85. Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**

NHÂN VẬT

66. Tôi mãi mãi sẽ là tôi -Dũng Văn phỏng vấn **Trần Thị Minh Tâm**
68. "Ông Gió" - **Nguyễn Mạnh Hùng**
72. "Bật mí" - **Nguyễn Minh Cần**
105. Làng Trà Ôn nảy sinh Út Trà Ôn - **Thiện Hỷ**

VĂN

75. Mất vào trong mây - **Trần Mộng Tú**
77. Con Đen - **Trần Yên Hòa**
90. Sợi tơ nhện - ***Akutagawa Ryùnosuke***, Nguyễn Văn Thực dịch
92. Cách đất liền bốn mươi hải lý - **Trần Ngọc Tuấn**
91. Đợi trăng lên - **Nguyễn Hòa Trước**
96. Nội ngoại - **An Phú Vang**
99. Ghi chép, những lần đi - **Lê Minh Hà**
107. Lại nói chuyện ngựa - **Thanh Nguyễn**

THƠ

71. Có hề chi! - **Ngô Tịnh Yên**. 74. Một nửa trăng một nửa đời - **Lê N. Khái**. 83. Hát mầu thiên thu - **Hoàng Xuân Sơn**. 87. Tương giang, Tiêu giang - **Chu Vương Miện**. 94. La dernière rose de l'été - **Nguyễn Tường Giang**. 98. Sau mưa - **Thu Từ**. 102. Chiều phố cổ không dưng mà bỗng lạnh - **Lưu Nguyễn**. 111. Vườn tháng giêng - **Tường Linh**.

MỤC THƯỜNG LỆ

9. Bạn đọc viết
11. Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11. Thư trị sự - **Trúc Linh**
55. Sổ tay - **Ngô Nhân Dụng**
61. Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
115. Sách báo trong tháng - **Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài**

Xuân Con Ngựa

Con ngựa quả có gây nhiều cảm hứng cho con người, hơn hẳn các con khác trong mười hai con giáp. Cứ xem rừng báo Xuân năm nay thì thấy rõ điều đó. Tờ nào hình như cũng khởi sắc hơn các năm trước, đặc biệt hình con ngựa đã góp phần mang lại một vẻ tráng lệ và duyên dáng cho hình thức các tờ báo. Hình dáng con ngựa quả đẹp thật! Thanh tú mà dũng mãnh, cao ngạo mà hữu ích, thật khó có con vật nào có thể sánh bằng. Bài báo về ngựa thì lại vô số kể, về mặt lịch sử, văn minh, trận mạc, ăn chơi, nghệ thuật tạo hình, văn chương, và thậm chí về mặt... đi thõa, hình như món nào ngựa cũng tham dự được, mà tham dự một cách xuất sắc.

Báo Thế Kỷ 21 Xuân năm nay cũng ở trong tình hình chung đó, là một trong những tờ báo Xuân hay. Bức tranh bìa đẹp và lạ, hai con ngựa trên một cái nền xanh như từ một huyền thoại đi ra trình diện với mùa xuân đang tới được thể hiện bởi nền bìa màu hồng nhạt. Và nội dung cũng đủ màu đủ vẻ như một bữa cỗ ngày Tết nhiều món mà món nào cũng ngon. Xin có lời khen tặng gửi đến quý báo, nhân buổi đầu năm.

Lê Đức
(Little Saigon, California)

Cũng cần đổi mới cái "cổ truyền"

Bài bút khảo "Dòng Thơ Việt Nam Mang Dấu Chúa" của Lê Văn Lân trên Thế Kỷ 21 Xuân vừa rồi là một việc làm mới mẻ. Từ trước tới nay, mỗi dịp tết đến xuân về, người ta hay nhắc đến truyền thống của dân tộc, với khói hương bay trước bàn thờ tổ tiên, với mái đình mái chùa, với những tình cảm và sinh hoạt tôn giáo ngàn năm của xứ Việt. Điều đó rất tự nhiên, vì người ta thường thấy là êm đềm những gì đã cố kết lâu đời. Thế nhưng lặp đi lặp lại mãi những cái cũ đã thành nếp thì chưa chắc đã là điều hay. Thời đại đổi thay, cuộc sống đổi thay, thì cũng nên bộc lộ những nét tâm tư mới mẻ đã manh nha trong lòng dân tộc. Như tình cảm đối với Chúa của giáo dân Thiên Chúa giáo Việt Nam chẳng hạn. Khi một đức tin đã thành nếp trong lòng người và đã có thể trở thành cảm hứng một cách thành thật, nhuần nhuyễn và không gượng gạo cho các rung cảm nghệ thuật thì nó đã có chỗ đứng trong một cộng đồng dân tộc. Bài khảo cứu của Lê Văn Lân là một mở đầu và một gợi ý rất có ý nghĩa.

Nguyễn Văn Trọng
(Paris, Pháp quốc)

Người may mắn

Thế Kỷ 21 số 152 có thư của ông Dương Tín về chuyện thầy Nhất Hạnh. Tôi có vài điều muốn chia sẻ cùng ông. Thưa ông, CÙNG một bài nói chuyện của thầy Nhất Hạnh nhưng có người đọc cảm thấy được xoa dịu nỗi khổ, được giảm bớt sự mất mát và bớt sự tức giận (ông trong số đó) trong khi đó lại có một số người giận dữ, chửi bới, bài bác. Sự khác nhau đó nằm ở chỗ nào chắc ông đã biết. Ngoài ra ông chắc chắn là người may mắn hơn những người kia. Là con người ai cũng muốn mình được may mắn nhưng họ CHƯA có được cái may mắn như ông bởi họ còn vô minh. Trong khi những người khác nghe bài nói chuyện của Thầy họ thấy được một bầu trời bao la của tình thương và xoa dịu, xoa dịu nỗi đau mất mát và ý thức được sự tức giận đang có mặt trong tâm để kiểm soát nó, thì một số người khác không thấy cái bầu trời từ bi và trí tuệ ấy, chỉ thấy những cụm mây đen xám xịt xen lẫn đâu đó trên nền trời. Con người ai cũng có hai mắt cấu tạo giống nhau nhưng THẤY những điều khác nhau, hoặc để hạnh phúc, hoặc để đau khổ.

Các bậc thánh nhân ra đời để cứu giúp những người đau khổ chứ không phải để người khác chiêm ngưỡng hay sùng bái. Biết ơn và sùng kính là hệ quả của sự được cứu giúp mà thôi. Nếu biết ơn thầy thì ông hãy tiếp tục thực tập những bài về Tình Thương và Sự Hiểu Biết để làm cho mình được hạnh phúc hơn, và để đem sức mạnh của tha lực đó đến những người kém may mắn hơn ông, giúp cho tâm của họ không còn thấy những cụm mây đen tối trên bầu trời bao la nữa.

Lê Thị Thu Ba
(San Diego, CA)

Hạnh Minh Hồ Tấn Anh

Nhân đọc bài "Bức tâm thư Di chúc của liệt sĩ Hồ Tấn Anh" của Gs. Vũ Quốc Thúc trên Thế Kỷ 21 số 152, chúng tôi xin gửi quý báo và quý độc giả bài thơ sau đây do tôi làm, như một chia sẻ xúc cảm của mình trước sự hy sinh cao cả của người Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử.

Khóc Hạnh-Minh Hồ Tấn Anh

Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử quận Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam Vị Quốc và Vị Pháp thiêu

thân tại Đà Nẵng ngày 2-9-01

Trời đất u sầu,
Mây giăng tám hướng,
Thắp nén hương cầu,
Thành tâm tưởng niệm!
Hỡi ôi!

Nhìn Đạo Pháp ngửa nghiêng, lòng đau xót!

Ngắm Non Sông tang tóc, dạ không đành!

Nguyện thiêu thân làm ngọn đuốc đấu tranh,

Mong soi sáng lương tâm thế giới!

Vẫn biết thế gian thân này sống gởi,

Nhưng mấy ai chọn được lối quay về?

"**Lửa Từ Bi**," mong thức tỉnh kẻ si mê,

"**Hạnh Bồ Tát**," quyết hộ trì Đạo Pháp.

Thuyệt Mệnh Thư, đang còn nguyên nét mực,

Mà nhục thân nay đã hóa khói tro!

Cao quý thay những Ước Nguyện, Dặn Dò...

Anh để lại cho chúng tôi tiếp bước...

Tổ Quốc – Đồng Bào – Tự Do – Đạo Pháp,

Quê hương ơi! ngày quang phục không xa!

Hạnh Minh ơi! Anh vẫn sống mãi với chúng tôi,

Xin cầu nguyện hương linh Anh sớm siêu thăng Phật Quốc!

Nhân Lễ Cầu Siêu và Chịu Tang tại chùa Phổ Đà

Ngày 8 tháng 9 năm 2001

Như Hải

Làng Phù Đổng không thuộc Hưng Yên

Thế Kỷ 21 số 153 – 154 phát hành tháng 2 và 3. 2002 có đăng bài *Nhân Năm Nhâm Ngọ, Tản Mạn Về Ngựa* của Nguyễn Văn Tuấn, phần chú thích về thánh Gióng ở trang 142, tác giả viết: "*Lúc bấy giờ, ở làng Gióng (thuộc tỉnh Hưng Yên bây giờ), có một cậu bé mới ba tuổi, nhưng vẫn chưa biết nói, biết cười . . .*"

Thực ra làng Phù Đổng, tức làng Gióng, không thuộc tỉnh Hưng Yên mà thuộc tỉnh Bắc Ninh. Thời thánh Gióng làng Phù Đổng thuộc đất Vũ Ninh, đời nhà Trần có tên là Kinh Bắc . Tên Bắc Ninh có từ năm 1831 dưới thời vua Minh Mạng.

Tôi sinh tại xã Phù Đổng vào cuối thập niên 1920 và trưởng thành tại đó thì làng Phù Đổng vẫn thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cho tới ngày chia đôi đất nước theo hiệp định Geneva 1954.

Sau khi cưỡng chiếm miền Nam, nhà cầm quyền cộng sản chia lại ranh giới hành chánh và kể từ tháng tư 1976, toàn quốc có 38 tỉnh thành phố. Hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang nhập làm một với tên gọi là Hà Bắc. Huyện Tiên Du (nơi có hội Lim, quan họ, chùa Bách Môn, núi Phật Tích...) và phủ Từ Sơn (nơi có các làng Đình Bảng, Phù Lưu, tức chợ Giàu...) đều thuộc Bắc Ninh nhập làm một thành huyện Tiên Sơn. Xã Phù Đổng từ trước thuộc Tiên Du được tách ra để sáp nhập vào huyện Gia Lâm, thuộc thành phố Hà Nội.

Từ 1.1.97 lại chia ranh giới lần nữa và toàn quốc gồm 61 tỉnh, thành phố. Hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang phục hồi tên cũ, đồng thời hai huyện huyện Tiên Du và phủ Từ Sơn cũng trở lại vị trí cũ với tên cũ.

Cho tới nay theo cuốn *Chính Phủ Việt Nam 1945 – 2000* của nhà xuất bản *Chính Trị Quốc Gia*, Hà Nội và thư tín tôi nhận được từ làng quê trong năm 2001 thì xã Phù Đổng vẫn thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Làng tôi chưa được trả lại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh không hiểu vì sao?

Đặng Trần Huân
(West Covina, CA)

Tết nhớ quê

Tết này người Việt Nam tại hải ngoại ăn Tết với nhiều tưởng nhớ đến quê cha đất tổ. Ấy là cũng nhờ "ơn (bác và) đảng" đem đất dâng cho Tàu. Mất đất thì con dân dù đã ra nước ngoài tá túc cũng không khỏi đau xót, do đó thêm tình cảm nhớ thương nước cũ rất nhiều.

Thường thì ở đâu quen đó, lâu ngày sự xa cách quê cha đất tổ không còn là một nỗi niềm lúc nào cũng canh cánh bên lòng của người tị nạn. Ngày lễ, ngày Tết của dân tộc thì cũng bày ra đủ hình thức để gọi là tưởng niệm thế thôi, rồi cảnh sống xung quanh lại lôi cuốn mình vào ngay. Nhưng mà Tết năm nay quả thật tình cảm về đất nước Việt Nam sống dậy rất mãnh liệt và đằm thắm. Cứ tưởng tượng cái Ải Nam Quan, địa danh đã đi suốt chiều dài lịch sử dân tộc kể từ khi tự chủ – tức là ít ra là một ngàn năm – nơi chứng kiến biết bao nỗi nhọc nhằn cả vinh lẫn nhục lẫn xương máu để dân Việt gìn giữ nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của mình, mà nay vĩnh viễn bị mất vào tay người Tàu thì lòng người Việt Nam nào mà không quặn đau!

Đốt cây nhang cúng tổ tiên đầu năm nay mà nước mắt cứ muốn trào ra, vì không ngờ đến thế hệ của mình lại phải chứng kiến cái cảnh đau đớn này, không biết phải khấn vái với ông bà như thế nào!

Trần Hữu Cảnh
(Chicago)

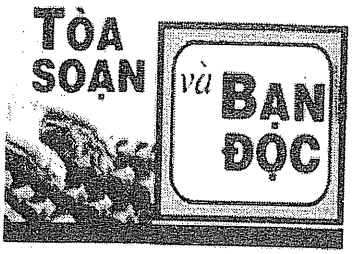

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trần Huy Sao, Lê Hiếu Liêm, Lâm Vĩnh Thế, Nguyễn Mạnh Hùng, Trần Vấn Lệ, Nguyễn Văn Cường, Nguyên Dũng, Chu Vương Miện, Võ Đình, Lưu Văn Vịnh, Nguyễn Văn Thành, Trần Mộng Tú, Hiển Thư, Trần Gia Phụng, Nguyễn Đình Sài, Từ Trì, Thế Dũng, Nguyễn Minh Cần, Thanh Nguyễn.

Kính thưa quý độc giả,

Bắt đầu từ Tết năm 1998, rồi liên tiếp các năm 1999, 2000, báo Thế Kỷ 21 đã ra số Xuân đặc biệt, một số choàng luôn hai tháng. Những số đôi này có số trang nhiều hơn bình thường, bài vở phong phú hơn, ra khỏi nội dung và hình thức thường lệ, do đó có vẻ "xuân" và hơn. Chắc hẳn mỗi lần tết đến độc giả thích có một số báo Tết như thế. Nó đáp ứng với tâm trạng đón chào năm mới và mừng xuân.

Thế nhưng khi đã làm số đôi thì lại phải nghỉ một tháng, và nhiều độc giả than phiền "một tháng không có báo thì lâu quá!" Hiểu được nỗi "khắc khoải" đó, năm 2001 Tòa soạn lại quyết định làm một số Xuân bình thường, với số trang không tăng, và bài vở do đó chỉ có thể... hơi hơi xuân thôi, và dĩ nhiên như thế thì không cần phải nghỉ một tháng. Nhưng sau đó thì chúng tôi cảm nhận ngay rằng không ai bằng lòng với một số báo xuân như thế, tết nhất thì phải có cái gì đặc biệt hơn kia! Và như thế, khi thời gian lộn về bến cũ – bến Xuân – năm nay, Thế Kỷ 21 lại trưng dụng cả hai tháng Giêng và Hai của năm mới 2002 để làm số báo Xuân vừa rồi.

Có lẽ đây là một tập quán nên gìn giữ?

Nhưng ôm đồm nhiều thì lại dễ bị sai sót. Số xuân năm nay, dù được chăm sóc kỹ vẫn không tránh khỏi một số lỗi kỹ thuật đáng tiếc. Ít nhất ba bài thơ đã bị lỗi, trong đó hai bài được đăng lại trong số này để độc giả có một toàn thể hoàn chỉnh như nó phải có. Riêng bài thơ *Xuân Yên* của Cổ Ngư định in tựa đề màu đỏ thì nhà in lại bỏ sót, làm cho bài thơ bị trống trải vì không có tên. Hy vọng bạn đọc nào để ý đọc Mục lục thì thấy được tên của bài thơ này, nếu không có thể nghĩ là nhà thơ làm một bài thơ... vô đề (đây hẳn là vô đề thứ thiệt, chứ vô đề mà còn ghi là vô đề thì lại đâm ra có đề mất rồi). Nhân đây chúng tôi xin gửi lời xin lỗi quý văn hữu và quý độc giả.

Về ý kiến của một độc giả đăng trong mục Bạn Đọc Viết số Xuân vừa rồi, đề nghị báo Thế Kỷ 21 soạn Tuyên Cáo dành cho độc giả yêu nước ký tên phản đối hành động bán nước của đảng Cộng sản Việt Nam thì quả thật chúng tôi thấy đó là một việc rất nên làm, nhưng vì Thế Kỷ 21 mỗi tháng mới ra một lần, sự thông tin và hành động sẽ không thể đáp ứng được với thời cuộc đổi thay hàng ngày, cuộc vận động như thế sẽ kém hữu hiệu.

Vả lại, nhiều tổ chức năng động hơn đã làm việc đó, ví dụ Website Hận Nam Quan đã trình bày khá đầy đủ tài liệu về vụ Hiệp định Biên giới, và có cả kháng thư cho mọi người ký vào để bày tỏ lập trường của mình không chấp nhận hành vi bán nước của đảng Cộng sản Việt Nam. Rất đông người đã vào xem và ký tên vào kháng thư, đông đến nỗi Website đã bị phá hoại nặng nề (ai phá thì chúng ta có thể đoán được), nhưng sau đó đã được nhanh chóng phục hoạt.

Sau cùng, dù tết đã qua nhưng Mùa Xuân hãy còn, Tòa soạn xin gửi đến tất cả quý vị lời chúc đã trở thành cổ điển: Cung Chúc Tân Xuân.

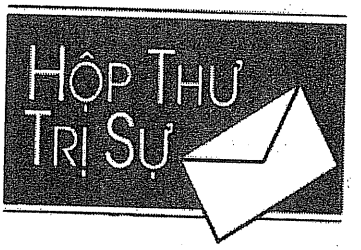

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Le Khac Vinh (Lincoln NE), Thi Xuan Ho (Tucson AZ), Tran Duc Han (Anaheim CA), Le Khac Ngoc Tuy (San Jose CA), Le Thi Tham (Highland CA), Phan Lac Tiep (San Diego CA), Nguyen Ngoc Kim (Telford PA), K.V.Thi Le (Honolulu HI), Tru Nguyen (Gilbert AZ), Pham Trong Sach (Portland OR), Truong Toan (San Diego CA), Thich Minh Duc (Sunny Valey CA), Hanh Pham (San Diego CA), Vo Dinh Tan (El Monte CA), Lib:City of Charles (Australia),Bui Duc Lac (San Jose CA), Christiane Piselli (SPAIN), Lib: Cal Poly Pomona (Pomona CA), Binh Tran (N. Hollywood CA), Son V.Ha (Dallas TX).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Hoang Anh Tuan (GERMANY).

Mạn đàm đầu năm

ÁP DỤNG THƯỜNG ƯỚC TỪ PHÍA VIỆT NAM DỰA TRÊN NHỮNG TIẾP XÚC QUAN SÁT MỚI NHẤT

Một biến chuyển quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2002 là sự kiện bản hiệp định thương mại Việt Mỹ bắt đầu được thực thi từ tháng Chạp năm 2001. Nhân dịp đầu năm Nhâm Ngọ , Chủ bút Trọng Kim của báo Ngày Nay (NN), Chủ bút Phạm Phú Minh của tạp chí Thế Kỷ 21 (TK 21) và Biên tập viên Ngọc Hoán của ban Việt ngữ đài phát thanh Hoa kỳ (VOA) đã có cuộc mạn đàm với giáo sư Phạm Đỗ Chí đang dạy môn Kinh tế tại viện đại học American University ở thủ đô Washington để tìm biết ý kiến của ông trước hết là khái quát về tình hình kinh tế thế giới và đặc biệt là ảnh hưởng đối với viễn ảnh của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2002. Sau đây là bản tường thuật các ý kiến, đặc biệt là của giáo sư Phạm Đỗ Chí, về đề tài được trao đổi.

Theo giáo sư Phạm Đỗ Chí, trước hết nền kinh tế Việt Nam chắc chắn bị ảnh hưởng của nền kinh tế toàn cầu, trong đó đáng kể nhất là kinh tế của Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, đặc biệt là trong lúc Việt Nam muốn tiến vào thị trường Mỹ để mưu tìm sự phát triển. Trong năm 2001, mức tăng trưởng của nền kinh tế thế giới cũng như của Hoa Kỳ đã xuống thấp hơn mức của những năm trước đó, một phần vì ảnh hưởng của những vụ tấn công khủng bố hồi tháng 9, và vì vậy nền kinh tế Việt Nam đã không thoát khỏi ảnh hưởng của tình trạng suy thoái này. Giáo sư Phạm Đỗ Chí nhìn về nền kinh tế Việt Nam trong năm 2001 và trên đường bước vào năm 2002 như sau:

VN đã bị ảnh hưởng kinh tế suy thoái thế giới như các nước Á châu khác, nhất là trong khu vực xuất khẩu và du lịch từ sau biến cố khủng bố ở Mỹ. Nhưng tác động tương đối nhẹ hơn vì xuất khẩu của VN không dựa nhiều trên công nghệ thông tin hay các linh kiện điện tử như trường hợp các nước Đông Á khác. Theo thống kê mới nhất, trong năm 2001 VN đã tăng trưởng GDP khoảng 7% theo số của VN (5% theo con số bảo thủ của IMF) và giữ mức lạm phát ở mức rất nhẹ là 2%. Nhưng việc này sẽ xảy ra với tình trạng yếu kém dự đoán của mức tăng trưởng GDP (độ 5-6%) và của cán cân chi phó quốc tế của VN vì kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng chậm trong năm mới 2002, với giá dầu thô xuất khẩu sẽ xuống nhiều và các giá hàng nông sản tiếp tục tình trạng yếu kém như năm rồi.

Giáo sư Chí cho hay trong năm 2002 những sự việc vừa kể có thể tạo ra những khó khăn đặc biệt. Ông giải thích: *VN có thể phải đối phó với các căng thẳng kinh tế giữa hai khu vực nông thôn và thành thị: việc giá dầu lọc nhập cảng xuống thấp có thể làm giảm bớt áp lực giá cả chính yếu cho đời sống kinh tế ở thành thị, nhưng giá hàng nông sản thấp trên thế giới sẽ tiếp tục gây thêm thất nghiệp và đời sống khó khăn của các vùng quê vốn đã nghèo khó lại sẽ thêm cơ cực. Những biện pháp kích cầu tuy có giúp kinh tế VN phục hồi tăng trưởng ở mức 6-7% trong hai năm qua 2000-01 sẽ bớt hiệu quả hơn trong năm 2002 vì chính sách nới lỏng tài chính và tiền tệ vốn dành để nâng đỡ khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã đến mức giới hạn: khu vực này tiếp tục tình trạng thua lỗ kém hiệu quả và hệ thống ngân hàng quá yếu kém có thể đi đến phá sản trầm trọng.* ***Từ năm 2002, VN có lẽ phải chú ý nhiều hơn đến chính sách tăng gia và đa diện hóa xuất khẩu như chiến lược phát triển mới thay vì chính sách thay thế nhập khẩu kém hiệu năng kinh tế áp dụng trong thập niên qua.***

Điểm tích cực nhất cho viễn ảnh kinh tế Việt Nam khi bước chân vào năm 2002 là chuyện bản hiệp định thương mại Việt Mỹ được chính thức mang ra thực thi. Trong dịp ghé VN vài hôm trước Tết nhân một chuyến công tác ở Đông Nam Á, giáo sư Phạm Đỗ Chí có nhận xét là:

Không khí làm ăn buôn bán có vẻ nhộn nhịp hơn một phần vì Tết theo theo phong tục, nhưng cũng một phần vì những náo nức sửa soạn đi vào thị trường Mỹ, giống như năm 1994 lúc Mỹ vừa bỏ cấm vận, nhưng lần này giới thương gia VN có sửa soạn hơn và biết rõ về thị trường quốc tế

hơn sau nhiều năm mở cửa. Tuy nhiên chuyện rất rõ là VN thiếu các đầu cầu buôn bán ở Mỹ và vì vậy họ đang xúc tiến mạnh mẽ việc mở các văn phòng đại diện ở Mỹ.

Giáo sư Chí nói rằng về nguyên tắc, bản hiệp định thương mại mở rộng một cơ hội lớn cho hàng Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ vì bản hiệp định dành cho Việt Nam qui chế tối huệ quốc, giờ đây được gọi là qui chế thương mại bình thường, với thuế suất đánh trên hàng Việt Nam xuất khẩu qua Mỹ được giảm từ mức bình quân là 40% xuống còn 3 hoặc 4%. Được hỏi rằng trên thực tế, liệu Việt Nam có khai thác được những lợi điểm của bản hiệp định thương mại để nâng cao mức phát triển kinh tế trong năm 2002 hay không, giáo sư Phạm Đỗ Chí trả lời :

Tầm quan trọng của thị trường Mỹ đối với các nước châu Á, bao gồm những nước phát triển và đang phát triển là không thể chối cãi. Điều này càng đặc biệt đúng đối với Việt Nam, không những chỉ vì quy mô của nền kinh tế Mỹ, mà còn vì hai nền kinh tế Mỹ và Việt Nam rất khác biệt và vì vậy có thể bổ sung cho nhau. Đa số dân chúng Việt Nam, bao gồm cả các quan chức thương mại và ngoại giao, các nhà vạch chính sách và các nhà lãnh đạo chính trị đặt những hy vọng lớn vào việc mở cửa thị trường Mỹ với thuế suất thấp cho hàng Việt Nam. Họ tin rằng điều này sẽ cho Việt Nam một cơ hội để cất cánh về kinh tế. Họ trông đợi những điều kỳ diệu từ HDTM. Tuy nhiên, các nhà kinh tế học ở Việt Nam, đặc biệt là những người trẻ trong giới này, có một tầm nhìn thực tế hơn. Họ hiểu rõ những trở ngại trong việc tái cơ cấu kinh tế và tính cạnh tranh kém của hàng hoá Việt Nam so với các sản phẩm của các quốc gia trong vùng. Nếu Việt Nam không thực thi những cải cách thể chế và cơ cấu cần thiết, vận dụng một tỷ giá hối đoái linh động hơn và nhanh chóng tìm ra các thị trường mới cũng như cải thiện cách tiếp cận thị trường và khả năng cạnh tranh, Việt Nam sẽ khó mà thu được những lợi ích tối đa từ bản hiệp định.

Giáo sư Chí còn cho biết thêm về một số vấn đề khác có thể làm giảm những lợi ích ngắn hạn của bản hiệp định thương mại đối với Việt Nam trong những năm tới. Ông nói :

*Một số vấn đề khác có thể làm giảm những lợi ích ngắn hạn của HDTM đối với Việt Nam. Đầu tiên và rõ ràng nhất là nền kinh tế của Mỹ hiện đang suy thoái và điều này có thể tác động ngược lại tới hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Mỹ. Thứ hai, trong khi thuế suất sẽ giảm đáng kể một cách toàn diện, nhiều hình thức hạn chế tinh vi hơn sẽ phát huy tác dụng. Một trong những hàng rào phi thuế quan hình thành lâu đời là những tiêu chuẩn sản phẩm. Thí dụ mới nhất là nỗ lực thành công của các tiểu bang phía Nam nước Mỹ trong việc hạn chế Việt Nam xuất khẩu cá catfish vào thị trường Mỹ. Thứ ba, **Việt Nam vẫn chưa chứng minh một cách thuyết phục khả năng cung cấp những số lượng lớn hơn một loạt sản phẩm xuất khẩu với chất lượng đồng bộ và đúng thời hạn**. Đây sẽ là một thách thức lớn mà các nhà xuất khẩu Việt Nam sẽ gặp phải trong những năm tới đây.*

Theo giáo sư Phạm Đỗ Chí, dựa vào kinh nghiệm của các nước, nhất là các nước đang phát triển, khi muốn hội nhập thành công vào nền kinh tế toàn cầu, các tổ chức tài chính quốc tế thường vạch ra ba con đường để thực hiện, thứ nhất là gia tăng vai trò của khu vực tư doanh hầu nâng cao hiệu quả của các nỗ lực kinh tế, thứ hai là dùng chính sách tăng cường xuất khẩu như chiến lược phát triển chính và thứ ba là cải thiện việc điều hành đất nước (governance) để thực thi hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế. Giáo sư Chí nói rằng đây cũng là ba thử thách lớn cho Việt Nam để nâng cao mức phát triển kinh tế trong những năm sắp tới, thế nhưng theo nhận định của ông, điều đáng buồn là sau nhiều năm đổi mới, Việt Nam dường như đã đi ngược ba con đường vừa kể. Sau đây là lời giáo sư Phạm Đỗ Chí : *Nhìn lại thập niên Đổi Mới, có ba hiện tượng nổi bật: 1) Tỷ trọng của khu vực quốc doanh gia tăng thay vì sụt giảm; 2) VN đã dùng chiến lược phát triển thay thế nhập cảng gây ra tình trạng giá hàng cao kém hiệu năng kinh tế và cần bảo hộ của Nhà nước; và 3) vấn đề tham nhũng và cửa quyền đang làm tê liệt nhiều hoạt đông kinh tế đầu tư, nhất là với giới đầu tư Hoa kỳ rất ngại trở lại thị trường VN.*

Dù vậy trong ngắn hạn, Giáo sư Chí cho rằng vẫn có một số giải pháp có thể mang ra áp dụng để Việt Nam có thể thâu đạt tối đa những lợi ích của bản hiệp đinh thương mại Việt Mỹ hầu giúp cho nền kinh tế Việt Nam phát triển khả quan trong năm 2002, trong đó có những giải pháp như điều chỉnh chính sách ngoại hối để gia tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam, thành lập các đặc khu kinh tế để khuyến khích sự cạnh tranh giữa các vùng, thu hẹp khu vực quốc doanh , mở rộng khu vực tư

doanh, giảm và tái cơ cấu những khoản nợ lớn của khu vực quốc doanh để giảm thiểu các khoản vay không hoạt động cho ngành ngân hàng và cải cách ngành này v..v..

Trong vài lần phát biểu trước đây GS Chí cũng tỏ ý e ngại cho VN về áp lực của Trung Quốc (TQ) trong cạnh tranh buôn bán ở ngay nội địa cũng như trên các thị trường thế giới, nhất là thị trường Mỹ, đặc biệt kể từ ngày TQ gia nhập WTO vào tháng 12 vừa rồi. Mới đây nhiều người đi thăm VN về có nhận xét là hàng hóa TQ đang tràn ngập thị trường VN. Và lại có tin đồn TQ sắp phá giá đồng Nhân dân tệ. Được hỏi ý kiến về những vấn đề này, GS Chí cho biết:

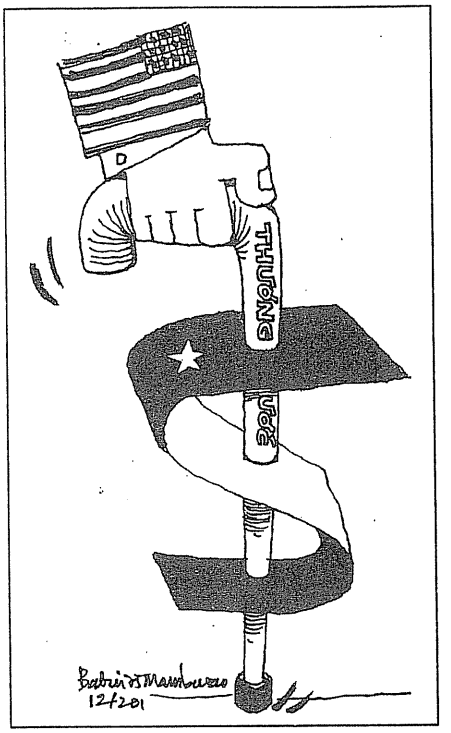

Từ vài tuần nay, đã có tin đồn như trên nhất là vì chính phủ Nhật Bản đã để đồng yen xuống gần 10% một cách nhanh chóng, khiến giới kinh tế thương mại Á Châu sợ một cuộc chiến tranh tỷ giá. Dựa trên các yếu tố kinh tế, có lý do để dự đoán về một sự phá giá có thể có của đồng tiền Trung Quốc do tỷ giá hối đoái của nó đã tăng đáng kể trong những năm gần đây, đặc biệt kể từ khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998. Lấy một ví dụ ,từ năm 1997 đến tháng 8 năm 2001, đồng tiền Việt Nam đã giảm giá 30% so với đồng nhân dân tệ *của Trung Quốc, nhưng lại tăng giá 26% so với đồng* baht *Thái Lan và 49% so với đồng* rupee *của Indonesia. Vì vậy, đồng nhân dân tệ đã tăng đáng kể so với các đồng tiền khác ở Đông Nam Á. Dù xuất khẩu của Trung Quốc có chậm lại trong năm 2001, không có bằng chứng cho thấy Trung Quốc sẽ mất khả năng cạnh tranh sau khi gia nhập WTO vào năm 2002. Bằng lý lẽ này, vấn đề chính trị sẽ đóng một vai trò quan trọng hơn vì Trung Quốc sẽ cố gắng duy trì vai trò "đàn anh" là đối tác thương mại chủ yếu của các nước phương Tây tại châu Á. Sau khi gia nhập WTO, có thể Trung Quốc không muốn là một quốc gia không theo "luật chơi quốc tế" bằng việc ngay lập tức thực hiện phá giá đồng tiền, vốn sẽ làm đảo lộn các quan hệ thương mại ở châu Ávà thế giới. Hơn nữa, khả năng một cuộc chiến tranh tỷ giá mang tính cạnh tranh xảy ra sau đó sẽ làm hỏng các mục tiêu phồn thịnh mà cả châu Á đang hướng đến.*

Trong không khí thiêng liêng của buổi đầu năm, giáo sư Phạm Đỗ Chí ngỏ vài lời tâm tư của một kinh tế gia đang sống ở hải ngoại với người nghe và đọc trong và ngoài nước về viễn ảnh của nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới. Ông nói: *Tất nhiên chúng ta đều có lời cầu nguyện cho một tương lai sáng sủa hơn của đất nước VN. Nhưng tất cả tùy thuộc vận nước và lòng người. Đâu sẽ là kết quả sau vài thập niên tới để thu ngắn khoảng cách tụt hậu từ lâu với các lân bang châu Á? Câu trả lời nằm trong tay các nhà làm chính sách. Những hành động này rất khó khăn nếu chỉ xét về căn bản lý luận. Từ góc nhìn lịch sử, sẽ đầy thách thức khi chứng kiến một lộ trình tiến tới một nền kinh tế thị trường có thể đạt được cùng lúc với định hướng xã hội chủ nghĩa như thường được các giới lãnh đạo Việt Nam đề cập đến. Sự chọn lựa chính yếu sẽ là sự giảm thiểu khu vực nhà nước cũng như vai trò lấn lướt của các doanh nghiệp nhà nước. Đây là một chính sách thường được các nhà kinh tế phương Tây và các nhà kinh tế Việt ở hải ngoại đề nghị, và được hiểu rõ nhưng chưa được áp dụng bởi chính quyền Việt Nam bởi họ đang cố gắng cân bằng các mục tiêu chính trị và kinh tế. Cái giá phải trả sẽ là sự tăng trưởng chậm hơn của nền kinh tế trong những năm tới, nếu không muốn nói là trong vài thập niên tới. Đó sẽ là vấn đề trọng đại của quốc gia mà những thế hệ hiện tại và tương lai sẽ phải nghĩ tới và cân nhắc.*

Chúng tôi cũng xin mượn lời tâm tư vừa kể để chấm dứt ở đây bài viết về cuộc tiếp xúc với giáo sư Phạm Đỗ Chí trong hy vọng sẽ có những thay đổi cần thiết như GS Chí đã nêu lên để có thể nhìn thấy một viễn ảnh tốt đẹp là Việt Nam sẽ "ngựa phi đường xa" trong Năm Ngọ cũng như tương lai xa hơn./.

TRÒ CHƠI KẾ TOÁN ENRON LÀM KHÔNG CÓ GÌ LẠ

THANH THẢO

Lịch sử tài chính Mỹ sẽ ghi lại trường hợp phá sản lớn và đột ngột chưa từng có của công ty ENRON, một công ty được đánh giá, xếp hạng lớn thứ 7 trên phố Wall không quá 6 tháng trước khi khai phá sản. Hồ sơ khai phá sản của ENRON ghi tổng số nợ không trả nổi lên đến $50 tỉ Mỹ kim, những món nợ khác gần $32 tỉ Mỹ kim, và quỹ hưu bổng của nhân viên bị thất thoát hơn $1 tỉ.

Đương đầu với hàng chục cuộc thẩm vấn điều tra của bộ Tư Pháp về hình thức kế toán thiếu minh bạch, với hàng trăm vụ kiện lừa gạt của giới đầu tư và cựu nhân viên, những cựu lãnh đạo công ty ENRON đưa lý do: **"Ai cũng làm vậy cả."**

Điều đáng kinh ngạc là câu nói này đúng sự thật, không ngoa!

Câu nói khiến chúng ta không khỏi thắc mắc "Ai" ở đây là những công ty như thế nào và cách tính toán sổ sách thiếu minh bạch, nếu không muốn nói là gian lận như kiểu ENRON làm sao qua mặt được chính quyền cho đến lúc không còn thuốc chữa?

Theo một loạt bài phân tích trên các tạp chí hàng đầu Hoa Kỳ như *Newsweek, Time, BusinessWeek,* cách tính sổ sách giống kiểu ENRON là một lỗ hổng, hay loop-hole, trong luật kế toán của liên bang Hoa Kỳ mà nhiều công ty lợi dụng nhằm che dấu bớt nợ.

Luật Liên Bang năm 1959 ghi rõ những điều khoản buộc các công ty có trao đổi cổ phiếu chứng khoán phải kê khai hết tài sản và nợ nần, kể cả tài sản và nợ nần của tất cả những công ty chi nhánh mà công ty mẹ làm chủ từ 50% trở lên, nhằm cho người đầu tư biết rõ tình trạng tài chính thật của công ty mình mua cổ phiếu.

Làm giàu trong một xứ pháp trị như Hoa Kỳ thì các công ty chắc chắn phải theo luật. Nhưng họ theo gần đủ thôi, nhờ sự can thiệp của các luật sư tài chính, những chuyên gia kế toán tài ba và cách mở những công ty được kể là thuộc lãnh vực biệt lập, hay Special-Purpose-Entities (viết tắt là SPEs).

Luật liên bang không chính thức cho phép, nhưng cũng chưa đưa đề nghị hình phạt nào dành cho việc các công ty lớn khuếch trương dưới dạng mở chi nhánh SPEs, có từ thập niên (19)80s cho đến nay. Áp dụng cách khuếch trương và hình thức kế toán đặc biệt này, các công ty mẹ có quyền mua những công ty đang thua lỗ, hoặc mở những công ty hợp tác chi nhánh, dưới dạng các công ty SPEs. Tỉ lệ vốn từ bên ngoài chỉ có 3%. Công ty mẹ thường giữ cổ phần đa số trong các công ty con SPEs này và được quyền bỏ ra tối đa 97% vốn khởi sự.

Lỗ hổng luật pháp nằm ở chỗ vì có 3% vốn từ bên ngoài, các công ty con SPEs được kể là "biệt lập" và vì thế công ty mẹ có quyền không khai báo những khoản nợ nần lớn các công ty con phải chịu trách nhiệm. Có những khoản nợ lớn đến độ khi khai báo lại, không những xóa sạch mức lời của các công ty mẹ mà còn cho thấy những khoản lỗ công ty mẹ khó lòng vượt qua.

Đi xa hơn nữa, các công ty mẹ làm ăn không minh bạch kiểu công ty ENRON còn tính sự khác biệt trị giá trao đổi cổ phiếu giữa các công ty con và công ty mẹ mỗi khi mở chi nhánh mới, rồi ghi khoản "lời" này vào trong các bản báo cáo tài chính.

Vì không khai báo tiền nợ của các công ty con, mà có khi được ghi nhận những khoản "lời" khi mua các công ty con này, bản báo cáo tài chính mỗi tam cá nguyệt của những công ty mẹ sẽ cho thấy khoản lợi nhuận cao hơn. Ít nhất trong hiện tại hoặc các dự báo tương lai gần. Do đó, cổ phiếu của các công ty mẹ được các chuyên gia tài chính đánh giá ít may rủi hơn, được trao đổi nhiều hơn và có cơ hội tăng giá.

Các công ty đại tư bản lập luận họ có làm gì sai trái đâu, vì khi có lời, các công ty mẹ sẽ dùng trị giá cổ phiếu (đang lên) để thanh toán bớt nợ nần cho các công ty chi nhánh SPEs. Nhưng còn lúc cổ phiếu của công ty chính mất giá thì ai sẽ là người chịu thiệt? Với vốn khởi sự gồm tối đa 97% từ công ty mẹ, các công ty con SPEs sẽ gán nợ không trả nổi hay tiền thua lỗ cho ai? Chắc chắn phải là giới đầu tư mua cổ phiếu của công ty mẹ.

Trong những hợp đồng trao đổi giữa công ty mẹ và các công ty con kiểu này có một khoản rất quan trọng các chuyên gia kế toán và luật sư đã

thảo sẵn. Khi cần thêm vốn, các công ty mẹ có quyền bán tài sản cho các công ty con. Công ty con mượn tiền của các ngân hàng đầu tư để mua số tài sản này. Để vụ mua bán có vẻ an toàn, hợp đồng của công ty con thường có khoản buộc công ty mẹ phải trả nợ hoặc đưa thêm tài sản nếu cổ phiếu của công ty mẹ bị đánh giá là nhiều may rủi hơn, hoặc bị mất giá.

Đây chính là lý do dẫn đến ngày tàn của công ty ENRON khi cổ phiếu ENRON bắt đầu mất giá rồi bắt đầu rơi kiểu "tuột dốc không phanh."

Giới đầu tư là những nạn nhân bị lừa gạt trắng trợn vì nếu biết rõ các công ty mẹ nợ nần như chúa chổm trong các công ty con, những người đầu tư có thể đã không bỏ vốn mua cổ phiếu. Còn nếu mua, họ có thể mua được với giá của loại nhiều may rủi, mức lời phải cao hơn trung bình nhiều.

Những chuyên gia tài chính định mức may rủi của các công ty mẹ là những nạn nhân gián tiếp vì giới đầu tư dựa vào uy tín của họ để quyết định mua bán cổ phiếu.

Những công ty đại tư bản hiện đang kinh doanh và tính toán sổ sách kiểu không khai báo nợ nần của các công ty chi nhánh không chỉ thuộc ngành năng lượng hay tài chính. Trái lại, hầu như lãnh vực nào cũng có các công ty kinh doanh chơi trò kế toán kể trên.

Từ các công ty hàng không lớn như United Airlines, Inc. (ký hiệu cổ phiếu UAL) đã dấu khoản nợ thuê phi cơ trị giá $12 tỉ 700 triệu Mỹ kim trong một công ty con kiểu SPEs. Bản báo cáo tài chính của công ty UAL cuối năm 2000 ghi khoản nợ dài hạn có $5 tỉ Mỹ kim. Phần còn lại được ghi chú chữ nhỏ cuối bản báo cáo. Khoản này gồm nợ thuê 233 phi cơ dài hạn đến 26 năm, nhưng không cho biết con số chính xác.

Công ty American Airlines, Inc. (ký hiệu cổ phiếu AMR) cũng không kê khai khoản nợ thuê phi cơ trị giá $7.9 tỉ Mỹ kim trên bản báo cáo tài chính mới nhất.

Những ngân hàng và công ty đầu tư tài chính lớn cũng chơi trò kế toán nguy hiểm trên từ lâu nay. Điển hình là công ty J. P. Morgan Chase & Co. vừa nhận có thể chịu trách nhiệm $1 tỉ Mỹ kim trong một vụ đầu tư trao đổi thất thoát với công ty ENRON.

Theo phúc trình của công ty Standard & Poors, công ty J. P. Morgan Chase & Co. đã bỏ 49% vốn vào một công ty chi nhánh tên Mahonia trên quần đảo Chanel nhưng không ghi khoản nợ này trong bản báo cáo tài chính. Với $1 tỉ tiền nợ vừa công bố, tổng số tiền J. P. Morgan Chase & Co. mất vì liên quan đến ENRON có thể lên đến $ 2.6 tỉ Mỹ kim. Những người mua cổ phiếu của công ty J. P. Morgan Chase & Co. đâu có biết nổi số tiền lỗ này nếu công ty ENRON không khai phá sản.

Bên cạnh J. P. Morgan Chase & Co. còn hàng chục công ty tài chính khác có mở những công ty đầu tư SPEs với ENRON, đặc biệt là công ty LJM2 gồm 52 công ty hợp tác với tài sản trên $330 triệu Mỹ kim. Dĩ nhiên, công ty "biệt lập" LJM2 không được kê khai trong bất cứ bản báo cáo lợi tức nào của ENRON. Những công ty hợp tác với ENRON như Citigroup, Wachovia và American International Group có lẽ đều phải khai báo mất vốn sau khi ENRON phá sản kéo theo những công ty "biệt lập" giống như LJM2.

Ngành sản xuất máy điện toán có công ty Dell Computer Corp. che dấu vụ đầu tư với công ty Tyco International, Ltd. trong một công ty chi nhánh tên Dell Financial Services, chuyên tài trợ người mua máy điện toán và những dịch vụ tài chính khác. Tuy công ty con hiện cho vay đến $2.5 tỉ Mỹ kim, bản báo cáo tài chính của công ty Dell Computer Corp. không ghi nhận trách nhiệm gì về công ty phụ này. Nếu như công ty tài trợ chi nhánh này bị lỗ vì con nợ không trả tiền chắc chắn công ty Dell Computer Corp. cũng phải thất thoát vì bỏ ra đến 70% vốn đầu tư. Nhưng vì theo cách tính sổ với vốn tối đa lên đến 97%, công ty Dell Computer Corp. có quyền không khai báo vụ đầu tư kể trên.

Sau vụ ENRON khai phá sản, chính quyền liên bang Hoa Kỳ đang bối rối tìm cách thay đổi luật kế toán có lỗ hổng hiện nay. Những người tranh đấu cho quyền lợi giới đầu tư hiện đòi hỏi gắt gao hơn dự luật buộc các công ty trao đổi cổ phiếu phải áp dụng hình thức kế toán minh bạch, khởi đầu là việc buộc phải khai báo hết tài sản và nợ nần. Chuyên gia kế toán ước tính sơ khởi chỉ tại quần đảo Chanel Islands thôi đã có ít nhất trên 350 công ty hợp tác thuộc loại SPEs, với tài sản trên $635 tỉ Mỹ kim và liên quan đến không biết bao nhiêu công ty hợp doanh của Mỹ. Đảo Cayman gần đó hiện cũng là nơi được chính quyền Mỹ chú ý vì là nơi tụ tập trên 600 công ty đầu tư với đa số chuyên gia về loại công ty đầu tư biệt lập SPEs.

Tuy nhiều nhà bình luận cho rằng việc hủy bỏ cách tính sổ sách theo kiểu các công ty biệt lập gồm 3% vốn đầu tư tối thiểu là điều khó thể xảy ra tại Mỹ, vụ công ty ENRON khai phá sản và những tài liệu điều tra tìm thấy được từ bài học này chứng minh rõ ràng ý nghĩa một câu tục ngữ Việt Nam "lỗ nhỏ đắm tàu." Chiếc tàu lớn cỡ ENRON hy vọng sẽ khiến những nhà làm luật suy nghĩ và tranh đấu cương quyết hơn để nước Mỹ có luật lệ kế toán minh bạch hơn nhằm ngăn những vụ đắm tàu khác trong tương lai./.

NGHĨA VỤ BẢO VỆ BỜ CÕI VIỆT NAM

NGUYỄN ĐÌNH SÀI
Kỹ sư công chánh

Dẫn Nhập

I.- Nam Quốc Sơn Hà

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Bốn câu thơ trên của danh tướng Lý Thường Kiệt sinh vào thế kỷ 11 đời nhà Lý, xác định rằng sông núi nước Nam là của dân tộc Việt, đã hiện hữu từ hàng ngàn năm trước, bất cứ ai ngang ngược xâm phạm sẽ bị đánh bại tan tành. Đó là một tuyên ngôn về chủ quyền của đất nước, là biểu tượng về quyết tâm bảo vệ lãnh thổ của dân tộc Việt Nam trước các cuộc xâm lấn không ngừng từ phương bắc. Trải qua bao nhiêu thời đại, biên giới Việt Hoa vẫn được giữ nguyên vẹn. Ải Nam Quan bao lần được nhắc đến trong lịch sử chống ngoại xâm vẫn luôn luôn là cái mốc ranh giới phương bắc của nước Việt. Thế nhưng, đến cuối thập niên 50, thì lãnh thổ Việt Nam bắt đầu mất dần... Vì sao?

II.- Vấn nạn của hậu duệ Việt Nam

Năm 1979, Trung Quốc đem quân đánh chiếm Lào Kay, Cao Bằng và Lạng Sơn, ba thị trấn địa đầu giới tuyến Việt Nam. Nhưng sau hơn hai tuần chạm phải chiến thuật du kích của quân đội trú phòng địa phương, họ đã rút về. Họ gài lại một bãi mìn khổng lồ trên vùng đất đã lấn chiếm để chặn đường truy kích của quân đội chính quy mà đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN) sắp điều động từ miền Nam lên chiến tuyến.

Sau 15 lần hội đàm giữa đại diện Bắc Kinh và Hà Nội từ đầu thập niên 1990's, hiện nay hai bên đã tiến tới việc vẽ bản đồ phân ranh giới (demarcation). Bắc Kinh thỏa thuận tháo gỡ các mìn đã chôn. Đến tháng 8 năm 1999, Bắc Kinh đã hoàn tất công tác gỡ mìn dọc theo biên giới. Đây là

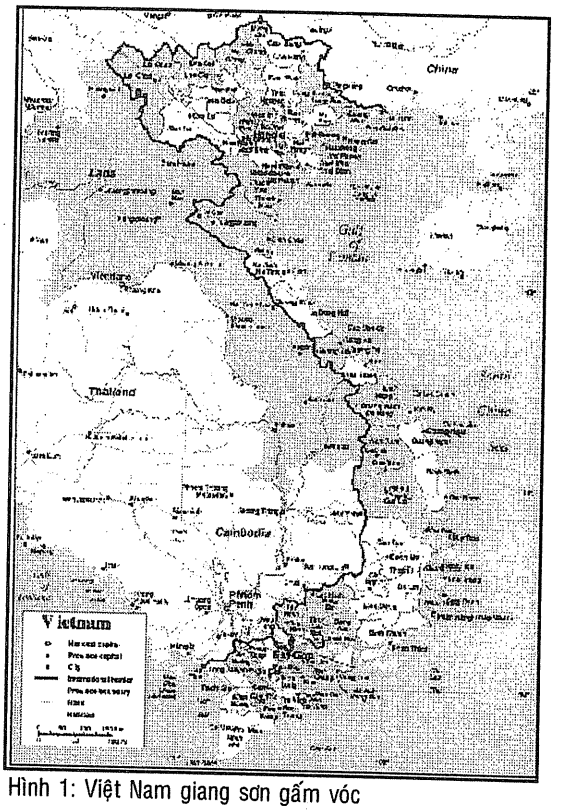

Hình 1: Việt Nam giang sơn gấm vóc

một thành quả được các nhà quan sát thời sự xem là lớn nhất trong lịch sử gỡ mìn.

Về phía Hà Nội, trong suốt thời gian hiện hữu, đảng CSVN đã nhiều lần tương nhượng đất đai bị Bắc Kinh đánh chiếm. Bây giờ cổng "Hữu Nghị" thì nằm ở phía nam ải Nam Quan và ải Nam Quan đã nằm sâu trong "nội địa" Trung Quốc đến vài cây số. Trong các cuộc thương thảo hai bên, Bắc Kinh luôn luôn biện giải đó chỉ là một tình trạng "hiện hữu tất nhiên" (status quo) vì phần đất đó "do những thổ dân địa phương muốn sống dưới nền hành chánh của Trung Quốc". Ngược lại CSVN hầu như không có thái độ tranh thủ quyết liệt để đòi lại đất đai đã mất.

Mặt khác Hà Nội cũng nhắm mắt cúi đầu cho

Bắc Kinh chiếm giữ và khai thác mỏ dầu ở các quần đảo Paracels (Hoàng Sa) và Spratlys (Trường Sa), và di nhượng luôn một phần của Tonkin Bay (Vịnh Bắc Việt). Mục đích là đánh đổi sự ổn định để giao thương với Mỹ và để rảnh tay mà bảo tồn quyền hành thống trị của đảng đối với nhân dân Việt Nam.

Không những thế, dưới sự dụ dỗ lẫn áp lực của Bắc Kinh, rồi đây đảng CSVN sẽ tiến hành công cuộc xây xa lộ Trường Sơn ngay trên con "đường mòn HCM" trong thời chiến, từ biên giới tây bắc xuống tận vùng Tây Ninh, rồi bắc sang xa lộ đông-tây Việt Miên xuyên qua Cambodia, để Trung Quốc mượn đường mà giao thương với Thailand, Malaysia, và Indonesia. Xa lộ này sẽ ảnh hưởng quan trọng trên các phương diện môi sinh, kinh tế, chiến lược phòng thủ, không những đối với Việt Nam, mà còn đối với cả toàn vùng Đông Nam Á. Bài viết này nhằm mục đích trình bày một cách tóm lược các diễn biến từ nữa thế kỷ qua, phân tích mối tham vọng của Bắc Kinh cũng như những nhượng bộ của Hà Nội, để từ đó đề nghị một số giải pháp thích ứng cho nghĩa vụ bảo vệ bờ cõi Việt Nam.

Phần Một: Dữ Kiện - Tài Liệu

I.- Biên giới Việt Nam về phía bắc và phía đông

Trên đất liền, biên giới của một quốc gia là địa giới, là lằn ranh phân định với quốc gia lân cận về các hướng. Trên biển cả, biên giới là đường chu vi của hải phận 12 hải lý tính từ bờ đất hay bờ đảo.

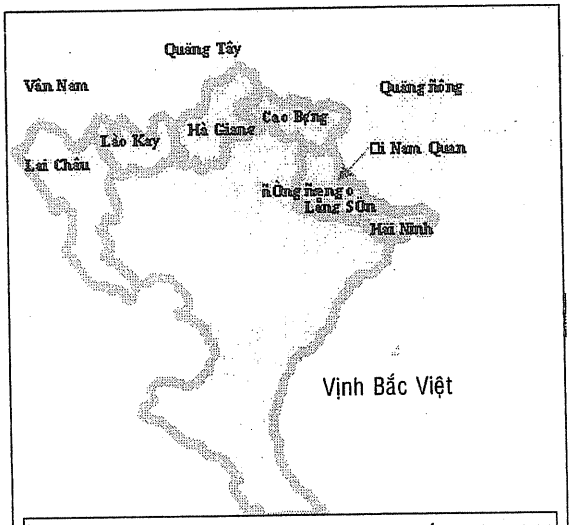

Hình 2: Ranh giới Việt Nam và Trung Quốc trước 1975

1.- Địa giới phía bắc:

"Nước Việt Nam có hình chữ S, chạy dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mâu."

Câu nói trên hầu như trở nên một thành ngữ mà mọi người Việt Nam đều biết, và minh xác rằng ải Nam Quan là địa đầu cực bắc cũng như mũi Cà Mâu là địa đầu cực nam của nước Việt Nam. Tuy nhiên, trên phương diện địa lý và căn cứ theo bản đồ, ải Nam Quan thuộc tỉnh Lạng Sơn, song tỉnh này lại không nằm ở phần cao nhất của Việt Nam.

Có sáu tỉnh địa đầu giáp giới với Trung Quốc ở phía bắc. Từ tây sang đông, các tỉnh địa đầu đó là Lai Châu, Lào Kay, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, và Hải Ninh.

Lai Châu nằm cực tây nhất, tiếp giáp với Lào và Vân Nam, có địa danh nổi tiếng là Điện Biên Phủ nằm gần biên giới Lào Việt.

Lào Kay cũng tiếp giáp với Vân Nam có rặng Hoàng Liên Sơn cao trên 3000 thước, trùng điệp từ tây bắc sang đông nam. Địa thế hiểm trở với nhiều thung lũng và ghềnh thác, là thượng nguồn của Sông Hồng từ Vân Nam xuống. Con đường bộ & thông thương từ bắc xuống nam khá nhỏ hẹp. Con đường xe hỏa độc nhất chạy từ Hà Nội dọc theo bắc ngạn sông Hồng ngược về hướng tây bắc sang tận Vân Nam.

Hà Giang có núi Côn Lĩnh và vùng Đồng Văn nằm cực bắc nhất, tiếp giáp với Quảng Tây. Cuối thế kỷ 17, một phần Hà Giang bị thổ dân Thái cắt dâng cho Tàu, đến năm 1728 mới được trả lại.

Cao Bằng có biên giới dài nhất với Tàu, tiếp giáp với Quảng Tây. Đời vua Lý Nhân Tông, Cao Bằng bị quân nhà Tống sang xâm lấn vào năm 1076, nhưng bị anh hùng Lý Thường Kiệt đánh đuổi và phải chịu trả đất lại cho Triều Lý.

Lạng Sơn tiếp giáp Quảng Đông, có các địa danh lịch sử nổi tiếng như vùng biên giới Đồng Đăng với ải Nam Quan, Chi Lăng, thị trấn Kỳ Lừa, núi Vọng Phu, và động Tam Thanh. Lạng Sơn từng chịu đựng nhiều cuộc xâm lấn trong lịch sử và nhiều lần bị sa vào tay người Trung Hoa.

Hải Ninh với thị xã Móng Cáy nằm cực đông nhất, tiếp giáp với vịnh Bắc Việt và Quảng Đông. Đất Hải Ninh xưa thuộc quận Giao Chỉ một trong 15 bộ của nước Văn Lang.

2.- Hải phận hướng đông

Trước thời đất nước chia đôi, lãnh thổ của Việt Nam gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường

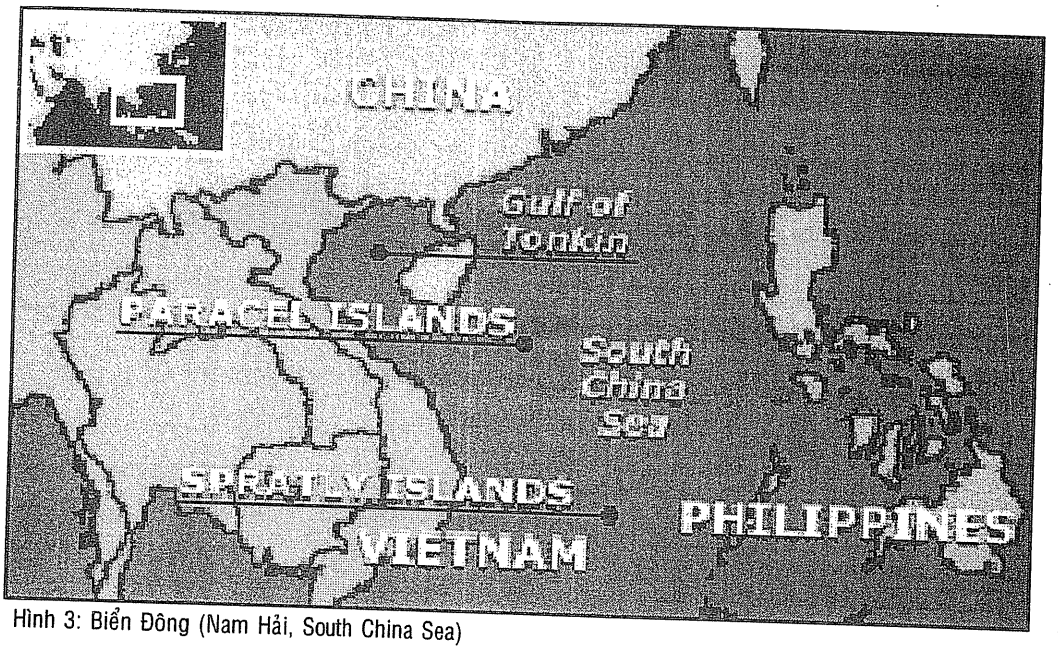

Hình 3: Biển Đông (Nam Hải, South China Sea)

Sa. Lãnh hải là phần biển bao quanh lãnh thổ. Đơn vị đo lường của lãnh hải và hải hành là hải lý. Hải lý (nautical mile, knot) là khoảng cách trên biển dài bằng một phút (minute) của chiều dài đường xích đạo quanh trái đất. Vòng quanh trái đất có 360 độ, tức là 21600 hải lý. Tính ra số, một hải lý dài 6080 feet, tức 1853 mét hay 1.85 cây số. Như vậy, so với một dặm đất (một mile bằng 1609 mét) thì hải lý dài hơn một chút, bằng 1.15 dặm.

Trước kia, bề dày của lãnh hải được các quốc gia xem là 3 hải lý. Nhưng vào thập niên 70, hầu hết các quốc gia trong đó có Nam, Bắc Việt Nam đều ra tuyên cáo ấn định bề dày hải phận là 12 hải lý. Ngoài lãnh hải, các quốc gia đều ấn định chủ quyền an ninh lãnh hải (security territorial water) là 12 hải lý, tính từ hải giới, và chủ quyền khai thác kinh tế là 200 hải lý (Exclusive Economic Zone - EEZ). Sau khi chiếm trọn cả đất nước, nhà cầm quyền CSVN cũng ra tuyên cáo (ngày 12-5-1977), một lần nữa xác định chủ quyền về lãnh hải 12 hải lý, hải phận an ninh 24 hải lý, và vùng đặc quyền kinh tế 240 hải lý, tính từ bờ đất.

Tuy nhiên, có một số quốc gia, nêu lý do an ninh quốc phòng, đã tuyên cáo chủ quyền lãnh hải của quốc gia của họ là 200 hải lý thay vì 12 hải lý. Đến ngày 1 tháng 2, 1992, có 12 quốc gia tuyên cáo chủ quyền lãnh hải 200 hải lý (Vũ Hữu San, "Địa Lý Biển Đông", trang 70). Đây là một sự kiện trái ngược với thỏa ước "Luật Biển Liên Hiệp Quốc". United Nations Convention on the Law of the Sea, gọi tắt là UNCLOS được công bố ngày 10-12-1982 tại Montego Bay, Jamaica, với chữ ký của 159 đại diện các quốc gia. Sau 12 năm, đến ngày 16-11-1994, có 60 quốc gia phê chuẩn thông qua (ratification).

Luật Biển Liên Hiệp Quốc ấn định "Biển cả là tài sản chung của nhân loại". Vấn đề định nghĩa "hòn đảo" có giá trị lãnh thổ để từ đó một quốc gia có thể xác nhận lãnh hải của mình cũng được ghi chú. Điều 121(13) ấn định rằng một hòn đảo không có điều kiện sinh sống cho con người hoặc nguồn lợi kinh tế riêng cho chính nó sẽ không được xem là có lãnh hải hay là vùng đặc quyền kinh tế (Jane's Intelligence Review, Oct 27, 2000).

Các nước Đông Nam Á đều phê chuẩn Luật Biển Liên Hiệp Quốc. Ngoại trừ Trung Quốc không những không ký kết, không chấp nhận, mà còn ban hành "Luật Lãnh Hải Của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc" vào năm 1992 để buộc thế giới phải tôn trọng. Một điểm đã tạo nên tranh chấp lộn xộn nhất của "Luật Lãnh Hải Trung Quốc" là "Nam Hải (tức Biển Đông của Việt Nam) là nội hải của Trung Quốc". Vấn đề này sẽ được trình bày và phân tích chi tiết ở các phần sau.

II.- Các biến cố liên hệ đến biên giới Việt - Hoa từ thập niên 1950 đến nay

Từ khi chiếm trọn vẹn Trung Hoa lục địa, Bắc Kinh đã theo đuổi một chính sách bành trướng lãnh thổ. Trước hết là việc công bố bản đồ lãnh thổ và hải phận bao gồm một biên giới rộng lớn

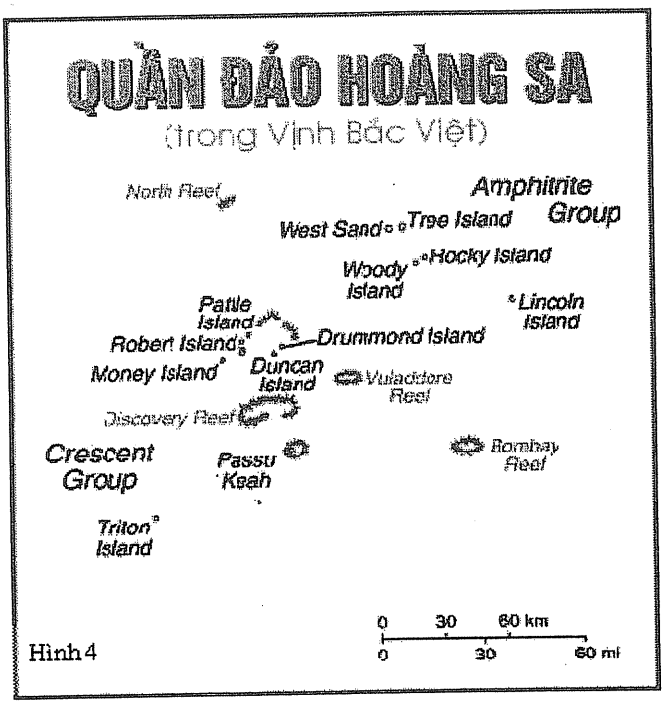

Hình 4

chưa hề được ghi chép trong lịch sử, gây ra nhiều cuộc tranh chấp với các nước láng giềng. Đặc biệt, đối với vương quốc Tây Tạng theo hệ thống "Phật Pháp Trị", mà các vị "phật sống" (Dalai Lama) có quyền hành tương tự như các vị quân vương trong chế độ quân chủ, Bắc Kinh đã dùng chiêu bài "giải phóng" để đánh chiếm và ép buộc quốc gia này theo chế độ cộng sản. Tình trạng lấn chiếm này cũng tương tự như nước Mông Cổ ở phương bắc. Từ thập niên 60 đến nay, Bắc Kinh tranh chấp biên giới với cả Liên Sô và Ấn Độ.

Riêng đối với Việt Nam, cuộc lấn chiếm bờ cõi Việt Nam của Bắc Kinh khá khốc liệt, liên tục và có hệ thống, vừa trên đất liền vừa ngoài biển cả. Sau đây là một số dữ kiện được góp nhặt trên sách báo Việt Nam lẫn quốc tế.

1.- Cuộc đụng độ tại Hoàng Sa (Paracels) năm 1974 giữa Trung Cộng và Việt Nam Cộng Hòa

Trên bản đồ hàng hải, quần đảo Hoàng Sa, mà Trung Quốc gọi là Xisha (Tây Sa), là một chuỗi gồm trên 100 đảo nhỏ nằm ngoài khơi Việt Nam, giữa kinh tuyến 111 độ và 113 độ Đông và từ vĩ tuyến 15 độ 45 đến 17 độ 05 Bắc. Một cách đơn giản, quần đảo này nằm cách bờ biển Quảng Trị và Thừa Thiên khoảng 170 hải lý về hướng Đông. Quần đảo này cách bờ biển Trung Hoa lục địa và Phi Luật Tân trên 400 hải lý.

Trận hải chiến tại Hoàng Sa vào ngày 19 tháng 1 năm 1974 giữa Trung Quốc và Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) đã được kể lại khá chi tiết bởi những cựu quân nhân Hải Quân VNCH, đa số từng tham dự trận đánh, và đã được đăng trên đặc san Lướt Sóng của hội Bạch Đằng, cựu quân nhân Hải Quân VNCH tại San Jose.

Hiện nay những bài viết và các phóng đồ hành quân có thể được tìm thấy trên mạng lưới của Tổng Hội Hải Quân và Hàng Hải VNCH:

http://www.vietnamnavy.com/hoangsa.html

Vào thăm trang web trên, độc giả có thể tìm thấy trên 20 bài viết gồm văn, thơ. Đặc biệt là những bài viết giá trị của ba vị học giả sau đây:

- Ông Hà Văn Ngạc, "Những Diễn Biến Đưa Tới Trận Hải Chiến Hoàng Sa",1998; ông Hà Văn Ngạc là cựu Hải Quân Đại Tá Chỉ Huy Trưởng cuộc hành quân Trần Hưng Đạo có nhiệm vụ bảo vệ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Ông Vũ Hữu San, "Sau 24 Năm Nhớ Về Hải Chiến Hoàng Sa", 1998; ông Vũ Hữu San là cựu Hải Quân Trung Tá Hạm Trưởng Khu Trục Hạm Trần Khánh Dư HQ 4 tham chiến ngày 19-1-74. Ngoài bài viết trên, ông còn là tác giả của một cuốn sách biên soạn công phu, tựa đề "Địa Lý Biển Đông Với Hoàng Sa Và Trường Sa", Nhà In Hương Quê, 1995.

- Ông Trần Đỗ Cẩm, "Trận Hải Chiến Tại Quần Đảo Hoàng Sa", 1998; đây là một thiên phóng sự có kèm nhiều hình ảnh, bản đồ chi tiết về quần đảo Hoàng Sa và cuộc hải chiến ngày 19-1-74, mà tác giả cho biết là trích trong tác phẩm "Biển Đông Nổi Sóng". Ông Trần Đỗ Cẩm cũng là một sựu sĩ quan Hải Quân thâm niên và hiện nay là Chủ Bút Nguyệt San Đoàn Kết tại Austin, Texas. Mặc dù không tham dự trận hải chiến Hoàng Sa, ông đã phỏng vấn các người tham dự và sưu tầm thêm tài liệu để viết nên các tài liệu rất giá trị.

Trong phạm vi bài này, người viết chỉ xin phép các tác giả tóm lược nội vụ cùng trích dẫn một vài bản đồ và hình ảnh để dùng làm tài liệu cho việc phân tích vấn đề tranh chấp biên giới ở phần Hai.

Đoàn chiến hạm của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa gồm 4 chiến hạm khá lỗi thời, do Hoa Kỳ chế tạo từ Đệ Nhị Thế Chiến. Các chiến hạm này do Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc chỉ huy, đến quần đảo Hoàng Sa với nhiệm bảo vệ lãnh

thổ của Việt Nam. Trước đó, Hải Quân nhận được tin từ các đơn vị trấn giữ quần đảo báo cáo cho biết một số đảo đã bị quân đội Trung Quốc đổ bộ và chiếm đóng. Đây là sự kiện chưa hề xảy ra trong lịch sử cả hai nước.

Sáng ngày 19 tháng 1, năm 1974, Khu Trục Hạm (DES) HQ 4 và Tuần Dương Hạm (WHEC) HQ 5 cho các toán Người Nhái Biệt Hải đổ bộ tái chiếm đảo Cam Tuyền, Quang-Hòa (Duncan) và một số đảo khác. Quân đội Trung Quốc trên các đảo khác được bảo vệ bởi 4 chiến hạm tương đối tân tiến với vận tốc nhanh gấp đôi. Sau khi Tuần Dương Hạm HQ 16 và Hộ Tống Hạm (MSF) HQ 10 nhập vùng hành quân, Hải Quân Đại Tá Hà Văn Ngạc cho tàu chớp đèn hiệu yêu cầu chiến hạm của Trung Quốc bốc lính đổ bộ và rời quần đảo. Hiệu lệnh không được tuân theo, Đại Tá Ngạc nhân danh sứ mệnh bảo vệ bờ cõi, ra lệnh các chiến hạm khai hỏa, bắn vào tàu Trung Quốc, và bị các tàu này bắn trả. Sau vài giờ giao chiến, bốn chiến hạm của Trung Quốc bị bất khiển dụng, trong đó có hai chiếc bị chìm. Riêng HQ 10, một loại tàu rà mìn trong thế chiến 2 được tân trang, cũng bị bắn chìm, Hạm Trưởng và Hạm Phó đều bị tử thương cùng một số nhân viên. HQ 16 bị rủi ro trúng đạn của HQ 5 vào phòng truyền tin nên mất liên lạc vô tuyến và chạy về căn cứ Đà Nẵng. Phát hiện 4 chiến hạm Trung Cộng có tốc độ nhanh từ hướng đông bắc chạy xuống tiếp ứng, hai chiến hạm HQ 4 và HQ 5 nhận lệnh bỏ hải đảo chạy về căn cứ. Ngày hôm sau, lực lượng trú phòng của VNCH đã bị tràn ngập. Hai toán quân đã đổ bộ cũng bị quân đội Trung Quốc bắt giữ và một thời gian sau mới được giao trả cho VNCH.

Sự phản đối của chính phủ VNCH đối với cuộc xâm chiếm Hoàng Sa của Trung Quốc đã bị gián đoạn với biến cố thôn tính miền Nam của CSVN vào năm 1975. Từ đó Trung Quốc chiếm giữ trọn vẹn quần đảo Hoàng Sa mà không còn gặp một đối kháng nào về phía nhà cầm quyền CSVN. Nguyên nhân của hiện tượng khác thường này sẽ được phân tích ở phần sau.

Một điểm đặc biệt cần được nêu ra ở đây, là các học giả Việt Nam gốc Hải Quân VNCH không hề nhắc đến sự tham chiến của không quân VNCH cũng như của không lực Trung Quốc. Thế nhưng tài liệu của Jane's Intelligence Review ("A Code of Conduct For South China Sea", Jane Information Group, 27/10/2000) thì xác quyết là Trung Quốc có sử dụng không lực. Tình trạng quần đảo này được tổ chức truyền thông này tóm lược như sau:

"The Paracel Islands (Xisha Islands to China) are located in the northwestern part of the South China Sea and are claimed by China and Vietnam. China occupied the Paracels following an air and sea battle with South Vietnamese troops in January 1974. Since then, China has set about upgrading military facilities on the islands. To extend the naval air force's power projection into the South China Sea, China is believed to have extended its airstrip on Woody Island in the Paracels to over 2,500m, providing a forward base and staging area for extending the range of its aircraft."

2.- Cuộc xâm lăng biên giới Việt Nam năm 1979 của Trung Quốc

Đầu năm 1979, Trung Quốc xua quân tràn sang biên giới Việt Nam, với sự tuyên truyền là để "dạy cho Việt Nam một bài học".

Hình 5

Cuộc xâm lăng biên giới Việt Nam bắt đầu vào ngày 17 tha'ng 2, 1979. Theo cuốn sách "China's War with Vietnam", King C. Chen, Stanford, CA, Hoover Institution, Press, 1987), sau hai tuần lễ giao chiến dữ dội giữa hai bên, Trung Quốc tuyên bố đã chiếm được ba trong sáu thị xã

nằm địa đầu giới tuyến, là Cao Bằng, Lạng Sơn, và Lào Kay. Hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn ở gần nhau. Còn Lào Kay và Cao Bằng nằm hai bên tỉnh Hà Giang. Điều này chứng tỏ Trung Quốc đã tiến quân tràn qua biên giới bằng ít nhất là ba ngã. Các thị xã Lào Kay, Cao Bằng và Lạng Sơn tương đối dễ đến từ Trung Quốc. Lào Kay tiếp giáp với biên giới hai nước và có trạm giao thông với Trung Quốc. Trạm thông thương biên giới thứ hai, và quan trọng hơn, là ải Nam Quan, tức Hữu Nghị Quan phía bắc thị xã Lạng Sơn. Bắc Kinh rất khó điều quân tới Lai Châu và Hà Giang, vì đường Quốc Lộ 2 thông thương giữa hai nước qua Hà Giang khá cheo leo, rặng Hoàng Liên Sơn chắn ngang biên giới tây bắc rất hiểm trở và khó vượt qua.

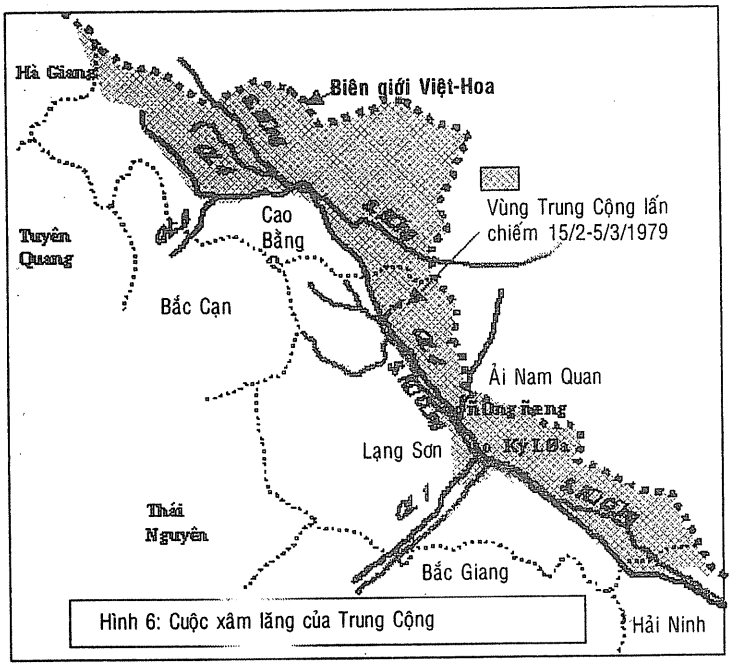

Hình 6: Cuộc xâm lăng của Trung Cộng

Căn cứ trên địa hình các tỉnh và lời tuyên bố của Bắc Kinh, thì cánh quân phía tây từ Vân Nam tiến sang chiếm được Lào Kay rồi tiến về phía đông theo Quốc Lộ 70 dọc bắc ngạn sông Hồng. theo lời kể lại của một số sĩ quan bị bắt đi tù "cải tạo" trên rặng núi Hoàng Liên Sơn, thì họ được đảng CSVN cấp tốc di chuyển về phía nam trong thời gian đó.

Cánh quân phía tây tràn sang biên giới không gặp nhiều chống cự khi chiếm thị trấn Lào Kay nằm sát biên giới. Nhưng sau đó thì bị chận lại vì thung lũng sông Hồng và sông Lô quá hiểm trở. Đường xe hỏa xuyên quốc gia chạy dọc theo bắc ngạn sông Hồng cũng là một cản trở vì có quá nhiều cầu đã cũ bên sườn núi thẳng vách và dễ bị phá vỡ.

Cuộc tiến quân hai đạo ở phía đông của Bắc Kinh sang Cao Bằng và Lạng Sơn sau này được xác nhận bởi hai ký giả Robert Storey và Daniel Robinson ("Vietnam", Lonely Planet Publications, 3rd Edition, 1995, trang 506 và 517). Cánh quân xâm chiếm Lạng Sơn hùng hậu hơn cánh quân tấn công Cao Bằng, xuất phát từ tỉnh Quảng Đông tràn qua biên giới từ ải Nam Quan, chiếm các phố thị địa đầu là Đồng Đăng, rồi theo Quốc Lộ 4 tiến xuống phố Kỳ Lừa và thị xã Lạng Sơn.

Theo ký giả Bruce Elleman, ("Sino-Soviet Relations and the February 1979 Sino-Vietnamese Conflict", 1996), lực lượng của Trung Quốc có khoảng 250 ngàn ("quarter million men"), chia làm nhiều đạo quân ồ ạt tràn sang biên giới nhưng đã bị quân địa phương trấn thủ tiền đồn dùng du kích chiến làm chậm cuộc tiến quân trong khi chờ đợi quân chính quy được điều động từ miền Nam Việt Nam lên tiếp ứng.

Theo Cameron W. Barr, The Christian Science Monitor - International, Oct 3/1997, được bà Nguyễn Thị Dương trước kia ở Lạng Sơn nhưng nay cư ngụ tại Đồng Đăng cho biết, quân Trung Quốc tràn sang biên giới tiến về thị xã Lạng Sơn. Tại đây, họ gặp sức kháng cự của quân phòng vệ (town's defenders) và phải tiến chiếm từng căn nhà. Vì vậy mà một phần lớn của thành phố Lạng Sơn đã đổ nát tan hoang sau hơn một tuần chịu đựng lửa đạn từ hai phía.

Sau 16 ngày xâm chiếm các vùng biên giới lãnh thổ Việt Nam, đột nhiên vào ngày 5 March, 1979 Bắc Kinh rút hết quân về. Họ tuyên bố mục đích cho Hà Nội "một bài học" đã đạt. Thế nhưng cuộc rút lui của họ đã xảy ra cùng lúc với hai sự kiện làm cho dư luận chú ý:

- Nhiều đơn vị chính quy của bộ đội CSVN đang được điều động từ miền Nam lên miền biên giới để chuẩn bị ứng chiến khi quân Trung Quốc tràn xuống sâu hơn trong nội địa. (ở đây xin mở một ghi chú: CSVN chỉ thị quân đội trú phòng chống trả mãnh liệt và điều động quân đội chính quy ứng chiến có phải xuất phát từ quyết tâm bảo vệ lãnh thổ không hay vì động cơ nào khác? Vấn đề này sẽ được phân tích ở phần sau).

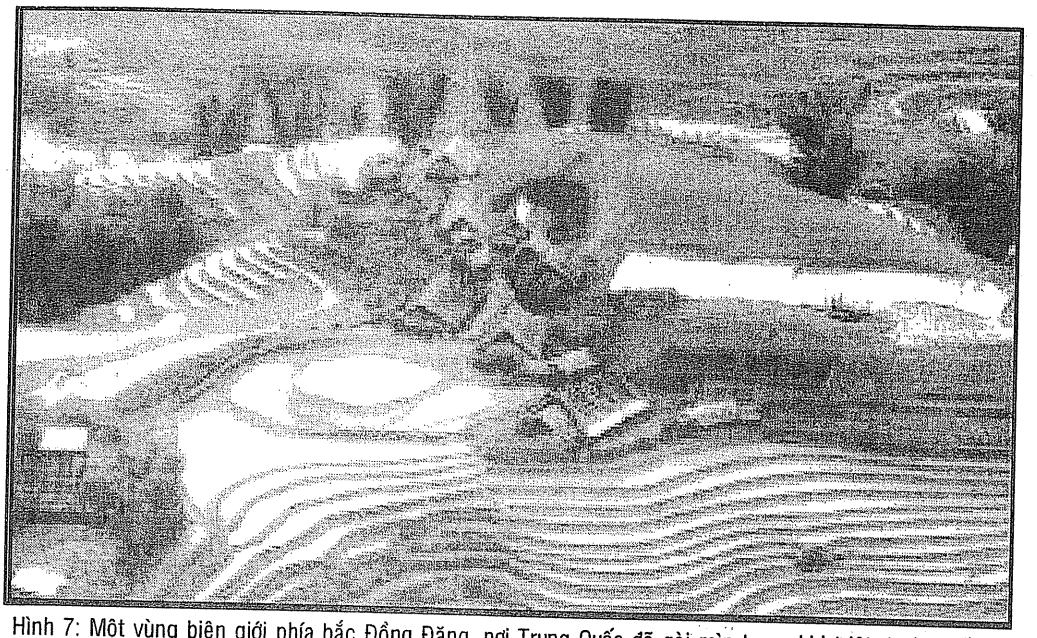

Hình 7: Một vùng biên giới phía bắc Đồng Đăng, nơi Trung Quốc đã gài mìn trong khi triệt thoái năm 1979. Hiện nay mìn đã được tháo gỡ qua hiệp ước 12/1999.

- Trung Quốc gài lại phía nam biên giới trên hai triệu quả mìn chôn trên các lối đi hay đồng ruộng, và trên các đồi núi, với mục đích là ngăn chặn sự truy kích từ đằng sau trong khi đoàn quân triệt thoái về nước (BBC News Online: "China Ends Huge Mine Clearing Programme," Asia-Pacific, August 12, 1999). Một tài liệu khác của BBC ("China Clears Thousands of Landmines on Vietnamese Border", January 6, 1998) tổng số diện tích các bãi mìn dọc biên giới lên đến 20 triệu mét vuông bao gồm 120 vùng gần 1300 cây số dọc theo biên giới từ Lai Châu sang Hải Ninh. *("Qiu Daxiong, deputy commander of the Guangxi Military Area Command, said the mine clearing operation, is expected to clear 120 zones on nearly 20 million sq.m. of ground").* Mìn gồm 18 loại khác nhau, chỉ có dụng cụ gỡ mìn tối tân và chuyên gia thông thạo mới tháo gỡ được. Có nhiều đồi chôn mìn cỏ mọc quá cao, không thể rà được dù là dụng cụ tối tân, phải dùng đến chất nổ làm nổ cả bãi mìn. Cuộc tháo gỡ mìn được thực hiện từ năm 1993 mãi đến tháng 8 năm 1999 mới hoàn tất.

Nhu cầu của "Trung Quốc dạy cho Việt Nam một bài học" đã để lại thương vong khá lớn cho cả hai bên. Chỉ trong hai tuần, tổng số tổn thất của hai đạo quân của Bắc Kinh lên tới trên 20 ngàn, tức gần 1/10 quân số tham chiến (Storey and Robinson, trang 506). Những vũ khí đã gây cho Trung Quốc nhiều tổn thất nhất lại chính do họ viện trợ cho Bắc Việt trong cuộc chiến Việt Nam. Tổng số tử vong của hai bên lên tới 56 ngàn người ("The Bloodshed In South-east Asia", Rod Paschall, The Quarterly Journal of Military History, Nov. 14, 1999), hơn cả số tử vong của quân đội Mỹ trong trên 10 năm tham chiến tại Việt Nam

Theo hai tác giả Robert Storey và Daniel Robinson, thị xã Lạng Sơn và quận Đồng Đăng, cách Lạng Sơn 20 cây số về hướng bắc, đã bị tàn phá trong trận chiến 1979. Hiện nay, phần lớn

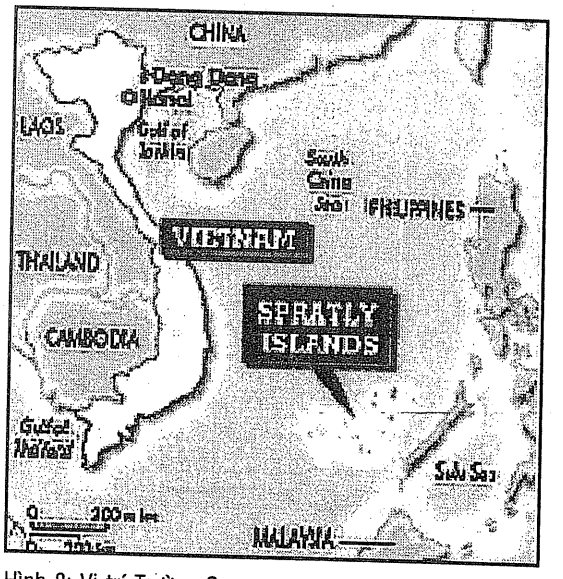

Hình 8: Vị trí Trường Sa

thành phố vẫn chưa được sửa chữa, và thường được chỉ cho du khách xem như là một bằng cớ về sự hung hãn của người Tàu ("evidence of Chinese aggression").

3.- Vụ Trung Quốc xâm chiếm Trường Sa (Spratly Islands) và đánh chìm chiến hạm của Việt cộng năm 1988

Hiện nay có khá nhiều tài liệu về vụ Trung Cộng xâm chiếm Trường Sa (Tàu gọi là Nansha - Nam Sa) và công bố bản đồ lãnh hải bao gồm cả Biển Đông Hải (Tàu gọi là Nanhai - Nam Hải).

Về phía Việt Nam, có các cựu sĩ quan Hải Quân VNCH như:

- Ông Vũ Hữu San với tác phẩm "Địa Lý Biển Đông Với Hoàng Sa và Trường Sa".

- Ông Trần Đỗ Cẩm với bài viết "Tình Hình Chiếm Đóng Tại Quần Đảo Trường Sa, đăng trên website của Tổng Hội Hải Quân và Hàng Hải: http://www.vietnamnavy.com.

- Tuy nhiên tài liệu giá trị và chính thức nhất là cuốn Bạch Thư của bộ Ngoại Giao của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa được công bố sau vụ Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa và trước khi Sài Gòn thất thủ. Tài liệu này có thể được tìm thấy trong mạng lưới "Pacific Forum - The Discussion Proceeds For Peace". Đây là một tài liệu khá dày, trên 50 trang, viết bằng Anh ngữ, có tựa đề là "White Paper on the Hoang Sa (Paracel) and Truong Sa (Spratly) Islands". Đính kèm cuốn bạch thư là "Tuyên Cáo của Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, February 14, 1974". Cả hai tài liệu có ghi xuất xứ và thời gian là "Republic of Vietnam, Ministry of Foreign Affairs, Saigon, 1975, nhưng vì không phải là nguyên bản nên không có phóng ảnh của chữ ký hay dấu triện của cơ quan này.

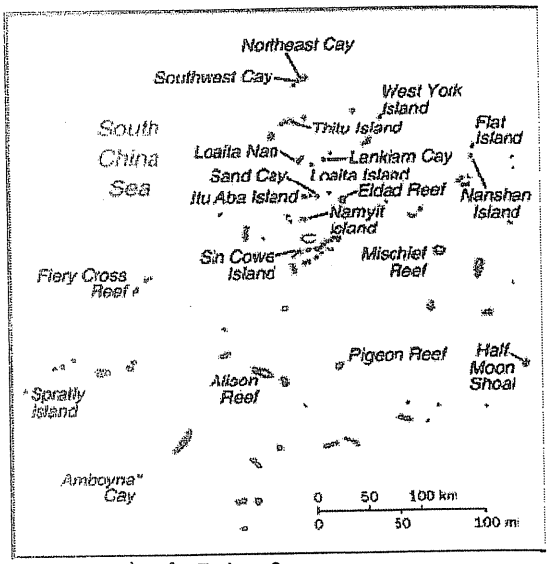

Hình 10: Quần đảo Trường Sa

Về phía quốc tế, có nhiều tài liệu, trong số đó, các bài viết sau đây chứa nhiều chi tiết quan trọng:

- "A code of Conduct for the South China Sea?", Jane's Intelligence Review, Oct 27, 2000

- "South China Sea Dispute: Prospects For Preventive Diplomacy", United States Institution of Peace Special Report.

- "Spratly Islands," FAS Military Analysis Network, John Pike, Jan 30, 2000.

- "Spratly Islands Dispute (Spratly Case No. 325)", Trade and Environment Database Project, April 30, 1996.

Nhìn qua bản đồ (hình 8 và 9), quần đảo Trường Sa có vẻ gần với Philippines và Malaysia hơn Việt Nam. Tuy nhiên, các tài liệu quốc tế đều xác nhận sự có mặt của người Việt Nam từ thế kỷ thứ 17 hoặc xưa hơn, trong khi Đài Loan chỉ mới hiện diện trên một hòn đảo sau Thế Chiến thứ hai, khi tiếp thu sự bại trận của Nhật Bản. Còn Philippines và Malaysia thì mới chiếm giữ và tuyên bố chủ quyền trên

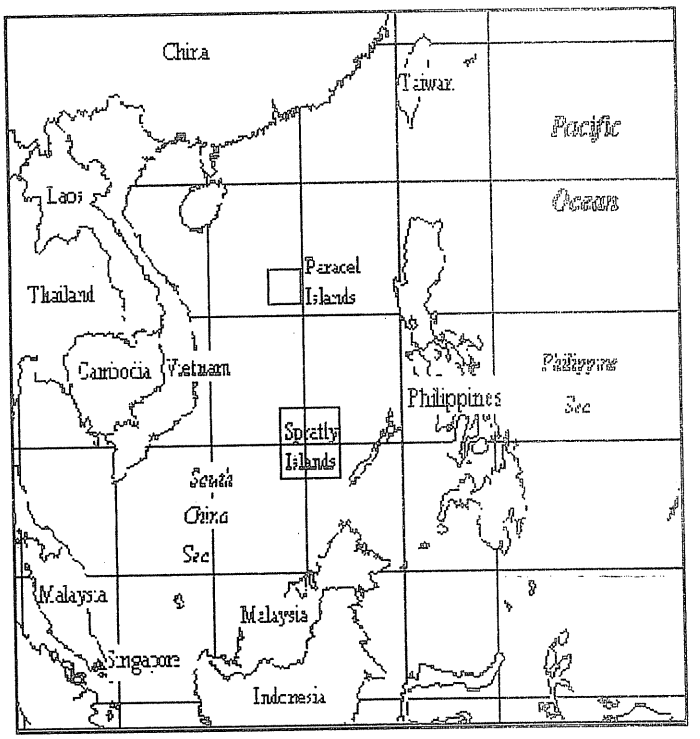

Hình 9: Tranh chấp quần đảo Trường sa

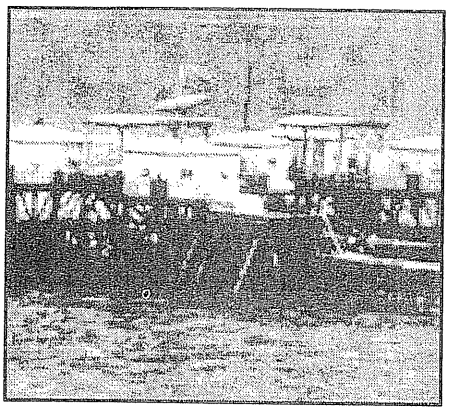

Hình 11: Căn cứ của Trung Quốc trên Johnson Reef

một vài đảo sau cuộc thất thủ của Việt Nam Cộng Hòa.

Biển Đông là một trong vài vùng biển có nhiều tàu bè qua lại nhất, vì là đường giao thương từ Nhật, Đại Hàn, Mỹ từ hướng đông-bắc xuống tây-nam tiếp cận với Thailand, Malaysia, Singapore, Ấn Độ, v.v... Biển Đông cũng nổi tiếng về nguồn lợi ngư sản hầu như bất tận vì đáy biển không sâu và có nhiều chỗ sinh sản (habitats) cho nhiều loại cá. Từ hậu bán thế kỷ 20 đến nay, với sự khám phá dầu hỏa và khí đốt trong Biển Đông, quần đảo Trường Sa đột nhiên trở thành quan trọng như một vùng tài nguyên trù phú.

Theo tài liệu của Jane's Intelligence, toàn vùng Trường Sa gồm khoảng 200 hòn đảo lớn nhỏ và 200 bãi đá ngầm. Diện tích tổng số đá nổi lên trên mặt nước chỉ vào khoảng 8 cây số vuông thôi, nhưng trải ra một diện tích mặt biển khoảng 240 ngàn cây số vuông (tài liệu của U.S. Institution of Peace ghi 800 ngàn cây số vuông).

Ngoài triển vọng dầu hỏa và khí đốt, quần đảo này có tầm mức quan trọng về chiến lược, nếu quốc gia chiếm giữ hải đảo hay đá ngầm có quyền xác nhận hải phận 12 hải lý quanh bờ đảo và 200 hải lý đặc quyền kinh tế ngư sản.

Cuộc lấn chiếm Trường Sa của Trung Quốc có tầm mức quy mô và nguy hiểm cho Việt Nam về cả hai phương diện kinh tế và chiến lược (sẽ được phân tích ở phần sau). Cuộc lấn chiếm đầu tiên xảy ra năm 1976, sau khi họ đã thành công trong việc cưỡng chiếm trọn quần đảo Hoàng Sa của VNCH vào năm 1974, như đã sơ lược trình bày trong phần nói về Hoàng Sa. Cũng theo phương pháp lấn chiếm cố hữu của kẻ ỷ mạnh làm càn, Trung Cộng đưa tàu chiến xâm nhập và đỗ bộ trên các hòn đảo không có người ở, cùng lúc ngang ngược công bố với thế giới rằng "toàn thể Nam Hải là nội hải của Trung Quốc và các quần đảo Trường Sa, Tây Sa là lãnh thổ của Trung Quốc từ thời cổ xưa".

Năm 1988, cuộc xâm lấn liên tục của Bắc Kinh đạt quá mức chịu đựng của Hà Nội. Trong một cuộc đụng độ tại vùng đá ngầm Fiery Cross Reef (Bãi Chữ Thập) vào ngày 14-3-1988, Hải Quân Trung Quốc đánh chìm ba chiến hạm của Hải Quân CSVN, gây tử thương cho trên 72 thủy thủ đoàn. Đó là lần thứ nhì sau cuộc chiến 1979, mà hai nước cộng sản "anh em" vì quyền lợi quốc gia đã không tôn trọng "nghĩa vụ quốc tế" của chủ nghĩa cộng sản. Từ khi cưỡng chiếm vùng đá ngầm này, Trung Quốc đã biến nó thành một "hòn đảo nhân tạo (arificial island) bằng cách xây cất trên vùng đá này một căn cứ tiếp liệu, một sân đáp trực thăng nhằm mục đích kiểm soát không phận, một cầu nổi dài 300 mét có khả năng cập cầu cho tàu thủy có trọng tải 4000 tấn, và một trạm máy thu nhận tối tân có khả năng thu nhận hiện tượng và phát sóng báo hiệu thời tiết cho tàu bè qua lại. Trên vùng đá ngầm Đa Lực (Johnson Reef) và bãi chữ thập (Fiery Cross Reef), họ kiến trúc nhà ở, chòi canh cho quân lính cư ngụ (hiÀnh 11, 12 và 13).

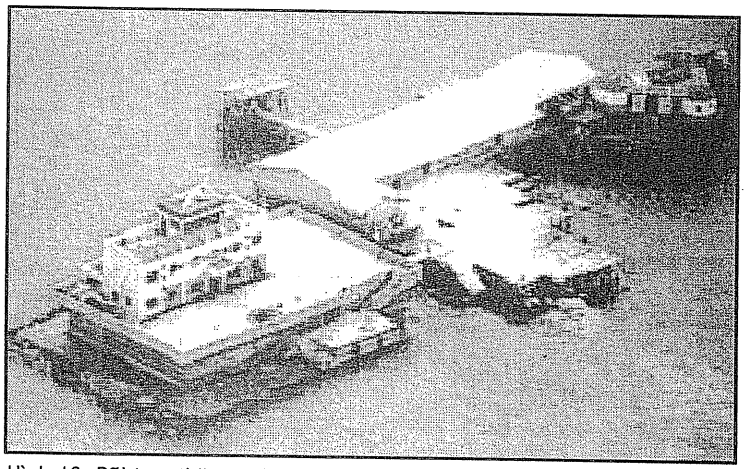

Hình 12: Bãi trực thăng - Johnson Reef

Theo Felix K Chang ("Beijing's reach in the South China Sea", ORBIS, Summer, 1996), cuộc lấn chiếm Trường Sa của Trung Quốc được tiến hành song song với sự thay đổi về quan niệm chiến lược, từ phòng vệ duyên hải (jinhai fangyu) sang phòng vệ viễn dương (jinyang fangyu). Năm 1992, Trung Quốc bắt giữ 20 tàu chở hàng của Việt Nam từ Hồng Kông đi qua Đông Hải. Tiếp theo, các

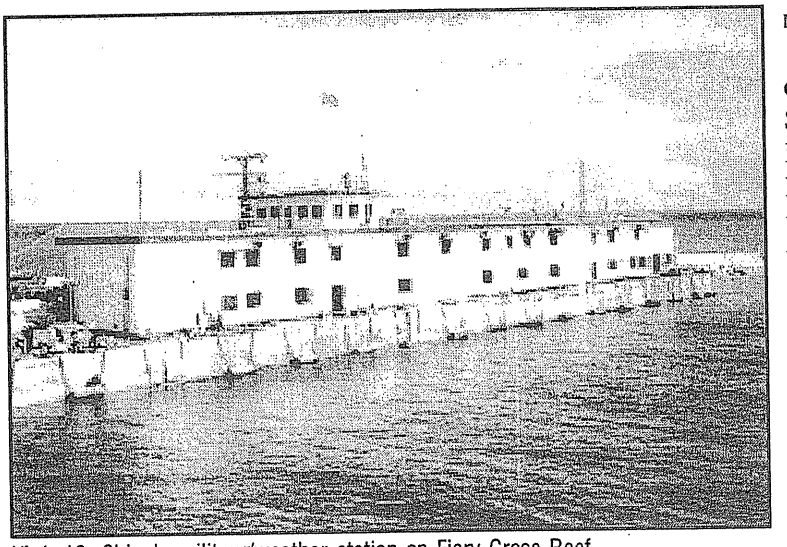

Hình 13: China's military/weather station on Fiery Cross Reef

nước quanh vùng như Phi và Mã Lai cũng lên tiếng phản đối Trung Quốc có tham vọng khống chế các nước quanh vùng Đông Hải. Mặt khác, vì thấy Hà Nội quá yếu kém về mọi phương diện, chính các quốc gia này cũng nhảy vào chiếm đóng một số đảo trong vùng Trường Sa. Cho đến nay qua bao nhiêu lần phản đối một cách yếu ớt, Hà Nội vẫn không hề đưa vấn đề ra trước công pháp quốc tế để đòi lại các đảo đã bị Trung Cộng và các nước cưỡng chiếm. Nguyên do bí ẩn này sẽ được phân tích ở phần sau.

Dưới đây là tóm lược về các vụ lấn chiếm hải đảo và lãnh hải Việt Nam của Trung Quốc

Trung Quốc lấn chiếm hải đảo và lãnh hải Việt Nam

Năm 1974: *Tóm lược nội vụ và hậu quả*

Trung Quốc mang nhiều tàu chiến đến cho quân đổ bộ một số đảo của quần đảo Hoàng Sa. Trận hải chiến xảy ra. VNCH có một chiếc bị chìm. Phía Trung Quốc có hai chiến hạm chìm và 2 bốc cháy phải ủi vào bờ. Trung Quốc tăng viện bằng máy bay và tàu chiến tối tân, VNCH rút về. Hà Nội im lặng thỏa nhượng bằng văn thư của Thủ Tướng Phạm Văn Đồng

Năm 1976: Tóm lược nội vụ và hậu quả

Trung Quốc tuyên bố hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc tỉnh Hải Nam (tức đảo Hainan) trong sự im lặng của Hà Nội. và sau khi hoàn tất cuộc thôn tính Hoàng Sa, bắt đầu cho tàu và quân chiếm đóng một số đảo của Trường Sa.

Năm 1988: Tóm lược nội vụ và hậu quả

Hải quân Trung Quốc và CSVN đụng độ tại vùng đá ngầm Chữ Thập (Fiery Cross Reef). Trung Quốc đánh chìm 3 chiến hạm của CSVN và gây tử thương cho 72 thủy thủ. Từ đó Hà Nội giữ im lặng cho đến nay.

Năm 1992: Tóm lược nội vụ và hậu quả

Tháng 3, Hà Nội tố cáo Bắc Kinh khoan dầu trong hải phận Việt Nam, trong vịnh Bắc Việt, ngoài khơi Côn Sơn, và đỗ bộ vùng đá ngầm Đa Lực. Cũng trong năm đó Trung Quốc bắt giữ 20 tàu Việt Nam chở hàng từ Hồng Kông đi qua Đông Hải. Trung Quốc công bố "Luật Biển của Trung Quốc - Chinese Law" xác quyết toàn vùng Đông Hải là nội hải của họ. (Còn tiếp)

Hình 14 là bản đồ chỉ dấu các quốc gia đang chiếm đóng mỗi đảo do FAS Military Analysis Network thống kê.

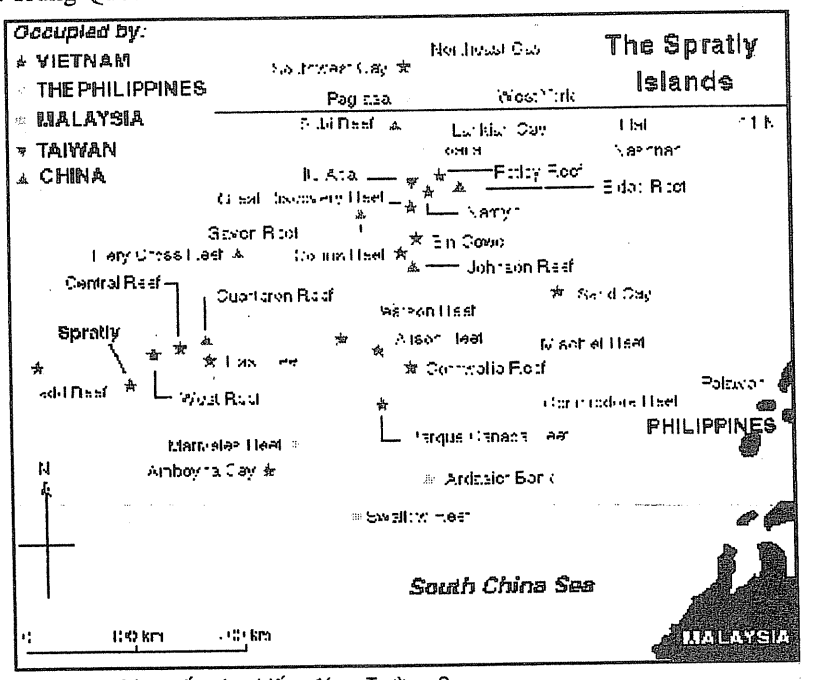

Hình 14: Các quốc gia chiếm đóng Trường Sa

ẢI NAM QUAN TRONG LỊCH SỬ

TRẦN GIA PHỤNG

1.- Vị trí và kiến trúc

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn xong dưới triều vua Tự Đức (trị vì 1847-1883), ải Nam Quan "*cách tỉnh thành* [Lạng Sơn] *31 dặm về phía bắc, thuộc châu Văn Uyên, phía bắc giáp châu Bằng Tường tỉnh Quảng Tây nước Thanh, tức là chỗ mà người Thanh gọi Trấn Nam Quan. Cửa nầy dựng từ năm Gia Tĩnh nhà Minh*, (1) *đến năm Ung Chính thứ 3* [1725] *nhà Thanh*, (2) *án sát tỉnh Quảng Tây là Cam Nhữ Lai tu bổ lại có tên nữa là "Đại Nam Quan", phía đông là một dải núi đất, phía tây là một dải núi đá, đều dựa theo chân núi xây gạch làm tường, gồm 119 trượng* (3), *cửa quan đặt ở quãng giữa có biển đề "Trấn Nam Quan", dựng từ năm Ung Chính thứ 6* [1728] *triều Thanh, có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở. Bên trên cửa có trùng đài, biển đề 4 chữ "Trung ngoại nhất gia", dựng từ năm tân sửu* [1781] *đời Càn Long nhà Thanh*. (4) *Phía bắc cửa có "Chiêu đức đài", đàng sau đài có "Đình tham đường" (nhà giữ ngựa) của nước Thanh; phía nam có "Ngưỡng đức đài" của nước ta, bên tả bên hữu, có hai dãy hành lang, mỗi khi sứ bộ đến cửa quan thì dùng chỗ nầy làm nơi tạm nghỉ*." (5)

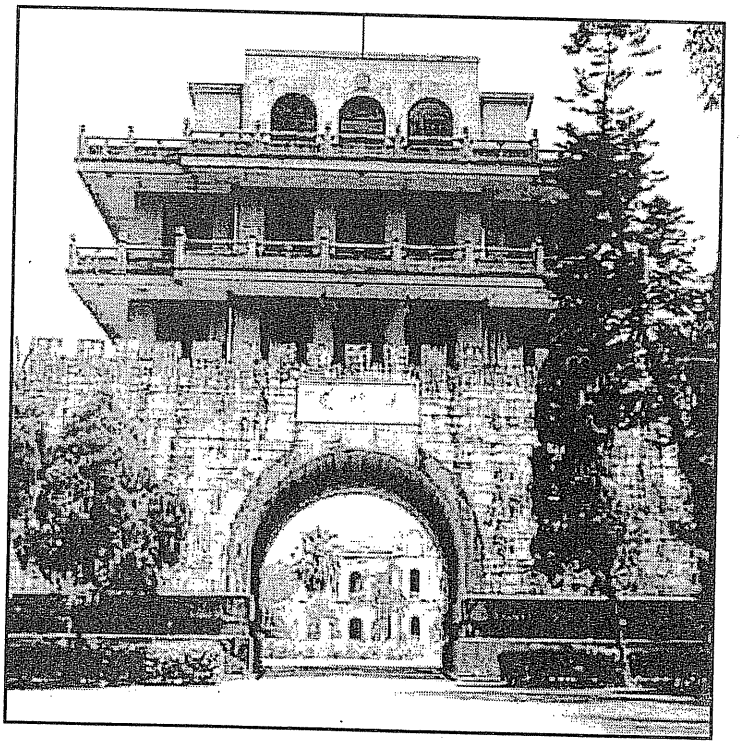

Sau khi mô tả ải Nam Quan, các sử quan nhà Nguyễn đã đưa ra nhận xét như sau: "*Trấn Nam Quan không rõ bắt đầu từ triều đại nào, trong Nam sử cũng như Bắc sử đều không có minh văn. Khoảng đời Lê Cảnh Hưng*, (6) *đốc trấn Lạng Sơn Nguyễn Trọng Đang sửa lại "Ngưỡng đức đài", lập bia ghi việc đại lược nói: "Nước Việt ta có Ngũ Lĩnh, quan ải trước ở đâu không rõ, là vì diên cách thế nào không ghi đủ. Gần đây, lấy địa giới châu Văn Uyên trấn Lạng Sơn làm cửa quan, cửa quan có "Ngưỡng đức đài" không rõ dựng từ năm nào, có lẽ bắt đầu từ đời Gia Tĩnh nhà Minh." Văn bia ấy nay vẫn còn*." (7)

Dựa theo văn bản trên đây của nhà Nguyễn, ải Nam Quan gồm hai phần kiến trúc: Thứ nhất, phần kiến trúc do chính quyền Trung Hoa xây dựng từ thế kỷ 16 gồm có cửa quan và những cơ sở phụ thuộc phía bắc ải. Thứ nhì, phần kiến trúc do chính quyền Đại Việt xây dựng phía nam ải, gồm có "Ngưỡng đức đài" và hai dãy hành lang tả hữu, và có bia được lập vào thế kỷ 18 ghi địa giới hai nước.

Danh từ "Nam Quan" do triều đình Trung Hoa đặt, có nghĩa là cánh cửa mở xuống hay đi xuống phía nam. Như thế, khi xây dựng cửa ải Nam

Quan, triều đình Trung Hoa chính thức xác nhận đây là biên giới phía nam của nước Trung Hoa, giống như Nhạn Môn Quan (8) là cửa ải cực bắc Trung Hoa. Mỗi lần sứ quan một trong hai nước bước qua cửa ải là tiến vào địa phận nước bên kia.

Đến thời chế độ cộng sản, Mao Trạch Đông (Mao Zedong, 1893-1976) đổi tên ải Nam Quan thành "Mục Nam Quan" (cửa để hòa thuận với phương nam), còn Hồ Chí Minh (1890?-1969) thì gọi là "Hữu Nghị Quan" (cửa hữu nghị), (9) nhưng hữu nghị như thế nào, ngày nay vừa mới có câu trả lời qua *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc* ngày 30-12-1999.

2.- Sự quan trọng của Ải Nam Quan

Những nhà cầm quyền Trung Hoa nhiều lần đưa quân sang xâm lược nước ta, nhất là trong những lúc nước ta loạn lạc, suy yếu. Quân đội xâm lược Trung Hoa tiến sang nước ta bằng hai đường: đường biển và đường bộ.

Trên biển, năm 938, vua Nam Hán (10) là Lưu Cung sai con là Hoằng Tháo mang chiến thuyền vượt biển, theo sông Bạch Đằng (11) tiến vào nội địa nước ta, đã bị Ngô Quyền phục binh chận đánh. Hoằng Tháo tử trận; Lưu Cung phải ra lệnh bãi binh. Về sau, các đoàn quân xâm lược Trung Hoa cũng có dùng đường biển, nhưng chỉ là mũi tấn công phụ bên cạnh đường bộ.

Trên bộ, núi non trùng điệp giăng ngang biên giới giữa hai nước. Chỉ có một cuộc hành quân duy nhất dọc duyên hải do Mã Viện (Ma Yuan, 14 TCN – 49) thực hiện năm 41, khi ông vâng lệnh Hán Quang Võ (Han Kuang-wu/ Han Guangwu, trị vì 25-57) đem quân sang đánh Hai Bà Trưng. Mã Viện đi dọc theo bờ biển Quảng Đông, xuống cổ Việt, xuyên qua núi non vùng Đông Triều, tiến về phía tây, tấn công Hai Bà Trưng tại Mê Linh, Châu Diên (vùng Phúc Yên, Sơn Tây ngày nay). (12)

Con đường nầy xa mà không tránh được núi non, nên về sau các nhà quân sự Trung Hoa chọn con đường tương đối thuận lợi là các thung lũng chạy dọc theo các dòng sông, từ Trung Hoa qua Việt Nam giữa biên giới hai nước.

Có hai con đường chánh: Thứ nhất, từ Tư Minh, Bằng Tường (Quảng Châu, Trung Hoa), theo thung lũng các sông nhỏ như Bằng Giang, Kỳ Cùng, vào Lạng Sơn, xuống thung lũng sông Thương, đến Bắc Ninh, tiến qua Thăng Long. Thứ nhì, từ Vân Nam, theo thung lũng sông Hồng, xuống Thăng Long. Đường thứ nhì núi non hiểm trở, dài hơn và khó đi hơn đường thứ nhất, nghĩa là đường thung lũng sông Hồng không thuận tiện bằng đường thung lũng sông Thương.

Như thế, Lạng Sơn nằm ngay trên con đường chiến lược quan trọng chính của những cuộc hành quân xâm lăng của Trung Hoa tiến vào Việt Nam. Muốn tiến vào Lạng Sơn, quân đội bắc phương phải tiến ngang qua một ngọn đèo, và **trên ngọn đèo đó là ải Nam Quan**. Ải Nam Quan nằm ở địa đầu của Lạng Sơn, là tiền đồn ngăn chận những cuộc xâm lăng từ bắc phương và cũng là chiến địa của những trận giao tranh đẫm máu, ghi dấu những chiến tích lẫy lừng của quân dân Việt Nam.

Xin hãy chú ý đến cách mô tả địa thế ải Nam Quan trong *Đại Nam nhất thống chí*: "*... phía đông là một dải núi đất, phía tây là một dải núi đá, đều dựa theo chân núi xây gạch làm tường...*" Hai bên là hai dãy núi, ở giữa là lối đi qua ải, phía bắc chính quyền Trung Hoa xây công sự, phía nam, là các công trình kiến trúc nước ta. Đó là con đường đèo chật hẹp, nếu chận ngay tại đường đèo nầy, nghĩa là chận ngay cửa ải, thì bắc phương rất khó tiến quân.

* Cuộc tiến quân xâm lăng bằng đường Lạng Sơn đầu tiên diễn ra năm 981. Nguyên vào năm 979, Đinh Bộ Lĩnh (trị vì 968-979) bị ám sát, con là Đinh Tuệ, mới sáu tuổi lên ngôi tức Đinh Phế Đế (trị vì 979-980). Nhận thấy tình hình Đại Cồ Việt xáo trộn, năm 980 vua Trung Hoa là Tống Thái Tông (trị vì 976-997) phong cho Hầu Nhân Bảo làm Giao Châu thủy lục chuyển vận sứ, còn các tướng Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trừng, Giả Thực làm binh mã đô bộ thự; tất cả sửa soạn quân lương lên đường sang xâm lấn Đại Cồ Việt. Quân Tống chia làm hai đường thuỷ bộ tiến vào nước ta năm 981 (tân tỵ). Đường bộ do Hầu Nhân Bảo cùng Tôn Toàn Hưng tiến theo ngã Lạng Sơn, còn đường thủy do Trần Khâm Tộ và Lưu Trừng từ mặt biển tiến vào bằng đường sông Bạch Đằng.

Nhân cơ hội nầy, Lê Hoàn tổ chức đảo chánh, tự mình lên làm vua (trị vì 980-1005). Nhà vua tự làm đại tướng cầm quân chống giặc, cũng chia quân làm hai hướng để ngăn cản đường tiến quân của nhà Tống. Sử sách chỉ viết rằng Hầu Nhân Bảo bị phục kích ở ải **Chi Lăng** (Lạng Sơn). Trước khi muốn tiến đến Chi Lăng, có thể phải qua ải Nam Quan. Hầu Nhân Bảo trúng kế trá hàng, bị bắt giết. Quân Việt phản công mạnh mẽ, quân

Tống thiệt hại nặng, hai bộ tướng của Hầu Nhân Bảo là Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân bị bắt. Sau trận Chi Lăng, các lực lượng thủy bộ của nhà Tống đều rút lui.

* Việc giao thiệp giữa Đại Việt và Trung Hoa căng thẳng trở lại khi tể tướng nhà Tống là Vương An Thạch (1021-1086) muốn mưu tìm một chiến công ở ngoài biên cương để hỗ trợ chính sách cải cách ở trong nước của ông ta. Triều đình nhà Lý ở Đại Việt dò biết được những chuẩn bị của Trung Hoa, gởi thư sang hỏi nhà Tống, thì bị dìm đi. Do đó, vào cuối năm 1075 qua đầu năm 1076, triều đình Đại Việt quyết định cử Lý Thường Kiệt (1019-1105) và Tôn Đản đem mười vạn quân theo hai đường thuỷ bộ tấn công trước, đánh phá Khâm Châu và Liêm Châu (thuộc Quảng Đông ngày nay), Ung Châu (tức Nam Ninh thuộc Quảng Tây ngày nay), lấy của rồi rút lui.

Tháng chạp năm bính thìn (qua đầu năm 1077), vua Trung Hoa là Tống Thần Tông (trị vì 1067-1085) sai Quách Quỳ làm Chiêu thảo sứ và Triệu Tiết làm phó chiêu thảo sứ, đem quân sang trả thù, đồng thời ước hẹn với Chiêm Thành và Chân Lạp (Chen-la tức Cambodia) cùng một lần đem quân đánh Đại Việt từ hai mặt. Các bộ chính sử không viết rõ, nhưng theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong sách *Lý Thường Kiệt*, có thể Quách Quỳ đã qua đường Nam Quan, xuống Chi Lăng để tấn công thủ đô Thăng Long. (13)

Lý Thường Kiệt chận quân Tống ở sông Như Nguyệt (sông Cầu chảy qua xã Như Nguyệt, Bắc Ninh). Quách Quỳ chuyển quân đến khúc sông Phú Lương (sông Hồng ở Thăng Long). Lý Thường Kiệt tiếp đánh nhưng thế giặc rất mạnh; máy bắn đá của địch phá nhiều chiến thuyền, và làm cho hàng ngàn binh sĩ nước ta tử trận. Sợ binh sĩ nản lòng, Lý Thường Kiệt phao tin có thần nhân báo mộng cho bốn câu thơ: "*Nam quốc sơn hà nam đế cư, / Tiệt nhiên định phận tại thiên thư. / Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm, / Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.* " (Hoàng Xuân Hãn dịch:"*Sông núi nước Nam vua Nam coi, / Rành rành phân định ở sách trời. / Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm, / Bay sẽ tan tành chết sạch toi.* ")

Quân lính Đại Việt nghe được những câu thơ nầy đều hăng hái đánh giặc. Lực lượng nhà Tống bị chận đứng. Hai bên cầm cự với nhau bất phân thắng bại. Triều đình nhà Lý đề nghị bãi binh. Nhà Tống thấy khó thắng, đồng thời binh sĩ ở lại lâu không hạp thủy thổ, đành chấp thuận.

* Làm chủ toàn bộ Trung Hoa sau khi vị vua cuối cùng của nhà Tống là Quảng Vương (trị vì 1278-1279) tự tử năm 1279, Hốt Tất Liệt (Qubilai) tức Nguyên Thế Tổ (trị vì 1260-1294) muốn mở mang đế quốc, tìm đường chinh phục các nước Đông Nam Á. Quân Nguyên đã ba lần xâm lăng Đại Việt, trong đó hai lần quân Nguyên tiến qua ải Nam Quan.

Lấy cớ mượn đường xuống Chiêm Thành, ngày 12-7 năm giáp thân (24-8-1284), Nguyên Thế Tổ cử thái tử là Trấn Nam Vương Thoát Hoan (Toyan), với sự phụ tá của tướng A Lý Hải Nha (Ariq-Qaya), cầm quân đánh Đại Việt. Vào đầu 1285, quân Nguyên tấn công Đại Việt bằng ba hướng khác nhau. Thứ nhất, Thoát Hoan dẫn bộ binh tiến vào nước ta bằng đường Lạng Sơn, nhắm chiếm Thăng Long. Thứ nhì, tướng Nạp Tốc Lạt Đinh (Nasirud-Din) dẫn bộ binh từ Vân Nam theo đường sông Chảy đi xuống, và thứ ba, Toa Đô (Sogatu) dẫn thủy quân từ bờ biển Chiêm Thành đánh lên Đại Việt. Ba cánh quân Nguyên tạo thành thế gọng kềm, giáp công ba mặt, ép quân Việt vào ở giữa.

Trước sức chống trả mãnh liệt của quân dân Đại Việt, quân Nguyên thất bại, Thoát Hoan rút lui cũng bằng đường bộ, qua Vạn Kiếp, (14) thì bị tướng Nguyễn Khoái đổ quân ra tiêu diệt. Các tướng Nguyên phải dùng đồ đồng bao bọc Thoát Hoan, rồi bỏ ông ta lên xe đẩy về biên giới, lại bị tướng Trần Quốc Nghiện phục binh lần nữa, mới thoát thân.

Nguyên Thế Tổ rất căm giận, ra lệnh động binh trở lại vào tháng Hai năm mậu tuất (1287). Tổng chỉ huy quân Nguyên vẫn là Trấn Nam Vương Thoát Hoan, dưới quyền có các tướng Áo Lỗ Xích (Auruyvci), Ô Mã Nhi (Omar), Trình Bằng Phi (một viên tướng nhà Tống đầu hàng nhà Nguyên), Phàn Tiếp, Trương Văn Hổ. Lần nầy, quân Nguyên cũng tấn công nước ta bằng đường bộ và đường biển. Trên bộ, quân Nguyên chia làm hai cánh: Thoát Hoan từ Quảng Tây tiến xuống Lạng Sơn, và Ái Lỗ (Aruq) từ Vân Nam theo đường sông Hồng tràn qua. Đường biển, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp dẫn quân đi trước, Trương Văn Hổ chuyên chở lương thực theo sau.

Không khác gì lần trước, quân Nguyên lại thất bại, thủy quân vận lương bị đánh tan ở Vân Đồn (Quảng Yên), Thoát Hoan rút quân bằng đường bộ. Tại cửa ải Nội Bàng, (15) tướng Phạm Ngũ Lão phục binh làm nhiều đoạn, đổ quân ra đánh đuổi Thoát Hoan. Các tướng Trương Quân, A Bát Xích, Trương Ngọc tử trận; chỉ có Thoát Hoan,

Trình Bằng Phi và Áo Lỗ Xích trở về được Trung Hoa.

* Năm 1407, gia đình Hồ Quý Ly, Hồ Nguyên Trừng, Hồ Hán Thương bị quân Minh bắt ở Hà Tĩnh. Quân Minh không giết cha con Hồ Quý Ly mà chỉ giải về Trung Hoa. Trong số những vị quan bị giải theo gia đình Hồ Quý Ly, có Nguyễn Ứng Long, tức Nguyễn Phi Khanh, thân phụ của Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi bịn rịn đưa tiễn cha lên tận ải Nam Quan. Tại đây, Nguyễn Phi Khanh nói với con: "*Con phải về nhà mà lo trả thù cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo mà khóc lóc làm gì.*" (16) Sau đó, Nguyễn Trãi đã giúp Lê Lợi kháng chiến chống quân Minh và đạt được thành công năm 1428.

* Tháng 8 năm canh tý (1540), Thái Tông Mạc Đăng Doanh (trị vì 1530-1540) qua đời, con là Phúc Hải lên thay tức Mạc Hiến Tông (trị vì 1540-1546). Cuối năm đó, nhà Minh cử Cừu Loan và Mao Bá Ôn đem quân đến cửa ải Nam Quan, buộc họ Mạc phải tự đến cửa ải đầu hàng.

Lúc đó, thượng hoàng Thái Tổ Mạc Đăng Dung (trị vì 1527-1529) thay cho cháu (vua Mạc Hiến Tông) lên ải Nam Quan thương thuyết vào tháng 11 năm canh tý (1540). Nội dung cuộc hòa hội nầy không được ghi chép cụ thể, nhưng chắc chắn trong thế yếu, Mạc Đăng Dung phải chịu nhượng bộ và hối lộ để Mao Bá Ôn chịu thỏa hiệp lui quân.

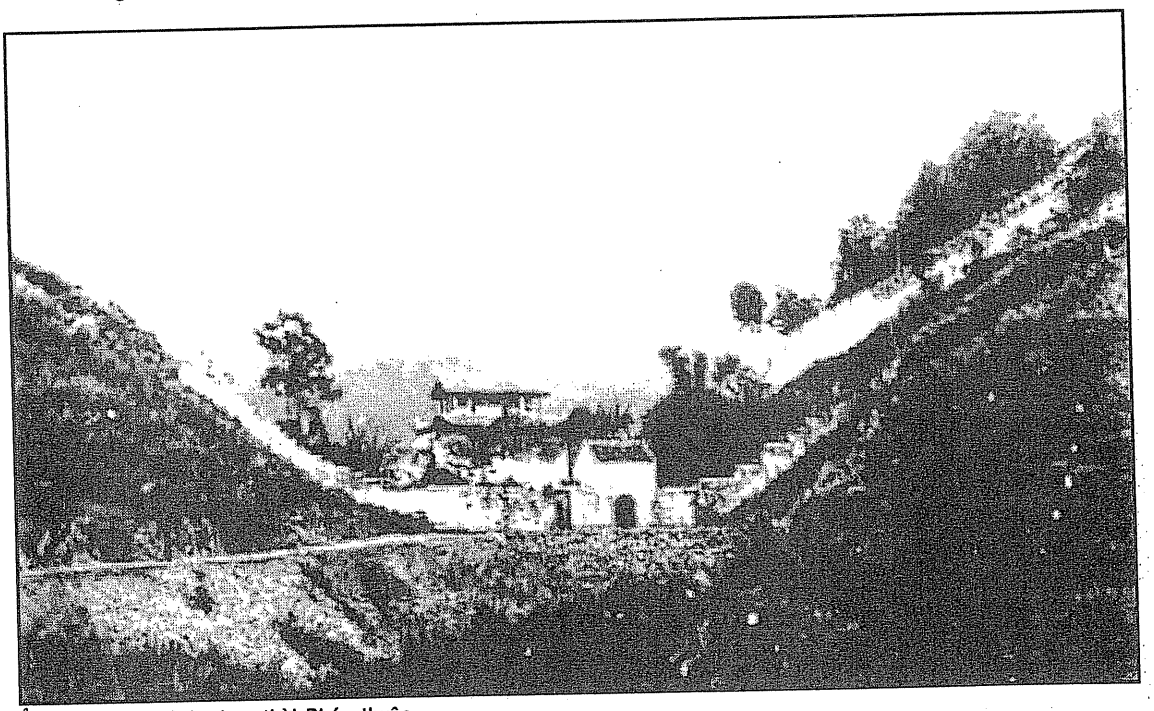

Ải Nam Quan, hình chụp thời Pháp thuộc

* Tháng 6 năm đinh mùi (1427), nhà Minh cử Quảng Tây Chinh Nam Đại tướng quân Trấn Viễn Hầu Cố Hưng Tổ đem 5 vạn quân từ Quảng Tây sang cứu viện quân Minh đang thất bại trước sức phản công của nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Cố Hưng Tổ đi vào cửa ải Nam Quan (Pha Lũy), bị hai tướng Trần Lựu và Lê Bôi đánh tan phải chạy về.

Nhà Minh liền cử Tổng binh An Viễn Hầu Liễu Thăng đem 10 vạn tinh binh vượt ải Nam Quan (Pha Lũy) tháng Chín cùng năm. Trần Lựu liệu thế không chống nổi, phải rút lui về ải Chi Lăng. Tại đây, tướng Lê Sát sai Trần Lựu cầm quân ra ổ phục binh, bị nghĩa quân giết chết ở núi Mã Yên (tức núi Yên Ngựa). (17)

Về vấn đề biên giới, trong tờ trình lên triều đình nhà Minh ngày 20 tháng 10 năm tân sửu (1451), Mao Bá Ôn viết rằng Mạc Đăng Dung đồng ý "*trả lại đất bốn động đã chiếm*". (18) Theo lối nói của Mao Bá Ôn, có nghĩa là bốn động đó vốn thuộc Trung Hoa, bị Đại Việt chiếm đóng, nay nhà Mạc chịu trả lại. Tuy nhiên, mục "Bản kỷ tục biên" bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* lại viết khác, cho rằng Mạc Đăng Dung đã "*dâng các động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương, La Phù của châu Vĩnh An, trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu.*" (19) Dầu đã cắt bốn hay năm động của thổ dân giao cho Trung Hoa, nhà Mạc vẫn giữ ải Nam Quan thuộc về

Đại Việt.

* Năm 1788, theo lời cầu viện của mẫu thân của Lê Chiêu Thống (trị vì 1786-1789), vua Trung Hoa là Thanh Cao Tông tức Càn Long (Ch'ien-lung / Qianlong, trị vì 1736-1795) cử tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị cầm đại quân sang Đại Việt, đi bằng ba ngả: Tôn Sĩ Nghị cùng Hứa Thế Hanh vào cửa Nam Quan, qua Lạng Sơn đi xuống, Sầm Nghi Đống đi qua đường Cao Bằng, và đề đốc Vân Nam Ô Đại Kinh vào đường Tuyên Quang. (20) Đoàn quân viễn chinh nhà Thanh bị vua Quang Trung (trị vì 1788-1792) đánh tan tác, phải chạy về vào đầu năm kỷ dậu (1789).

* Từ ngày 17-2-1979, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa tung trên 200.000 quân tấn công Việt Nam ở sáu tỉnh biên giới: Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh, và đã chiếm được các thị xã Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn. Bộ binh Trung Hoa qua Lào Cai bằng thung lũng sông Hồng, qua Cao Bằng theo thung lũng sông Bằng (Bằng Giang), và qua Lạng Sơn theo thung lũng sông Kỳ Cùng, vào ải Nam Quan. Sau khi rút quân ngày 5-3-1979, quân Trung Hoa vẫn chiếm giữ vùng đất phía nam ải Nam Quan, và trạm hải quan (quan thuế) của Việt Nam phải dời xuống phía nam ải nầy, sâu trong lãnh thổ nước ta.

Như thế, cho đến cuối thế kỷ 20, ải Nam Quan là cửa ải chính thức phân chia ranh giới giữa hai nước Việt Nam và Trung Hoa. Những cuộc xâm lăng của các triều đình Trung Hoa đều bị đẩy lui. Ải Nam Quan trở thành biểu tượng độc lập thiêng liêng của dân tộc Việt Nam. Quốc lộ 1 xuyên suốt từ bắc xuống nam nước ta, bắt đầu từ ải Nam Quan xuống mũi Cà Mau. Khi xây dựng quốc lộ 1, cột mốc đầu tiên đặt ở Nam Quan, được đánh dấu là cột mốc số 0. Những bài học lịch sử hay địa lý Việt Nam đều mở đầu bằng câu: "*Nước Việt Nam trải dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.*"

3.- Hai hiệp ước về biên giới

Từ tháng 5-1975, nước Việt Nam do đảng Cộng Sản (CS) cai trị. Đảng CS tổ chức và điều khiển nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN). (21) Từ khi đảng CSVN do Hồ Chí Minh thành lập ở Hương Cảng năm 1930, đảng CSVN dựa vào hai thế lực hậu thuẫn chính: đảng CS Liên Xô và đảng CS Trung Hoa (CSTH). Trung Hoa nằm sát biên giới Việt Nam nên đảng CS nước nầy đã giúp đỡ hữu hiệu cho đảng CSVN, nhưng lợi bao nhiêu thì cũng sẽ hại bấy nhiêu.

Sau khi chiếm được lục địa Trung Hoa, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (CHNDTH) ngày 10-10-1949. Từ đó, CHNDTH chẳng những gởi cán bộ, quân đội, vũ khí sang giúp CSVN, mà còn cho quân đội CSVN chạy trốn sang biên giới Trung Hoa khi bị quân đội Quốc Gia và quân đội Pháp truy đuổi trong cuộc chiến tranh 1946-1954. (22)

CSTH dần dần đưa người đến định cư và tràn lấn qua biên giới Việt Nam. Việt Minh cộng sản đồng lõa với hành động trên, để dễ trà trộn, lẫn trốn khi lâm nguy. Từ đó, người Hoa hiện diện càng ngày càng đông dọc theo biên giới Hoa Việt. Theo tiết lộ của ông Vũ Khoan, Bộ trưởng Bộ Thương mại Hà Nội, trong bài viết "Mốc mới trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc", đăng trên tạp chí *Cộng Sản*, số Tết Canh Thìn (2000) thì ngay từ lúc đó (1949), đã có "*một số lần ... trao đổi ý kiến, đàm phán về vấn đề biên giới.*" (23)

Sau khi cưỡng chiếm được miền Nam năm 1975, cộng sản Hà Nội không còn theo chính sách ngoại giao đu dây thăng bằng giữa Liên Xô và CHNDTH, mà ngã hẳn về phía Liên Xô. Ngày 3-11-1978, Lê Duẩn (1907-1986, bí thư thứ nhất đảng Lao Động từ 1960 đến 1975, tổng bí thư đảng CS từ 1976-1986) sang Liên Xô và ký với Leonid Brezhnev (1906-1982, bí thư thứ nhất đảng CSLX 1964-1966, tổng bí thư 1966-1982), *Hiệp ước Hai mươi lăm năm Hỗ tương và Phòng thủ* giữa hai nước.

Dựa vào hậu thuẫn của Liên Xô, cộng sản Việt Nam xua quân xâm lăng Cambodia, chiếm thủ đô Phnom Penh ngày 7-1-1979. Việc làm nầy của CSVN nhắm hai mục đích: đối ngoại là bành trướng ảnh hưởng qua Cambodia để mưu làm bá chủ Đông Dương, và kiếm đường đánh xuống Thái Lan; đối nội là tung các sư đoàn miền Nam qua Cambodia. Các sư đoàn nầy gồm những thanh niên mới tuyển "nghĩa vụ quân sự" ở miền Nam sau 1975. Tung thanh niên miền Nam qua Cambodia để làm tiêu hao tiềm lực miền Nam, khiến cho dân chúng miền Nam phải lo chuyện chiến tranh, mà không chống đối chính sách thất nhân tâm của Hà Nội.

Nhà cầm quyền Cambodia lúc đó do đảng CSTH đỡ đầu. Viện cớ Việt Nam xâm lăng Cambodia, CHNDTH quyết định trả đũa và "dạy" cho Việt Nam một bài học. Bài học nầy không phải thuần tuý vì vấn đề Cambodia. Bài học nầy còn

liên hệ đến hiệp ước Việt Xô năm 1978, vì khi bỏ CHNDTH chạy theo Liên Xô, tập đoàn lãnh đạo CS Hà Nội đã mặc nhiên bỏ luôn những cam kết ngầm với CSTH khi nhận những viện trợ to lớn của Trung Hoa để tiến hành hai cuộc chiến 1946-1954 và 1954-1975, mà con số nầy lên đến 20 tỷ Mỹ kim. (xin xem sau)

Ngày 17-2-1979, CHNDTH đưa trên 200.000 quân tấn công CHXHCNVN ở sáu tỉnh biên giới. Có nơi quân CHNDTH tiến sâu vào nội địa Việt Nam 40 cây số. Sau khi phá nát vùng nầy, (24) quân Trung Hoa rút về ngày 5-3-1979. Điều đáng nói là trong khi đánh nhau, quân CHNDTH đã phá huỷ những cột mốc biên giới có từ thời Pháp thuộc, rồi dựng lại những cột mốc biên giới mới. Trong khi dựng lại, quân cộng sản Trung Hoa đã dời nhiều cột mốc biên giới sâu vào lãnh thổ Việt Nam. Một thông tin mới cho biết "*số cột mốc được được chôn từ thời Pháp-Thanh còn nguyên vẹn (nguyên cả cột lẫn vị trí) trên dưới 50, cố cột mốc thời Pháp-Thanh nhưng đã bị dịch vào biên giới Việt Nam 150-170 chiếc, số cột mốc mới Trung Quốc cho lính mang sang đóng trong biên giới Việt Nam 60-70, số thất thoát 15-30.*" (25)

Sau khi chiến tranh chấm dứt, quân đội CSTH vẫn chiếm giữ một số địa điểm hiểm trở chiến lược trong nội địa Việt Nam. Nói cách khác, quân đội CSTH đã nới rộng biên giới Trung Hoa về phía nam, cũng có nghĩa là Việt Nam mất đi một số đất đai đáng kể. Vì vậy, tại tỉnh Lạng Sơn, trụ sở mới của hải quan (quan thuế) biên giới của Việt Nam phải dời về phía nam "Hữu Nghị Quan" (ải Nam Quan) khoảng hơn nửa cây số.

Tình hình thế giới xoay chuyển mạnh vào cuối thập niên 80, đầu thập niên 90. Chế độ cộng sản tan rã ở các nước Đông Âu vào năm 1989 và 1990 như Ba Lan, Hung Gia Lợi, Bảo Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Nam Tư ... Sau đó, chế độ cộng sản Liên Xô, hậu thuẫn vững vàng của CHXHCNVN, cũng bị sụp đổ vào năm 1991.

Lúc đó, các nhà lãnh đạo đảng CSVN liền thay đổi chính sách ngoại giao: một mặt cầu thân trở lại với CHNDTH và mặt khác kiếm cách giao hảo với Hoa Kỳ, là nước mà trước đây CSVN đã tố cáo là "tên đế quốc đầu sỏ" trên thế giới, để làm đối trọng với CHNDTH. Đồng thời do những khó khăn về kinh tế, CSVN đưa ra chủ trương mở cửa, trở lại nền kinh tế thị trường, nhưng vẫn cương quyết theo "định hướng xã hội chủ nghĩa."

Tổng bí thư đảng CSVN là Nguyễn Văn Linh (giữ chức từ 1986-1991), cùng Phạm Văn Đồng (1906-2000), Đỗ Mười, bí mật sang CHNDTH thương thuyết vào tháng 9-1990. Sau đó Đỗ Mười (giữ chức từ 1991-1998), mới lên thay Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư, cùng Võ Văn Kiệt, thủ tướng CSVN, sang Bắc Kinh ngày 5-11-1991 chính thức tái lập bang giao giữa hai nước. "Bài học" mà Đặng Tiểu Bình đã "dạy" cho CSVN nay mới hiệu ứng.

Đang là "đồng chí" với nhau, hai bên xích mích đánh nhau, lại trở lui cầu thân thì phải xuống nước, nhượng bộ. Đảng CSVN và nhà cầm quyền CSVN có gì trong tay để nhượng bộ, ngoài một vấn đề mà từ lâu nay tất cả những nhà cầm quyền Trung Hoa, chứ không riêng gì CSTH, luôn luôn nhắm đến, đó là việc lấn biên, giành đất, giành biển.

Nhân cơ hội nầy, CHNDTH gây sức ép càng ngày càng lớn đối với CHXHCNVN. Ở thế bí, lại thêm trước đây Hồ Chí Minh đã từng đồng lõa để cho CSTH tràn lấn miền biên giới, Phạm Văn Đồng đã từng nhìn nhận Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh hải Trung Hoa, rồi cuộc chiến 1979 đã tiêu hủy toàn bộ vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, nên ban lãnh đạo mới của đảng CSVN đành phải thuận cắt đất theo sự áp đặt của CSTH để sống còn và duy trì địa vị. Kết quả là hai hiệp ước về biên giới ra đời trong vòng một năm.

Ngày 30-12-1999, tại Hà Nội, bộ trưởng Ngoại giao CHXHCNVN là Nguyễn Mạnh Cầm và bộ trưởng Ngoại giao CHNDTH là Đường Gia Truyền (Tang Jianxuan) cùng ký *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*. Hiệp ước nầy được quốc hội Bắc Kinh thông qua ngày 29-4-2000 và quốc hội Hà Nội thông qua 9-6-2000. Đặc biệt là khi thông qua hiệp ước biên giới nầy, chỉ một số ít lãnh đạo cao cấp trong quốc hội Hà Nội mới đọc được nội dung hiệp ước, còn đại đa số dân biểu không biết gì cả, chỉ thông qua theo lệnh của đảng CSVN. (26)

Việc chọn lựa Hà Nội làm địa điểm ký kết hiệp ước còn nói lên một sắp đặt ngấm ngầm về ngoại giao, để cho bên ngoài thấy rằng CSVN tình nguyện mời CSTH đến tận nhà (Hà Nội) để ký kết hiệp ước nhượng đất, chứ CSTH không thúc ép CSVN phải qua Bắc Kinh để làm việc nầy.

Ngày 25-12-2000, tại Bắc Kinh, đại diện hai nước Việt Nam và Trung Hoa (chưa tiết lộ danh tánh) đã ký *Hiệp ước phân định lãnh hải*, phân chia quyền lợi trên vịnh Bắc Việt, dưới sự chứng kiến của chủ tịch CHXHCNVN là Trần Đức

Lương và chủ tịch CHNDTH là Giang Trạch Dân. (27) Hiệp ước nầy chưa được đưa ra quốc hội hai nước để thông qua.

Ngày 27-12-2001, thứ trưởng Ngoại giao Hà Nội là Lê Công Phụng cùng với đại sứ CHNDTH tại Hà Nội, đến thị trấn Mông Cái (cửa ngõ Mông Cái - Đông Hưng) thuộc tỉnh Quảng Ninh làm lễ xây CỘT MỐC đánh dấu biên giới mới trên đất liền mà hai bên đã ký kết ngày 30-12-1999. Cùng lúc đó, thứ trưởng ngoại giao CHNDTH là Vương Di (Wang Yi) tham dự một buổi lễ tương tự tại thị trấn Đông Hưng thuộc Trung Hoa. (28) Hai nhà cầm quyền dự tính sẽ đóng khoảng 1500 cột mốc dọc biên giới mới giữa hai bên. (28)

Điểm đặc biệt nữa là các nhà lãnh đạo đảng CSVN đã **giấu kỹ không cho dân chúng biết** nội dung các hiệp ước trên đây trước khi ký, trong khi ký, và sau khi ký, cũng không cho biết ai đã đứng ra ký kết hiệp ước. Phía CHNDTH tiết lộ là ông Nguyễn Mạnh Cầm đã ký kết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, chứ phía Việt Nam không nói gì hết. Cho đến nay, ngoài những kẻ lãnh đạo đảng CSVN, chưa có người Việt Nam nào đọc được văn bản cụ thể về hai hiệp ước đó. (29)

Sự giấu diếm nầy chứng tỏ có điều gì man trá đàng sau cuộc thương thuyết để phân chia lãnh thổ và lãnh hải. Chắc chắn sự man trá nầy liên hệ đến quyền lợi riêng tư của một thiểu số lãnh đạo đảng CSVN, mới không công bố cho toàn dân biết.

4.- Ải Nam Quan đã mất

Tuy nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội không cho dân chúng biết nguyên văn hai hiệp ước, nhưng công việc sửa soạn các chi tiết để thi hành hiệp ước, như đóng cột mốc, thông báo cho các đơn vị chuyên môn và hành chánh địa phương vẽ lại bản đồ, đã để lộ ra ngoài một số tin tức quan trọng:

* Trước Đại hội 9 đảng CSVN (từ 19 đến 22-4-2001), ông Đỗ Việt Sơn, một đảng viên CS lão thành (54 tuổi đảng, 78 tuổi đời), ở số 26/14-125 đường Tô Hiệu, Hải Phòng, đã gởi thư vào tháng 2-2001 công khai đặt vấn đề Việt Nam nhượng bộ quá nhiều cho Trung Quốc trong hai hiệp ước trên, và yêu cầu Quốc hội và Đại hội 9 đảng CSVN công khai thảo luận vấn đề nầy. Thư nầy được phổ biến hạn chế, về sau được nhắc lại trong kháng thư ngày 18-11-2001 của 20 cử tri gởi các

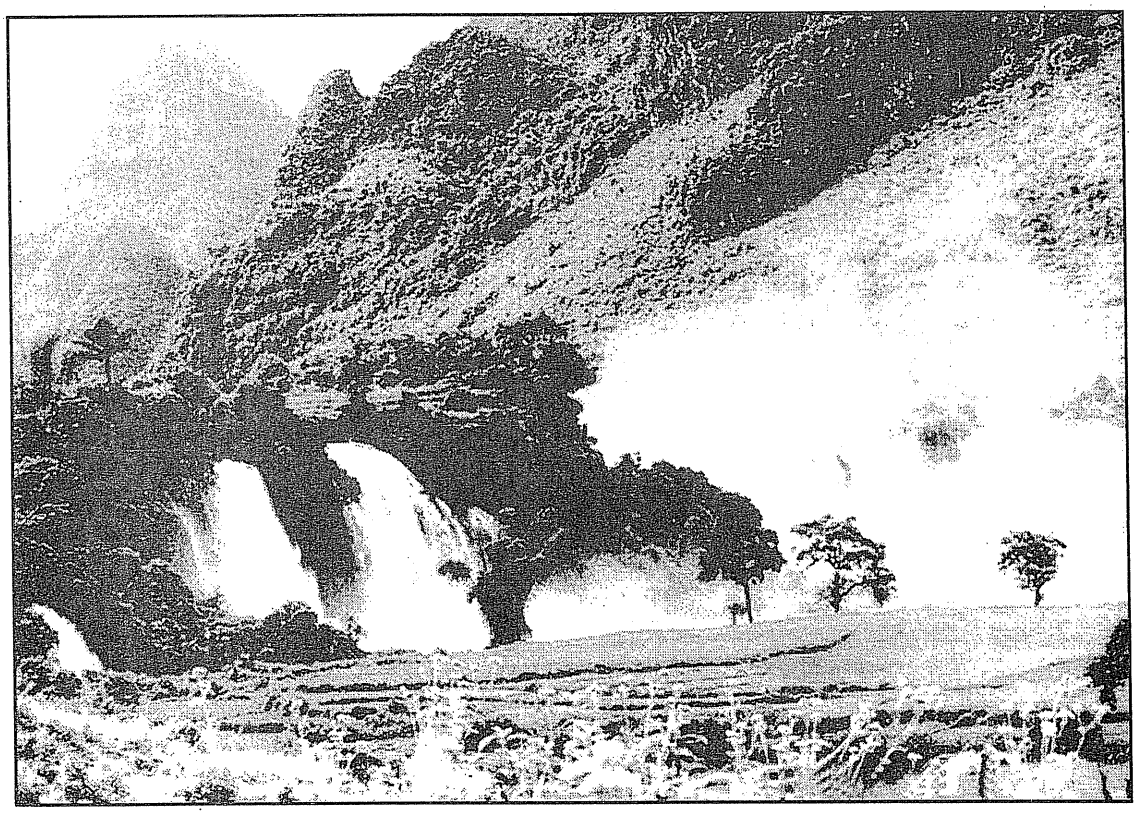

Thác Bản Giốc

chức quyền Việt Nam.

* Ngày 18-11-2001, 20 cử tri cùng ký một kháng thư gởi cho các chức quyền trong nước phản đối việc ký kết các hiệp ước trên. Kháng thư mang chữ ký của những đảng viên kỳ cựu như Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Trần Dũng Tiến, Trần Quang Lê, Nguyễn Ngọc Diệp, Bùi Long... Đa số đều trên 50 năm thâm niên trong đảng CSVN. Kháng thư cho biết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, phía Việt Nam đã nhượng cho Trung Quốc 720 km2 ở hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, và *Hiệp ước phân định lãnh hải* Vịnh Bắc Việt như sau: 53,23% cho Việt Nam, và 46,77% cho Trung Quốc. (30)

* Trong một bản điều trần trước Viện Pháp Á (Institut Franco-Asiatique), bác sĩ Trần Đại Sỹ, Giám đốc Trung Hoa sự vụ Viện Pháp - Á ở Paris, cho biết rằng sau khi hai bên ký kết hiệp ước trên đất liền ngày 30-12-1999, thì vào ngày 9-1-2000, ông được hai người bạn là hai ký giả Trung Hoa thông báo cho ông biết rằng theo tinh thần hiệp ước mới ký kết, Việt Nam nhượng cho Trung Quốc 789 km2, thuộc hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (chứ không phải 720 km2). (31)

Nếu tính theo diện tích của toàn thể Việt Nam là 330.000 km2 (số tròn), thì diện tích đất mà CSVN đã nhượng cho CSTH (789 km2) lên đến khoảng trên 0.2% (trên 2 phần ngàn). Nếu tính theo diện tích của toàn tỉnh Lạng Sơn là 8.178 km2, thì số đất nhượng gần 1/10 diện tích tỉnh Lạng Sơn. Đường biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa dài khoảng 1.300 cây số, trong đó đường biên giới giữa Lạng Sơn và Trung Hoa dài 253 cây số. Nếu tính dọc theo toàn bộ đường biên giới tỉnh nầy, thì CSVN nhượng cho Trung Hoa trung bình 3 cây số sâu vào nội địa Việt Nam. (253 km X 3 km = 759 km2).

Dần dần, **những tin tức được tiết lộ trên đây đã được kiểm chứng cụ thể**:

Trong một chuyến công tác cho Viện Pháp Á vào tháng 8-2001, bác sĩ Trần Đại Sỹ đã về Việt Nam. Ông lên vùng biên giới và xin đi thăm ải Nam Quan, nhưng bị nhà cầm quyền Việt Nam cấm đi. Ông phải qua Trung Hoa, rồi mới đến ải Nam Quan. Ông tận mắt thấy ải Nam Quan nằm sâu trong đất liền của Trung Hoa 5 km. Ông Trần Đại Sỹ đã sáng tác một bài thơ bằng chữ Nho, đề ngày 6-9-2001, khắc trên bia đá và đặt tại sườn núi ải Nam Quan, mở đầu bằng những câu như sau: "*Thử địa cựu Nam Quan,/ Biên địa ngã cố hương./ Kim thuộc Trung Quốc thổ,/ Khấp, khốc, ký đoạn trường...*" (Ông Trần Đại Sỹ tự dịch thành thơ như sau: "*Đất nầy xưa gọi Nam Quan,/ Vốn là biên địa cố hương của mình./ Hiện nay là đất Trung nguyên,/ Khóc chảy máu mắt, đoạn trường ai hay.*) (31)

Dù nhà cầm quyền CSVN chưa tiết lộ nội dung hiệp ước về biên giới, việc bác sĩ Trần Đại Sỹ đến thăm tận nơi ải Nam Quan, chứng kiến tận mắt cửa ải nầy nay nằm sâu trong lãnh thổ Trung Hoa 5 cây số, là bằng chứng cụ thể hiển nhiên và rõ ràng rằng vùng đất Nam Quan đã thật sự ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra, nếu ải Nam Quan nằm sâu trong đất liền CHNDTH 5 cây số, có nghĩa là hầu như vùng đất phía bắc sông Kỳ Cùng và Bằng Giang đã thuộc CHNDTH.

Cuối cùng, **nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội phải thừa nhận việc mất ải Nam Quan ở Lạng Sơn cũng như mất một diện tích lớn trên mặt biển.**

* Trong tài liệu tuyên truyền viết dưới hình thức vấn đáp do Công Ty Phát Triển Phần Mềm (VASC Orient) thực hiện ở Hà Nội ngày 28-1-2002, thứ trưởng Ngoại giao nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội, đã được Hà Nội đưa lên mạng lưới thông tin quốc tế, ông Lê Công Phụng, trưởng đoàn Việt Nam trong cuộc thương thuyết biên giới Việt Hoa, **đã công khai xác nhận ải Nam Quan ngày nay đã nằm trong vùng đất của CHNDTH.**

Đáp câu hỏi về thực tế ải Nam Quan ngày nay của nhân viên VASC, ông Lê Công Phụng trả lời (nguyên văn) như sau: "*Nếu chúng ta bắt đầu tính biên giới từ chân tường hoặc chia đôi cửa mục Nam Quan thế cũng không được. Còn cột mốc số không – nhân dân Lạng Sơn báo cáo với Trung ương, Chính phủ và các nhà đàm phán rằng cột mốc có từ khi những người già chưa ra đời. Chúng ta tôn trọng cơ sở pháp lý đã có, tôn trọng thực tiễn, nhất là vì lâu nay quản lý đã như vậy. Cho nên hiện nay chúng ta công nhận mục Nam Quan là của Trung Quốc, cách cột mốc số 0 trên 200 m. Tính cột mốc số không về phía Nam là lãnh thổ của Việt Nam. Từ cột mốc số 0 về phía bắc là cuả trung quốc.*" (32)

Khi trả lời như thế, ông Lê Công Phụng không cho biết cột mốc số 0 nào? Cột mốc đã dựng đúng vị trí từ năm 1887, hay cũng cột mốc đó mà đã bị di dời sau năm 1979? Ông Lê Công Phụng công nhận kiến trúc mục Nam Quan là của Trung Quốc là đúng, vì *Đại Nam nhất thống chí* nói rõ ràng rằng "*Cửa nầy dựng từ năm Gia Tĩnh nhà*

Minh, đến năm Ung Chính thứ 3 [1725] *nhà Thanh, án sát tỉnh Quảng Tây là Cam Nhữ Lai tu bổ lại có tên nữa là 'Đại Nam Quan'.*" Tuy nhiên ông Lê Công Phụng cố tình bỏ qua những chi tiết về ải Nam Quan ghi lại trong *Đại Nam nhất thống chí* mà cá nhân ông, cũng như ban nghiên cứu về biên giới cuả CSVN chắc chắn dư biết. Đó là ải Nam Quan "*có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở... Phía bắc cửa có*

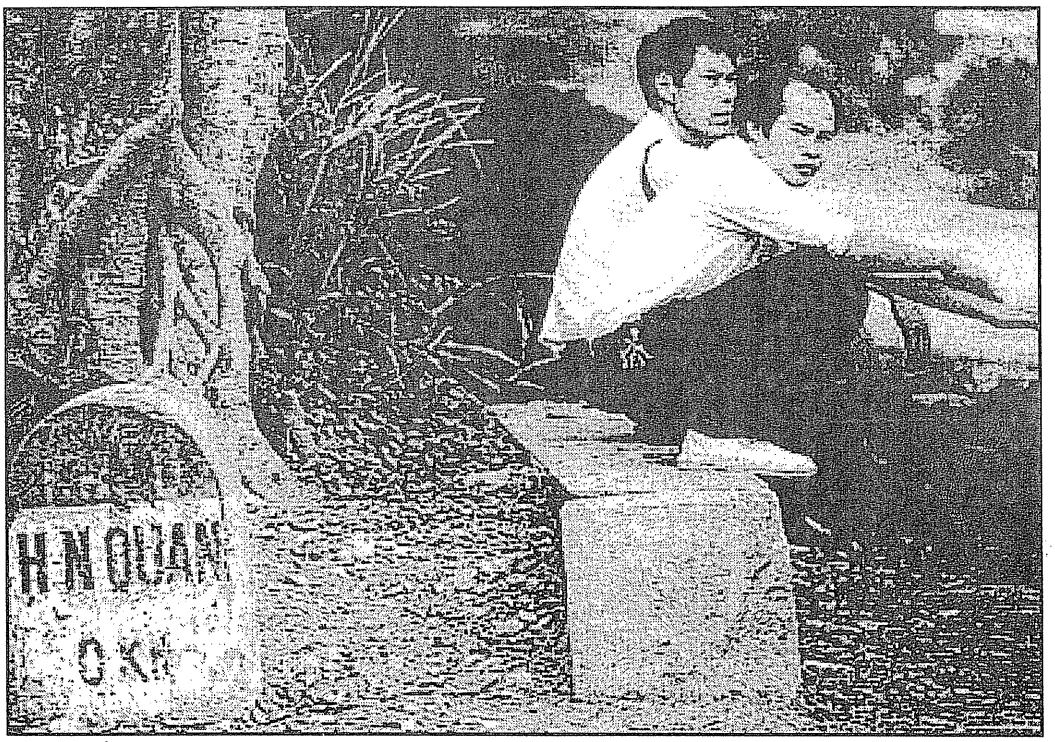

Cột cây số 0 tại Nam Quan (hình của báo L'Express (Pháp) ngày 24/1/2002)

'Chiêu đức đài,' đàng sau đài có "Đình tham đường" (nhà giữ ngựa) của nước Thanh; phía nam có 'Ngưỡng đức đài' của nước ta, bên tả bên hữu, có hai dãy hành lang, mỗi khi sứ bộ đến cửa quan thì dùng chỗ nầy làm nơi tạm nghỉ. (Hình chụp ải Nam Quan cũ của người Pháp có cảnh mấy ngôi nhà nầy.) Điều đó có nghĩa rằng ngay tại cửa đó là ranh giới giữa hai bên. Bước qua bên nầy hay bên kia cửa ải là địa phận khác nhau. Lùi lại 200 mét như ông nói có nghĩa là mất 200 mét.

Ông Lê Công Phụng còn chống chế rằng CHXHCNVN chỉ lùi biên giới có 200 mét chứ không nhiều như dư luận cuả "*rất nhiều lực lượng thù địch từ bên ngoài đang tìm cách gây khó khăn cho chính phủ và nhân dân chúng ta trong việc phát triển quan hệ đối ngoại*" (nguyên văn). (32) Biên giới lùi lại dài ngắn bao nhiêu thì chưa ai biết cụ thể, ngoài những nhà lãnh đạo cộng sản, nhưng dù chỉ lùi lại 200 mét, có nghĩa là cơ sở kiến trúc Việt Nam có từ đời nhà Nguyễn tại ải Nam Quan đã thật sự mất rồi. Đây là lời thú nhận công khai chính thức đầu tiên của một viên chức cầm quyền cộng sản Hà Nội. Cần chú ý thêm là ngoài giá trị lịch sử đối với dân tộc, ải Nam Quan còn giữ một vị trí chiến lược rất quan trong việc phòng thủ biên giới.

Thời đại ngày nay là thời đại nguyên tử, vũ khí chiến tranh tối tân, hiện đại. Tuy nhiên, trong những cuộc đụng độ địa phương, và nhất là trong trận địa chiến, địa hình chiến sự vẫn giữ một vai trò quan trọng trong cách bố trí chiến đấu. Như trên đã nói, qua cách mô tả trong *Đại Nam nhất thống chí*, địa thế ải Nam Quan rất hiểm trở, chỉ có một đường đèo nhỏ hẹp, nằm giữa hai bên là hai dãy núi. Ải Nam Quan và vùng đất hiểm trở phía bắc sông Kỳ Cùng là vị trí và địa thế quân sự chiến lược như là một tiền đồn vững vàng ở địa đầu đất nước để chống lại những cuộc hành quân trên bộ từ phía bắc xuống, hay ít ra cũng làm chậm lại bước tiến của địch thủ.

Trong cuộc chiến năm 1979, quân CHNDTH tấn công sáu tỉnh biên giới, nhưng chỉ tràn ngập đông đảo chiếm ba thị xã Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn vì ba vùng nầy có thung lũng chạy dọc theo các dòng sông nên dễ chuyển quân. Trong ba thị xã trên đây, Lạng Sơn gần Hà Nội nhất và dễ xuống Hà Nội theo đường sông Thương.

Đường bộ từ tỉnh lỵ Lạng Sơn về tới Hà Nội dài dưới 160 km. Với phương tiện giao thông ngày nay, vượt qua đoạn đường nầy chỉ cần vài giờ đồng hồ. Nếu chuyển quân với trang bị đầy đủ cũng chẳng tốn nhiều thời gian. Do đó, vị trí chiến lược ải Nam Quan vô cùng quan trọng cho sự phòng thủ Hà Nội. Nay nhà cầm quyền Trung Hoa chiếm được cửa ải Nam Quan, nghĩa là chiếm được đoạn đèo thông thương bắc nam tại vùng nầy. Như thế, họ đã loại bỏ được chướng ngại đầu tiên khi xâm nhập nước ta, mà tổ tiên họ đã phải tốn bao nhiêu xương máu để vượt qua, nhưng không có cách gì giữ được, và cuối cùng đều bị đẩy lui về phía bên kia cửa ải.

* Một phần vì tin tức đã bị tiết lộ ra ngoài, một phần vì liên hệ đến tàu thuyền quốc tế qua lại trên biển, nên do sự thúc bách của CHNDTH muốn công khai hóa sự thừa nhận chủ quyền lãnh hải của Trung Hoa, ông Lê Công Phụng, thứ trưởng Ngoại giao CSVN, đã viết bài "Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam – Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ," tiết lộ cho biết một số điểm trong hiệp ước nầy, trên tạp chí *Cộng Sản*, số 2 tháng 1-2001.

Theo ông Lê Công Phụng, CHNDTH không chấp nhận đường phân chia hải phận vịnh Bắc Việt trong hiệp ước Pháp Hoa ký kết tại Thiên Tân ngày 26-6-1887 dưới triều nhà Mãn Thanh. (33) Nhà cầm quyền CSTH cho rằng hiệp ước nầy bất công và đòi phân chia lại vịnh Bắc Việt. CHXHCNVN vì yếu thế đành nhượng bộ. Xin hãy nghe người trong cuộc, ông Lê Công Phụng, kể lại: "*Trong quá trình đàm phán, hai bên đã vận dụng các nguyên tắc như sau để giải quyết: một là căn cứ vào quy định của công ước Luật biển 1982 của Liên Hiệp Quốc* [34] *cũng như các nguyên tắc luật pháp quốc tế và tập quán được công nhận rộng rãi; hai là hai bên tính đến cac đặc thù của vịnh Bắc Bộ như sự hiện diện của các đảo, chiều dài bờ biển v.v...; ba là, việc giải quyết vấn đề phân định phải xuất phát từ thực trạng cũng như nhu cầu phát triển quan hệ giữa hai nước; bốn là bảo đảm nguyên tắc công bằng và chiếu cố lợi ích của nhau. Về diện tích, phía Trung Quốc kiên trì chủ trương đại thể chia đôi*, [35] *thừa nhận ta có thể nhỉnh hơn nhưng không đáng kể. Ta chủ trương giải pháp công bằng phải phù hợp với các hoàn cảnh hữu quan trong vịnh như sự hiện diện của các đảo của ta*, [36] *chiều dài bờ biển của ta lớn hơn v.v....*"

Cuối cùng rồi CSVN phải thuận theo những áp đặt của CSTH. Kết quả là phân chia hải phận mới không còn là đường thẳng cũ, mà là một đường gãy khúc nối liền bởi những đường thẳng ngắn dọc theo các hải đảo. So với đường kinh tuyến 108 độ 03 phút 18 giây, thì đường phân chia mới nầy, phía bắc đảo Bạch Long Vỹ lấn một ít về phía Trung Hoa, nhưng từ đảo nầy trở xuống thì lấn khá nhiều qua phía Việt Nam.

Vịnh Bắc Việt rộng 126.250 km2. So với cách phân chia lãnh hải ngày 26-6-1887 thời Pháp thuộc (Việt Nam được 62%, Trung Hoa được 38%), cách phân chia lãnh hải ngày 25-12-2000 (Việt Nam được 53,23%, Trung Hoa được 46,77%) đã làm cho Việt Nam mất trên 8% diện tích vịnh Bắc Việt, tương đương với khoảng trên 10.000 km2. Thế mà ông Lê Công Phụng cho rằng CHXHCNVN đã thắng lợi, vì "*Ta hơn Trung Quốc 6,46% tức khoảng 8205 km2*." (nguyên văn bài đã dẫn)

Theo đường phân chia mới trên vịnh Bắc Việt, đảo Bạch Long Vỹ chỉ còn cách hải phận CSTH 15 hải lý. Đảo nầy rộng khoảng 3 km2, tuy nhỏ nhưng Bạch Long Vỹ rất quan trọng về kinh tế cũng như về quốc phòng.

Về kinh tế, vùng biển khu vực Bạch Long Vỹ có nhiều hải sản, nhất là bào ngư, có giá trị dinh dưỡng cao mà người Việt rất thích dùng. Hiện nay, người ta được biết đáy biển vùng nầy có nhiều tiềm năng về chất đốt mà chưa được khai thác.

Về quốc phòng, Bạch Long Vỹ giữ vị trí chiến lược tiền tiêu để bảo vệ Bắc Việt. Thời Pháp thuộc, Pháp đã đặt một đơn vị hải quân ở đây kiểm soát tàu bè đi lại trên vịnh Bắc Việt. Theo tuyên truyền của CSBV, trong thời gian chiến tranh trước năm 1975, "*quân và dân đảo đã bắn rơi 23 máy bay Mỹ, đánh đuổi 3 tàu chiến xâm phạm chủ quyền của ta.*" (37)

Trong bài viết của mình, ông Lê Công Phụng cũng nêu rõ điểm nầy: "*Phần vịnh phía ta có khoảng 1300 hòn đảo ven bờ, đặc biệt có đảo Bạch Long Vỹ nằm cách đất liền nước ta khoảng 110 km, cách đảo Hải Nam (Trung Quốc) khoảng 130 km. Vịnh có vị trí chiến lược quan trọng đối với Việt Nam và Trung Quốc về an ninh và quốc phòng...*" (bài đã dẫn).

Đảo Bạch Long Vỹ vừa nhỏ, vừa chơ vơ nằm ngoài biển cả, cách nước ta khoảng 110 cây số và cách hải phận Trung Hoa theo hiệp ước mới chỉ có khoảng 15 hải lý, nghĩa là nằm trong mối đe dọa thường trực của hải quân CSTH. Vị trí

chiến lược nầy sẽ rơi vào tay CSTH dễ dàng nếu xảy ra tranh chấp giữa hai bên.

(Còn tiếp)

CHÚ THÍCH:

1. Gia Tĩnh: niên hiệu duy nhất của vua Minh Thế Tông (trị vì 1522-1566).

2. Ung Chính (Yung-chen): niên hiệu duy nhất của vua Thanh Thế Tông (trị vì 1723-1735).

3. Theo *Từ điển Việt Pháp* của J.F.M. Genibrel, Nhà in Tân Định, Sài Gòn, 1898, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, chụp in lại năm 1973, thì 1 trượng = 10 xích; 1 xích = 0,487 m.; vậy 1 trượng = 4,87 m. Theo những dịch giả bộ *Cương mục* thì: 1 trượng = 10 thước, 1 thước Tàu = 0,3333 thước tây, vậy 1 trượng = 3,33 m. (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Việt sử thông giám cương mục*, viết tắt là *Cương mục*, bản dịch Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội 1957, , *sđd.* tr. 160.)

4. Càn Long (Ch'ien-lung): niên hiệu duy nhất của vua Thanh Cao Tông (trị vì 1736-1795).

5. Đại Nam nhất thống chí, viết tắt *ĐNNTC*, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb. Thuận Hóa, 1997, tập 4, tt. 384-385.

6. Cảnh Hưng: niên hiệu duy nhất của vua Lê Hiển Tông (trị vì 1740-1786)

7. ĐNNTC, sđd. tr. 385.

8. Nhạn Môn Quan, mang tên nầy vì nơi đây có nhiều chim nhạn, ở tỉnh Tuy Viễn, giáp Mông Cổ, cửa ải cực bắc Trung Hoa. Nhạn Môn Quan nổi tiếng với câu chuyện "Chiêu Quân cống Hồ". Chiêu Quân, tên là Vương Tường, cung phi của Hán Nguyên Đế (48-33 TCN). Hán Nguyên Đế có nhiều cung phi, sai Mao Diên Thọ vẽ hình cung phi cho vua tuyển chọn. Chiêu Quân tự tin mình đẹp, không đút lót tiền bạc cho Mao Diên Thọ. Khi Diên Thọ vẽ Chiêu Quân, y thêm một nốt ruồi lên khuôn mặt, rồi nói với nhà vua rằng Chiêu Quân có nốt ruồi sát phu, vua không nên gần. Nguyên Đế tin thật. Lúc đó, vua Hung Nô ở phía bắc đang thế mạnh, yêu cầu vua Hán phải gởi cống phẩm cùng một cung phi đẹp. Diên Thọ mưu cùng các gian thần gởi Chiêu Quân ra đi. Khi triều yết nhà vua để từ biệt, Hán Nguyên Đế mới biết Chiêu Quân là tuyệt thế giai nhân, nhưng việc đã rồi, không thay người khác được, đành phải để Chiêu Quân ra đi. Tương truyền rằng Chiêu Quân chẳng những đẹp mà có tài văn thơ. Khi qua Nhạn Môn Quan, cửa ải cuối cùng phía bắc nước Trung Hoa, Chiêu Quân xót xa cho thân thế, cảm tác nhiều bài thơ rất cảm động. "Chiêu Quân cống Hồ" (Hồ tức là Hung Nô) trở thành đề tài cho văn nhân thi sĩ Trung Hoa cũng như Việt Nam. (Câu 479 trong *Truyện Kiều*: "Quá quan nầy khúc Chiêu Quân".)

9. *Chữ "mục" trong Hoa ngữ có ba cách viết với ba nghĩa khác nhau: Mục .... (thuộc bộ ngưu, 8 nét) có nghĩa là người nuôi trâu bò, gia súc (ví dụ "mục đồng": đứa trẻ chăn nuôi). Mục .... (5 nét) là con mắt (ví dụ "mục kích": chính mắt trông thấy). Mục .... (thuộc bộ mục, 13 nét) nghĩa là hòa thuận (ví dụ "mục lân": xóm giềng hòa hợp). Mao Trạch Đông dùng chữ "Mục Nam Quan" trong nghĩa chữ "mục" chót. (Xin cảm ơn Thầy Nguyễn Khắc Kham và anh Trần Huy Bích đã góp ý sửa lại sai lầm cuả người viết trong bài đăng báo lần đầu.)

* Về sau, danh xưng "Hữu Nghị Quan" được dùng để chỉ các cửa ải khác giữa CHXHCNVN và CHNDTH, ví dụ ải ở Lào Cai cũng gọi là "Hữu Nghị Quan." Điều nầy dễ hiểu, ví dụ nước ta nơi nào có núi đá giống hình mẹ bồng con đều được đặt tên là núi "Vọng Phu". Có ít nhất bốn nơi mang tên "Vọng Phu": Lạng Sơn, Thanh Hóa, Bình Định, Khánh Hòa (vùng núi giáp Phú Yên). CSVN rất mong giữ tình hữu nghị với CSTH nên cửa ải nào giữa hai nước cũng đặt là "Hữu Nghị Quan".

* Vì CHNDTH đã chiếm ải Nam Quan, nên ngày nay, tại Lạng Sơn, phía nam ải Nam Quan đã mất, có một "Hữu Nghị Quan" mới giữa hai nước.

10. Bên Trung Hoa, Chu Toàn Trung lật đổ nhà Đường năm 907, lập ra nhà Hậu Lương (907-923). Năm 908 (mậu thìn), nhà Hậu Lương đặt Lưu Ẩn là tiết độ sứ Thanh Hải (Quảng Châu), kiêm tiết độ sứ Tĩnh Hải (Giao Châu) nhằm để lấy lại nước cổ Việt. Lưu Ẩn qua đời năm 911 (tân mùi), em là Lưu Cung (hay Nham, Yêm) lên thay. Lưu Cung tự xưng đế, đặt quốc hiệu là **Nam Hán** năm 917 (đinh sửu)

11. Lời "chua" của *Cương mục*, *sđd* tt. 166-167: " *Bắt đầu từ sông Lục Đầu thuộc địa hạt tỉnh Bắc Ninh phân lưu chảy vào địa hạt tỉnh Hải Dương: một chi theo Mỹ Giang, một chi theo Châu Cốc Sơn, hai chi hợp lại ở xã Đoan Lễ. Khúc sông hợp lại nầy gọi là sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng phía nam giáp giới huyện Thủy Đường, tỉnh Hải Dương; phía bắc giáp giới huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Yên; chuyển về phía nam 29 dặm, đổ ra cửa biển Nam Triệu. Theo sách Địa lý chí* [Dư địa chí] *của Nguyễn Trãi, sông Bạch Đằng còn có tên gọi nữa là sông Vân Cừ, rộng hơn 2 dặm, ở đó có nhiều núi cao ngất, nhiều ngành sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bến, thực là một nơi hiểm yếu về đường biển.* "

Theo Nguyễn Khắc Ngữ trong *Việt Nam, đất nước mến yêu*, Văn Hoá, Montréal, 1984, tr. 128, sông Bạch Đằng nay gọi là sông Đà Bạch, một thoát lưu của sông Thái Bình.

12. Jennifer Holmgren, *Chinese Colonisation of Northern Vietnam*, Australian National University Press, Canberra, 1980, tr. 14.

13. Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền, *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn* [Hoàng Xuân Hãn toàn tập], Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1998, tr. 418. [Sách nầy in lại toàn bộ tác phẩm của giáo sư Hoàng Xuân Hãn.]

14. Vùng sông Lục Nam gặp sông Thương, nay thuộc tỉnh Hải Dương.

15. Theo *Cương mục*, Nội Bàng ở Lạng Sơn (bản dịch, *sđd.* tr. 524), nhưng học giả Đào Duy Anh, đi nghiên cứu tại chỗ, cho rằng Nội Bàng có thể ở xã Chú, tỉnh Bắc Giang, bên cạnh Lạng Sơn. (Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, in lần thứ 2, 1997, tr. 246.)

16. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, in lần thứ 7, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn, 1964, tr. 207.

17. Đại Việt sử ký toàn thư, viết tắt là *Toàn thư*, bản dịch của Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tập 2, tt. 272, 276.

18. Toàn thư, bản dịch, tập 3, tt. 122-123.

19. Toàn thư, bản dịch tập 3, tr. 121. *Cương mục*, bản dịch, tr. 1338. *Cương mục* đã dựa vào *Quảng Yên sách*, cho rằng động An Lương thuộc châu Vạn Ninh, vẫn còn của nước ta, và cho rằng *Toàn thư* chép lầm.

20. Hoàng Xuân Hãn, "Việt Thanh chiến sử", đăng lại trong Hữu Ngọc, Nguyễn Đức Hiền, *sđd.* tr. 1341.

21. Điều 4 chương 1 Hiến pháp năm 1992 của CHXHCNVN xác nhận vai trò lãnh đạo tối cao của đảng CSVN. Sau đây là nguyên văn điều nầy: "*Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của đảng hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.*"

22. Theo lý thuyết chiến tranh du kích, du kích quân luôn luôn cần đến một hậu cứ an toàn để lẫn tránh, bảo toàn lực lượng khi bị truy đuổi. Lãnh thổ Trung Hoa là hậu cứ an toàn cho Việt Minh cộng sản chạy trốn khi bị truy đuổi. Quân đội Quốc Gia và quân đội Pháp không thể xâm phạm lãnh thổ Trung Hoa.

23. Bài của ông Vũ Khoan được ông Ngô Nhân Dụng trích dẫn trong bài bình luận "Mốc Mới", nhật báo *Người Việt Online*, California, ngày 27-01-2002.

24. Lúc đó, người viết bài nầy đang ở Đà Nẵng. Một diễn viên trong đoàn xiếc Hải Phòng, lên biên giới phía bắc trình diễn giúp vui cho quân dân sau chiến tranh, đã kể lại cho người viết rằng ít nhất 20 năm sau, Việt Nam chưa có thể xây dựng lại Lạng Sơn như trước khi đánh nhau với Trung Hoa. Lời nói đó, bây giờ thấy đúng.

25. Bài viết của ông Lý Công Luận từ Hà Nội ngày 4-2-2002, được *Việt Báo Online*, California, đăng lại số 2496, ngày 6-2-2002.

26. Nguyễn Thanh Giang trả lời phỏng vấn ngày 24-2-2002 của Đài Phát thanh Little Sài Gòn, Orange County, California. *Người Việt Online*, ngày 25-1-2002, mục "Tin Việt Nam".

27. Lê Công Phụng [thứ trưởng Ngoại giao Hà Nội, trưởng đoàn thương thuyết Việt Nam], "Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam – Trung Quốc trong vịnh Bắc Bộ", tạp chí *Cộng Sản*, Hà Nội, số 2 tháng 1-2001.

28. Nguyễn Văn Canh, "Việc thi hành hiệp ước biên giới 1999", *Việt Báo Online*, California ngày 22-1-2002.[Ông Nguyễn Văn Canh, tiến sĩ Luật, Giáo sư Đại học Luật Khoa Sài Gòn trước năm 1975, hiện là thành viên Hoover Institude, Đại học Stanford.]

29. Điều mỉa mai là ngày 4-1-2002, các sinh viên Việt Nam (dưới chế độ cộng sản) du học ở nước ngoài, nhận được một tờ quảng cáo của Tổng cục Du lịch Trung Quốc, mời sinh viên Việt Nam đi thăm các thắng cảnh vùng cực nam nước Trung Hoa như Mục Nam Quan (Ải Nam Quan), Thác Bản Giốc, và tắm biển Hoàng Sa, câu cá Trường Sa, đi du thuyền trên vịnh Bắc Việt.(Dương Thái Sơn, "Vấn đề Cộng Sản bán nước và chiến lược đấu tranh", *Việt Báo Online*, số 2483 ngày 24-1-2002.)

30. Nguyên văn bản văn nầy được đưa lên liên mạng thông tin quốc tế: tạp chí *Việt Nam Dân Chủ*, tháng 12-2001, http:www.lmvntd.org/dossier/0111knghi.htm.

31. Trần Đại Sỹ, "Bí mật vụ hiến đất dâng biển", Bản văn được chuyển qua Liberty Flame, lưu trên Internet theo địa chỉ http://groups.yahoo.com/group/HoiNghi/message/17582 (*Viet Bao Online*, ngày 14 tháng 1 năm 2002 trích đăng lại). Địa chỉ của ông Trần Đại Sỹ: số 5, Place Félix Éboué, 75012 Paris, France. Theo ông Trần Đại Sỹ, khi được chia 38 % trên vịnh Bắc Việt, nhà Thanh rất mừng vì từ trước, người Trung Hoa coi vịnh Bắc Việt là của Việt Nam.

32. Bài phỏng vấn ông Lê Công Phụng ngày 28-1-2002 của đại diện do Công Ty Phát Triển Phần Mềm (VASC Orient) thực hiện ở Hà Nội được đưa lên internet theo địa chỉ vnn.vn/pls/news/VASC_Orient, hoặc vào saigonbao.com, rồi chọn mục Hận Nam Quan (hay trực tiếp hannamquan.com). Trong *Hận Nam Quan*, có đăng lại bài phỏng vấn nầy.

33. Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và thương mại ký tại Thiên Tân ký ngày 9-6-1885 giữa Pháp (Jules Patenôtre đại diện) và triều đình nhà Thanh (Lý Hồng Chương đại diện) gồm 10 điều, trong đó điều 3 quy định việc thành lập "Uỷ ban hoạch định biên giới Việt Nam – Trung Hoa" gồm đại diện hai bên để vẽ lại cụ thể biên giới hai bên. Sau hai năm làm việc, Pháp và triều đình nhà Thanh ký kế hiệp ước *Thiên Tân* về biên giới ngày 26-6-1887. Trên biển, theo hiệp ước năm 1887, đường ranh giới hải phận (Zone Économique Exclusive) là một đường thẳng bắc nam, giữa Việt Nam và Trung Hoa tại vịnh Bắc Việt, được phân định theo kinh tuyến Greenwich 108 độ 03 phút 18 giây, tính ra Việt Nam được 62% và Trung Hoa 38% vịnh Bắc Việt. (Tạp chí *Lướt Sóng*, "Sau khi mất đất, Việt Nam mất tới biển: Hơn một nửa vịnh Bắc Việt thuộc Trung Cộng", *Việt Báo Online*, California, đăng lại, ngày 28-1-2002.) (Đường kinh tuyến 108 độ 03 phút 18 giây phân chia lãnh hải Việt Hoa còn được gọi là "Ligne rouge" tức "Red Line", hay "hồng tuyến" tức "đường thẳng đỏ".

34. Luật biển Liên Hiệp Quốc (United Nations Convention on the Law of the Sea), ban hành ngày 10-12-1982, theo đó những nước có bờ biển lởm chởm sẽ dùng những "đường thẳng căn bản" (baseline) nối liền các mũi đất và hải đảo để phân chia.

35. CSTH chủ trương chia hai vịnh Bắc Việt, có nghĩa là tính từ đảo Hải Nam của Trung Hoa đến bờ biển Bắc Việt.

36. Phía CSVN nói đến sự hiện diện của các đảo, có nghĩa là phân chia giữa đảo cực đông cuả Việt Nam là Bạch Long Vỹ và đảo Hải Nam của Trung Hoa.

37. Nguyễn Văn Tân, *Từ điển địa danh lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, trang 81.

GIAI THOẠI NGOẠI GIAO NĂM 2001

TỪ TRÌ

Mở đầu Đệ tam thiên niên kỷ và thế kỷ thứ XXI, năm 2001 vừa qua đã thấy các nhà ngoại giao trên thế giới hoạt động mạnh mẽ không kém những năm trước. Nhất là sau các vụ khủng bố ở Mỹ của những người hồi giáo cuồng tín thuộc tổ chức Al-Qaida. Các nhà ngoại giao càng hoạt động mạnh chúng ta lại càng thấy những giai thoại lý thú.

Công xuất ngoại giao

Những vụ xuất ngoại của các «ông lớn » đã cho công chúng nhiều dịp đàm tiếu và hay làm cho các quốc gia sở tại điên đầu, nhức óc.

Tháng 2-2001, ông Ariel Sharon, thuộc phe cực hữu của Do Thái thắng cử, được bổ nhiệm làm thủ tướng. Ông ngỏ ý muốn viếng Pháp. Ý định này làm cho bộ Ngoại giao Pháp hết sức lúng túng, vì tháng 10 năm trước, chính phủ Paris đã chót tuyên bố là sẽ không tiếp ông sau khi ông xúi bẩy dân Do Thái biểu tình, đụng độ với người Palestine ở thành phố Jérusalem, gây ra nhiều vụ đổ máu.

Đến tháng 4, lại đến phiên tướng Khaled Nezzar, nguyên tổng trưởng quốc phòng Algérie, làm chính phủ Pháp bối rối, khi ông sang Pháp với tính cách tư nhân để giới thiệu cuốn sách của ông. Vì trước kia ông đã để cho thuộc hạ tra tấn dã man những người đối lập nên những người này, giờ tỵ nạn ở Pháp, kiện ông trước toà án Pháp. Áp dụng Công ước quốc tế 1984, công tố viện Paris truy tố ông Nezzar và ra lệnh tống giam ông. Thế là với sự đồng lõa của bộ Ngoại giao Pháp, sứ quán Algérie phải vội vàng cấp cho ông thông hành ngoại giao để ông được hưởng đặc quyền đặc miễn ngoại giao. Và ông đã lợi dụng lúc mọi người còn phân vân không biết xử trí ra sao, lẻn ra phi trường trốn mất.

Đến tháng 5 thì cậu con quí tử của Chủ Tịch Bắc Cao Kim Jong-il tên là Kim Jong Nam cùng với hai người đàn bà và một đứa con nít bốn tuổi, mang hộ chiếu giả, đáp máy bay của hãng hàng không Japan Airlines tới phi trường Narita ở Tokyo. Sau hai ngày chối bai bải, cậu Nam phải thú nhận mình là con của lãnh tụ Bắc Cao. Vì cậu chuyên môn về ngành tin học nên chính quyền Nhật nghi là cậu sang làm gián điệp kỹ nghệ, dò xét hệ thống điện tử của Nhật.

Thật ra thì cậu chỉ muốn sang du hí trên đất Phù Tang để thay đổi cái không khí quá khắc khổ, ngột ngạt của nước nhà do «vua cha» cai trị mà thôi. Tuy vậy sở di trú Nhật vẫn cứ trục xuất cậu về Cao Ly.

«Vua cha» Kim Jong-il tuy áp dụng chính sách khắc khổ để trị dân nhưng cũng thèm đời sống xa hoa. Vì vậy mà đến tháng 7, khi ông sang viếng thăm Tổng Thống Nga Vladimir Poutine, ông đã huy động một chuyến xe lửa sang trọng xa xỉ tốn hàng triệu Mỹ kim chỉ để đi có vài ngàn cây số thay vì là đi máy bay rẻ hơn. Trong khi đó nạn đói đe dọa dân chúng trong nước.

Cuộc xuất ngoại công du của tân Tổng Thống Hoa Kỳ Geoge W. Bush vào tháng 6, cũng ngoạn mục không kém. Vì không quen với chính trị quốc tế, ông phạm rất nhiều lỗi lầm khiến mỗi lần ông phát ngôn là một lần các tả hữu run sợ. Khi tới Tây Ban Nha, ông Bush gọi Thủ Tướng Jose Maria Aznar là ông «Anza» và nhất định cho ông này danh hiệu Tổng Thống.

Sau đó ông yêu cầu Tổng Thống Nga Poutine đến hội kiến với ông ở xứ Slovénie để tỏ ra là ông không còn lộn nước Slovénie với nước Slovaquie như ông đã lộn trong cuộc cổ động bầu cử năm trước nữa.

Tai tiếng ngoại giao

Trong tháng 9-2001, trên trường quốc tế có ba vụ tai tiếng, «xì căng đan,» xẩy ra.

Trước hết là vụ Tổng Giám Mục da đen Emmanuel Milingo, 71 tuổi, làm lễ thành hôn với nữ bác sĩ Đại Hàn Maria Sung, 43 tuổi, thuộc

giáo phái Moon, trong một đám cưới tập thể do linh mục Sun Myung Moon chủ tọa, tại New York, vào tháng 5. Ông Milingo trước kia làm Tổng Giám Mục địa phận Lusaka, xứ Zambie. Nhưng vì có những hoạt động phù thủy không phù hợp với luật lệ của Toà Thánh La Mã nên ông đã phải từ chức và được về giữ một chức vụ không có thực quyền ở Vatican.

Đến tháng 9, Toà Thánh bắt buộc ông phải từ bỏ cuộc hôn nhân của ông với người đàn bà Đại Hàn nếu ông không muốn bỏ đạo. Nhưng ông lại được dân chúng Phi châu và Hàn quốc yêu chuộng. Sau nhiều ngày thương thuyết giữa các nhà ngoại giao Vatican, Phi châu và Đại Hàn, Tổng Giám Mục Milingo bằng lòng rời bỏ người đàn bà Đại Hàn và tuyên bố: «Từ nay chỉ yêu cô như một người em gái mà thôi.»

Về phần người đàn bà, thì sau khi tuyệt thực ba tuần lễ để bảo vệ tình yêu của hai người, đã tuyên bố: «Sẽ ở vậy suốt đời và hẹn gặp lại người yêu ở thế giới bên kia.»

Vụ tai tiếng thứ hai là việc Đại tá Kadhafi, lãnh tụ xứ Libye, tuyển lựa một số con gái Sénégal và Pháp, tuổi từ 18 đến 26 với thân hình kiều diễm, kiểu những người mẫu trình bầy thời trang y phục, chở đầy một chiếc máy bay đem về nước ông. Máy bay bị cảnh sát Sénégal bắt giữ ở phi trường Dakar và ngoại trưởng Sénégal Cheikh Tidjane Gadio lớn tiếng lên án Libye «Tuy là một nước anh em Phi châu mà có những hành động bất thân thiện không thể chấp nhận được.»

Sau khi vụ này đổ bể người ta được biết thêm rằng ông Kadhafi đã nhiều lần làm như vậy. Trong tháng 2-2001, ông cũng đã tuyển một số «đầm Pháp,» nhốt lại trong một khách sạn sang trọng ở thủ đô Tripoli. Nhưng sau đó vì họ kêu khóc, la ó lớn quá khiến sứ quán Pháp biết chuyện, ra tay can thiệp mạnh mẽ, ông đành phải thả cho họ về nước.

Vụ tai tiếng thứ ba cũng xẩy ra vào tháng 9. Ông Rudolf Scharping, 53 tuổi, Tổng trưởng Quốc phòng Đức, hay dùng máy bay quân sự đi thăm nữ bá tước Kristina Pilati, 51 tuổi, ở đảo Majorque, mỗi khi ông đi thanh tra quân đội Đức đồn trú ở Macédoine. Báo chí còn in hình ảnh hai người du dương ở hồ tắm.

Bị chất vấn trước Quốc hội về vụ này, Thủ Tướng Đức Gerhard Schroeder xác nhận rằng ông vẫn tiếp tục tín nhiệm ông Scharping, nhất là trong lúc nước Đức đang can thiệp quân sự để đối phó với cuộc khủng hoảng chính trị ở Macédoine.

Nói thật mất lòng

Một qui tắc căn bản của hoạt động ngoại giao là không nên nói thẳng quá, nhất là không nên chỉ trích một quốc gia khác hay lãnh tụ nước ngoài. Vì vậy mà các nhà ngoại giao thường giữ mồm giữ miệng cẩn thận.

Sau vụ khủng bố ở Mỹ của các người Hồi giáo cuồng tín, ông Silvio Berlusconi, Thủ tướng Ý, tuyên bố rằng nền văn minh Tây Âu có giá trị cao hơn là các nền văn minh Hồi giáo. Câu nói vô trách nhiệm này đã làm cho các nước trên thế giới, nhất là các nước Ả Rập Trung Đông phẫn nộ.

Sau đó, ông Louis Michel, ngoại trưởng Bỉ, khi đánh giá các lãnh tụ thế giới, đã tuyên bố với báo chí là ông tặng cho ông Berlusconi một con số không, khiến chính phủ Ý lên tiếng phản kháng. Và rút cục Thủ tướng Bỉ Verhofstadt phải xin lỗi ông Berlusconi và xác nhận với ông ta là ông Michel «rất tiếc là đã xúc phạm tới ông.»

Thật ra thì ông Michel, một nhà ngoại giao lão thành, đã cố tình đả kích ông Berlusconi để các nước Ả Rập bớt giận. Vì ông Michel, với tư cách Chủ tịch Hội đồng Tổng trưởng của Liên Hiệp Âu châu, đang gửi qua các nước này một phái đoàn của Liên hiệp Âu châu để vận động họ tham gia vào công cuộc chống khủng bố.

Một nhà ngoại giao giầu kinh nghiệm khác cũng phạm vào «tội nói thẳng.» Đó là ông Daniel Bernard, đại sứ Pháp. Trong một buổi tiếp tân tại tư thất Huân tước (Lord) Black, ông Bernard đã tâm sự với ông Black là theo ý ông «Do Thái là một tiểu quốc hạng bét.» («Un petit pays de merde»). Ông Black lại là chủ nhóm báo chí lớn «Jerusalem Post» và vợ ông, Lady Black, lại chính là nữ ký giả Barbara Amiel (nhũ danh của bà) của tờ báo lớn «Guardia.» Chỉ vài ngày sau, hai tờ báo Anh *Telegraph* và *Guardian* loan tin là một đại diện của bộ Ngoại giao Pháp đã phỉ báng Do Thái.

Ông Bernard chỉ còn biết thanh minh thanh nga và chối là đã đả kích Do Thái. Ngoài mặt, Bộ Ngoại giao Pháp lên tiếng bênh vực ông Bernard, nhưng bên trong ông đã bị cấp trên «sát sà phòng lên đầu.»

Ngay những ông đại sứ lão thành mà còn làm «gaffe» như vậy, người ta tự hỏi không biết những ông «đại sứ chính trị» như ông Howard Leach, đại sứ Hoa Kỳ tại Paris, sẽ hành động ra sao. Ông được bổ nhiệm đại sứ ở kinh đô ánh sáng chỉ vì đã đóng góp 282 000 Mỹ kim vào cuộc cổ

động bầu cử của Tổng Thống đắc cử George W. Bush.

Nghi lễ và lịch sự ngoại giao

Những nghi lễ và phép lịch sự ngoại giao thường được cân nhắc đo lường rất kỹ. Mỗi cử chỉ ngoại giao đều có một giá trị tượng trưng.

Tháng 2-2001, bà Mary Robinson, cựu Tổng Thống Ái Nhĩ Lan, hiện giữ chức vụ Cao ủy Liên Hiệp Quốc về Nhân quyền, khi sang Ba Tư để bảo vệ nhân quyền, đã phải quấn khăn trùm đầu như những người đàn bà hồi giáo để lấy lòng nhà cầm quyền phái nam của Ba Tư, là những người đàn ông quen bắt nạt đàn bà.

Để lấy điểm với những người Ả Rập hồi giáo ở trong nước cũng như ở ngoài, Tổng Thống Mỹ George W. Bush đã tổ chức một buổi «dạ tiệc ramadan» để khoản đãi năm chục ông đại sứ của các nước hồi giáo. Vị nữ đại sứ của ông ở Pakistan, Wendy Chamberlain, cũng sống theo nghi

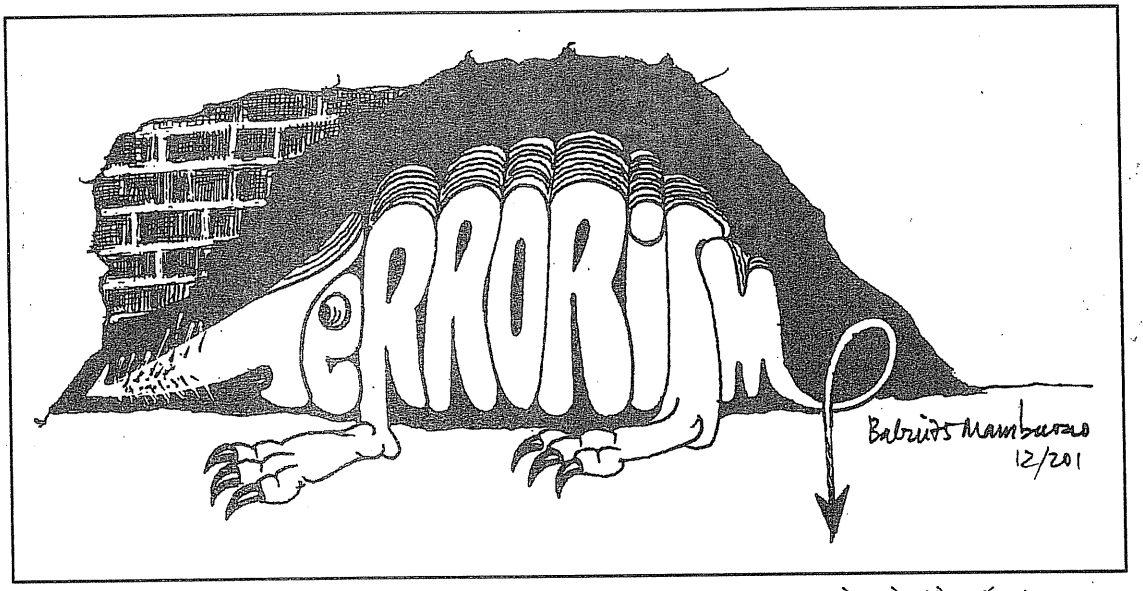

thức mùa chay hồi giáo (ramadan), tức là, từ lúc mặt trời mọc cho tới khi mặt trời lặn, bà nhịn ăn, nhịn uống.

Đôi khi giữa các quốc gia này và quốc gia khác người ta phải xin lỗi nhau. Vì vậy mà vào tháng 4, ông Bush đã phải xin lỗi Trung quốc là đã để cho máy bay gián điệp bay trên đảo Hải Nam.

Vào tháng 10, lại đến phiên ông Junichiro Koizumi, Thủ tướng Nhật, xin lỗi Trung quốc vì nước ông đã xâm lăng và chiếm đóng nước này trong quá khứ.

Trên chính trường quốc tế thường hay có những màn dằn mặt nhau.

Một tháng sau khi xin lỗi Trung quốc, ông Bush ra tay «dằn mặt» nước này bằng cách tiếp đón long trọng đức Đạt Lai Lạt Ma xứ Tây Tạng, điều mà nhiều lãnh tụ các nước Tây phương, kể cả ông Bill Clinton, không bao giờ dám làm vì sợ mất lòng Trung cộng. Hơn nữa, ông Bush lại còn cố tình tiếp đức Đạt Lai Lạt Ma vào đúng ngày 23 tháng 5 khi Trung cộng đang rầm rộ kỷ niệm năm thứ 50 cái mà họ gọi là «Ngày giải phóng Tây Tạng bằng đường lối hoà bình.»

Nước Tàu của ông Giang Trạch Dân cũng chẳng vừa. Nhân dịp tổ chức «Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu - Thái -Bình-Dương» (APEC) nhóm họp tại Thượng Hải vào tháng 10, Trung quốc đã tổ chức nhữhg lễ lạc trọng thể. Mỗi vị quốc khách đều được tặng một chiếc áo gấm thêu lộng lẫy. Trên bức ảnh chính thức của hội nghị, người ta thấy Chủ tịch họ Giang uy nghi mặc áo gấm vàng, màu dành cho Hoàng Đế Trung Quốc, trong khi các Tổng Thống Mỹ Bush, và Nga Poutine chỉ được mặc áo mầu xanh, đứng bên cạnh như những chư hầu về triều cống!

Trong hoạt động ngoại giao, đôi khi người ta không ngần ngại trước những hành động cố tình vô lễ, bất lịch sự, để «dằn mặt» đối thủ. Vào tháng 5, Thủ tướng Đức Gerhard Schroeder sang viếng thăm nước láng giềng Áo. Trước khi sang, ông cho biết là sẽ không tiếp xúc với bất cứ một vị Tổng, Bộ trưởng nào thuộc phe cực hữu của Áo cả. Khi tới nơi ông chỉ cho có ông Alfred Gusenbauer, lãnh tụ phe đối lập Áo ra nghênh đón ông mà thôi.

Trong suốt thời gian ở bên Áo, ông Schroeder chỉ sinh hoạt với phe đối lập thuộc đảng xã hội dân chủ và chỉ chịu tiếp kiến với Thủ tướng Áo,

« chủ nhà,» có một giờ đồng hồ. Làm như vậy ông Schroeder tỏ cho chính phủ Áo biết rằng ông không đồng ý với việc chính phủ nước này liên kết với đảng cực hữu có cùng khuynh hướng «quốc xã» với Hitler ngày trước. Tuy vậy chính phủ Áo cũng «làm lơ» như không có chuyện gì xẩy ra vì kinh tế Áo lệ thuộc rất nhiều về trao đổi thương mại với Đức.

Vào tháng 10, nhân dịp thành phố New York kỷ niệm một tháng sau khi bị quân khủng bố Hồi giáo cuồng tín phá vỡ hai cao ốc của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới, ông hoàng Al-Walid, cháu của quốc vương Arabie Saoudite, đến trao cho ông Rudolph Giuliani, đô trưởng New York, một tấm ngân phiếu 10 triệu Mỹ kim.

Nhưng ngay sau đó, ông hoàng này lại lên tiếng kêu gọi Hoa Kỳ xét lại chính sách quá thân thiện với Do Thái của họ ở Trung Đông. Ông Giuliani nổi giận, từ chối không chuyển tấm ngân phiếu tới ngân hàng. Bộ Ngoại giao Mỹ tỏ ra lúng túng vì Arabie Saoudite là một nước đồng minh của Mỹ và ông hoàng Al-Walid lại còn đổ vốn đầu tư vào Hoa Kỳ tới 14 tỷ Mỹ kim. Phát ngôn nhân của Bộ nói khéo: «Lời kêu gọi của ông hoàng không đúng chỗ, nhưng chính phủ Hoa Kỳ chẳng có quyền gì mà ra lệnh cho ông Giuliani cả.»

Nhưng không phải lúc nào những cử chỉ và nghi thức ngoại giao cũng được tính toán kỹ lưỡng. Nhiều khi các nhà ngoại giao có những hành động hồn nhiên rất dễ thương. Như khi ông Jacques Chirac đến tham dự hội nghị thượng đỉnh của Minh ước Đại Tây Dương về tiết giảm võ khí ở Bruxelles, thủ đô nước Bỉ. Bài diễn văn của ông được mọi người tán thưởng đến nỗi, không ai bảo ai, từ Tổng Thống Bush của Mỹ tới Thủ Tướng Blair của Anh, mọi người đồng loạt đứng dạy ca bản *Frère Jacques* khiến ông Chirac vô cùng cảm động.

Đến tháng 11, ông Chirac sang hội kiến với nội các Anh. Sau một giờ đàm đạo, ông Tony Blair kéo ông Chirac và ái nữ của ông là cô Claude qua phòng bên cạnh. Ở đó bà Blair và cậu con Leo, 2 tuổi, đã đợi sẵn. Thấy ông, cậu Leo chạy tới bá cổ hôn rồi ca bài mừng ngày sinh nhật bằng tiếng Pháp và tặng ông một chiếc «va li» để đựng hành lý đi du lịch.

Nhưng cử chỉ tế nhị như vậy lại bị những đối thủ trong nước Pháp của ông Chirac chế nhạo. Họ nói rằng cái quà sinh nhật này thật là hợp với ông Chirac, vì từ ngày phe tả của ông Jospin nắm được đa số ở Quốc hội, chức vụ Tổng Thống của ông Chirac chả cho ông quyền hành gì nữa, nên ông chỉ còn «ngồi chơi xơi nước» và tiêu tiền của công quĩ để đi du lịch cho khuây khỏa.

Bảo vệ quyền lợi quốc gia

Tuy bề ngoài có vẻ phù phiếm nhưng thật sự thì hoạt động của các nhà ngoại giao luôn luôn nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của quốc gia họ đại diện. Hai giai thoại sau đây trong năm 2001 vừa qua nói lên sự «cay cú» của các nhà ngoại giao khi họ cảm thấy quyền lợi của nước họ bị đe dọa.

Vào tháng 5, khi Liên Hiệp Quốc bầu các thành viên của Ủy Hội Liên Hiệp Quốc về Nhân Quyền, Hoa kỳ không được bầu, trong khi nước Pháp được bầu với một đa số 52 phiếu trên 54. Đại biểu Mỹ nổi giận tuyên bố với báo chí: «Làm sao nước tôi lại có thể thối tha hơn nước Pháp được. *Thật là vô lý.*» Và ông ta đe là Mỹ sẽ không trả phần đóng góp của mình hãy còn thiếu trong những năm trước.

Lý thú nhất là bữa dạ tiệc của Thủ tướng Anh Tony Blair tổ chức hôm chủ nhật mồng 4 tháng 11 tại tư dinh số 10 Downing Street. Lúc đầu ông Blair chỉ dự tính mời có Tổng Thống Chirac, Thủ tướng Jospin của Pháp và Thủ tướng Đức Schroeder mà thôi. Vì Anh, Pháp, Đức là ba quốc gia sốt sắng nhất trong việc tham gia công cuộc chống khủng bố cùng với Mỹ.

Ngay sau đó, ông Berlusconi, Thủ tướng Ý, cự nự, nói rằng nước ông cũng là một đại cường của Liên Hiệp Âu châu, ông cũng có quyền được mời. Thế là ông Blair lại phải mời thêm ông Berlusconi và tiện thể mời luôn ông Aznar,Thủ tướng Tây Ban Nha vì chả lẽ mời ông nọ lại bỏ ông kia. Và ông hứa là sẽ báo cáo ngay sau đó với ông Verhofstadt, Thủ tướng Bỉ và là đương kim chủ tịch Liên Hiệp Âu châu.

Nhưng ông Verhofstadt cho thế không đủ. Ông cũng phải được mời như ai. Không phải vì nước ông nhỏ mà ông bị bỏ quên. Ông Blair lại mời thêm ông Verhofstadt. Nhưng ông này dỗi, từ chối, vì được mời quá trễ. Sau đó ông lại đổi ý kiến đến dự tiệc.

Liền sau đó thì ông Wim Kok, Thủ tướng Hoà Lan, nhấc điện thoại khiếu nại với ông Blair. Sau cuộc điện đàm này, ông Blair tưởng đã được yên, thì nửa giờ trước khi nhập tiệc, người ta được tin là máy bay của ông Kok vừa đáp xuống trường bay Luân Đôn. Ông Blair chỉ còn có một cách là thêm bát, thêm đũa. Dự tính xé lẻ của ông Blair với bữa tiệc tay ba rút cục có tới chín người ăn.

TRANH LUẬN VỀ TÒA ÁN QUÂN SỰ XÉT XỬ KHỦNG BỐ

NGUYỄN VĂN THÀNH

Cuộc khủng bố không tặc ngày 11/9/01 tại Nữu Ước và Hoa Thịnh Đốn thật vô cùng tàn bạo được coi như một ngày bi thảm nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Chỉ trong một buổi sáng ngày 11/9/01, khoảng 4,000 người dân vô tội đã bị chôn vùi trong đống tro tàn và đổ nát do quân khủng bố gây ra. Giáo sư Samuel Huntington nổi tiếng ở Đại học Harvard đã bác bỏ "sự đụng độ giữa các nền văn minh" (*a clash of civilizations*) và nhận định các vụ tấn công không tặc đó đã nhắm vào nội địa Hoa Kỳ là một hành động gây hấn của "bọn man rợ chống lại thế giới văn minh" (*Barbarians against the civilized world).*(1)

Vụ khủng bố trên đã cảnh tỉnh người dân Hoa Kỳ về mối hiểm hoạ mới đang đe dọa trầm trọng nền an ninh quốc gia mà nước Mỹ phải đối đầu ở thế kỷ 21 này. Trước thảm cảnh 11/09, Tổng Thống George W. Bush cùng nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền đều tuyên bố "bắt và đưa các thủ phạm vụ khủng bố không tặc đó ra xét xử trước công lý hoặc đem công lý tới phán xét hành động tàn bạo dã man của kẻ phạm pháp." Do đó, Tổng Thống Bush đã ban hành Quân Lệnh ký ngày 12/11/2001 thiết lập Tòa Án Quân Sự đặc biệt để xét xử một số thường dân ngoại kiều có hành động khủng bố chống lại Hoa Kỳ (*Military Order: Detention, Treatment, and Trial of Certain Non-Citizens in the War Against Terrorism*).

Rủi thay, Quân Lệnh trên đã bị các nhà tranh đấu dân quyền , một số luật gia và dân biểu chỉ trích khá mãnh liệt. Sự chỉ trích đó nhắm vào mấy điểm pháp lý chính yếu sau:

Tòa án quân sự xét xử mật nên công chúng và nhà báo không được tham dự. Không có bồi thẩm đoàn. Thành phần xử án gồm các sĩ quan cao cấp chỉ cần đa số hai phần ba là đủ kết án không cần phải toàn thể đồng thuận (*unanimous verdict*). Không có thủ tục kháng án hoặc thượng tố lên Tòa trên. Ngành hành pháp đặt ra luật lệ qui định thủ tục điều tra, truy tố, xét xử và tái xét bản án không có sự chấp thuận của Quốc Hội. Thường dân ngoại kiều cư trú hợp pháp không được sự bảo vệ của Hiến Pháp và Luật Nhân Quyền Mỹ nếu vi phạm những điều khoản qui định trong Quân Lệnh.

Phản bác sự chỉ trích trên, ta thấy nhà lãnh đạo hành pháp và nhân viên cao cấp trong chính quyền cũng như một vài nhân vật tên tuổi tỷ như Thượng Nghị Sĩ Joseph I. Lieberman, cựu ứng cử viên Phó Tổng Thống trong liên danh Gore-Lieberman, đều đưa ra luận cứ cho rằng việc thiết lập Tòa Án quân sự xét xử những thủ phạm và tòng phạm thực hiện những cuộc khủng bố chống Hoa Kỳ là một quyết định đúng nhất, thích hợp nhất trong khi đất nước đang có chiến tranh. Đặc biệt Thượng Nghị Lieberman viết một bài mang tựa đề "Không có lý do bào chữa cho nền công lý hạng hai" (*No Excuse for Second- Class Justice*) đã gây sóng gió trong cuộc tranh luận.

Để chứng minh luận cứ của mình, cả hai phía đều đề cập Luật Nhân Quyền, Luật Bảo Thân (*Writ of Habeas Corpus*), Tu chính án số 4, 5 và 6. Nhưng dù đưa ra bất cứ điểm pháp lý nào của các văn kiện vừa đề cập, cả hai phía tán thành hay phản bác hoặc nhà lãnh đạo hành pháp cũng không thể không viện dẫn tiền lệ Lệnh của Tổng Thống Franklin D. Roosevelt ký ngày 2/07/1942 thiết lập Tòa án quân sự đặc biệt xét xử kín 8 đặc công Đức quốc xã xâm phạm vào nội địa Hoa Kỳ để phá hoại. Lệnh này được xác nhận là hợp pháp do Phán Quyết ngày 31/07/1942 của Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ.

Để đi tìm một giải đáp thích đáng, thiển nghĩ cần đề cập vụ tám đặc công Đức quốc xã bị bắt tại Hoa Kỳ và tiền lệ Lệnh của Tổng Thống Roosevelt thiết lập Toà án quân sự đặc biệt xét xử gấp tám đặc công trên mà Tổng Thống Bush viện dẫn để lập một Tòa án tương tự xét xử thường dân ngoại kiều thực hiện hành động khủng bố

chống Hoa Kỳ.

MỤC I

Tám đặc công Đức quốc xã bị bắt tại Hoa Kỳ

Tóm tắt âm mưu phá hoại

Sau khi Hoa Kỳ tuyên chiến với Đức, nhà độc tài Adolf Hitler ra lệnh cho Bộ Tư Lệnh tối cao nghiên cứu kế hoạch phá hoại tại Mỹ để chứng tỏ cho thế giới thấy nhược điểm của Hoa Kỳ và sức mạnh quân sự vô song của Đức. Bộ Tham Mưu đề ra một kế hoạch đầy tham vọng thực hiện trong hai năm nhằm đặt mìn và chất nổ phá hủy những trục giao thông chính như đường rày xe lửa, cầu cống, những xưởng đúc súng đạn, nhà máy điện để gây kinh hoàng trong dân chúng Mỹ.

Một trung tâm huấn luyện phá hoại và gián điệp được thiết lập gần thủ đô Bá Linh. Người đầu tiên được tuyển chọn là John Dash, 39 tuổi, sanh tại Đức, đã cư trú 19 năm tại Hoa Kỳ, làm nghề hầu bàn tại New Jersey và nói tiếng Mỹ rất thông thạo. Trở về Đức vào tháng 5 năm 1941, Dash giữ một công việc rất thoải mái: xướng ngôn viên một đài phát thanh hướng về Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sau một thời gian ngắn sống ở quê hương, Dash cảm thấy chán nản và cay đắng sống dưới chế độ Đức Quốc Xã. Trước khi rời khỏi Đức, y nguyện sẽ phản lại âm mưu phá hoại Hoa Kỳ.

Nhóm phá hoại gồm tám đặc công chia làm hai toán. Tất cả đều sinh đẻ tại Đức; tất cả đều đã cư ngụ tại Hoa Kỳ. Tất cả đều trở về Đức vào những năm 1933-1941. Ngoại trừ Haupt có quốc tịch Hoa Kỳ, bảy người còn lại đều thuộc công dân Đức.

Dash cầm đầu toán thứ nhất gồm có bốn người được tàu ngầm U-boat đưa vào bãi biển Amagansett, Long Island, Nữu Ước vào đêm tối trời 13/6/1942. Còn toán hai cũng được tàu lặn U-boat chở bốn người đáp vào bãi biển Ponte Vedra Beach, Floria khoảng 12 giờ đêm 17/06/1942. Vào được đất liền, cả hai toán tìm chỗ chôn giấu quân phục Thủy quân lục chiến, mìn, chất nổ TNT, ngòi nổ cùng nhiều thiết bị rồi bận quần áo thường dân tìm đường vào Manhattan, Nữu Ước và thành phố Jacksonville, Florida. Tất cả đều mang lý lịch giả mạo, hẹn sẽ gặp nhau ở Cincinnati, Ohio, để thi hành công tác phá hoại vào dịp lễ Độc Lập 4/7/42.

Toán của Dash bị John Cullen, lính tuần duyên không mang vũ khí, chặn giữ. Dash khai tên giả-George Davis-làm nghề đánh cá phải vào bờ vì thuyền mắc cạn. Cullen yêu cầu bốn đặc công về trạm kiểm soát. Dash hối lộ $260 để xin Cullen cho toán của y đi, nếu không y buộc lòng phải giết Cullen là điều mà y không muốn. Cullen trả lại tiền rồi vội vã đi vào đêm tối hướng về Trại kiểm soát. Toán của Dash chia làm hai cặp: George John Dash đi với Ernest Peter Burger và Werner Thiel đi với Edward Kerling. Cả hai cặp đều hướng về Manhattan, Nữu Ước. Biết Burger cũng chán ghét chế độ Quốc xã, Dash khuyên dụ Burger theo y cộng tác với FBI phá vỡ công tác phá hoại để được ân xá. Burger đồng ý sẽ giúp Dash khi cần tới y.

Sáng hôm sau, toán tuần duyên lục soát khu vực khả nghi theo sự hướng dẫn của Cullen, tìm thấy bốn thùng TNT, chất nổ, ngòi nổ, nhiều thiết bị cùng quân phục mang phù hiệu Thủy quân lục chiến Đức. Toán tuần duyên báo cáo ngay FBI trưa ngày 14/6/42. Trong khi đó, Dash và ba đặc công trong toán cư ngụ tại khách sạn Mayflower, Nữu Ước. Tại đây, Dash gọi điện thoại tới văn phòng FBI ở Nữu Ước dò đường tìm cách gặp Giám Đốc FBI, I. Edgar Hoover, nhưng không đạt được kết quả. Bốn ngày sau, y đáp xe lửa tới Hoa Thịnh Đốn và mang theo các tài liệu cùng tiền để nạp cho FBI.

Cũng tại khách sạn Mayflower tại Hoa Thịnh Đốn, Dash gọi điện thoại tới Bộ Tham Mưu FBI vào buổi sáng 19/6/42 để xin gặp Giám Đốc FBI. Bộ Tham mưu chấp nhận cho xe hơi đến đón Dash. Y hoan hỉ mường tượng và trông chờ xe hơi đến đón sẽ được đối xử như người anh hùng có công giúp FBI phá vỡ kế hoạch hai năm của Bộ Tư Lệnh tối cao Đức nhằm phá hoại Hoa Kỳ. Khoảng nửa giờ sau, y được xe hơi FBI đưa về Bộ Tham Mưu. Trái với sự mong ước được gặp Giám Đốc FBI, y bị đưa từ phòng này qua phòng khác với sự hoài nghi của nhân viên FBI. Cuối cùng, Y mở cái cặp lấy ra bó tiền 82,000 Mỹ kim gồm toàn giấy $50, rồi ném ra trên bàn để chứng tỏ y được cấp số tiền đó vì là trưởng toán xâm nhập Long Island, Nữu Ước. Y được đưa qua Trưởng đơn vị chống phá hoại, Duane L. Traynor, (hiện còn sống, 91 tuổi) để hỏi cung. Vừa trông thấy y, Trưởng đơn vị trên nhận thấy chùm tóc bạc trên đỉnh đầu Dash y như lính tuần duyên Cullen mô tả, nên xét rất nghiêm túc tin tức do Dash cung cấp. Trong khi Dash nói chuyện với Traynor, nhân viên FBI được lệnh lục soát phòng

của y ở khách sạn. Sáng hôm sau, Dash nạp 254 bản đánh máy và một khăn mùi soa ghi mật mã được đặc công Burger giải mật. Nhờ đó, FBI bố ráp ngày 27/6 bắt tất cả đặc công Đức đưa về giam tại Nữu Ước.

Để bảo mật, Dash được giải về nhà giam tại Nữu Ước và sau đó tất cả tám đặc công Đức được đưa về nhà giam tại Hoa Thịnh Đốn để chờ ngày ra Tòa. (2)

MỤC II

Tiền lệ về việc thiết lập Tòa Án Quân Sự đặc biệt

1-Phiên Tòa

Tổng Thống Franklin D. Roosevelt ban hành Lệnh ký ngày 2/7/42 thiết lập Tòa án quân sự đặc biệt xét xử tám đặc công Đức, bổ nhiệm thành phần xử án, cử công tố đoàn và chỉ định các luật sư biện hộ.

Phiên Toà xét xử kín ngày 8/7/42 tại phòng 5235, lầu 5 Bộ Tư Pháp nơi thường làm Phòng Hội cho cơ quan FBI. Những người tham dự phiên xử phải tuyên thệ giữ bí mật.

Thành phần xử án gồm bảy tướng lãnh vừa là thẩm phán vừa là bồi thẩm chỉ cần đa số hai phần ba là đủ kết án không cần phải toàn thể đồng thuận.

Công tố đoàn có hai tướng Biddle và Cramer đảm nhiệm. Phía biện hộ có Đại tá Royall và Đại tá Dowell phụ trách (Dash có luật sư riêng biện hộ)

Các luật sư quân sự được chỉ định nạp thỉnh nguyện của các bị cáo xin Tòa Án Sơ Thẩm Liên Bang DC Columbia, xét xem sự câu lưu các can phạm để mở cuộc điều tra tiên khởi có hợp pháp hay không thể theo Luật Bảo Thân (*Writ of Habeas Corpus*) Tòa Án Liên Bang bác thỉnh nguyện của các bị cáo. Phía biện hộ kháng án lên Tòa Thượng Thẩm Khu Columbia. Tòa này y án của Tòa dưới. Phía biện hộ thượng tố Án của Tòa Thượng Thẩm lên Tối Cao Pháp Viện (bị cáo Dash không xin thượng tố)

2-Phán Quyết

Tối Cao Pháp Viện đã xét các điểm pháp lý tóm tắt như sau:

Tổng Thống Roosevelt, với tư cách Tổng Tư Lệnh Quân Đội, ban hành Lệnh ký ngày 2/7/42, đã dựa vào điều 15 Luật chiến tranh cùng những vi phạm thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự thiết lập trong thời chiến.

Tổng Trưởng Chiến Tranh đã bổ nhiệm sĩ quan tư pháp hướng dẫn cuộc điều tra sơ khởi tám bị can theo đúng thủ tục luật định.

Tu chính án số 5 qui định chỉ có thể chính thức truy tố bị cáo sau khi có sự luận tội của Đại bồi thẩm đoàn. Tu chính án số 6 qui định quyền của bị cáo được xét xử bởi Bồi thẩm đoàn. Cả hai Tu chính án đó không áp dụng đối với những vi phạm Luật chiến tranh xét xử tại Tòa án quân sự đặc biệt thiết lập trong thời chiến.

Điểm quan trọng còn lại, Tối Cao Pháp Viện cứu xét xem các bị cáo có được hưởng đặc quyền gì qui định trong Công Ước Hague (*Hague Convention*) ngày 18/10/1907 được Thượng Viện phê chuẩn năm 1909 hay không?

Tù binh chiến tranh hay kẻ chiến đấu bất hợp pháp?

Theo Phán Quyết, muốn được hưởng qui chế tù binh chiến tranh, các bị cáo cần hội đủ hai tiêu chuẩn sau:

a-Mang vũ khí công khai;

b-Mặc quân phục đeo phù hiệu của đơn vị tham chiến;

Hội đủ hai tiêu chuẩn trên, chiến binh bị bắt được coi như kẻ chiến đấu hợp pháp (lawful combatant) được hưởng qui chế tù binh chiến tranh. Họ không bị ép buộc phải cung khai, không bị truy tố ra Tòa, được đối xử nhân đạo và sẽ được phóng thích trở về quê hương khi chiến tranh chấm dứt nếu không vi phạm tội phạm chiến tranh.

Trong nội vụ, tất cả tám bị cáo mặc quân phục đeo phù hiệu Thủy quân lục chiến Đức, mang chất nổ và đã lén lút xâm nhập lãnh thổ Hoa Kỳ. Khi lẩn vào vùng canh gác của Đội Tuần Duyên, các bị cáo đã chôn giấu quân phục và chất nổ rồi cải trang mặc quần áo thường dân, trái với Luật chiến tranh, để do thám và phá hoại. Các can phạm bị coi như kẻ chiến đấu bất hợp pháp (*unlawful combatant*) đã vi phạm Luật chiến tranh thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự thiết lập trong thời chiến.

Xét các sự kiện trên, Tối Cao Pháp Viện đồng thuận kết luận:

Lệnh triệu tập Tòa án quân sự là một Lệnh hợp pháp và Tòa án quân sự được thiết lập đúng luật. Sự câu lưu các bị can để mở cuộc điều tra theo đúng thủ tục luật định và xác nhận án của Tòa Sơ Thẩm Liên Bang DC Columbia. (3)

3- Hành Quyết

Trong khi Tối Cao Pháp Viện tuyên Phán

Quyết ngày 31/7/42 ở trên, Trưởng Công tố đoàn Cramer đang kết thúc phần buộc tội, cũng vào ngày 31/7/42, xin Tòa án quân sự phạt tử hình sáu bị can: Quirin, Haupt, Kerling, Heinck, Thiel và Neubauer và tuyên án nhẹ đối với Burger và Dash.

Sau khi nghị án, Tòa án quân sự đã tuyên phạt tử hình tất cả tám bị can. Để bảo đảm không còn phương cách nào xin kháng án, sáu tử tội bị hành quyết lên ghế điện ngày 8/8/42. Sau ba ngày, xác của sáu tử tội được chôn bí mật tại cánh đồng mang tên Blue Plains ở Tây Nam Hoa Thịnh Đốn. Hai tử tội Burger và Dash được hoán giảm hình phạt từ tử hình xuống chung thân. Ở tù được hơn sáu năm, cả hai bị trục xuất về Đức.

Sau khi Thế chiến thứ II chấm dứt, Tổng Trưởng Tư Pháp Thomas Clark lần đầu tiên, công bố tóm tắt phiên xử và vai trò của Dash. Tuần báo Đức Der Stern đăng một bài miêu tả sự phản bội của Dash đã giết chết các đồng đội để cứu mạng sống của mình. Bị ruồng bỏ và khinh rẻ, Dash kiếm việc rất khó khăn nên xin chiếu khán sang Hoa Kỳ nhưng bị từ chối với lý do bị tình nghi hoạt động cho Cộng Sản. Sống trong khốn khổ và tủi nhục, Dash chết năm 1991 tại quê hương.

Tóm lại, Tổng Thống Bush đã viện dẫn tiền lệ Lệnh đưa tám đặc công Đức ra Tòa án quân sự xét xử kín để ban hành một Tòa án tương tự đã đề cập ở phần dẫn nhập.

Nhận xét

Sau khi xét xử xong vụ tám đặc công Đức quốc xã, Tòa án quân sự đặc biệt giải tán. Theo các sử gia, Tòa án này đã để lại bài học sau:

Cái gậy to và củ cà rốt

Cái gậy lớn của Tòa án quân sự đặc biệt được kết hợp với củ cà rốt của sự ân xá đã thúc đẩy đặc công đầu sỏ Dash cùng với Burger cộng tác với FBI tiết lộ kế hoạch phá hoại Hoa Kỳ mà Cơ Quan Điều Tra Liên Bang không hề hay biết. Nhờ sự thú tội của Dash, FBI đã bắt trọn tám đặc công Đức vào ngày 27/6/42. Cũng vào buổi tối ngày đó, Giám Đốc FBI vội vã tới Nữu Ước loan báo đã bắt được bọn đặc công. Giám Đốc Hoover trưng ra tóm tắt tiểu sử và hình ảnh tám đặc công Đức, tả rõ nơi chúng đáp vào bờ biển, danh sách các mục tiêu cùng chất nổ. Nhưng Hoover muốn được nổi tiếng và lấy điểm cho FBI, gạt bỏ công của Đội Tuần Duyên nên đã phạm phải sai lầm đáng tiếc. (4)

Ngụy Tạo Hồ Sơ

Giám Đốc FBI làm phúc trình đệ trình Tổng Thống Roosevelt đã giả mạo ngày Dash bị FBI điều tra, cố tình không đề cập tới Đội Tuần Duyên phát giác toán Đặc công trước FBI. Mục đích của Hoover muốn gây ấn tượng cho mọi người thấy các thám tử FBI đang chờ sẵn ở bờ biển Nữu Ước và Florida để chặn bắt hai toán đặc công sẽ đổ bộ vào đất liền. Dân chúng đều tin câu chuyện diễn tiến như vậy.

Sự vội vã loan tin bắt tám đặc công đã phá vỡ kế hoạch của tình báo quân sự đang quan sát và chờ hai toán đặc công nữa sẽ xâm nhập Hoa Kỳ vào đầu tháng 8/42.

Theo Thẩm Phán Lloyd N. Cutler trong Công tố đoàn, lý do chính yếu tổ chức Phiên Tòa xử mật nhằm che đậy sự kiện sau: "FBI đã không làm công việc thực sự bắt các đặc công Đức quốc xã" (*The FBI hadn't done the real work in capturing the Nazis.*)

Do việc làm sai trái ở trên, Giám Đốc FBI Hoover không bao giờ nhận được Huy Chương Danh Dự ngoại trừ mấy câu khuyến khích thường lệ của Tổng Thống Roosevelt mà thôi.

Kẻ Phản Quốc Hay Kẻ Chiến Đấu Bất Hợp Pháp?

Sau khi xác của sáu tử tội Đức được chôn bí mật tại cánh đồng Blue Plains ai cũng nghĩ vụ án đặc công được coi như khép kín. Nhưng ba tháng sau, Tối Cao Pháp Viện đã ban ra một văn kiện ngày 29/10/42 hài các ý kiến chính thức của các Thẩm Phán Tối Cao chứng minh những lý do liên quan tới Phán Quyết đã tuyên ngày 31/7/42 về vụ đặc công trình bày ở Mục II nói trên.

Như ta đã thấy bốn Tòa án đã chạy đua với thời gian từ ngày 8/7 đến 31/7/42 để giải quyết mau chóng vụ bắt tám đặc công Đức. Vì sức ép của hành pháp và cũng để góp sức giữ vững tinh thần của quân đội, các Tòa án gạt mọi sự bất đồng ý kiến để ủng hộ Tổng Thống Roosevelt đang điều khiển cuộc chiến sinh tử với Trục Phát Xít Đức Ý Nhật vào thời gian khốc liệt nhất nên không tránh khỏi sai lầm khá nghiêm trọng.

Sau này Thẩm Phán Tối Cao Stone đã nhận xét quyết định truy tố đặc công Haupt, công dân Hoa Kỳ, ra trước Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt là một quyết định không trung thực. Đáng lẽ can phạm Haupt thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án dân sự về tội "phản quốc" (treason) mới đúng. Ngay trong phiên xử, vụ án đặc công *Ex Parte Quirin* đã để lại những ký ức không mấy vui (*un-*

happy memories) mà sau này được đề cập tới khá nhiều khi chiến tranh chấm dứt.

Tòa Án có Thẩm Quyền?

Tóm lại, Quân Lệnh của Tổng Thống Bush hiện đang được Quốc Hội cứu xét. Trong khi đó, Dân Biểu Jane Harman và Zoe Lofgren đã nạp vào đầu tháng Giêng 2002 dự Luật H.R. 3468 thiết lập Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt trong thời chiến. Theo Dự Luật, tất cả mọi người tức công dân Hoa Kỳ hay thường dân ngoại kiều hiện có 18 triệu, phần đông cư trú hợp pháp trên lãnh thổ Hoa Kỳ, đều được hưởng quyền hiến định như nhau. Ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, những công dân nước ngoài bị bắt trong vùng chiến trận không được Hiến Pháp Hoa Kỳ bảo vệ nhưng có những điều khoản qui định rất chặt chẽ việc bắt giữ các công dân đó.

Nhìn các Tòa Án Quân Sự được thiết lập bất cứ dưới hình thức nào, Liên minh các quốc gia chống khủng bố rất e ngại dẫn độ các can phạm vì Mỹ vẫn duy trì hình phạt tử hình. Do đó, các đồng minh Hoa Kỳ cũng như các tổ chức phi chính phủ như Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế, Ân Xá Quốc Tế, Theo Dõi Nhân Quyền... đề nghị thành lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế cho A Phú Hãn giống như Tòa Án đang hoạt động ở Bosnia-Kosovo (trong Liên Bang Nam Tư cũ) nhưng chưa được Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc cứu xét. (5)

Hiện nay, chỉ còn Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ đang gánh trách nhiệm nặng nề xét xử những kẻ thực hiện hành động khủng bố trong và ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ.

Vậy chúng ta hãy chờ xem.

Virginia, Xuân Nhâm Ngọ 12/02/02

Chú Thích:

(1) Collecting the Anti-Terror Coalition by Jeffrey Gedmin-Policy Review, October & November 2001, No 109.

The Clash of Civilizations by Samuel Huntington-Foreign Affairs, Summer 1993.

(2) Nazi saboteurs captured by George Lardner Jr.-The Washington Post Magazine, January 13, 2002.

(3) Ex Parte Quirin, 317 U. S.1 (1942) Argued 29, 30, 1942-Decided July 31, 1942-Extended opinion filed Oct., 29, 1942-U.S. Supreme Court.

(4) Liberty and The Pursuit of Terrorists by Charles Lane-The Washington Post-November 25, 2001.

(5)The creation of an international tribunal by the United Nations Security Council to deal with the Sep. 11 attacks and their aftermath-The Washington Post Wednesday, November 14, 2001.

The Prisoners at Guantanamo Bay-

The Economist-January 19th-25th 2002

PHÂN ƯU

Được tin buồn, thân mẫu của văn hữu Hoàng Xuân Sơn

bà quả phụ HOÀNG XUÂN HIỂN

Nhũ danh NGUYỄN THỊ MƯỜI

Pháp danh ĐỒNG NGUYÊN

đã tạ thế ngày 29 tháng 01 năm 2002
(tức 17 tháng Chạp năm Tân Tị) tại Montreal, Canada.
Xin chân thành chia buồn cùng anh Hoàng Xuân Sơn
và tang quyến. Thành kính cầu chúc hương hồn Cụ Bà
sớm tiêu diêu nơi Miền Cực Lạc.

Tạp chí THẾ KỶ 21
Các bạn hữu:
Hoàng Chiều Nhân, Đỗ Quý Toàn, Hà Tường Cát, Phạm Phú Minh

ĐÌNH MINH HƯƠNG GIA THẠNH

LÂM VĨNH THẾ
Đại Học Saskatchewan, Canada

Đình Minh Hương Gia Thạnh, tọa lạc tại số 380 đường Trần Hưng Đạo B, quận 5, Chợ Lớn, đã được "Bộ Văn Hóa ra quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7-1-1993 công nhận là Di tích kiến trúc-nghệ thuật" (1). Đây là một trong những ngôi đình lâu đời nhứt của vùng Saigon-Chợ Lớn, do người Minh Hương (người Việt gốc Hoa mà tổ phụ là những người Họa đã sang định cư tại Việt Nam từ cuối thế kỷ 17, sau khi nhà Minh sụp đổ) xây dựng từ năm 1789. Bài viết nầy cố gắng ghi lại những nét chính về lịch sử cũng như kiến trúc và nội dung thờ phượng của ngôi đình quan trọng nầy.

Vài Nét Về Người Minh Hương và Hội Minh Hương Gia Thạnh

Trước hết, người Minh Hương không phải là người Hoa mà là người Việt gốc Hoa. Họ cũng không phải thuộc vào nhóm người lai hai dòng máu Hoa và Việt mà ta có thể gặp bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Việt Nam. Người Minh Hương, mặc dù có nguồn gốc từ Trung Hoa, đã là người Việt Nam từ gần hai trăm năm nay. Về mọi mặt, từ ngôn ngữ, y phục, đến phong tục tập quán, họ đã hoàn toàn đồng hóa với người Việt. Chỉ khác một điều: họ vẫn nhớ đến nguồn gốc thần dân nhà Minh (1368-1644) của tổ tiên họ. Chính vì thế họ đã dùng hai chữ Minh Hương để tự gọi mình: Minh để chỉ nhà Minh, Hương là hương hỏa, ý nói họ tiếp tục lo phần hương hỏa cho nhà Minh. Sau đây là một vài nét về lịch sử định cư của người Minh Hương tại Việt Nam.

Năm Kỷ Mùi (1679), hai vị Tổng binh cựu thần nhà Minh là Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên, không chịu thần phục nhà Thanh (1644-1911), đã mang 50 chiến thuyền với khoảng 3000 binh sĩ và gia đình, sang Việt Nam, xin hàng phục Chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Vị Chúa Nguyễn lúc bấy giờ là Chúa Hiền (Hiền Vương) Nguyễn Phúc Tần (1620-1687). *"Ngài vỗ về an ủi và cho vào trấn đóng tại Đông Phố (tức Gia Định), ngài ban cho chức tước, cấp phương tiện cày cấy để mở mang đất đai. Dương Ngạn Địch vào khai khẩn vùng Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên vào khai khẩn vùng Biên Hòa. Chẳng bao lâu Đông Phố trở thành miền đất trù phú, thương thuyền ngoại quốc đến buôn bán tấp nập" (2).*

Trong thời gian chiến tranh giữa Tây Sơn và Chúa Nguyễn, đại bộ phận người Minh Hương đã đứng về phía Chúa Nguyễn. Một số như Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhơn Tịnh đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền của Chúa Nguyễn ở Gia Định ngay trước khi Chúa Nguyễn diệt được Tây Sơn. *"Đến năm Kỷ Dậu (1789), niên hiệu Chiêu Thống thứ tư, nhằm đời vua Lê Mẫn Hoàng đế, theo sớ tâu của vị đại thần con cháu nhà Minh qua trú ngụ nơi đất Việt Nam, thánh chỉ châu phê cho lập ra Minh Hương Xã, để thâu thuế dân Minh Hương, rồi chuyển đệ lên quan trên." (3)* [Làng Minh Hương lúc đó không có phân định ranh giới như các làng khác vì người Minh Hương cư ngụ khắp nơi trong vùng đất mới này]. Người Minh Hương được miễn làm xâu và khỏi đi lính. Người Minh Hương nếu phạm pháp sẽ do Minh Hương Xã phân sử. Mặc dù được ban cho đặc quyền như vậy, Minh Hương Xã rất nghiêm cẩn trong việc dạy dỗ dân, đã thông qua và ban hành một bản Khoán Ước

Hình 1: Bức hoành phi Thiện Tục Khả Phong

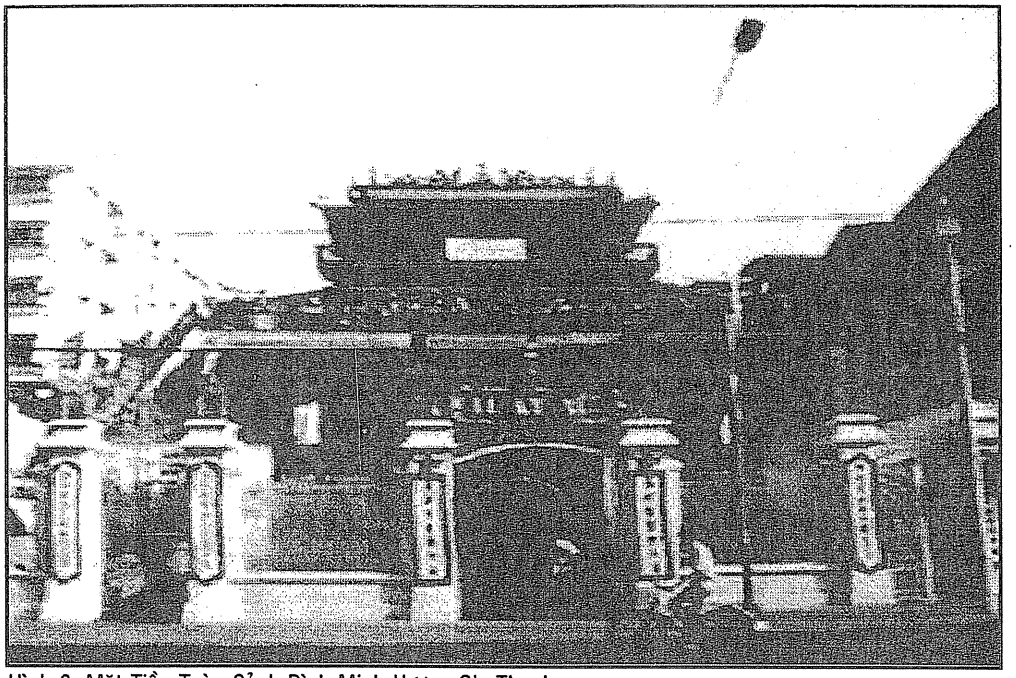

Hình 2: Mặt Tiền Toàn Cảnh Đình Minh Hương Gia Thạnh

gồm tất cả 40 điều, quy định rất rõ ràng về nhiệm vụ và quyền hạn của dân làng, của các chức sắc trong làng, cũng như cách đối xử giữa dân làng với nhau. Nhờ vậy dân làng Minh Hương nổi tiếng là sống rất thuận thảo với nhau. Trong dân gian Miền Nam thời đó đã truyền tụng câu ca dao như sau: "Gỏi chi ngon bằng gỏi tôm càng; Đố ai lịch sự bằng làng Minh Hương." (4) Tiếng tăm này chắc chắn đã được truyền ra đến kinh đô Huế. Bằng chứng là năm Quý Hợi (1863), chính vua Tự Đức đã "có sắc tặng cho làng bốn chữ 'Thiện Tục Khả Phong,' khắc vô một tấm biển, sơn son thếp vàng, nay treo trước căn giữa Chánh điện." (5) (Xem hình 1).

Sau gần một thế kỷ tồn tại, đến năm 1865, làng Minh Hương chính thức chấm dứt. Nam Kỳ lúc bấy giờ đã thuộc Pháp theo hòa ước Nhâm Tuất (1862) đã được ký kết giữa Đô Đốc Bonard và Đại Tá Palanca, đại diện cho Pháp và Tây Ban Nha với hai quan đại thần là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, đại diện cho triều đình nhà Nguyễn. Năm 1865, Thống Đốc Nam Kỳ lúc bấy giờ là Đô Đốc De La Grandière ban hành quyết định chấm dứt quy chế làng của Minh Hương Xã, với lý do là Sài Gòn và Chợ Lớn là châu thành, làng Minh Hương không còn có lý do tồn tại nữa, mà phải sáp nhập vào các hộ của châu thành. Sau mấy lần làm đơn xin lập lại làng và đều bị chính quyền Pháp bác bỏ, "ngày mồng 4 tháng 10 năm Đinh Mão (1867), quí Ông Võ Duy An, Nguyễn Tập Lễ, Vương Quan Dư, Trương Chí Hùng, Trần Ngươn Hựu, Trần Văn Kinh, và Lâm Quang Lộc, đồng đứng tên xin lập lại Minh Hương Gia Thạnh Hội để lo thờ phượng..." (6) Kể từ đó không còn làng Minh Hương nữa, mà chỉ có Hội Minh Hương Gia Thạnh. Hội không còn quyền thâu thuế, chỉ giữ việc cúng tế mà thôi. Đình Minh Hương Gia Thạnh không phải là nhà làng nữa mà trở thành nhà hương hỏa chung của tất cả hội viên. Dân Minh Hương sáp nhập vào các hộ tại các địa phương nơi họ cư trú và thật sự trở thành công dân Việt Nam. Họ nói tiếng Việt, mặc quốc phục (áo dài, khăn đóng) trong các dịp tế lễ, cho con cái học trường Việt, và hành xử hoàn toàn là một công dân Việt Nam.

Về mặt nhân sự, Hội viên gồm toàn con cháu dòng giống, cha truyền con nối, có khai sanh chánh thức, và phải làm đơn xin gia nhập Hội có kèm chữ ký của hai Hội viên chính thức làm chứng. Khi đơn được chấp thuận Hội sẽ cấp cho Hội viên mới (gọi là Hiệp Lý) một tờ cử bằng chữ Quốc ngữ và chữ Hán. Sau một thời gian, Hiệp Lý có thể ứng cử chức Phó Hồi Đại Lao (thường gọi tắt là Phó Hồi) lo việc công quả, cúng kiến trong Đình. Sau một năm công tác, Phó Hồi sẽ tự động thăng lên Chánh Hồi (hay cũng gọi là Chủ Hồi). Sau một năm nữa thì thăng lên Hương Trưởng, được gia nhập Ban Trị Sự một khóa ba năm. Sau ba năm sẽ thăng lên Hương Trưởng Trị Sự. Chỉ có những Hương Trưởng Trị Sự mới được

ra ứng cử chức Chánh Chủ Hội. Hiện nay, tổng số Hội viên gồm khoảng 400 gồm tất cả 25 cánh họ: Chung, Dương, Đặng, Đỗ, Huỳnh, Kha, Khưu, Khương, Lâm, Lê, Lý, Lưu, Mai, Ngũ, Nguyễn, Phan, Phùng, Quách, Tăng, Tân, Trần, Trình, Trương, Vương, Văn.

Về mặt tổ chức, Hội Minh Hương Gia Thạnh được điều hành bởi một Ban Trị Sự gồm các vị như sau: Chánh Chủ Hội, Phó Chủ Nhứt, Phó Chủ Nhì, Chánh Thủ Bổn, Phó Thủ Bổn, Chánh Từ Hàn, Phó Từ Hàn, Kiểm Soát, và một số các vị Hương Trưởng Trị Sự giúp việc và cố vấn.

Lịch Sử Đình Minh Hương Gia Thạnh

Đình Minh Hương Gia Thạnh hiện nay chính là nhà làng của Minh Hương Xã được xây dựng ít lâu sau năm 1789 là năm mà Minh Hương Xã được sắc vua nhà Lê cho phép thành lập. Lúc mới đầu đây chỉ là mấy căn nhà dùng làm nơi làm việc cho làng. Đến năm Kỷ Hợi (1839), niên hiệu Minh Mạng thứ 20, làng Minh Hương mới xây cất đình trên miếng đất đó. Đình được tu bổ lần đầu vào năm Quý Dậu (1873), niên hiệu Tự Đức thứ 27. Đến năm Tân Sửu (1901), niên hiệu Thành Thái thứ 13, đình đã bị hư hại rất nhiều, Hội quyết định triệt hạ xuống hết và cất lại đình mới hoàn toàn. Một Ban Trị-sự được thành lập để lo việc xây cất ngôi đình mới và gồm có các vị sau đây:

- Đại-đồng-sư: Lâm Quang Kiển, Trần Hữu Định
- Chánh-tổng-lý: Lâm Tấn Tài, Lâm Quang Phát
- Phó-tổng-lý: Trần Hữu Phái, Quách Đăng Cang
- Hiệp-lý: Lưu Tân Tòng, Trình Quang Mầu
- Phó-Hồi: Ngu Vĩnh Võ

Từ đó đến nay cũng có qua thêm nhiều lần tu bổ, quan trọng nhứt là vào năm 1962 (đại tu bổ chánh điện và cất lầu), nhưng nói chung vẫn còn giữ nguyên vẹn nét kiến trúc cơ bản của ngôi đình đã xây vào năm 1901. (7)

Kiến Trúc Đình Minh Hương Gia Thạnh

Xây cất trên một diện tích 2.333 mét vuông, đình Minh Hương Gia Thạnh qua nhiều lần trùng tu nên kiến trúc và vật liệu có nhiều thay đổi. Nhìn chung toàn bộ kiến trúc đình mang mầu sắc đặc biệt Trung Hoa, theo hình chữ Tam, các tầng mái lợp ngói âm dương chồng lên nhau, góc mái thẳng và gọn. Trên đỉnh của tầng mái lớn nhứt (bên dưới nhứt) có gắn hình "lưỡng long tranh châu," có hai lân chầu hai bên đầu nóc đòn dông. Đà hàng hiên và đà ngang theo kiến trúc Trung Hoa, mỗi bên đầu máng gắn tượng sành ông mặt trời và bà mặt trăng. Diềm cửa sổ có song và lát gạch men Nhật. Hàng rào cổng sắt của đình làm theo kiểu Pháp (xem Hình 2) .

Ở mặt tiền, có hàng rào khá đồ sộ gồm sáu cột gạch cao sơn trắng, ba cửa sắt (một cửa chánh lớn ở giữa và hai cửa phụ nhỏ hơn ở hai bên) và các hàng song sắt sơn màu vàng. Trên hai cột trụ của cửa sắt chánh ở giữa có ghi đôi liễn bằng chữ Hán như sau (đọc từ phải qua trái):

Gia Hiến Phục Chấn Cơ Quang Cựu

Thịnh Đức Trường Lưu Miếu Mạo Tân (xem Hình 3)

Diễn Nôm:

Gia Tăng Văn Hiến, Chấn Hưng Nghiệp Xưa, Chỉnh Trang Nền Tảng Cũ

Làm Thạnh Đức Độ, Chuyển Nối Lâu Dài, Xây Dựng Đền Miếu Mới

(Xin lưu ý độc giả: Chữ 'Quang' dùng trong câu đầu đáng lẽ phải là chữ 'Quan = Cơ Quan' thì mới đúng).

Qua khỏi hàng rào là một sân ngắn tráng xi măng. Đứng ở giữa sân nhìn vào thì ngôi đình

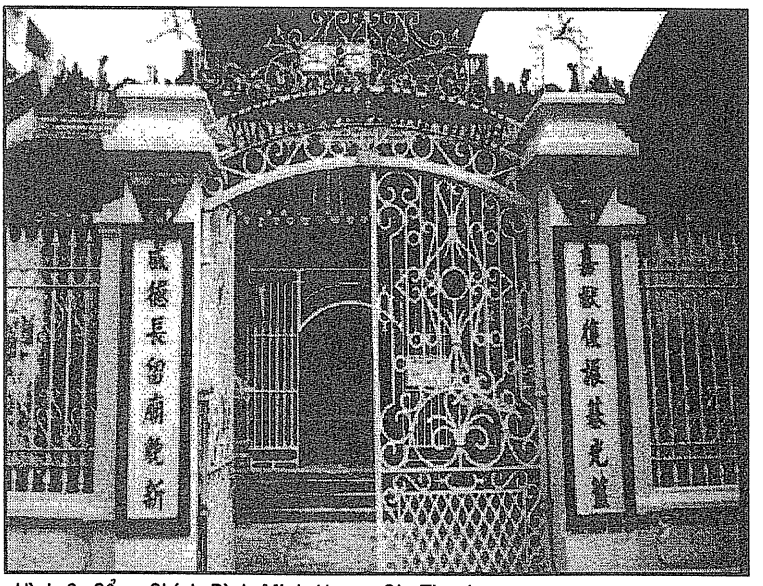

Hình 3: Cổng Chính Đình Minh Hương Gia Thạnh

nằm ở giữa, hai bên có hai lối đi nhỏ có cửa, bên tay trái gọi là Tả Thanh Long, bên tay phải gọi là Hữu Bạch Hổ. Tả Thanh Long dẫn vào giếng và nhà bếp của đình. Hữu Bạch Hổ dẫn vào bên trong, bên tay trái là nhà giảng (về sau có xây thêm một tầng để làm Thư viện), bên tay phải là cửa vô Tri Từ. Bên cạnh đường Bạch Hổ có xây một cái miếu nhỏ thờ Bà Ngũ Hành.

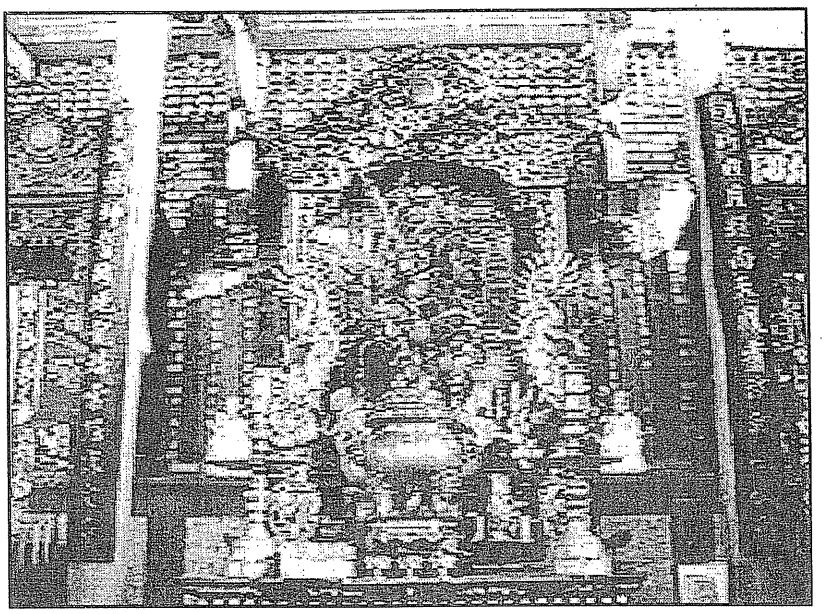
Hình 4: Bàn Thờ Gian Giữa Chánh Điện

Ở cuối sân có đặt hai chậu lớn trồng cây kiểng cắt tỉa rất khéo, rồi đến tam cấp bằng gạch. Trên tam cấp là một lần cổng nữa với hàng rào song sắt sơn mầu vàng, với hai cột to bằng gỗ sơn mầu đỏ đặt trên bệ gạch cao độ năm tấc. Khác với hàng rào bên ngoài, tại đây chỉ có một cổng vào mà thôi. Phía trên cổng có bảng nhỏ hình quả trám màu đỏ đề năm 1912 sơn màu vàng, ngay bên dưới là hàng chữ Hán cũng sơn màu vàng gắn trên bảng màu đỏ hình cánh cung:

Tuế Thứ Nhâm Tí Niên Trọng Thu Nguyệt Công Tạo

(Nghĩa: Xây cất vào tháng trọng Thu năm Nhâm Tí)

Cũng tại nơi cổng nầy, trên hàng rào song sắt bên phải có gắn một tấm bảng xác nhận tính cách di tích lịch sử văn hóa của ngôi đình, nội dung như sau:

ĐÌNH MINH HƯƠNG GIA THẠNH

Sáng Lập Năm 1789

Do "81" Vị Tổ Tiên Người Minh Hương Đóng Góp Và

Xây Dựng Phụng Cúng Những Vị Thánh Thần:

Trần Thượng Xuyên Nguyễn Hữu Cảnh

Trịnh Hoài Đức Ngô Nhân Tịnh

Được Công Nhận Di Tích Lịch Sử Văn Hóa

Ngày 7.1.1993 Do Con Cháu Hội Viên Phụng Cúng

Lập Ngày 25.3.1993

Qua khỏi cổng nầy là một gian phòng trống gọi là Võ ca (8). Nơi đây có treo rất nhiều bức hoành phi, thí dụ như:

Chí Thành Bất Tức = Lòng Thành Không Phai

Dương Dương Tại Thượng = Rực Rỡ Nêu Cao

Trạc Trạc Quyết Linh = Sáng Sủa Đoan Chắc

Thân Tích Vô Cương = Thân Thương Vô Bờ (chỉ ơn vua)

Thọ Tư Giới Phúc = Đón Nhận Ơn Dầy (chỉ vùng đất đang ở)

Bảo Ngã Lê Dân = Bảo Vệ Dân Ta

Qua khỏi Võ ca là vào đến Chánh Điện. Chánh Điện là một gian phòng rất rộng, trần rất cao, và trần thiết rất lộng lẫy nhưng trang nghiêm. Đây là nơi thờ phượng chánh của ngôi Đình (nội dung thờ phượng sẽ trình bày trong phần kế tiếp). Chánh điện chia thành ba gian, ở trong cùng xây bệ cao lát gạch men xanh lá cây, trên bệ đặt khám thờ rất lớn, bao lam chạm trổ rất tinh vi. Ở gian giữa, khám thờ chạm rồng chầu mặt trời, thờ bài vị sơn son thếp vàng, phía trên đề chữ triện "Long Phi". Đây là nơi thờ vua nhà Minh và thờ thần. Ngay trước khám thờ là bàn thờ cao bằng gỗ mun cẩn ốc xà cừ và chạm trổ tinh vi, trên bàn thờ là lư hương và chân đèn bằng đồng được đánh bóng sáng ngời. Hai bên bàn thờ là hai chiếc lọng to bằng gấm đỏ thêu chữ vàng. Trước bàn thờ là bộ ghế vọng gồm một bàn và năm ghế cũng bằng gỗ mun chạm trỗ tinh vi. Bộ ghế nầy tuyệt đối không ai được ngồi lên. Hai bên bộ ghế vọng là giá binh khí, mỗi bên tám món binh khí bằng đồng có tra cán gỗ rất dài, dựng đứng cao hơn đầu người. Trên hai cột chánh tại đây có gắn đôi liễn bằng gỗ đen chữ thếp vàng. Đây là bút tích của ông Trịnh Hoài Đức tặng cho Làng Minh Hương Gia

Thạnh:

Minh Đồng Nhật Nguyệt Diệu Nam Thiên, Phụng Chữ Tường Lân Gia Cẩm Tú

Hương Mãn Càn Khôn Linh Việt Địa, Long Bàn Hổ Cứ Thạnh Văn Chương

(Dịch nghĩa: Sáng cùng mặt trời, mặt trăng rực rỡ trời Nam, điềm lành phượng xoè lân múa tăng thêm vẻ gấm vóc

Mùi hương đầy trời đất thơm đất Việt, rồng chờ hổ phục thịnh văn chương)

Hai gian hai bên cũng có khám thờ và bàn thờ như gian ở giữa nhưng quy mô nhỏ hơn. Gian bên phải có khám thờ đề chữ triện "Tường Lân," thờ thái tử nhà Minh và hai vị võ tướng. Gian bên trái có khám thờ đề chữ triện "Thoại Phụng," thờ công chúa nhà Minh và hai vị văn thần. (Xem các hình 4, 5, 6).

Đằng sau Chánh điện là một sân gạch khá rộng có đặt rất nhiều chậu kiểng. Qua khỏi sân gạch nầy là khu Tri từ hậu sở, dùng làm nơi hội họp, tiếp khách cũng như đãi tiệc trong các dịp lễ hội. Tại đây vẫn còn lưu giữ một cổ vật quý giá là cái đỉnh gang của Trung Hoa chế tạo từ đời vua Đạo Quang nhà Thanh (1842).

Nội Dung Thờ Phượng Bên Trong Đình Minh Hương Gia Thạnh Tại Chánh Điện

Như ở trên đã nói, Hội Minh Hương Gia Thạnh được thành lập là để lo việc thờ phượng, đình Minh Hương Gia Thạnh trở thành nhà hương hỏa chung cho tất cả hội viên, nghĩa là nơi thờ phượng tổ tiên của hội viên, và, dĩ nhiên, cũng là nơi thờ phượng vua nhà Minh. Về sau, Ban Trị-sự Hội nghĩ rằng phàm là đình thì phải có thờ thần nên đã quyết định làm long vị để thờ thần.

Tại chánh điện, một bệ thờ xây đá men rất cao chạy ngang sát bức tường hậu đền, phía sau võ ca, chia làm ba cung nghiêm (người Minh Hương gọi là ba Thần lầu) để làm bàn thờ.

Tại Thần lầu chánh (ở giữa) có bảng ghi hai chữ "Long Phi" là nơi thờ vị Hoàng Đế cuối cùng của nhà Minh, đồng thời cũng là nơi thờ bốn vị thần là: Ngu thổ tôn thần, Ngu cốc tôn thần, Đông trù tư mạng, và Bổn cảnh thành hoàng. Tại đây có đôi liễn thờ như sau:

Vĩnh Tích Chưng Dân Chi Sanh Duy Thổ Duy Cốc

Vô Di Thiên Giám Sơ Đào Như Điển Như Lôi

(Dân sẵn ơn ban, đời sống cơm ăn đất ở

Trời không để sót, đến đâu sấm dậy sét vang) (9)

Tại thần lầu bên phải, gọi là Chánh Đông, có bảng ghi hai chữ "Tường Lân" là nơi thờ Thái tử nhà Minh, đồng thời cũng là nơi thờ hai võ quan là Chưởng Cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và vị Tổng Binh nhà Minh Trần Thắng Tài (tức là Trần Thượng Xuyên) với hai long vị như sau:

Thống xuất Lễ Thành Hầu hộ quốc tí dân, ách cảnh, uy viễn chiêu ứng Nguyễn Công Thượng Đẳng Thần

(Thống xuất Lễ Thành Hầu giữ nước che dân, bảo vệ bờ cõi, uy danh rạng rỡ Nguyễn Công được truy phong Thượng Đẳng Thần) 10

Phụ quốc Đô đốc Tướng quân Thắng Tài Hầu, gia phong oai

địch, chiêu dõng hiển linh, Trần Công Thượng Đẳng Thần

(Phụ quốc Đô đốc Tướng quân Thắng Tài Hầu, chiến đấu dũng mãnh, địch phải sợ, Trần Công hiển linh Thượng Đẳng Thần)

Tại đây cũng có đôi liễn thờ, mô tả hành trạng của Tướng quân Trần Thắng Tài như sau:

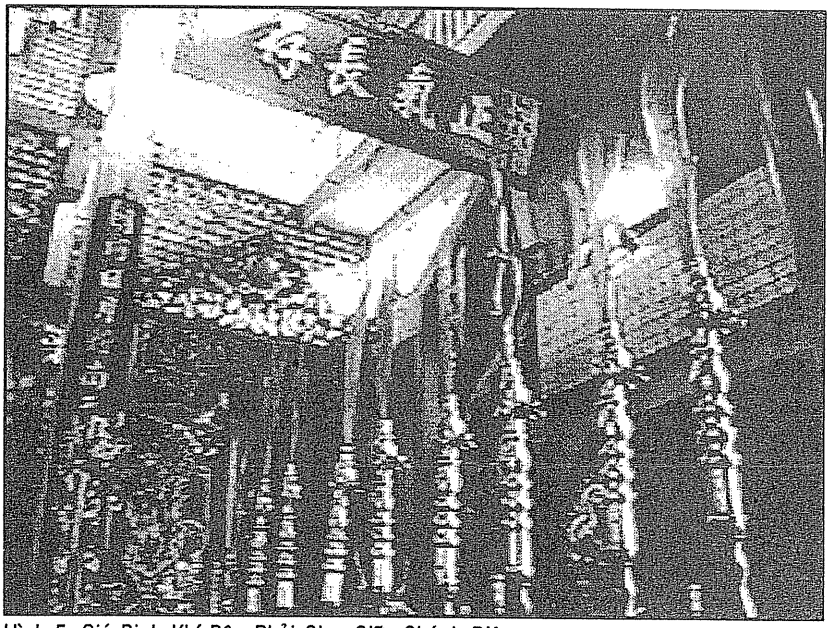

Hình 5: Giá Binh Khí Bên Phải Gian Giữa Chánh Điện

Sĩ tắc Bắc trào thần, cang thường trịnh trọng

Ninh vi Nam quốc khách, trước bạch chiêu thùy

(Triều Bắc thẹn làm tôi, cang thường vẹn giữ

Nước Nam thà là khách, trước bạch rạng nêu) (11)

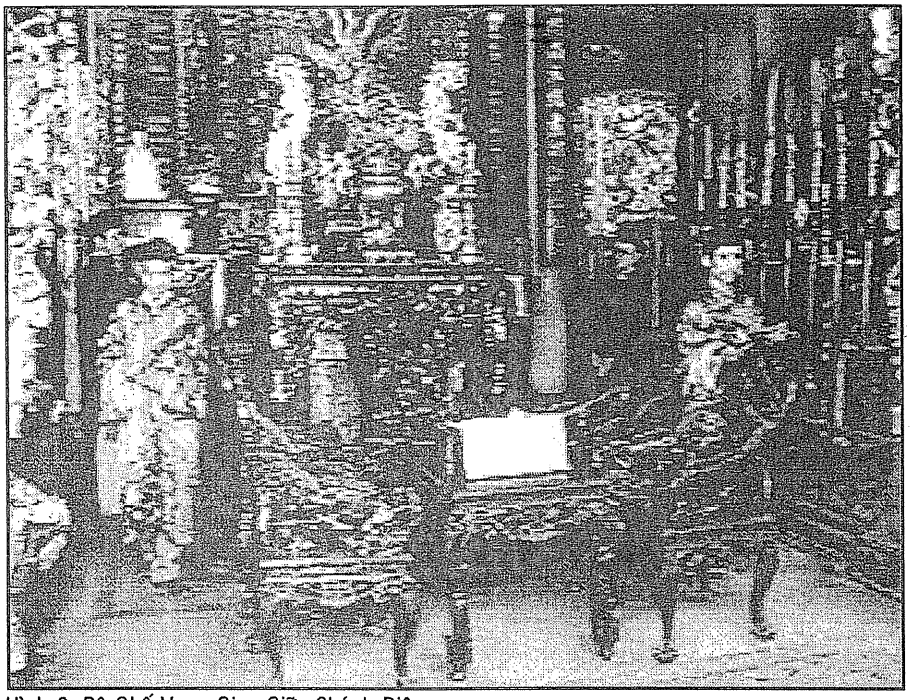

Hình 6: Bộ Ghế Vọng Gian Giữa Chánh Điện

Tại thần lầu bên tả, gọi là Chánh Tây, có bảng ghi hai chữ "Thoại Phụng" là nơi thờ công chúa nhà Minh, và cũng là nơi thờ hai vị văn quan người Minh Hương là ông Trịnh Hoài Đức (12) và ông Ngô Nhơn Tịnh (13) với hai long vị như sau:

Đặc Tấn Vinh Lộc Đại Phu, Hữu Trụ Quốc, Thiếu Bảo Cần Chánh Điện Đại Học Sĩ, Trịnh Văn Cách Công

Đặc Tấn Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu, Chánh Trị Thượng Khanh, Công Bộ Thượng Thơ, Ngô Túc Giảng Công

Tại đây cũng có đôi liễn thờ, mô tả hành trạng của ông Trịnh Hoài Đức như sau:

Yến Bắc Thượng Thơ Hàm, Quang Phân Sở Bửu

Việt Nam Hữu Trụ Quốc, Chủng Tiếp Châu Phan

(Yến Bắc, Thượng Thơ hàm, thẳng ngay chói rạng

Việt Nam, Hữu Trụ Quốc, trong sạch noi gương) (14)

Tại Tri Từ:

Tri từ là phần phía sau Chánh điện. Nơi đây cũng chia làm ba phần với các bàn thờ bố trí như sau:

- ở giữa: thờ các vị tiền bối đã khai sáng làng
- ở bên trái: thờ các vị chức sắc lớn (cùng với các vị phu nhơn) có công với làng và Hội; ở đây cũng thờ hai ông bà Trương Công Sĩ, là ân nhân của Hội
- ở bên phải: thờ các vị chức sắc nhỏ (cùng với các bà nội trợ) có công với làng và Hội

Tại Miếu Bà Ngũ Hành:

Trong Miếu Bà Ngũ Hành cũng có ba Thần lầu như sau:

- ở giữa: có long vị ghi bốn chữ Ngũ Hành Nương Nương, phía trên có một cái cốt của Bà Chúa Thai Sanh, hai bên là hai cốt của hai Cô theo hầu Bà; phía dưới là 12 cốt của 12 Bà Mụ có bồng con.
- ở bên trái: thờ Phúc Thần, có ghi bốn chữ "Phước Đức Chánh Thần"
- ở bên phải: thờ "Bạch mã Thái giám"

Những Ngày Lễ Hội Của Đình Minh Hương

Hàng năm, theo thứ tự ngày tháng Âm Lịch, Đình Minh Hương Gia Thạnh lần lượt tổ chức cúng tế nhiều lần như sau:

- Tháng Giêng:

* Mùng Bảy Tết: Cúng Xuân Thủ (đầu năm)

* Ngày 16: Cúng Kỳ Yên

- Tháng Ba: Ngày 19, cúng vía Bà
- Tháng Năm: Ngày 5, cúng Đoan Ngọ
- Tháng Sáu: Ngày 29, cúng kỵ cơm cho ông Trương Công Sĩ, một ân nhân lớn của Hội
- Tháng Bảy:

* Ngày 11, cúng Tam Kế Hiền, ba vị Hội viên là các ông Vương Quan Trân, Kha Văn Lân

và Khương Thành Nguyên đã đứng ra vay tiền để mua giùm cho Hội dãy phố Tân Long

* Ngày 16: cúng kỵ cơm bà Trương Công Sĩ

- Tháng Tám: Ngày 15, Trung Thu
- Tháng Mười: Ngày 16, cúng Tạ Thần
- Tháng Mười Hai:
  * Ngày 16: cúng Tạ Tĩnh
  * Ngày 24: cúng Đưa Thần
  * Ngày 25: cúng Tảo Mộ
  * Ngày 28: cúng rước Ông Bà
  * Đêm Giao Thừa: cúng Nghinh Thần

Trong các ngày lễ hội nầy, Lễ Kỳ Yên, vào ngày 16 Tháng Giêng, là quan trọng nhứt. Từ ngày Mùng 9, các chức giáp đã tề tựu để lo việc quét đình, lau chùi bàn thờ, chuẩn bị mọi việc cho đến ngày Mười Bốn. Đến ngày Rằm thì lo trần thiết đình, chưng dọn các bàn thờ. Ban tế lễ gồm các thành phần như sau:

- Chánh tế: ba vị, Chánh Chủ Hội, một Hương Trưởng Trị Sự, và một Hương Trưởng
- Bồi Chánh: hai vị, Hương Thơ và Hương Lễ
- Bồi Đông: hai vị, hàng Thượng Niên Hội Lại
- Bồi Tây: hai vị, hàng Thượng Niên Tư Sự
- Đứng bang: mười hai vị, hàng Hiệp Lý

Ngày xưa, khi cúng Kỳ Yên thì lễ vật để tế phải có đủ bộ Tam Sanh, gồm một heo đực đen tuyền, một bò đực vàng tuyền, và một dê đực đen tuyền (15). Vị Chánh tế phải mặc theo lối triều phục. Bây giờ lễ vật chỉ gồm hoa quả, bánh trái; các vị chánh tế chỉ mặc áo thụng xanh và khăn đóng xanh. Sau khi cúng thần xong thì tế miễu Bà Ngũ Hành.

Thay Lời Kết

Đình Minh Hương Gia Thạnh, với cơ cấu kiến trúc hiện nay, đã tròn một trăm tuổi và đã được chính thức xếp hạng vào loại di tích lịch sử văn hoá. Tuy nhiên, với số hội viên tương đối rất giới hạn, và khả năng tài chánh eo hẹp của Hội Minh Hương Gia Thạnh, ngôi Đình nầy có nguy cơ bị xuống cấp. Mới đây người viết nhận được thơ của một người bà con là một thành viên trong Ban Trị Sự của Hội Minh Hương Gia Thạnh cho biết như sau: "Do quỹ rất eo hẹp nên phải xây hai căn phòng hai bên mặt trước Đình để cho thuê, mỗi tháng được khoảng bốn triệu rưỡi, dùng để cúng kiến Thánh Thần và tổ tiên... Việc tu sửa thì không có tiền để làm, chỉ sửa chút ít để chống dột và trừ mối thôi. Về lâu sau nầy chắc sẽ xuống cấp lắm." Người viết ước mong sao những vị con cháu Minh Hương hiện đang sinh sống tại hải ngoại có thể cùng góp tay vào việc bảo vệ ngôi Đình lịch sử nầy.

Ghi Chú:

1. *Từ điển Thành phố Saigon - Hồ Chí Minh / Thạch Phương, Lê Trung Hoa chủ biên.* T/P HCM : Nhà Xuất Bản Trẻ, 2001. Tr. 675.

2. *Nguyễn Phúc tộc thế phả : thủy tổ phả, vương phả, đế phả / Vĩnh Cao...* [và nhiều người khác] kính soạn. Huế : Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 1995. Tr. 132.

3. *Khoán ước và tiểu sử các vị tiền bối.* Chợ Lớn : Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951. Tr. 21.

4. Sơn Nam. *Đình miếu và lễ hội dân gian.* Đồng Tháp : Nhà Xuất Bản Đồng Tháp, 1994. Tr. 13.

5. *Khoán ước,* sđd, tr. 22.

6. *Khoán ước,* sđd, tr. 23.

7. *Khoán ước,* sđd, tr. 24.

8. Võ ca là một gian phòng trống, phần ngoài cùng của các ngôi đình ở Miền Nam Việt Nam, thường được dùng làm sân khấu hát bội trong các dịp lễ hội. Xem thêm tài liệu sau đây: Trương Ngọc Tường, *Đình miếu ở đồng bằng sông Cửu Long,* phụ lục trong sách đã dẫn của Sơn Nam, tr. 143-178.

9. *Khoán ước,* sđd, tr. 25.

10. Nguyễn Ngọc Hiển. *Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh 1650-1700 : với công cuộc khai sáng miền Nam nước Việt cuối thế kỷ 17.* Tái bản lần thứ hai. T/P HCM : Nhà Xuất Bản Văn Học, 1997. Tr. 175.

11. *Khoán ước,* sđd, tr. 26.

12. Ông Trịnh Hoài Đức (1765-1825) là một đại thần đời vua Gia Long. Tổ phụ của ông là Trịnh Hội, người tỉnh Phước Kiến, sang lập nghiệp ở Phú Xuân, sau dời vào Trấn Biên (Biên Hòa). Ông sinh năm 1765 tại Trấn Biên, học trò của danh sĩ Võ Trường Toản. Năm Mậu Thân (1788), Chúa Nguyễn Phúc Ánh mở khoa thi tại Gia Định để chọn nhân tài, ông thi đậu và được bổ làm Hàn Lân Viện Chế Cáo, rồi sung chức Điển-tuấn-quan trông coi việc khai khẩn đất đai tại Gia Định. Sau đó, ông lần lượt thăng cấp: Tri Huyện Tân Bình, Ký Lục dinh Trấn Định, Hữu-tham-tri Bộ Hộ. Sau khi vua Gia Long lên ngôi năm 1802, sứ cho Trịnh Hoài Đức (1802). Năm 1807, ông làm Chánh sứ sang Chân Lạp để phong vương cho Nặc Ông Chân. Năm 1811, ông làm Hiệp Trấn Nghệ An. Năm 1812 ông thăng Thượng-thơ Bộ Công, đồng thời sung chức Hiệp-Tổng-trấn Gia-Định-Thành. Về cuối đời ông bị vua Gia Long nghi ngờ nên buồn phiền mà mất. Về mặt văn học, ông là một vị trong Gia Định Tam Gia nổi tiếng đương thời. (Xem thêm: 1/ Nguyễn Huyền Anh. *Việt Nam danh nhân từ điển.* Saigon : Khai Trí, 1972. Tr. 243-244; 2/ Từ điển Thành phố Saigon - Hồ Chí Minh. TP HCM : Trẻ, 2001. Tr. 183).

14. *Khoán ước,* sđd, tr. 26.

15. *Khoán ước,* sđd, tr. 43.

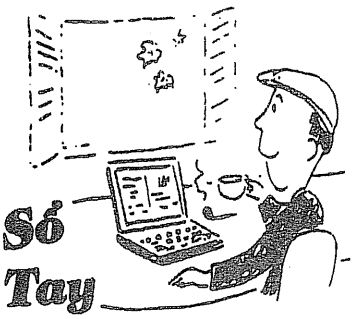

NGÔ NHÂN DỤNG

THỜI MÃ VIỆN KHÔNG CÓ KỸ NGHỆ DU LỊCH

Tháng trước chúng tôi viết trong mục này, hỏi có ai biết thác Bản Giốc bây giờ người Trung Hoa gọi cái bằng tên nào không. Một người bạn có lòng tốt cho biết sở du lịch bên Tầu đã quảng cáo cái thác đó, họ gọi tên là Đức Thiên (Một trời phước đức, hay là ông Trời có đức). Nhưng trên bản đồ cũng ghi cái tên cũ của thác này theo lối phiên âm sang tiếng Tầu, mà đọc theo lối Hán Việt là Bản Ước. Thế là thỏa được một nỗi tò mò. Ngay cả cái tên của mình là Giốc họ cũng đổi ra Ước, đọc giông giống nhưng cũng vẫn bị đổi cho mất tung tích. Giống như trấn Long Bằng ở phía Tây Bắc tỉnh Cao Bằng bây giờ trên bản đồ viết liền nhau thành Longbang và nằm lọt vào trong địa giới nước Tầu 5 km; trấn Phi Đán ở phía Đông Nam bây giờ nằm hẳn sang bên Tầu, cách biên giới 6 cây số cũng được đổi tên thành Phia Dan; còn trấn Tố Loan đổi thành To Luan, cách biên giới một cây số. Những chi tiết đó được người Việt Nam ở trong nước gửi qua internet ra hải ngoại cùng với bản đồ, không biết bà con ở trong nước có nhận được thông tin này hay không! Trên cái bản đồ này, khu đất bao gồm Bản Giốc đáng lẽ nằm ở phía Nam biên giới, đường biên giới nay đã được bẻ quẹo xuống dưới cho nằm trùng với một con sông để cho thác Bản Giốc ở trên sông đó cũng được chia đôi!

Nhà nước Trung Quốc còn quảng cáo rằng cái thác Đức Thiên này dài 200 mét và chỗ cao lên đến 60 mét, như quý vị đã nhìn hình ảnh đăng trong số báo trước, trông ngọn thác rất hùng vĩ. Nhưng người ta cũng khoe rằng đây là cái thác lớn nhất Á châu và lớn nhì thế giới. Đây là điều mà chúng ta có thể nghi ngờ, nhưng nó chứng tỏ con thác này được người Trung Hoa quý báu thế nào!

Mừng cho dân Trung Hoa! Chúc mừng, chúc mừng! Nước Trung Hoa có bao nhiêu cảnh sắc thiên nhiên tuyệt mỹ, từ Lư San, Hoàng San đến Cửu Thái Câu, nhưng chưa nơi nào có một con thác cao đẹp đáng kể. Nay họ có thể quảng cáo Thác Đức Thiên cho 1 tỷ 300 triệu người đi ngắm cảnh. Từ đời nhà Hán, Phục Ba Tướng Quân Mã Viện không biết đến kỹ nghệ du lịch cho nên sau khi chiếm nước ta không tịch thu cái thác này ghép vào biên địa của mình, trong số các chiến lợi phẩm ông đã mang về. Chắc ông ta nghĩ đằng nào thì các quận từ Giao Chỉ đến Cửu Chân cũng thuộc giang sơn gấm vóc của nhà Đại Hán rồi, thác Bản Giốc thuộc quận nào cũng vậy thôi. Tới đời nhà Minh cũng vậy, khi Mạc Đăng Dung cống hiến đất năm động thì họ cũng không đòi tặng cho thác Bản Giốc. Chẳng qua chỉ vì từ đời Hán đến đời Minh, Thanh, người Trung Hoa chưa biết khai thác ngành du lịch như một nguồn lợi tức và ngoại tệ.

Nói chuyện du lịch tôi lại nhớ lần đầu đến Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, người hướng dẫn đặt trong chương trình mục thăm viếng Đồi Phục Ba. Khi xe buýt đậu dưới chân đồi, nhiều phụ nữ Việt Nam nhất định không chịu leo lên ngắm cảnh. Anh bạn hướng dẫn cố thuyết phục họ leo lên nhưng họ khăng khăng không chịu. Vì phép lịch sự, họ nêu lý do là họ thích đi sốp pinh ở chân đồi. Tôi đã giải thích cho nhân viên sở du lịch Trung Quốc biết sự tích Hai Bà Trưng ở nước tôi bị Phục Ba tướng quân Mã Viện đánh bại như thế nào. Con cháu hai bà ai lại nỡ lòng đi viếng ngọn đồi ghi công cái ông tướng xâm lăng đó!

Tháng trước tôi còn thắc mắc không biết mình có thật sự mất thác Bản Giốc rồi hay chưa, vì chỉ nghe tin theo lá thư của các vị bô lão ở Hà Nội phản đối việc ký Hiệp định Biên giới. Đến nay thì chắc chắn rồi, vì chính một ông thứ trưởng ngoại giao ở Hà Nội xác nhận đã nhường một nửa con thác này cho nước bạn của ổng. Chúng tôi sẽ bàn về "bài phỏng vấn" ông Lê Công Phụng sau. Nỗi thắc mắc khác cũng nêu ra từ tháng trước là "Tại sao đảng Cộng Sản Việt Nam lại phải đi nhượng bộ đảng anh em của họ như vậy?" Tại sao tháng trước ông Trần Đức Lương sang Nam Vang mấy ngày mà không ép được chính phủ Hun Sen ký một cái hiệp ước biên giới nào cả, trong khi chính phủ và Quốc hội ở Hà Nội thì lại chịu ký các hiệp định biên giới và lãnh hải một cách ngoan ngoãn như thế? Có lẽ ông Hun Sen cứng rắn được, mặc dù địa vị của ông là do Cộng Sản Việt Nam gây dựng cho từ đầu, cũng vì ở Cam Bốt còn có hai đảng chính trị khác, ngoài đảng cầm quyền. Và dân chúng Cam Bốt cũng đã biểu tình chống người Việt Nam trong lúc ông Trần Đức Lương đang ở đó. Ông Hun

Sen có thể nại lý do đó để từ chối không ký một hiệp ước biên giới nào cả: Kẹt quá, nhượng bộ quý quốc bây giờ thì dân nó không chịu!

VÌ ĐỘC TÀI NÊN PHẢI BÁN NƯỚC

Khi một chính phủ bị ngoại bang làm áp lực, họ có thể nhờ phe đối lập trong nước giúp thoát khỏi ngõ bí. Chúng ta thấy có rất nhiều bài học như vậy, ngay cả đối với các đồng minh.

Nước Mỹ là đồng minh số một của Nam Hàn, đã cứu nước này thoát khỏi cuộc xâm lăng của quân cộng sản miền bắc trước đây 30 năm. Nước Mỹ sau đó tiếp tục giúp Nam Hàn phát triển, cho đến bây giờ đã thành một cường quốc kinh tế. Còn chế độ cộng sản ở Bắc Hàn vẫn tiếp tục bóc lột người dân, để 20% dân số thiếu ăn trong khi các lãnh tụ lo chế hỏa tiễn liên lục địa và lo nghiên cứu chế bom hạch tâm. Vừa qua ở Quốc hội Mỹ, Tổng thống George W. Bush đã gọi ba nước Iran, Iraq và Bắc Hàn là một "Liên minh Tội Ác". Chính phủ và người dân Nam Hàn xưa nay vẫn thù ghét chế độ cộng sản miền Bắc, họ phản ứng ra sao?

Nhiều người dân Nam Hàn đã biểu tình phản đối Tổng thống Bush từ trước và cả trong khi ông Bush đi thăm Hàn quốc. Dân Nam Hàn đang hy vọng chính sách "Ánh Thái dương" của Tổng thống Kim Đại Trung đối thoại với lãnh tụ Bắc Hàn Kim Chính Nhất sẽ soi sáng và thay đổi dần dần chế độ cộng sản miền bắc. Các việc cứu trợ nạn đói đã bắt đầu, rồi đến việc du lịch, cuộc giao thương sẽ tiếp theo để tiến dần đến việc thống nhất non nước Triều Tiên. Trong khi chờ đợi, ít nhất đồng bào của họ bên kia giới tuyến cũng được no đủ hơn. Lời tuyên bố của Tổng thống Bush có thể làm hỏng chủ trương đối thoại của ông Kim Đại Trung. Tổng thống Kim không than phiền một lời, vì Hoa Kỳ vẫn là đồng minh của cả quốc gia. Nhưng dân Nam Hàn vẫn được phép biểu tình, và chính phủ Bush sẽ phải chú ý đến nguyện vọng của họ. Khi tới Hán Thành, ông Bush tuyên bố sẵn sàng "đối thoại" với Bắc Hàn.

Một bên là chính phủ, một bên là nhân dân, mỗi bên trong cùng một nước có thể biểu lộ thái độ khác nhau đối với chính sách của một nước đồng minh. Nhưng nhờ có dân chống mà chính phủ mới mạnh bạo phản đối, cả hai đều vì lợi ích của quốc gia, dân tộc. Ở bên Nhật Bản cũng thế. Chính phủ Nhật nào cũng thấy nước họ cần cái dù vũ khí hạch tâm của Mỹ, để phòng ngừa các nước láng giềng Trung Hoa và Nga có hỏa tiễn với đầu đạn nguyên tử. Hoa Kỳ phải là đồng minh số một của Nhật Bản thì người Nhật đêm mới ngủ yên giấc. Nhưng dân Nhật ở Okinawa không năm nào không biểu tình chống các trại quân đội Mỹ còn đóng ở đây kể từ sau Đại chiến Thứ Hai. Không phải vì dân đảo Xung Thằng biểu tình chống đối mà nước Mỹ trở thành thù nghịch đối với nước Nhật. Cũng không phải vì dân Nam Hàn biểu tình chống Thủ tướng Koizumi mà nước Nhật coi Nam Hàn là kẻ thù, không giao thiệp, không buôn bán. Khi ông Bush thăm Nhật Bản tháng rồi, dân Nhật lại biểu tình khắp nơi, chống chương trình lá chắn chống hỏa tiễn cũng như chuyện ông Bush rút khỏi hiệp ước Kyoto về sinh môi. Hai nước vẫn là đồng minh mà vẫn bảo vệ được chủ quyền của mình.

Nghe những chuyện các nước Nhật và Nam Hàn, ngẫm lại chuyện nước Việt Nam mình. Đảng Cộng Sản Việt Nam coi chính phủ Trung Quốc là đồng minh vì cả hai cùng theo Chủ nghĩa Cộng Sản. Từ năm 1989, trước cảnh các nước cộng sản ở Đông Âu và Nga sô đang từ bỏ chủ nghĩa Marx Lê nin Cộng Sản Việt Nam phải cầu cứu Trung Cộng giúp họ bảo vệ ngôi vị độc quyền.

Đáp lại sự giúp đỡ của Cộng Sản phương Bắc, Cộng Sản Việt Nam có gì để đền bù, tạ ơn? Không có tiền bạc để trả, cung không thể giúp Trung Quốc về quân sự, ngoại giao. Ông Lê Khả Phiêu sang Bắc Kinh xin lập một tổ chức Quốc tế Cộng Sản mới để tôn Trung Quốc làm bá chủ, cũng bị từ chối. Không lẽ hai bên trao đổi lại chỉ có một bên hưởng lợi, còn bên kia không được đền đáp chút gì sao? Trên trường ngoại giao đâu có ai cho không cái gì đâu?

Khi các ông Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười sang cầu cứu Trung Quốc năm 1991, Chính phủ Trung Hoa thấy ngay một món quà họ đòi trao đổi, là "hợp thức hóa" những vùng đất có giá trị chiến lược mà họ đã chiếm từ cuộc xâm lăng năm 1979. Năm đó, sau khi quân Lê Đức Anh chiếm Cam Bốt, Trung Quốc là nước bảo trợ cho chế độ Pol Pot đã đánh nước ta để "cho Cộng Sản Việt Nam một bài học." Ông Lê Duẩn học bài, nhưng dân Việt Nam và lính Trung Quốc trả học phí bằng mạng sống của họ. Nhưng thử nghĩ coi: Không lẽ mang 200 ngàn quân đi đánh nước láng giềng, làm chết bao nhiêu lính tráng rồi lại về tay không? Họ

tàn phá bao nhiêu thành thị, rồi chiếm giữ những cao điểm có giá trị chiến lược. Họ thu ngắn đường biên giới giữa hai nước, bên Việt Nam nói dài hơn 1,300 km, bên Trung Quốc nói chỉ dài 1,200 km. Khi thu lại 100 km biên giới chắc chắn nhiều góc cạnh đã được xén bớt đi!

Từ năm 1979 quân Trung Quốc đã chiếm giữ nhiều vùng đất, di chuyển nhiều cột mốc biên giới. Khi các ông Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh đi xin ủng hộ, chắc Bắc Kinh chỉ có một đòi hỏi một điều thôi cũng đủ. Là hợp thức hóa các miền đất đã chiếm. Đó là lý do tại sao các cuộc thảo luận về biên giới được mở ra từ năm 1993. Đó là lý do khiến các ông Giang Trạch Dân, Lý Bằng luôn luôn thúc đẩy các ông Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh phải kết thúc các hiệp định biên giới trong thời hạn năm 1999 và trong năm 2000. Và đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm theo các lời yêu cầu đó.

Chúng ta có thể tin rằng những lãnh tụ cộng sản cũng biết xấu hổ nếu đặt bút ký tên nhường đất đai của tổ tiên để lại. Họ cũng là người Việt Nam như mình vậy, cực chẳng đã mới phải ký các hiệp ước biên giới. Cộng Sản Việt Nam đã chịu thua Bắc Kinh vì họ không biết trông cậy vào đâu cả. Nga xô tan rã rồi, không thấy có một đồng minh nào khác, mà tự mình cũng chẳng có sức mạnh nào để chống lại áp lực của Trung Quốc. Mà nhân dân thì không ai được phép nói!

Nhưng các lãnh tụ cộng sản cũng biết xấu hổ cho nên họ làm lén lút, không dám công bố cho dân biết đang bàn, đang ký những gì. Ngay các đại biểu Quốc hội và ủy viên Trung ương Đảng cũng chỉ một số nhỏ được biết. Đến khi có những đảng viên cộng sản tỉnh ngộ lên tiếng chống lại hành động bán nước, đến khi đồng bào hải ngoại biết và làn sóng phản kháng dâng lên, thì ván đã đóng thuyền rồi!

Bây giờ chúng ta thử tưởng tượng hai nước Nga và Mỹ hiệp ý với nhau đòi Nhật Bản ký hiệp ước công nhận mấy hòn đảo Sakhalin là lãnh thổ Nga. Những đảo đó hiện do người Nga chiếm, nhưng không một chính phủ Nhật Bản nào chịu công nhận. Ví thử có một chính phủ Nhật rất yếu, họ đang sợ Trung Quốc tấn công, họ cần nước Mỹ, Nga hỗ trợ. Liệu chính phủ Nhật Bản đó có đặt bút ký một hiệp ước công nhận Sakhalin là của nước Nga hay không?

Chắc chắn là không. Vì dân chúng Nhật Bản sẽ biểu tình phản đối, chính phủ Nhật nào có ý định ký kết sẽ bị lật đổ, và chính phủ lên thay sẽ bỏ ý định đó. Mà các nước Nga và Mỹ không thể trách chính phủ Nhật Bản được. Trong thực tế, nhiều lần chính phủ Nhật đã cưỡng lại các yêu cầu của chính phủ Mỹ vì dân chúng biểu tình chống đối, thí dụ như chống không cho phép chiến hạm nguyên tử của Mỹ vào hải cảng Nhật.

Tại sao Tokyo có thể chống lại đòi hỏi của Mỹ? Chính vì nước Nhật theo chế độ dân chủ cho nên khi cần thiết họ có thể dùng thế nhân dân cưỡng lại áp lực của đồng minh. Một nước càng nhỏ, càng yếu thì chính quyền càng cần được người dân hỗ trợ khi phải chống lại áp lực ngoại giao của các cường quốc.

Như vậy thì chúng ta hiểu tại sao Cộng Sản Việt Nam chịu thua, không thể cưỡng lại áp lực của Trung Quốc. Không phải vì nước Việt Nam nhỏ và yếu. Cũng chẳng phải vì hai đảng Cộng Sản là anh em nên nhường nhịn lẫn nhau! Tất cả chỉ vì người dân Việt Nam không được thông tin, giới trí thức, truyền thông không được lên tiếng khi bất đồng ý kiến với người cầm quyền. Chỉ vì nước Việt Nam không có dân chủ tự do.

Chính chế độ độc tài đưa chính quyền cộng sản tới chỗ phải phạm tội bán nước.

THỨ TRƯỞNG LÊ CÔNG PHỤNG BIỆN HỘ

Việc bàn thảo và ký kết các Hiệp định Biên giới với Trung Quốc được Đảng Cộng Sản Việt Nam thực hiện trong bí mật, không muốn cho nhân dân Việt Nam biết. Họ hạn chế tối đa các tin tức, đến nỗi nhiều người Việt Nam ở các thành phố, có học, và theo dõi tin tức cũng không biết có những hiệp ước đó. Giới trí thức miền Bắc còn để ý, chứ đồng bào ở trong Nam càng mù tịt! Nhưng trong tháng trước trên mạng lưới internet lại xuất hiện một bài phỏng vấn ông Lê Công Phụng, Thứ trưởng Ngoại giao, giải thích về các bản hiệp định trên.

Bài "phỏng vấn" thực ra không phải là phỏng vấn thật, mà hoàn toàn được một cán bộ tuyên truyền viết ra, các câu hỏi, câu trả lời đặt vào miệng một "Phóng viên" vô danh và miệng ông Lê Công Phụng. Chỉ cần đọc lời lẽ các câu trả lời người tinh ý cũng nhận ra đấy là văn viết chứ không phải văn nói chuyện. Họ sử dụng tên một địa chỉ mạng lưới mang tên VASC Orient, đó là một "Công ty phát triển phần mềm" địa chỉ tại số 99 đường Triệu Việt Vương, Hà Nội. Bài phỏng vấn được gọi là

của ông Lê Công Phụng chỉ cốt tung ra cho bà con ở hải ngoại đọc mà thôi.

Vậy thì ông Lê Công Phụng nói những gì để biện minh cho hành động lén lút ký kết các hiệp ước với Cộng Sản Trung Hoa?

Trước hết, ông Lê Công Phụng phân bua rằng không thể dùng lại Hiệp ước Biên giới thời người Pháp ký với nhà Thanh bên Trung Hoa, bắt đầu là Hiệp ước ký năm 1887. Lý do? Vì "hơn 100 năm trôi qua, đã diễn ra rất nhiều biến thiên về con người, của thiên nhiên, của "**các sự kiện chính trị...**" Không nói rõ nhưng ai cũng hiểu rằng trong số những "sự kiện chính trị" đó có vụ quân Trung Quốc xâm lăng Việt Nam năm 1979. Ngoài ra là những "sự kiện chính trị" khác, như việc ba trăm ngàn quân "cố vấn" Trung Quốc đã sang giúp Hà Nội xây dựng và bảo vệ đường sá trong thời chiến tranh Nam Bắc, không biết bao nhiêu gia đình người Trung Hoa đã đi theo họ để lập nghiệp ở quanh các trại lính, theo lối nói của ông Lê Công Phụng thì đó là những "**biến thiên về con người.**"

Nếu dùng lý lẽ của ông Lê Công Phụng, thì chính phủ Nhật Bản đã nhường luôn các hòn đảo ở phía Bắc cho Nga, Ấn Độ đã chấp nhận Trung Quốc làm chủ nhiều vùng trên Hy Mã Lạp Sơn. Vì những "sự kiện chính trị" đã đặt các vùng trên dưới sự kiểm soát của chính quyền nước khác, ký nhượng luôn cho rồi, đòi lại làm chi nữa!

Vậy thì tại sao đảng Cộng Sản Việt Nam chịu chấp nhận nhường bao nhiêu đất đai của tổ tiên cho Trung Quốc, sau "các sự kiện chính trị"? Ông Lê Công Phụng nêu mấy lý do, trong đó có chuyện "CHXHCN Việt Nam chúng ta và CHND Trung Hoa có nhu cầu "**... làm sao mà** duy trì được ổn định..., và quan trọng hơn là nhằm xây dựng một mối quan hệ hữu nghị láng giềng hợp tác..."

Ông Lê Công Phụng giải thích như thế nào về nhu cầu "ổn định"?

Khi trình bày thái độ "nhân nhượng", ông nói, "bởi lẽ cái quan trọng nhất là dân cư" có cuộc sống ổn định. Ông nói rõ hơn. "Có những chỗ nếu như dân cư bên Trung Quốc có sang ta một vài trăm mét thì chúng ta cũng chấp nhận để họ được ổn định. Ngược lại, có nhiều người Việt Nam... kéo sang bên phía Trung Quốc... bạn cũng chấp nhận." Theo ông Lê Công Phụng thì hai bên chỉ khác nhau về 227 cây số vuông, dọc theo 400 cây số biên giới, mà sau khi phân chia phía Việt Nam được 114, Trung Quốc nhận 113 cây số vuông. Ông bảo, "Nói chuyện chúng ta mất 700 cây số vuông, theo tôi nghĩ, hoàn toàn không thực tế."

Nhưng các con số 227, 113 và 114 cây số vuông mới hoàn toàn không thực tế. Vì sau một trăm năm, dân ở biên giới chắc đã di chuyển trên những vùng đất rộng hơn nhiều, đặc biệt là sau năm 1979 Trung Quốc đã chiếm rất nhiều đất của Việt Nam.

Trong thời gian sau khi quân Trung Quốc rút lui, tháng Ba năm 1979, cuốn Bạch Thư chính phủ Hà Nội đã tố cáo quân Trung Quốc phá hủy và dời chỗ nhiều cột mốc biên giới, chiếm giữ các cao điểm chiến lược và nhiều vùng đất ruộng mầu mỡ cho dân Trung Quốc sang ở. Ngày nay đảng Cộng Sản Việt Nam đã quên rồi hay sao?

BẢN GIỐC VÀ NAM QUAN

Ông Lê Công Phụng không ngần ngại chụp mũ cho những người Việt chống đối các bản hiệp ước trên là "lực lượng thù địch từ bên ngoài đang tìm cách gây khó khăn cho chính phủ và nhân dân chúng ta trong việc phát triển quan hệ đối ngoại." Còn người "phóng viên" trong bài văn tuyên truyền này cho thấy rõ bộ mặt "cò mồi" với những câu hỏi mớm ý trước, chưa nghe câu trả lời đã phê phán.

Người "Phóng viên" hỏi, "Thưa ông... người ta nói đến thác Bản Giốc, Mục Nam Quan... ở trong đó có cái gì là sự thật và có cái gì thực ra chỉ là sự phóng đại mang mầu sắc cảm tính là nhiều?"

Trong câu trả lời, ông Lê Công Phụng xác nhận cửa ải Mục Nam quan bây giờ đã thuộc vào lãnh thổ Trung Quốc, nhưng ông Phụng nói rằng nó chỉ cách biên giới (cột cây số số không) 200 mét. Theo Giáo sư Trần Đại Sỹ ở Pháp đã tới tận nơi khảo sát, thì nó cách biên giới tới bốn, năm cây số. Ông Lê Công Phụng còn nói, "nhân dân Lạng Sơn báo cáo ... rằng cột mốc (số không) có từ khi những người già còn chưa ra đời... Chúng ta tôn trọng cơ sở pháp lý, tôn trọng thực tiễn, nhất là vì lâu nay quản lý đã như vậy..." cho nên chấp nhận mất "200 mét." Vậy lời ông Lê Công Phụng đáng tin hay lời giáo sư Trần Đại Sĩ đáng tin? Có lẽ chúng ta phải tổ chức những cuộc thăm viếng Ải Nam Quan trong tỉnh Quảng Tây mới biết được!

Nhưng trong lý lẽ biện minh cho việc nhượng bộ mà ông Lê Công Phụng nêu ra, "nhân dân Lạng Sơn" mà ông nói là những ai? Họ thuộc sắc tộc nào? Họ ở đó từ bao giờ? Trước hay sau năm 1979? Trước hay sau năm 1945 khi Hoa quân nhập Việt mang cả vợ con, nồi niêu soong chảo, chổi cùn rế rách sang giải giới quân Nhật? Trước hay sau năm 1951 là năm các cố vấn cộng sản Trung Quốc bắt đầu

tấp nập sang dậy cộng sản Việt Nam các phương pháp đấu tố, chỉnh đảng, chỉnh phong?

Có lẽ lý do mạnh nhất là "tôn trọng thực tiễn, nhất là vì lâu nay quản lý đã như vậy." Nghĩa là trong thực tế ai đang chiếm đóng và quản lý chỗ nào thì hưởng chỗ đó. Như vậy thì gọi là "ăn cướp" rồi, còn thương thuyết cái gì nữa?

KHI TÔN TRỌNG THỰC TẾ, KHI KHÔNG

Còn về thác Bản Giốc, ngay từ phần đầu câu trả lời, ông Lê Công Phụng đã xác nhận: "...Chúng tôi cũng rất lấy làm lạ là trong sách sử của chúng ta và Trung Quốc từ năm 1960 đến nay, không ai nói thác Bản Giốc có phần là của Trung Quốc. Ngay Trung Quốc cũng không nói đấy là của Trung Quốc. Còn đối với chúng ta, thác này đã đi vào sử sách..." Các nhân vật chống hiệp định biên giới ở Hà Nội như tướng Trần Độ, các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang v.v. đã kể tên Bản Giốc trước nhất trong số những phần đất mà đảng Cộng Sản nhường cho Trung Quốc. Họ có lý do sâu xa, không thể coi là "lực lượng thù địch từ bên ngoài" theo lối cả vú lấp miệng em được.

Nhưng sau đó, giải thích lý do thác Bản Giốc nay được chia đôi, mỗi nước một nửa, ông Lê Công Phụng cho biết theo hiệp ước ký giữa Pháp và nhà Thanh thì thác Bản Giốc chỉ có một phần ba thuộc Việt Nam, và chính ông Lê Công Phụng đã đến tận nơi thấy cột mốc cắm trên một cồn nhỏ giữa suối, chưa được một nửa thác ở về phía Việt Nam.

Trong một đoạn trước đó, chính ông Lê Công Phụng đã nói rằng sau hơn một trăm năm các cột mốc biên giới đã thay đổi, "đường biên giới không còn nguyên vẹn như lúc nhà Thanh và thực dân Pháp phân định một thế kỷ trước." Chính ông Lê Công Phụng cũng viện dận những "biến thiên về con người, của thiên nhiên, của các sự kiện chính trị..." Khi nhường ải Nam quan thì "tôn trọng thực tiễn"! Thế thì tại sao ở nơi thắng cảnh mà ai cũng nhìn nhận là của nước ta, kể cả sách vở Trung Quốc, lại không căn cứ vào thực tiễn đó mà đi ôm lấy một cái cọc? Cái cột mốc cắm ở đó từ bao giờ? Do ai cắm? Trong "sự kiện chính trị" quân Trung Quốc đánh Việt Nam năm 1979 để dậy đảng Cộng Sản Việt Nam một bài học cái mốc đó có bị di chuyển hay không?

Thực tế cụ thể, lý luận vững vàng nhất để giữ thác Bản Giốc trong lãnh thổ nước ta là, theo lời ông Lê Công Phụng, "Ngay Trung Quốc cũng không nói đấy là của Trung Quốc." Nếu sử sách cả hai nước đều công nhận thác Bản Giốc thuộc lãnh thổ nước ta từ bao nhiêu năm qua, thì chúng ta phải vin vào thực tế đó. Phải viện dẫn lý lẽ mạnh mẽ nhất là "sách sử của chúng ta và của Trung Quốc" để mà giữ lấy đất đai của tổ tiên. Không ai lại đi nhượng bộ một nửa con thác dễ dàng như thế! Đã chịu thiệt lại còn đi cảm ơn Trung Quốc cho thêm, được 50% con thác thay vì một phần ba! Chứ nỡ lòng nào dựa vào cái cột mốc mà ông Lê Công Phụng chỉ nghe "dân địa phương nói là từ xưa đến nay chưa ai thay đổi cả". Dân địa phương là những ai? Từ xưa đến nay là từ năm nào? Người yêu nước, kính trọng tổ tiên thì phải đặt câu hỏi.

Việc xem xét các văn bản hiệp ước cũ, (có bản đồ đính kèm hiệp ước Pháp Thanh hay không?) cũng như việc đi tìm cột mốc chỉ có ông Lê Công Phụng và các cán bộ cộng sản hai nước làm với nhau.

Nếu như ông Lê Công Phụng và đảng của ông muốn thoát khỏi cái tội "tùy tiện bán đất, bán lãnh thổ cho nước ngoài" mà chính ông Lê Công Phụng nhắc tới, thì đảng Cộng Sản hãy chấp nhận tham dự một hội nghị quốc tế về vấn đề này. Hãy mời các sử gia, các nhà chuyên môn về biên giới Việt Nam và quốc tế họp ở Paris, Bắc Kinh và Hà Nội để bàn lại chuyên biên giới ở Mục Nam Quan, Long Bằng, Bản Giốc, v.v.. Nếu không dám tham dự một hội nghị như vậy, tức là đảng Cộng Sản trốn tránh, vì chính họ biết họ đã phạm tội bán nước.

TẠI SAO MANG ĐẤT ĐI CỐNG HIẾN

Khi nhìn thấy những điều mờ ám, khuất tất trong việc đảng Cộng Sản Việt Nam ký các Hiệp ước Biên giới với Trung Quốc, và những thiệt thòi hiển nhiên mà dân tộc Việt Nam phải chịu, mọi người Việt Nam yêu nước và tranh đấu cho dân chủ phải tự hỏi: Tại sao họ phải làm như vậy? Tại sao có những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam cam tâm gánh lấy tội bán nước mà không tìm cách nào trì hoãn, lảng tránh để khỏi mang mối nhục ngàn đời đó?

Chúng ta đã nghe nhiều giả thuyết về động cơ của hành động ký kết vội vã những bản hiệp ước biên giới. Nhưng có các lý do chính thức đã được ông Lê Công Phụng, Thứ trưởng Ngoại giao chủ trì các cuộc đàm phán về biên giới, nêu ra trong bài "phỏng vấn" do cơ quan VASC Orient đưa lên mạng lưới điện toán toàn cầu.

Ông Lê Công Phụng nhấn mạnh đến nhu cầu ổn định để phát triển kinh tế, vì biết phát

triển kinh tế là mối lo lắng của tất cả mọi người Việt Nam ngày nay, sau hơn nửa thế kỷ bị bần cùng hóa vì hệ thống kinh tế cộng sản. Ông Lê Công Phụng nói tới nhu cầu "... làm sao mà duy trì được ổn định nhằm phát triển kinh tế..." Ông nhắc lại một lần nữa **"... yêu cầu của nhân dân Việt Nam là làm sao có đường biên giới hòa bình, hữu nghị và ổn định với các nước láng giềng; vì chỉ có vậy chúng ta mới tập trung được sức lực để xây dựng, phát triển..."**

Bây giờ phải đặt một câu hỏi để mọi người cùng suy nghĩ: Hiệp định biên giới có thật sự cần thiết, không có không được, để dân ta sống ổn định và phát triển kinh tế hay không?

Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta tự hỏi, nếu chính quyền cộng sản Việt Nam không hấp tấp ký các hiệp ước vào cuối năm 1999 và 2000 theo lời yêu cầu của Bắc Kinh, thì liệu nước Việt Nam có bị mất ổn định hay không? Nói một cách cụ thể, nếu không ký hiệp ước nhường biên giới cho họ thì liệu Cộng Sản Trung Quốc có xâm lăng hoặc gây hấn nơi biên giới làm đời sống dân ta mất ổn định hay không?

Câu trả lời chắc chắn là: Không.

Đằng nào thì các vùng đất đó cũng bị chiếm đóng rồi, chỉ chưa được chính thức hóa bằng hiệp ước nào mà thôi. Mà trên thế giới ngày nay, không một cường quốc nào có thể vô cớ bắt nạt nước láng giềng. Trung Hoa hông thể đem quân xâm phạm lãnh thổ một nước Việt Nam nhỏ yếu chỉ vì đang cãi nhau về mấy trăm cây số đường biên giới. Nếu Trung Quốc làm như vậy, tất cả các cường quốc khác sẽ phản đối. Hoa kỳ, Nhật Bản, Nga, và các nước trong Liên hiệp Âu châu sẽ chống đối bằng những hành động cụ thể như ngưng giao thiệp, không buôn bán, ngưng đầu tư. Các nước nhỏ vùng Đông Nam và khối ASEAN càng nghi ngờ và lo sợ về mưu đồ bành trướng của Bắc Kinh, họ sẽ tìm cách lánh xa! Chính quyền Trung Quốc không dại gì mà đi làm như vậy.

Chính quyền cộng sản Trung Quốc phải nhìn thấy hành động xâm lược Việt Nam chỉ mang lại một mối lợi quá nhỏ so với những hậu quả gây thiệt hại nhiều hơn. Và họ sẽ không bao giờ xâm lăng chỉ để chính thức hóa một việc đã rồi!

Hiện nay trên thế giới có hàng trăm cuộc tranh chấp biên giới, kéo dài hàng thế kỷ chưa được giải quyết. Sau Đại chiến Thứ hai, cũng như sau khi khối cộng sản Đông Âu sụp đổ, đã nẩy sinh ra nhiều cuộc tranh tụng về biên giới. Giữa Nhật Bản và Liên xô (Cộng Hòa Nga ngày nay). Giữa các nước Đức và Tiệp, Áo và Hungary, Bulgari và Rumani, v.v... Nhưng không chính quyền nào nêu lý do "phát triển kinh tế" rồi vội ký kết những hiệp ước biên giới để mua sự ổn định giả tạo. Ông Lê Công Phụng nói rằng những vùng ven biên có dân Trung Hoa đã sang lập nghiệp ở nước ta thì phải cho sáp nhập vào Trung Quốc. Nhưng ở trong các nước Ba Lan, Hungary, Cộng Hòa Tiệp đều có hàng trăm ngàn đến hàng triệu người Đức sinh sống, không phải vì thế mà các chính phủ này chịu nhường đất cho nước Đức.

Tình trạng biên giới mập mờ đó có khiến cho những nước trên mất ổn định và không thể phát triển kinh tế hay không? Không.Từ khi thoát khỏi chế độ cộng sản, kinh tế các nước Tiệp, Hung, Ba Lan và Đông Đức cũ đã phát triển mạnh mẽ mặc dù vẫn tranh chấp về biên giới.

Còn thứ bất ổn định nào khác?

Phải chăng chính quyền cộng sản lo ngại về các đoàn quân buôn lậu đem hàng hóa vượt biên tràn ngập Việt Nam? Đây là một vấn đề địa phương, các chính quyền địa phương phải giải quyết, đặc biệt phải bài trừ nạn tham nhũng ở địa phương, cả hai bên biên giới. Bao giờ hai chế độ cộng sản ở Trung Quốc và Việt Nam dẹp được tham nhũng thì nạn buôn lậu sẽ chấm dứt, dù có hay không có hiệp ước biên giới mới. Ngược lại, dù có ký bao nhiêu hiệp ước chăng nữa mà nạn tham nhũng vẫn còn thì dân buôn lậu vẫn làm chủ cả hai bên biên giới.

Cuối cùng, lý do "ổn định để phát triển" mà ông Lê Công Phụng đưa ra hoàn toàn vô căn cứ. Lý do đích thực, thầm kín khiến đảng Cộng Sản Việt Nam phải vội vã làm vừa ý các lãnh tụ ở Bắc Kinh là mối nợ riêng của những người lãnh đạo đảng ở Hà Nội đối với các đàn anh Trung Quốc. Từ khi Cộng Sản Liên xô và Đông Âu sụp đổ, họ đã bám lấy Cộng Sản Trung Hoa làm chỗ tựa để bảo vệ địa vị độc quyền chính trị và độc quyền kinh tế của các lãnh tụ đảng. Tháng Chín

năm 1989 Nguyễn Văn Linh đã dẫn Đỗ Mười, Phạm Văn Đồng sang Thành Đô để xin Trung Quốc viện trợ. Năm 1991 Lê Đức Anh, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt lại sang Trung Quốc xin ủng hộ. Cứ tiếp tục như thế qua thời Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh.

Cộng Sản Việt Nam đi cầu viện với thế yếu quá thì chính quyền Trung Hoa biết đòi hỏi những gì để đổi lại việc họ ủng hộ chế độ Hà Nội? Và Cộng Sản Việt Nam biết đem cống hiến những gì

để đổi lấy sự hỗ trợ của Trung Quốc? Quý vị có thể suy ra câu trả lời.

Chẳng có gì hết ngoài đất đai của tổ tiên để lại./.

NHÂN NGÀY TÌNH YÊU: HÃY YÊU TRÁI TIM CHÍNH MÌNH

THANH THẢO

Danh ngôn Hoa Kỳ có câu "Người bạn là một món quà mình tự tặng cho chính mình." Không cần bàn rộng, có lẽ ai trong chúng ta cũng cảm nhận được món quà này ít nhất một lần trong đời.

Trong ngày lễ tình yêu, hay Valentine, truyền thống tại Mỹ 14 tháng Hai năm nay, Thanh Thảo đề nghị quí vị cho mình thêm một món quà khác. Đó là sự bình an trong tâm hồn và sức khỏe thể chất. Tuy không dễ thực hiện, món quà cho chính mình này sẽ bảo đảm nhiều năm hạnh phúc khác trong tương lai.

Tháng Hai Dương Lịch hàng năm tại Mỹ từ nhiều năm nay được xem là tháng của quả tim.

Trái với trào lưu thương mại hóa mọi ngày lễ tại các nước tân tiến, ý nghĩa quả tim trong tháng Hai không phải chỉ đơn thuần là quả tim chocolate trong những hộp đựng bằng vải nhung sang trọng. Cũng không phải là những quả tim bong bóng gắn thêm vào những chậu hoa rực rỡ muôn màu. Càng không phải những quả tim vàng hay bạc trong những món nữ trang dành cho người yêu, người vợ, người chồng...

Quả tim của tháng Hai là quả tim thật chúng ta dùng đến từng giây từng phút, ngay cả lúc ngủ. Quả tim ai trong chúng ta cũng chỉ có được một lần và duy nhất. (Trừ những quả tim nhân tạo Y học đang nghiên cứu để trình làng!)

Tại sao chúng ta lại phải quan tâm đến sức khỏe của quả tim? Vì thưa quí vị, bệnh về tim mạch là trở ngại chính về sức khỏe phụ nữ tại Mỹ ngày nay. Nữ bác sĩ chuyên khoa tim Nieca Goldberg, tác giả quyển sách "Phụ Nữ Không Phải Là Những Người Đàn Ông Nhỏ Con," tạm dịch từ "Women Are Not Small Men" đã cho biết như trên.

Theo bác sĩ Goldberg, nếu vòng eo của chúng ta lớn hơn 35 inches, chúng ta có thể phải đương đầu với nhiều may rủi về bệnh tim mạch hơn những người có vòng eo dưới 35 inches. Còn đối với phái nam con số phải quan tâm là lớn hơn 40 inches.

Để thu gọn vòng eo, một trong những điều chính nhiều bác sĩ đề nghị là cắt giảm lượng thực phẩm ăn vặt. Nhất là các loại "chip" chứa rất nhiều muối và dầu mỡ. Nếu không thể bỏ hẳn món "chip" quen thuộc, quí vị có thể làm lấy món "chip" lành mạnh hơn ở nhà.

Quí vị có thể cắt những lát bánh tráng mềm bằng bột bắp (corn tortilla) thành những miếng vuông nho nhỏ, xếp lên trên khay nướng bánh cookies, nướng ở nhiệt độ 400 F khoảng từ 8 đến 10 phút. Món ăn vặt này ít nguy hại cho tim hơn loại mua ở chợ nhiều.

Nhưng chỉ kiêng ăn không thôi chưa đủ tỏ lòng ưu ái với trái tim của chính mình. Theo nhiều sách về sức khỏe, tập thể dục là cách tốt nhất để giữ cho tim khỏe mạnh. Nhưng đa số chúng ta thường chỉ giữ được thời khóa biểu tập thể dục một thời gian ngắn rồi bỏ vì chán, vì buồn. Để tránh tình trạng này, bác sĩ Goldberg đề nghị mời người yêu hay người bạn đời cùng tập chung để lúc người này lười sẽ có người kia khuyến khích.

Thêm vào đó, biến những buổi tập thể dục thành những dịp gặp gỡ, sinh hoạt chung cũng giúp tăng thiện cảm dành cho nhau. Như vậy đúng là "dùng một hòn đá ném hai con chim." Một công đôi ba việc, vừa tốt cho quả tim cụ thể mà cũng tốt cho quả tim trừu tượng nữa.

Khi bàn đến quả tim trừu tượng, nhiều nhà xã hội học cho rằng khi cho tha nhân những vật mình đã từng yêu thích, đa số chúng ta cảm thấy lòng hân hoan mình có đóng góp vào việc công ích. Việc đóng góp này không buộc phải là tiền bạc, mà có thể là những thứ quần áo, giày dép cũ, còn tốt, nhưng mình đã không mặc đến trên ba năm chẳng hạn. Cho đi những thứ này không chỉ mang niềm vui đến cho chúng ta mà còn làm cho tủ quần áo trông ngăn nắp hơn. Nếu chưa làm trong quá khứ, những hội thiện nguyện như The Women's Alliance, hay Goodwill Industries là những nơi quí vị có thể bắt đầu thói quen đóng góp quần áo.

Với những người còn độc thân, thích hò hẹn, các bác sĩ đề nghị dùng tháng Hai làm tháng

tiêu chuẩn để áp dụng những cách đề phòng an toàn, còn gọi là "safe sex" khi gặp gỡ người yêu. Ngày tình yêu 14 tháng Hai là ngày toàn nước Mỹ mừng ngày... "áo mưa" hay National Condom Day vì vậy, quí vị có thể tặng người yêu món quà bảo đảm sức khỏe lành mạnh cho cả hai.

Những phụ nữ thuộc nhóm chuyên bị khó chịu hàng tháng mỗi chu kỳ hành kinh có thể dùng ngày Tình Yêu năm nay để tập một bộ môn giảm sự khó chịu, đau nhức. Đó là bộ môn ngồi thiền Yoga. Nghe ngồi thiền quí vị có thể tưởng lầm Yoga dễ tập, nhưng những tư thế khó làm cho đúng như thế "Crocodile," hay thế "Bow" đòi hỏi sự hướng dẫn và thời gian luyện tập ít nhất vài tháng.

Nếu không quen ai biết rõ về môn này, quí vị có thể tìm trong các quyển điện thoại niên giám, rồi đến thử quan sát xem mình có thích không khí nơi mình định ghi danh luyện tập hay không. Khi làm được đúng những động tác của môn Yoga, quí vị sẽ thấy tinh thần phấn khởi cùng lúc với thân thể dẻo dai.

Tuy tháng Hai và ngày Tình Yêu gần giữa tháng Hai được dành cho quả tim và tình yêu, nhưng tháng Hai theo thời tiết là giữa mùa Đông. Nhiều người, nhất là phụ nữ, bị bệnh chán đời theo mùa, còn gọi là bệnh Seasonal Affective Disorder (SAD). Loại bệnh này ảnh hưởng đến 1 trong 20 người trưởng thành tại Mỹ, trong đó phụ nữ chiếm 75%.

Nhiều chuyên gia y khoa cho rằng bệnh nhân bị lên cơn chán đời trong mùa Đông vì ngày ngắn hơn, thời tiết âm u, lạnh lẽo hơn làm thay đổi hoạt động điều hòa của "đồng hồ nội tạng" trong cơ thể bệnh nhân.

Khi sự điều hòa mang tên y khoa là circadian rhythm này bị thay đổi, cơ thể bệnh nhân cũng giảm điều tiết những kích thích tố liên quan đến sự năng động và tâm trạng bệnh nhân. Những người bệnh nặng cảm thấy chán đời, lười biếng, thích ăn vặt, hay khóc vô cớ và trở nên bẳn gắt.

Tiến sĩ Kathy Hogan Bruen, giám đốc kỳ cựu tại Hội Bệnh Tâm Thần Hoa Kỳ đề nghị chúng ta dành khoảng nửa giờ hàng ngày để giảm ảnh hưởng của thời tiết mùa Đông trên cơ thể. Bà cho rằng nửa giờ dùng để đi bộ quanh khu vực làm việc sau khi ăn trưa là tốt nhất. Đi bộ sau giờ nghỉ ăn trưa sẽ giúp cơ thể chúng ta thoải mái hơn sau cả buổi sáng ngồi hoặc đứng làm việc một chỗ và cho chúng ta được những tia nắng của mặt trời sưởi ấm 30 phút.

Không dành được khoảng thời gian này, quí vị có thể ngồi dưới ánh đèn vàng ấm khoảng nửa giờ mỗi sáng sớm để đạt kết quả gần giống đi bộ.

Ngoài những cách tập luyện kể trên, bác sĩ Buren cũng khuyến khích những người có triệu chứng bị bệnh chán đời theo mùa hãy đi bác sĩ chẩn bệnh. Nếu cần, bà Bruen khuyên hãy hỏi bác sĩ để uống thuốc chống chán đời.

Bằng những cách nho nhỏ kể trên, hy vọng năm nay quí vị sẽ tập thêm thói quen mới, cho chính mình món quà ý nghĩa dịp Lễ Tình Yêu. Trước khi yêu thương người khác, chúng ta buộc phải tồn tại.

Hơn thế nữa, chúng ta cần tồn tại một cách khỏe mạnh, bình an. Vì thế, có lẽ quí vị cũng đồng ý yêu thương và cho chính mình quà là một điều rất cần thiết và đáng làm.

CON MỚI LỚN VÀ VIỆC LÁI XE

THANH THẢO

Tuần trước, khi cậu con trai sắp tròn 18 tuổi hỏi khi nào mẹ mua xe, Thanh Thảo ngập ngừng tìm câu trả lời chính xác nhất để... câu giờ. Biết việc mua xe cho con là điều không thể tránh, biết con mình đã có bằng lái gần sáu tháng trời, và biết tính con khá cẩn thận không giúp giảm bao nhiêu nỗi lo sợ của một người mẹ.

Như bao nhiêu người mẹ có con mới lớn khác, Thanh Thảo không khỏi ước mơ con mình đừng thuộc giới tài xế trẻ, gây nguy hiểm lưu thông. Và cũng như bao nhiêu người mẹ khác, Thanh Thảo cứ cố gắng kéo dài thời gian chờ đợi, trước khi để cho con lái xe một mình. Lý do đơn giản vì con càng lớn, tỉ lệ rủi ro càng giảm. Thống kê liên bang mới nhất vừa công bố giữa tháng Giêng 2002 cho thấy cứ mỗi 1,000 thanh thiếu niên lái xe ở tuổi 16 có 210.3 trường hợp gây tai nạn. Tuy thiếu nữ ít gây tai nạn hơn phái nam, tỉ lệ tai nạn do thiếu nữ gây ra đang trên đà tăng.

Theo cùng thống kê liên bang, trong mỗi 1,000 tài xế phái nữ tuổi 16 có 175.2 trường hợp tai nạn năm ngoái so với chỉ có 160.1 trường hợp hồi thập niên (19)90s. Số trường hợp tử vong vì tai nạn lưu thông nơi thiếu nữ 16 tuổi cũng tăng 4% trong cùng một thập niên. Số tai nạn tăng được giải thích một phần là do số nữ tài xế 16 tuổi tăng đáng kể. Trong một phần tư thế kỷ, từ năm 1975 đến năm 2000 số bằng lái xe cấp cho thiếu nữ 16 tuổi tăng đến 70%.

Nhưng nhìn chung, dù thuộc phái nào, những tài xế trẻ ở tuổi 16 có mức độ rủi ro gây tai nạn cao hơn gấp đôi các em tuổi từ 18 đến 19, theo phúc trình của ông Allan Williams, nghiên cứu trưởng Cơ Quan Bảo Hiểm An Toàn Xa Lộ. Lý do được nêu ra là vấn đề thiếu kinh nghiệm và thiếu suy nghĩ chín chắn. Ông Williams nêu lên một điều đáng cho giới phụ huynh chú ý. Mỗi khi có một hay hai thiếu niên (hay thiếu nữ) cùng ngồi chung trong xe, mức độ rủi ro gây tai nạn tăng vọt đến gấp bốn lần trường hợp thiếu niên/ thiếu nữ lái xe một mình.

Sau một tai nạn gây tử vong cho bốn thiếu niên trong xóm, ông Phil Berardelli, tác giả quyển cẩm nang "Safe Young Drivers", tạm dịch "Tài xế trẻ tuổi an toàn" đã tranh đấu cho dự luật cho phép giới trẻ quyền lái xe với mức độ từ từ.

Hiện 35 tiểu bang trên nước Mỹ có chương trình cấp bằng lái xe tạm cho tài xế 16 tuổi. Loại bằng này chỉ cho phép các em lái xe khi trời sáng, và giới hạn số người được ngồi trong xe.

18 tiểu bang toàn quốc không cho phép các em mới có bằng lái được chở theo bất cứ một thiếu niên nào trong sáu tháng đầu tiên. Thời gian sáu tháng đầu tiên sau khi có bằng lái được kể là thời kỳ nguy hiểm nhất của những tài xế trẻ.

Biết thời gian này nguy hiểm, tại sao các bậc phụ huynh lại cho phép con mình lái xe ngay khi tròn 16 tuổi?

Trong cuốn cẩm nang "Safe Young Drivers", ông Berardelli nêu lý do vì đa số cha mẹ bên Mỹ đã quá mệt mỏi chở các con đi đây đi đó từ khi chúng bắt đầu đi học, nên khi con mình có quyền lái xe, họ không còn hơi sức đâu mà lo nghĩ đến sự rủi ro khi trao chìa khóa một chiếc xe cho con. Nhiều người hối hận thì đã muộn màng.

Ông Berardelli đề nghị cha mẹ nên bắt con mình phải lái xe có mình ngồi kèm ít nhất 100 giờ, trong những tình trạng thời tiết, khí hậu khác nhau để con học hỏi kinh nghiệm trước khi cho phép con đi học thi lấy bằng lái xe. Lý do ông Beradelli nêu ra thuộc lãnh vực tâm lý, các cô cậu mới lớn được "làm chủ tình hình," làm tài xế cho cha mẹ, sẽ cảm thấy mình có vẻ người lớn, và cố gắng chứng tỏ mình là người xứng đáng với niềm tin của cha mẹ. Làm như vậy đều các em sẽ tập được thói quen lái xe cẩn thận. Khi đến lúc phải mua xe cho con, ông cho rằng nên mua cho con chiếc xe đầu tay loại cũ, không phải loại dùng để khoe khoang tốc độ.

Thống kê liên bang cho biết một yếu tố về nữ tài xế trẻ. Các em mau thành thạo hơn con trai và vào tuổi 19 trở đi không còn là một mối nguy hiểm lưu thông nữa. Còn các em trai? Các em thường vẫn thích xe cho đến tuổi trung niên. Nhiều người coi xe như món đồ chơi thích thú đến trọn đời.

Làm cha mẹ những cậu thiếu niên mới lớn, ngoài việc hướng dẫn, nhắc nhở con về những luật lệ lưu thông an toàn, có lẽ chúng ta chỉ còn mong con mình đừng mất chủ động những khi cầm tay lái, có thể gây nguy hiểm cho bản thân và người chung quanh. Như những công việc khác, càng quen tay, các em càng trở nên những tài xế khá hơn. Nhiều khi thỉnh thoảng tìm cách nhờ con chở đi đâu đó, rồi quan sát cách con lái xe, là cách làm giảm nỗi lo sợ của một phụ huynh hiệu quả nhất.

ĐẦU NĂM NGỰA NÓI CHUYỆN MÈO

TRẦN QUÁN NIỆM

Con mèo chân bạch kim

Một bữa nọ, tình cờ tôi ghé chơi nhà anh bạn. Vì là chỗ thân tình, chúng tôi ngồi tại bàn trong bếp, uống bia, bàn chuyện đời. Con mèo đang nằm ngủ, bị quấy rầy vươn vai đứng dậy, rồi đi ra mép bàn, ngần ngừ một lúc mới nhẩy xuống sàn một cách khó khăn. Tôi thắc mắc "Bộ nó bệnh hả?" "Không đâu, nó có ba cẳng sắt, đang tập cho quen." Tôi ngạc nhiên, sợ nghe nhầm "Cẳng sắt nào?" Anh bạn uống một hớp bia, thong thả thuật lại. Hôm đó anh có việc phải lái xe đi gấp. Thông thường con mèo hay theo chân anh ra lề đường, ngó quanh quẩn một lúc, đợi anh đi khỏi, nó lại chui qua rào vào nhà. Anh vội vã nổ máy xong là đi ngay. Anh cảm thấy xe cán phải vật gì đồng thời nghe tiếng mèo kêu thảm thiết. Thì ra con mèo chui xuống gầm xe mà anh không hay. Nó nằm bên đường bê bết máu, ba chân gẫy lặc lìa. Anh vội vàng lấy khăn bọc lại và đem đến ngay bệnh viện thú y. Bác sĩ cho hay, ba chân bị cán nát, nhưng có thể nối được. Anh thấy thương tâm vô cùng cho con vật thân yêu, cùng với cảm giác phạm tội vì sự bất cẩn của mình. Anh đồng ý để bác sĩ chữa trị, tốn kém bao nhiêu cũng không thành vấn đề. Sau nhiều lần giải phẫu, chân mèo được ghép và bắt vít bạch kim. Mèo có thể đi đứng được, nhưng hình như còn đau hoặc chưa quen nên nó không nhanh nhẹn như xưa. Mỗi lần muốn nhẩy nó đều do dự, tính toán rất kỹ.

Tôi thán phục, chen lẫn tò mò "Y khoa xứ này hay thật. Tổn phí hết bao nhiêu?" Anh bạn nói: "Khoảng năm ngàn đó."

Ngày trước còn ở VN, tài chánh eo hẹp và quan niệm mèo chó chỉ là loài gia súc thấp kém, nuôi vì cần thiết (mèo bắt chuột, chó giữ nhà) tai nạn lỡ xẩy ra như trường hợp của anh bạn tôi, thì cũng đành chịu, làm sao chữa chạy cho nổi. Nhưng sau bao nhiêu năm sống trên đất Mỹ, người Việt quen với quan niệm mới, coi chó mèo như một người bạn, một thành viên trọng gia đình. Mối liên hệ giữa người và vật thắm thiết, sâu đậm hơn.

Năm ngoái, con chó nhà anh bạn tôi, bệnh hoạn vì già yếu, anh chị chở nó đến thú y sĩ, chạy chữa tận tình. Khi nó chết, cả nhà buồn bã như vừa mất một người thân trong gia tộc. Nó được hỏa thiêu, lưu lại tro cốt để trên bàn ngay tại phòng khách. Ngoài hũ có hình và ngày sanh cùng ngày mất. (hai chuyện trên về mèo và chó đều có thật)

Con mèo đáng giá ngàn vàng

Tưởng nhớ con chó thân yêu như gia đình anh bạn tôi cũng đã nói lên tình cảm quyến luyến giữa người và vật trong thời đại mới, nhưng John Sperling không chịu ở trường hợp thụ động như thế, ông tiến xa hơn nữa. Ông muốn tạo lại con vật đã từng thương yêu bằng cách tài trợ 3.7 triệu Mỹ Kim cho đại học A&M tại Texas để "đúc" (clone) người bạn "gia súc" của ông là con chó Missy đã quá già yếu. Sau ba năm thí nghiệm, bác sĩ trưởng toán là Mark Westhusin và cũng là giáo sư tại đại học A&M cho hay việc "đúc" chó khó khăn hơn dự tưởng, nên chuyển qua "đúc" chú mèo có tên là cc: (copy cat).

Tuy nhiên, công việc không phải dễ dàng gì. Trước hết nhóm nghiên cứu lấy trứng từ các con mèo thí nghiệm để từ đó rút bỏ những yếu tố di truyền thiên nhiên trong trứng rồi cấy tế bào mầm của con mèo muốn đúc vào những trứng đã trống không. Họ tạo được 82 phôi thai (embryos) rồi đặt vào tử cung của bẩy con mèo cái. Chỉ một phôi thai "đậu", nhưng sau đó ít lâu thai này chết non. Lần tiếp, họ tạo 5 phôi thai mang tế bào của mèo cái Rainbow, và đặt vào tử cung mèo cái Allie. Một phôi thai đậu. Kết quả ngày 22 tháng 12 năm 2001, một chú mèo con xinh xắn tên cc chào đời. Sau tám tuần, mèo cc vẫn khoẻ mạnh, phát triển bình thường và được nhóm nghiên cứu "trình làng" gây chấn động dư luận thế giới.

Thật ra trước đây người ta đã từng đúc được cừu Dolly (1997) và sau đó là chuột, lợn, dê và bò, nhưng ngoại trừ trường hợp đầu tiên của cừu Dolly, dư luận không sôi nổi cho lắm. Nhưng lần này thấy chú mèo xinh xắn, dễ thương, ngước cặp mắt ngây thơ nhìn cử tọa, các tay trung gian kiếm lợi, nghĩ ngay đến việc khai thác thị trường thương mại. Hàng năm có hàng triệu gia súc (chó, mèo) chết và biết bao nhiêu chủ nhân thừa tiền thừa bạc muốn chi tiền để tạo lại con vật thân yêu mà họ không muốn rời xa.

Mèo mà không phải là mèo

Bác sĩ Mark Westhusin lưu ý cho đến nay việc đúc gia súc không dễ dàng và rất đắt tiền, điển hình là trường hợp của mèo cc. Sau 86 lần thất bại mới có một lần thành công. Dù vậy, trên phương diện khoa học, cc là bản sao của mèo Rainbow (cùng loại DNA), nhưng trên thực tế, qua mắt thường, mèo cc không hoàn toàn là mèo Rainbow vì vạch lông và mầu sắc không giống hệt. Như vậy việc đúc chỉ là tái tạo (reproduction), chứ không làm sống lại (resurrection) con vật cũ. Tuy vậy rất nhiều người vẫn hy vọng tiến bộ của khoa sinh vật học sẽ khiến mọi chuyện dễ dàng hơn và giá cả thấp xuống. Hãng Genetic Saving & Clone không bỏ lỡ cơ hội hốt bạc bằng cách quảng cáo những người yêu súc vật muốn làm đông lạnh và dự trữ các tế bào của con vật mình muốn đúc trong tương lai chỉ cần trả lệ phí 895 đô và hàng năm đóng thêm 100 đô tiền lưu trữ. Còn đúc được hay không là chuyện khác.

Con mèo "lá dó"

Trong Cổ Học Tinh Hoa có ghi chuyện người nước Tống lấy ngọc tỉa thành một cái lá dó (1), ba năm mới xong. Cái lá làm rất khéo, sống, cuống, cạnh sắc, lông tơ, mầu mỡ giống như hệt, đem trộn vào những lá thật, không ai phân biệt được nữa. Người ấy đem lá dó dâng vua Tống. Vua khen là khéo, cấp lương bổng cho. Tử Liệt Tử nghe chuyện, nói rằng: "Giá bây giờ những cây cối trong khoảng ba năm mới mọc được cái lá, thời dễ không có mấy cây có lá nữa."

Ấy thế đấy, tự ngàn xưa nhân loại thường lấy sự bắt chước hệt được như Hóa Công làm mục đích thiện xảo, trong khi đó trong vũ trụ có biết bao sự kỳ diệu của tạo hóa người ta lại coi là sự thường.

Cũng một suy nghĩ như vậy, khi thấy tốn phí 3.7 triệu và gần bốn năm mới tạo được một chú

mèo con (không biết trong tương lai con mèo "lá dó" này có phát triển và sinh sôi nẩy nở bình thường hay không?) hiệp hội Nhân Sinh của Hoa Kỳ phàn nàn: "Nước Mỹ có chừng 73 triệu mèo. Hàng năm, khoảng 5 triệu con bị bỏ hoang, cơ quan từ thiện súc vật nuôi không hết phải tiêu diệt đi." Hiệp hội không phủ nhận tình cảm quyến luyến giữa người và vật, nhưng lưu ý mọi người nên nhận thức rằng không có cách nào làm sống lại con vật đã mất đi. Tốt hơn hết là nhận nuôi (adopt) một con khác. Cuộc đời vốn dĩ vô thường, hợp tan, tan hợp là lẽ tự nhiên của trời đất, theo giáo lý nhà Phật đã dạy.

Mèo và Người

Khi cừu Dolly được đúc (clone) năm 1997, dư luận đã xôn xao với câu hỏi "bao giờ khoa học sẽ tạo ra con người từ phòng thí nghiệm." Ngay lúc đó chính quyền Clinton tuyên bố ngưng tài trợ các chương trình nghiên cứu về việc đúc người. Các tôn giáo cũng lên án gắt gao việc khoa học muốn tiếm quyền Thượng Đế. Nhưng một khoa học gia đã nói "Khoa học đã tiến đến một điểm không thể quay lại được nữa." Ông tiên đoán dù bị cấm đoán, dù không được tài trợ, nhưng các nhà khoa học sẽ lén lút thí nghiệm trong bóng tối.

Liệu người ta có chấp nhận việc 86 phôi thai bị chết để có một phôi thai phát triển hay không? Về mặt luân lý đạo đức, việc đúc người mang lại hậu quả thế nào?

Panayiotis Zavos, giáo sư về hưu tại Kentucky University trong hai năm qua thường khoe ông sẽ là người đầu tiên đúc người. Tuần rồi Zavos tiết lộ đã lựa được 10 cặp vợ chồng không có khả năng sinh sản và thí nghiệm chương trình đúc người trong tháng tới. Hãy chờ xem.

Loài người ưa khoa trương và ích kỷ

Giới khoa học khua chiêng gióng trống trình làng chú mèo như một kỳ công. Thoạt nghe qua người ta tưởng chừng các khoa học gia tạo được sinh vật từ máy móc cuả phòng thí nghiệm. Thật ra, các vị này chỉ can thiệp được một giai đoạn trong tiến trình sinh sản do trời đất điều hòa. Đó là rút những yếu tố di truyền từ trứng rồi cấy tế bào lạ vào trứng để tạo thành phôi thai. Những trứng này từ đâu ra? Từ những con mèo. Và sau khi tạo được phôi thai, lại phải đặt vào tử cung mèo để nhờ tạo hoá phát triển và nuôi sống hộ.

Ngoài ra nghĩ cho cùng thì những người tự nhận là yêu súc vật muốn đúc lại những con vật mình thương yêu đã sai lầm ngay từ bước đầu tiên. Vì ích kỷ, họ đã đem thiến chúng (cái và đực) không cho chúng sống đời tự nhiên với nhiệm vụ truyền giống được giao phó bởi thiên nhiên. Họ xử dụng con vật như một món đồ chơi để làm cảnh. Đến khi chúng già yếu họ rêu rao vì lòng yêu thương nên muốn tạo những con vật tương tự để thay thế. Nếu chúng được sinh sản tự nhiên, thì tha hồ mà nuôi con cháu chúng, lý đâu phải bỏ gần 4 triệu bạc để tái tạo con chó Missy mà không được.

Sinh con rồi mới sinh cha. Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông

Nhân loại nghe tin khoa học có thể "đúc" người, lấy làm vui mừng khi nghĩ đến viễn ảnh một ngày kia, người thân yêu của mình sẽ được tái sinh để sống mãi. Có nghĩa khi người thân qua đời, mình lấy tế bào của người đó đem đúc thành một người mới tương tự. Nếu nghĩ kỹ chúng ta không khỏi bắt gặp nhiều éo le, đảo lộn.

Chúng tôi xin đơn cử một thí dụ. Chúng tôi có cụ thân sinh, tuổi đã cao, nhưng còn quắc thước tráng kiện, râu tóc trắng như cước. Vì nhớ ơn sinh thành dưỡng dục nên chúng tôi không muốn rời xa, chỉ ước ao người sống mãi. Một ngày kia, người mất đi. Tôi bèn lấy một vài tế bào đông lạnh của ông mà tôi đã phòng xa tồn trữ từ lâu và không quản tốn kém, giao cho một khoa học gia nhờ tái tạo. Một năm sau, nhà khoa học quay lại, giao cho tôi một đứa bé còn đỏ hỏn, khóc oe oe và nói "Cha của ông đây." Ông đã đem tế bào của cha tôi cấy vào trứng của một người đàn bà nào đó đã bán cho phòng thí nghiệm. Sau khi tạo được phôi thai, ông nhờ một bà khác bằng lòng cho thuê tử cung và chín tháng mang nặng đẻ đau, để đổi lấy một món tiền chi dùng. Và cha tôi đã chào đời.

Nhà khoa học đã làm tròn nhiệm vụ. Ông chứng minh được rằng, yếu tố di truyền DNA của đứa bé là DNA của cha tôi. Nhưng hình ảnh mà tôi muốn duy trì là hình ảnh người cha già mà tôi kính yêu chứ không phải hình ảnh đứa bé còn ẵm ngửa kia. Rồi ai nuôi nấng, săn sóc, cho bú mớm, thay tã lót cho "cha tôi." Tôi gọi chú bé kia là cha hay sao. Các con tôi gọi chú bé là "ông nội" hay sao?

Cuộc đời thêm rắc rối hơn nữa là khi tôi chết, các con tôi lại tái tạo tôi.

(1) Lá dó: lá cây dó dùng để làm giấy, giống lá dâu, nhưng xù xì và ram ráp hơn.

TÔI MÃI MÃI SẼ LÀ TÔI, MỘT NGƯỜI VIỆT

(Chân Dung Một Nữ Doanh Nhân Việt Nam ở C.H.L.B Đức)

Phỏng vấn của DŨNG VĂN

Có mặt tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức (Đông Đức) từ năm 1975, năm 1980 chị Trần Thị Minh Tâm đã tốt nghiệp Khoa Luật tại Trường Đại Học Tổng Hợp Humboldt Berlin. Sau năm năm làm cán bộ nghiên cứu tại Bộ Tư pháp ở Hà Nội, chị trở lại nước Đức vì chị muốn tự do làm chủ cuộc đời mình.

Kể từ sau khi bức tường Berlin sụp đổ, trí lự của chị mới thực sự gặp thời vận, và nổi tiếng như một nữ doanh nhân có hạng tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Người ta gọi chị là Nữ hoàng của ngành ăn uống, là người khai sinh ra Chinapfane, ra biển hiệu Asia-Snack. Giới báo chí và doanh nghiệp Đức gọi chị là người đàn bà mang điện thế 1000 Wol... Nhiều tập đoàn tư bản Đức mời đích danh chị để ký kết các hợp đồng. Trong một bộ phim tư liệu dài 45 phút về đời sống người Việt Nam của Đài truyền hình ARD, nữ đạo diễn Ulrike Baur đã chọn chị như một hình ảnh đi xuyên suốt mạch chính của phim. Có nhà văn đang lấy cuộc đời chị để viết tiểu thuyết...

Hy vọng cuộc trò chuyện dưới đây giữa anh Dũng Văn, thường trú tại Berlin, và chị Trần Thị Minh Tâm, Tổng Giám đốc của hai Công ty T.A.S GmbH và F.A.M GmbH ở C.H.L.B Đức sẽ cho chúng ta chân dung của một nhà doanh nghiệp Việt Nam thành công tại Đông Âu.

***Phóng viên** (PV): Tôi nghe nói kể từ khi trở lại nước Đức, mặc dù có học vấn Cử nhân Luật, chị đã từ chối nhiều việc mà chị được mời. Tại sao vậy ?*

Trần Thị Minh Tâm (TTMT): Vì tôi chỉ muốn nghe lệnh của tôi cho nên tôi thích trở thành một doanh nghiệp.

PV: Chị đánh giá như thế nào về sự kiện bỗng dưng chẳng cần phải rời khỏi Đông Berlin chị đã trở thành cư dân của C.H.L.B Đức ?

TTMT: Với tôi, có lẽ đó là quà tặng của lịch sử.

PV: Sau 12 năm giao tiếp và làm việc với các doanh nhân bản xứ, theo chị, những đặc tính nào của họ là yếu tố chính để khẳng định chỗ đứng của họ trong xã hội Đức?

TTMT: Tôi ưa tinh thần tự chủ, tính dám chịu trách nhiệm, tính kỷ luật và đức tự tin lớn của họ. Rõ ràng ngoài tri thức kinh tế các doanh nhân không thể thiếu các kiến thức về các nền văn hóa, chính trị khác nhau cũng như các tri thức về Luật học.

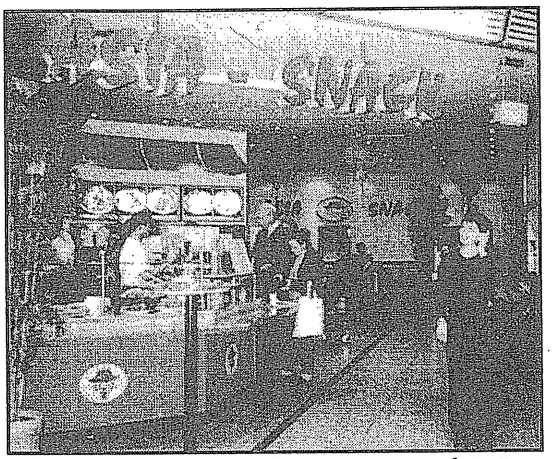

Trần Thị Minh Tâm tại một cửa hiệu Asia-Snack ở Berlin

PV: Nghe nói cho đến hết năm 2001, chị đã hoàn tất các hợp đồng với các tập đoàn tư bản ở Đức để mở rộng hệ thống nhà hàng của mình tại các điểm yết hầu trong các Siêu thị và các nhà Ga lớn của nước Đức ?

TTMT: Đúng vậy, các hợp đồng của chúng tôi đã hòm hòm...

PV: Chị có thể tiết lộ một vài số liệu về quy mô và hoạt động của Hệ thống Nhà hàng mà chị đang điều hành ?

TTMT: Hiện nay hệ thống nhà hàng thuộc sự điều hành của Tổng Công ty chúng tôi gồm trên 20 cơ sở mang biểu tượng (Logo) hình Chùa Một Cột và biển hiệu Asia Snack hoặc Thái-Nippon-Bar. Hầu hết thực đơn của chúng tôi là các món ăn Á châu, khách tự phục vụ. Chúng tôi không trực tiếp điều hành từng nhà hàng. Sau khi đầu tư, thiết kế và xây dựng xong chúng tôi cho thuê ngay từ ngày khai trương. Sau đó, chúng tôi điều hành bằng hệ thống Franchinsesystem của mình. Những người đã và đang hoặc muốn thuê tiệm của chúng tôi phải hội đủ những điều kiện cần thiết: ngoài việc có tiền đặt cọc thích hợp, người muốn thuê tiệm phải là nhân viên giỏi, yêu nghề, có tay nghề cao và đã từng làm việc ăn ý nhiều năm trong hệ thống nhà hàng của chúng tôi. Chúng tôi - chứ không phải người thuê tiệm có quyền duyệt tay nghề và chỉ định thợ nấu cho từng tiệm. Với chúng tôi, món Thái phải có thợ nấu Thái Lan , món Tàu phải có thợ Tầu, món Việt thì phải do người Việt. Tôi thích các tiệm ăn nhanh Á châu của tôi không giống bất cứ của ai đã làm trước tôi. Nên thực đơn phải luôn

luôn được đổi mới. Đối tượng phục vụ chủ yếu của chúng tôi không phải là người Á mà là người Âu châu. Cho nên, mọi hình thức trang trí, phục vụ đều được lựa chọn rất nghiêm túc.

PV: Tôi nghe nhiều người Việt sống ở Đức nói, chị là người phát hiện ra loại mỳ xào thích hợp cho món mì đặc sản mà chị sáng tác có tên gọi "Chinapfanne" có đúng vậy không ?

TTMT: Đúng thế! Năm 1990, bỗng dưng tôi nghĩ ra một món mỳ sợi Trung Quốc đem xào với các loại rau khác nhau trong đó có giá đỗ. Tôi mang món này vào quầy bán với thịt lợn, thịt gà và thấy thực khách người Đức ăn nhiều như tằm ăn rỗi. Từ đó, tôi sáng tác thêm và món Chinapfanne có thêm vô số biến thể làm cho thực đơn của hệ thống nhà hàng chúng tôi luôn luôn phát triển...

PV: Người ta mệnh danh chị là người đàn bà mang điện thế 1000 Wol. Người ta là ai vậy ?

TTMT: Người ta là nhiều người. Người đầu tiên nói thế là một nữ phóng viên Đức. Sau đó có những người đàn ông ngoa ngoắt hơn. Họ bảo tôi là người đàn bà 10,000 vôn.

PV: Chị nghĩ thế nào về con người văn hóa trong thương trường hiện đại?

TTMT: Theo tôi dù trong thương trường hiện đại hay cổ điển thì nét văn hóa quan trọng nhất của một thương nhân chính là sự tín nghĩa.

PV: Sự giao lưu văn hóa ẩm thực á-âu chắc hẳn có mang lại cho chị nhiều phát hiện thú vị?

TTMT: Những năm gần đây nhiều người Đức có hứng thú vào các nhà hàng Á châu. Tôi nghiên cứu nhiều về thể trạng, về khí hậu và thói quen của họ và đã sáng tác ra được khá nhiều món ăn mới. Dường như trên bất luận nẻo đường du lịch nào, trong khi làm du khách ở các nước, miệng lưỡi tôi luôn luôn xục xạo vào ngũ vị để phát hiện ra các món ăn chưa từng có cho thực khách của mình... Nếu không như vậy thì nhà hàng của chúng tôi sẽ có nguy cơ sập tiệm.

PV: Chị thích đọc tiểu thuyết và thơ hay là triết học?

TTMT: Hầu như tôi chỉ hay đọc tiểu thuyết hồi còn trẻ. Khi ngoài 20 tuổi trở đi, mặc dù là phụ nữ tôi lại chỉ thích đọc truyện kiếm hiệp, truyện tình báo, và đặc biệt là loại sách nói về tiểu sử sự nghiệp của các chính khách, các nhà khoa học và các nhà kinh doanh nổi tiếng. Hàng ngày tôi đọc báo và thường chỉ chăm chú đọc các trang về Chính trị và Kinh tế. Và nhiều khi tôi nhận ra những trận mưa vàng qua những dòng tin thời sự - chính trị hoặc các sự kiện kinh tế...

PV: Thế thì giọng hát của các ca sĩ nào làm chị say đắm được nhỉ?

TTMT: Tôi mê giọng hát Lệ Thu. Thỉnh thoảng Thanh Lam có làm tôi ngạc nhiên vì sự đam mê hết mình trong nghệ thuật biểu hiện. Gần đây tôi phát hiện ra: tôi thích nghe Thanh Lam hát Một Cõi Đi Về của Trịnh Công Sơn hơn là nghe Khánh Ly...

PV: Theo chị những cái lưỡi châu âu có khó tính hơn những cái lưỡi á châu hay không?

TTMT: Mỗi dân tộc, kể cả mỗi vùng dân cư của từng dân tộc đều có một thói quen và khẩu vị rất đặc thù trong việc ẩm thực. Cho nên dường như không có chuyện cái lưỡi Á châu khó tính hơn cái lưỡi Âu châu khi mà nhà hàng thích hợp với thói quen và khẩu vị của thực khách. Nhiều người cho rằng người Á châu ăn uống cầu kỳ và khó tính. Nhưng có nhiều món ăn của châu Âu rất ngon nhưng lại không được xuýt xoa trong bữa ăn của người Á. Tôi luôn luôn nhớ câu thành ngữ: "ăn cái gì mình thích, mặc cái gì người ưa" của người Việt.

PV: Theo chị những gì là quan trọng nhất đối với một doanh nhân bất kể là nam giới hay nữ giới?

TTMT: Với một doanh nhân bất kể là nam hay nữ quan trọng nhất là cả trí tuệ lẫn thân thể phải khỏe mạnh phi thường, phải có một định hướng rõ ràng, một phương thức kinh doanh mới lạ, độc đáo, phải biết trọng tín nghĩa và quan trọng nhất là trong máu phải có một tinh thần hiếu thắng bẩm sinh.

PV: Điều gì có ý nghĩa hạnh phúc đối với chị?

TTMT: Với tôi, điều có ý nghĩa hạnh phúc nhất là Tự do. Tôi thích được tự do làm việc, tự do lựa chọn, tự do sáng tạo, tự do phát triển các năng lực cá nhân mà trời đã cho mình. Mỗi người thường tìm thấy hạnh phúc của mình trong tự do ở từng lĩnh vực khác nhau. Hạnh phúc đối với tôi là Tự do; bởi vì, theo tôi Tự do là nền tảng của Hạnh phúc.

PV: Chị thích nhất loài hoa nào?

TTMT: Tôi yêu nhất hoa hồng nhung.

PV: Xin lỗi chị có khi nào chị bất chợt phát hiện ra những nhược điểm của mình trong đời thường cũng như trong hoạt động kinh doanh?

TTMT: Có chứ. Tính tình tôi về cơ bản là tốt, hay ít ra tôi luôn luôn tự nghĩ như vậy. Nhưng nhiều khi tôi ăn nói quá bộc trực thẳng thắn làm cho người khác khó tiếp thu hoặc bị tổn thương (mà sau đó tôi mới biết). Đứng trước bất cứ một việc gì cần quyết định, bao giờ tôi cũng thích nghe người ta nói Có hoặc Không thật rõ ràng. Nhưng nhiều người Việt Nam không có thói quen như thế. Ngoài ra, tôi có tính rất tin người, có lẽ đó là một nhược điểm và cũng là ưu điểm lớn nhất của tôi...

PV: Các nhân viên làm việc trong văn phòng của chị đều là người Đức có bằng Tiến sĩ, Cử nhân. Vậy thì chị sẽ trả lời ra sao khi người ta hỏi rằng chị là ai? chị từ đâu tới?

TTMT: Tôi mãi mãi sẽ là tôi - một người Việt. Từ Hà Nội tới đây...

PV: Cảm ơn chị.

Berlin, 06.11.01

"ÔNG GIÓ"

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Các bạn thân và trẻ hơn ông thường gọi ông là "ông Như Phong" hay "ông Gió," rất ít khi chúng tôi gọi ông bằng tên khai sinh của ông, là ông Tiến. Trong cách xưng hô, chúng tôi không gọi Như Phong bằng "anh" mà bằng "ông," có lẽ bởi vì chúng tôi bắt chước lối nói của ông. Ông luôn luôn gọi chúng tôi bằng "ông," cái "ông" bình đẳng và thân mật, chứ không phải khách sáo hay riễu cợt. Như Phong bình đẳng một cách thành thật, ông có cách làm san bằng khoảng cách tuổi tác, khiến chúng tôi thoải mái cư xử với ông như bạn mà không cảm thấy rằng mình "hỗn." Ông dặn tôi, " ông là bạn vong niên của tôi." Có lần ông nói với tôi rằng "Chơi với ông và Tráng, tôi học được nhiều." Dĩ nhiên, ông biết, chúng tôi cũng học của ông rất nhiều. Không những ông là một chuyên viên về đảng Cộng Sản Việt Nam mà là còn là một cuốn tự điển sống về những nhân vật chính trị miền Nam lúc bấy giờ. Vợ tôi là bạn học của cháu gái ông, mỗi khi đến nhà chơi thường gọi ông bằng "cậu." Sau khi chúng tôi lấy nhau, Như Phong hay đến nhà tôi. Có lẽ muốn cho tôi thoải mái, ông bảo vợ tôi "Bây giờ cô đã lớn và có chồng là bạn tôi, gọi tôi bằng anh được rồi, đừng gọi tôi bằng cậu nữa." Điều này dĩ nhiên không được vợ tôi nghe theo. Nhưng Như Phong đã cho tôi một bài học về cách xử thế. Như Phong được nhiều người mến phục, nhưng khác hẳn với các bậc "đàn anh" hay "lãnh tụ" khác, cỡ lớn lẫn cỡ nhỏ, Như Phong không có đàn em. Tôi chưa hề nghe ông nhận ai là đàn em của mình, tất cả đều là bạn của ông, kể cả những người ít tuổi hơn ông và tài cán kém xa ông.

Tôi gặp Như Phong lần đầu tiên khi ông đi cùng với hai người bạn học của tôi, Trần Như Tráng và Tạ Văn Tài, đến mượn cái máy chữ . Hồi còn trẻ, tôi ưa các đồ dùng đẹp. Tôi mang từ Mỹ về cái máy chữ Smith Corona nhỏ sách tay, kiểu mới nhất lúc bấy giờ. Họ đến mượn tôi cái máy ấy. Tôi nghe nói Như Phong viết "Chương trình 26 điểm" của Nội Các Chiến Tranh trên cái máy đó. Về sau, có lần đi cùng xe với Như Phong, thấy biểu ngữ "Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ là chính phủ của người nghèo," tôi chỉ vào biểu ngữ hỏi đùa: "Chương trình 26 điểm của ông thi hành đến đâu rồi?" Ông trả lời, nửa ngậm ngùi, nửa đùa rỡn: "Nó quên mẹ nó rồi, ông ơi."

Cuộc gặp gỡ đầu tiên rất ngắn. Lúc ấy, tôi đang có khách. Tôi nói chuyện với các bạn tôi nhiều hơn nói với ông. Như Phong và tôi gần như không nói với nhau, hay đúng hơn chẳng trao đổi với nhau câu nào đáng nhớ. Như Phong lúc ấy đã là một huyền thoại. Người ta gọi Như Phong là "phù thủy chính trị." Như Phong là Lý Thắng, tác giả *Khói Sóng*, loại tiểu thuyết lịch sử đăng dài dài mỗi ngày trên báo đã một thời làm say mê cả một thế hệ thanh niên của chúng tôi. Tôi mới ở Mỹ về, tay trắng. Hồi đó hình như có cái "mốt" các "lãnh tụ" đi tìm và thu phục chuyên viên trẻ. Có lẽ Như Phong lấy cớ mượn máy chữ để đến thăm dò thăm chẳng một chuyên viên trẻ mới từ Mỹ về. Ngay lần đầu, tôi đã thấy một thói quen không bỏ được của Như Phong, ông luôn luôn hành động bí bí mật mật, nửa kín nửa hở. Chỉ mượn cái máy chữ thôi mà thay vì đậu xe ngay trước cửa nhà tôi, ông đậu xe ở tận ngoài đầu ngõ rồi đi bộ tới, và cũng chẳng thèm cho tôi biết ông mượn máy chữ để làm gì, và tại sao lại là máy chữ của tôi! Cuộc gặp gỡ chẳng gây ra "cú xét" nào trong tôi ấy ai ngờ đã ràng buộc tôi và "ông Gió" thành những người bạn thân trong suốt mấy chục năm từ thuở trẻ đầy nhiệt huyết và kỳ vọng ở quê nhà cho tới ngày tôi buồn bã đứng nhìn ông nhắm mắt, từ giã cõi đời trong một bệnh viện xứ người.

Những gì tôi biết về Như Phong là do chính tôi chứng kiến hay nghe các bạn kể lại, chứ không do Như Phong kể lại. Ông bảo vệ huyền thoại của ông bằng cách không nói gì về những điều ông làm. Ông chỉ nói khi muốn bào chữa cho sự vô can của ông, nhưng vì ông chỉ bào chữa một cách ỡm ờ cho nên người ta càng tin rằng lời đồn đại về ông là có thật. Có lần tôi trách đùa rằng ông chỉ hay xúi bậy bạ, và đổ tội cho ông là thủ

phạm của những xáo trộn chính trị ở Việt Nam. Ông cãi lại, bảo rằng chính "họ" tạo ra "đống rác," rồi mới hỏi ý kiến của ông. Ông kể, sau khi Phạm Ngọc Thảo đảo chánh chiếm đài phát thanh Saigon, người ta hẹn ông đến Bưu Điện Sài Gòn. Chỉ vào những bực thềm trước cửa Bưu Điện, Như Phong bảo rằng đó là chỗ ông ngồi bàn với tướng Nguyễn Khánh và Nguyễn Cao Kỳ về những lời tuyên cáo chống lại cuộc đảo chánh của Lâm Văn Phát và Phạm Ngọc Thảo.

Tôi về Việt Nam mùa Xuân năm 1965 khi quân Mỹ đổ bộ xuống Đà Nẵng và chính phủ quân nhân sắp ra đời, nghĩa là sau những năm tháng đảo chánh liên miên lúc huyền thoại về Như Phong được tạo lập, những huyền thoại tôi chỉ được nghe nhưng không chứng kiến. Sau đó, chính sách của người Mỹ là hậu phương phải được ổn định, không có đảo chánh nữa, để cho quân Mỹ đánh giặc. Trong khung cảnh chính trị ấy, chính quyền dân sự của thủ tướng Phan Huy Quát rút lui, Nội Các Chiến Tranh ra đời, và thế của tướng Nguyễn Cao Kỳ bắt đầu lên như diều gặp gió. Người ta biết rằng lúc đó tướng Thi mạnh thế hơn tướng Kỳ, ông Kỳ chỉ được chọn làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương sau khi ông Thi từ chối chức vụ này. Như Phong thân với tất cả những nhân vật chính trong vụ chuyển quyền này: Thủ Tướng Quát, người phải ra đi; tướng Thi, người hùng của "quân đoàn giải phóng thủ đô;" và tướng Kỳ, người lãnh đạo Nội Các Chiến Tranh. Nếu muốn, ông có thể tham chánh một cách dễ dàng. Trong Nội Các Chiến Tranh, có rất nhiều "ủy viên" được coi là "người" của Như Phong. Các bạn thân với Như Phong trước tôi kể rằng lúc ấy ông Kỳ muốn Như Phong làm Bộ trưởng Phủ Thủ Tướng, nhưng Như Phong từ chối. Có người bảo Như Phong "nhát." Như Phong lấy cớ ông là nhà báo, ông không là chính trị gia nên không bao giờ tham chánh. Có lần ông nói bâng quơ với tôi, "Cách mạng thường ăn thịt con đẻ của cách mạng, ông ạ." Có thể Như Phong học sai bài học của cuộc Đại Cách Mạng Pháp năm 1789. Khi người Mỹ đổ 500,000 quân vào Việt Nam và không muốn có xáo trộn chính trị nữa, tiến trình đào thải tự nhiên của cuộc cách mạng chấm dứt. Nhưng thử hỏi năm 1965 có ai không học sai bài học ấy?

Như Phong trưởng thành khi đất nước đi vào một giai đoạn lịch sử sôi động: Đệ Nhị Thế Chiến, Cách mạng tháng Tám, đảng tranh, rồi nội chiến triền miên trong khung cảnh chiến tranh lạnh. Phải đối phó thường xuyên với đe dọa bị bắt hay bị ám sát và nhu cầu bảo mật tạo cho những người hoạt động cách mạng hay chính trị thời ấy cái "tâm lý hội kín." Như Phong không phải là một biệt lệ. Ông sống, đọc và biết nhiều về sách lược và thủ đoạn chính trị Á đông xưa, nên lối suy luận của ông, đối với những người học ở ngoại quốc về như chúng tôi, bị ảnh hưởng hơi nhiều bởi cái gọi là "lối suy luận âm mưu" (conspiracy theory). Như Phong say mê những vận động chính trị, và hoạt động này tạo cho ông sinh lực. Mỗi lần có thay đổi nội các hay biến cố chính trị, phảng phất đâu đó đều có bóng dáng Như Phong. Có lần ông phàn nàn bị đau nặng, nhưng rồi ngay sau đó tôi lại thấy ông lại chạy đôn chạy đáo vì những vận động chính trị. Tôi chọc ông, thì ông cười nói rằng "có lẽ tôi ốm vì thiếu trò chơi." Không có trò chơi chính trị là "ông Gió" ốm!

Tôi cảm thấy hồi ấy Như Phong thân với Phạm Văn Liễu và Nguyễn Chánh Thi hơn Nguyễn Cao Kỳ, thân với Nguyễn Cao Kỳ hơn Nguyễn Văn Thiệu, nhưng ông làm việc được với tất cả mọi người. Ông làm quân sư, thầy dùi, giúp bất cứ ai có quyền và phương tiện có thể làm tốt cho đất nước. "Thầy dùi" Như Phong muốn được việc chứ không thích "làm quan." Như Phong lớn lên khi đất nước chuyển mình vào một giai đoạn cách mạng và chiến tranh triền miên. Ông tham gia vào những vận động lịch sử, nhưng khác với nhiều người, ông giữ được phẩm giá và khả năng suy luận sáng suốt, tuy có đôi chút lạc quan, cho đến khi chết.

Trong cuốn *The Vietnamese Gulag* xuất bản năm 1986, Đoàn Văn Toại dành hai trang trong chương "The Declaration of Human Rights" để tả huyền thoại tuyệt thực và thái độ bất khuất của Như Phong ở trong tù mà chính Toại chứng kiến, rồi kết luận rằng "Đối với các tù nhân khác, thái độ dũng cảm của Như Phong là một niềm cảm hứng, nó biểu dương cho sức mạnh của ý chí con người. Những người gặp ông sau đó kể rằng đôi mắt của ông sáng quắc dưới cặp kính dầy cộm và bên trong cái thể xác suy mòn, ý chí của ông vẫn bất khuất như trước." Trần Dạ Từ, một người bạn tù khác của Như Phong, kể cho tôi nghe chuyện tuyệt thực và bị hành hạ của ông, rồi nhận xét một cách thán phục, "Khi người ta khiêng nó [Như Phong] ra, trông nó như thánh Cam Địa." Nhân cách và thái độ bất khuất của ông ở trong trại cải tạo là nhân cách của bậc thầy. Cách xử thế hơn hẳn người thường ấy khiến tôi cảm phục,

nhưng tôi không ngạc nhiên. Tôi hãnh diện có người bạn như Như Phong, và tôi hãnh diện phía chúng ta có người như Như Phong. Khi Như Phong bị bắt lại lần thứ hai, tôi đi ăn trưa với bạn học cũ của tôi, Charles Twining, lúc ấy phụ trách vấn đề Đông Dương thuộc Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, nhờ can thiệp. Trong thư gửi cho Twining đề ngày 25 tháng 2, 1991 chính thức nhắc lại lời yêu cầu can thiệp, sau khi tả oán về tài trí của Như Phong, tôi nhấn mạnh "Tiến là bạn thân của tôi và là *một trong số hiếm người Việt Nam mà tôi khâm phục*. Ông ta đã gần 70 tuổi [tôi hơi phóng đại]và sẽ không chịu thỏa hiệp. Thật là uổng phí nếu ông bị chết trong tù và chúng ta mất cơ hội dùng đến kiến thức chuyên môn của ông." Như Phong không bao giờ kể chuyện tù của ông với tôi. Con người thật của Như Phong và con người huyền thoại của Như Phong chẳng khác nhau bao nhiêu. Vì thế, giờ này, trong cái nhận xét chủ quan của tôi, Như Phong vẫn là "một trong số hiếm người Việt Nam mà tôi khâm phục."

Như Phong là một nhà báo có tài. Ông biết rộng, quen nhiều. Tôi đã thấy cách cư xử thân tình giữa ông và nhiều lãnh tụ các đảng phái và tôn giáo khác nhau, như Phan Huy Quát, Nguyễn Văn Kiểu, Nguyễn Tiến Hỉ, Phạm Xuân Chiểu, Nguyễn Long Thành Nam, v.v. . . Như Phong viết nhanh, gọn, và hay. Chữ viết của Như Phong mạnh và đẹp, như những cây trúc nghiêng về phía trước. Ông chỉ sử dụng máy computer trong vài năm gần đây, trước khi mất. Tôi có kinh nghiệm làm việc lần đầu với ông năm 1966. Hồi đó, cuộc Đại Cách Mạng Văn Hóa Vô Sản mới xảy ra bên Trung Quốc, người ta đang tìm cách ước tính ảnh hưởng của nó đối với tình hình chiến sự và chính trị ở Việt Nam. Như Phong nhận thấy ngay cơ hội thử tài và giới thiệu khả năng các bạn trẻ của ông. Ông soạn dàn bài cho một cuốn sách về cuộc Đại Cách Mạng Văn Hóa Vô Sản Trung Quốc, rồi đề nghị mỗi bạn đóng góp một chương. Tôi là người duy nhất nộp bài đúng hạn, và đã được ông giúp cho rất nhiều tài liệu. Về sau, tôi mới biết ông lấy những tài liệu đó của Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tình Báo Việt Nam do bạn ông, tướng Phạm Xuân Chiểu, làm đặc ủy trưởng. Cuốn sách không được xuất bản, vì ngoài tôi ra không ai nộp bài cả. Về sau, tôi cho đăng bài của tôi trên tập san *Nghiên Cứu Hành Chánh*. Bây giờ tôi vẫn còn tiếc việc quyển sách ấy không được ra đời, bởi vì nó có thể đáp ứng đúng lúc nhu cầu hiểu biết về một biến cố quan trọng. Dự án bất thành đó khiến tôi phục sự bén nhậy và sáng kiến của nhà báo Như Phong. Thảm kịch của Như Phong là ông không có người thực hiện sáng kiến của ông.

Một sáng kiến chính trị làm tôi phục tài Như Phong là việc ông giúp tướng Kỳ trong cuộc bầu cử năm 1967. Cuộc bầu cử này dự định không những sẽ đưa ông Kỳ lên làm Tổng Thống mà còn đưa vào Thượng Viện ba liên danh "Ba Cây Dừa," tạo đa số ủng hộ ông Kỳ thực hiện những thay đổi lớn trong chính trường Việt Nam. Liên danh "Ba Cây Dừa" là liên minh giữa các đảng phái cách mạng, giữa các tôn giáo, giữa các địa phương, và giữa các người hoạt động chính trị với các chuyên viên ở miền Nam Việt Nam. Đây là một liên minh chính trị lớn mà chỉ Như Phong ráp lại được vì ông là người thân với mọi phe phái, được mọi phe phái mến, tin tưởng, và họ biết ông chỉ nghĩ đến quyền lợi của dân tộc, không thủ lợi cho chính mình. Đôi khi tôi vẫn tự hỏi chẳng biết nếu dự án ấy của Như Phong thành công thì tình hình miền Nam sẽ biến đổi ra sao. Nhưng vào phút chót, Như Phong không thành công. Buổi chiều hôm Hội Đồng Tướng Lãnh họp để quyết định chỉ đưa ra một liên danh quân đội, tôi ngồi nói chuyện ở văn phòng báo chí phủ Thủ Tướng với Nguyễn Bích Hoan (giám đốc) và Trần Như Tráng (phó giám đốc). Khi tôi ra về –lúc ấy khoảng 5 giờ 30 chiều- Nguyễn Bích Hoan xoa tay, nói một cách đầy tin tưởng: "Xong rồi." Nhưng cái "xong rồi" lại xảy ra theo chiều hướng khác hẳn với sự tin tưởng lạc quan của ông Hoan. Sáng hôm sau khi mọi người tỉnh giấc thì ông Kỳ đã nhường cho ông Thiệu làm ứng viên Tổng Thống và nhận đứng chung liên danh với ông Thiệu. Như Phong kể với tôi rằng sau đó phụ tá của ông Thiệu, Nguyễn Văn Hướng (Mười Hướng) hẹn ông ở nhà hàng Thiên Nam, nơi đây ông bàn giao công việc của liên danh Nguyễn Cao Kỳ cho ông Hướng. Ông Kỳ được làm phó Tổng Thống, nhưng cả ba liên danh "Ba Cây Dừa" đều bị loại. Đâylà lần thứ hai Như Phong tính sai chính sách của người Mỹ, và đồng thời thái độ của ông Kỳ và ông Thiệu. Như Phong thuộc số rất hiếm người hoạt động chính trị ở Việt Nam không bao giờ hỏi người Mỹ muốn gì trước khi hành động.

Như Phong không bỏ được cái định mệnh của một thầy dùi sau lần thất bại đó, ngay cả sau này khi sống dưới chế độ cộng sản. Trong thời gian giữa lần bị đi tù cải tạo lần thứ nhất và bị bắt giam lần thứ hai, Như Phong viết lá thư đề 21

tháng 6, 1989 "gửi anh H. rất tin cậy," có lẽ là tên tắt hay bí danh của một cán bộ cộng sản cao cấp, để trả lời vấn kế của ông ta. Lá thư mà Như Phong ghi chú "xin đừng công bố và phổ biến rất hạn chế" ấy là một bài phân tích sâu sắc và có tính cách tiên liệu về tình hình quốc tế và quốc nội của Việt Nam lúc ấy, khó có thể tưởng tượng rằng đó là nhận định của một người mới đi tù về sau nhiều năm bị cô lập với thế giới bên ngoài. Mở đầu lá thư, Như Phong xác định: "...qua mọi biến cố tôi luôn luôn thấy mình là kẻ sống sót. Mỗi lần thoát chết lại tự hỏi mình còn có thể làm gì, phải làm gì? Hình như đã có lần tôi nói với anh: ý nghĩa của sự sống là sự làm việc, nếu không chỉ là sự sống của một sinh vật không phải là người. Đối với tôi, *sống là làm việc, đọc, học hỏi, nghĩ và viết.* Có bài viết chơi để đếm chữ tính tiền, cũng có những bài viết để cọ sát với người ta nhằm xác định giá trị của mình. Còn viết để giúp ích với cái nghĩa tột đỉnh của nó thì chưa bao giờ. Nay vì chính anh đòi hỏi, vì 'ngàn năm một thuở' *được viết để giúp ích*, vì nhận chân rằng mình chẳng còn lần sóng sót nào nữa, tôi cũng liều dốc hết những suy nghĩ dưới đây. . . Tôi không có gì để mất, cũng *không trông được lợi danh gì*. Tôi chỉ có một ước vọng là đóng góp trong muôn một." Đây là một lời rào đón, nhưng cũng là tâm sự của Như Phong. Ông viết thế nào thì sống như vậy. Đối với Như Phong, văn đúng là người.

Tôi khâm phục sức chịu đựng dũng cảm của Như Phong. Ông chết bình tĩnh và dũng cảm như "Cái chết của con chó sói," bài thơ tiếng Pháp nổi tiếng mà lứa tuổi chúng tôi ai cũng phải học thuộc lòng. Một ngày trước khi ông mất, tôi đến thăm ông ở bệnh viện. Như Phong nằm đó, da bọc xương, nhưng rất tỉnh táo. Tôi nhìn bình dẫn thuốc vào Như Phong thấy chữ morphine thì chẳng còn hy vọng gì nữa. Bác sĩ nói với tôi rằng phải tiếp morphine cho ông ngủ miên man để khỏi đau, vì khi tỉnh ông sẽ "rất đau đớn, vết thương đè trên ngực, không thở được, và sẽ rất hoảng sợ." Thế mà Như Phong vẫn thều thào nói chuyện với tôi hơn một tiếng đồng hồ cho đến khi tôi khuyên ông ngủ để khỏi mệt. Như Phong minh mẫn, tếu, và lạc quan cho đến phút chót. Khi mới thấy tôi, ông nói đùa: "tôi cần viagra ông ạ," rồi ông bàn với tôi về chuyến viếng thăm Hoa Kỳ mới đây của phái đoàn Nguyễn Tấn Dũng. Trước khi tôi về, ông nắm lấy tay tôi, than "ông dạy học, đào tạo được bao nhiêu thế hệ sinh viên, còn tôi thì chẳng làm được gì cả." Một người có khả năng, tư cách, thiện chí và lòng yêu nước như Như Phong cố gắng suốt đời mà cuối cùng cũng "chẳng làm được gì cả" thì thật là một điều đáng buồn cho đất nước.

Virginia ngày mưa tuyết, 19/01/2002

NGÔ TỊNH YÊN

CÓ HỀ CHI!

Có hề chi một chiếc lá rơi...
thiếu một chiếc mùa thu vẫn đẹp
người ta vẫn gặp gỡ - chia phôi
không lưu luyến, chẳng hề hối tiếc

Có hề chi một cánh hoa rơi...
thiếu một cánh mùa xuân vẫn thắm
người ta vẫn cứ sống, cứ vui
như chẳng có gì quan trọng lắm

Có hề chi! một ánh sao băng...
thiếu một ánh trời đêm vẫn sáng
người ta vẫn đứng dưới mặt trời
hạ vẫn chan hòa muôn tia nắng

Có hề chi! một người ra đi...
thiếu một người cuộc đời vẫn thế!
sao kỷ niệm êm đềm năm tháng cũ
Vẫn nhói tim ta những sáng đông về.

"BẬT MÍ"

NGUYỄN MINH CẦN

Ngày Tết được đọc những giai phẩm xuân vừa đẹp vừa hay, như *Người Việt*, *Thế Kỷ 21*, *Việt Tide*... thì thật là thú vị! Thú vị còn hơn "thịt mỡ dưa hành..."!

Để cảm tạ các bạn làm báo đã đem lại cho độc giả những phút giây đầy khoái cảm, với tư cách một người đọc tôi xin... "bật mí" ở đây một điều nhân đọc bài của Phạm Xuân Đài trong Thế Kỷ 21 số Xuân Nhâm Ngọ vừa rồi.

Trong bài *"Đọc Lại Những Bài Báo Xưa Của Vũ Trọng Phụng,"* nhà văn họ Phạm viết: "Tại miền Nam các tác phẩm của ông (Vũ Trọng Phụng - NMC) được in đi in lại nhiều lần, đã có nhiều công trình nghiên cứu về ông, ... Trong khi đó tại miền Bắc, từ khoảng cuối thập niên 1950 không hiểu vì lý do gì và nhân danh cái gì, đảng Cộng sản (ĐCS) đã ra lệnh cấm toàn dân không được đọc Vũ Trọng Phụng, cấm sách của ông không được lưu hành, và dĩ nhiên dẹp bỏ luôn cả việc nghiên cứu, tìm hiểu tác giả này..." (tr. 186, TK21 số 153 & 154).

Quả đúng như vậy! Và đúng là có rất nhiều người "không hiểu vì lý do gì và nhân danh cái gì" mà ĐCS đã hành động như thế thật! Cũng dễ hiểu thôi: xưa nay, trong những việc mà chính thâm tâm mình cảm thấy "không ổn" lắm, "không sạch sẽ" lắm, không chính đáng lắm, thì ĐCS có cái tật thích làm thầm vụng, chùng lén nên chẳng bao giờ người dân biết được "lý do" vì sao cả. Có thể dẫn ra rất nhiều việc. Chẳng hạn như việc "động trời" gần đây nhất là việc Bộ chính trị ĐCS cắt đất, cắt biển của Tổ quốc dâng cho Bắc triều. Việc đó họ cũng làm vụng trộm, sau nhiều năm lén lút đi đêm với những kẻ mà cách đây vài chục năm họ từng gọi là "bọn bành trướng phương Bắc," "kẻ thù truyền kiếp" (đây là lời lẽ chính thức thốt ra từ miệng các lãnh tụ cộng sản Việt Nam in rành rành trên báo chí hồi cuối thập niên 1970 và thập niên 1980). Đến mãi gần đây, khi buộc lòng phải làm "lễ cắm mốc" đầu tiên ở Mông Cái rồi, mà họ vẫn cứ giấu tịt những điều đã thoả thuận với Bắc Kinh. Lãnh thổ quốc gia là của toàn dân. Thế mà, thử hỏi, trừ Bộ chính trị ĐCS thì có ai biết mô tê gì về nội dung của các hiệp định đã ký kết, cũng như "lý do" vì sao phải ký như vậy? Có lẽ phần đông đại biểu ù lỳ trong cái quốc hội bù nhìn cũng mù tịt! Còn nhiều ví dụ khác nữa, nhưng thôi, xin quay lại chuyện văn học nghệ thuật.

Để "bật mí" điều thắc mắc mà Phạm Xuân Đài đã nêu ra thì xin nói rõ là sau khi ĐCS tiếp quản Hà Nội hồi tháng 10 năm 1954, một vấn đề "công tác tư tưởng" đặt ra cho ban lãnh đạo ĐCS là phải xác định thái độ của Đảng đối với các nhà văn gọi là "thời tiền chiến." Vì, chẳng những trí thức trong "vùng tạm bị chiếm" cũ, mà cả trí thức "kháng chiến" mới về thành còn rất quý trọng và ngưỡng mộ thành tựu văn học của lớp văn nghệ sĩ thời này. Mà trong giới này, như chúng ta biết, trừ một số đi theo ĐCS còn có không ít người không theo hoặc thậm chí tích cực chống lại. ĐCS "cố quên đi, không nhắc tới" những nhà văn này để người dân và nhất là thanh niên, học sinh, sinh viên không biết đến họ, không bị ảnh hưởng của họ, do đó dễ phục tùng "sự lãnh đạo" của Đảng. Đảng không ra văn bản công khai (dại gì Đảng phải làm lộ liễu thế!) về nhận xét và chủ trương đối với các nhà văn"thời tiền chiến," mà thông qua Ban tuyên huấn Trung ương của Đảng truyền miệng xuống cho các cấp về nhận định của "Trên" đối với một số người trong bọn họ...

Nhóm Tự Lực văn đoàn là "đối tượng" bị kết án nặng nề nhất vì nhiều người đứng đầu nhóm đó, như Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, v.v... đã từng lãnh đạo các đảng phái quyết liệt chống lại ĐCS, nhất là hồi những năm 40. Tên tuổi của họ ĐCS cấm nhắc đến, còn tác phẩm của họ thì cấm xuất bản. Điều đó thì có thể hiểu được. Nhưng đối với Vũ Trọng Phụng, tác giả của những tiểu thuyết độc đáo, như *"Số Đỏ"*, *"Giông Tố"*, và một loạt phóng sự xã hội sắc sảo, như *"Kỹ Nghệ Lấy Tây"*, *"Cơm Thầy Cơm Cô"*, v.v... lại có thái độ rõ rệt đứng về giới lao động và tầng lớp nghèo khổ thì cớ sao lại không được nói đến và tác phẩm không được in ra?

Giữa năm 1955, trong một cuộc nói chuyện

riêng tôi đem thắc mắc ấy trực tiếp hỏi Tố Hữu, lúc bấy giờ phụ trách Tuyên huấn của Trung ương. Ông ta trả lời tôi rất ngắn gọn: "Hắn ta là Đệ Tứ. Hồi trước chiến tranh (chiến tranh thế giới thứ hai – NMC) có lần hắn đã tuyên bố "Adieu Moscou!" (Vĩnh biệt Moskva! - NMC) rồi đấy."

Thế là – đối với ĐCS – nhà văn họ Vũ có hai cái "tội": "tội" Đệ Tứ và "tội" "Adieu Moscou!" Chữ "Đệ Tứ" trong con mắt người cộng sản thời nào cũng vậy, nó dữ dằn lắm, kinh khủng lắm: nó đồng nghĩa với "phản cách mạng," "mật thám," "tay sai đế quốc." Những người cộng sản Việt Nam thuộc lòng những lời củaNguyễn Ái Quốc/ Hồ Chí Minh chửi rủa phái Đệ Tứ, nào là "một lũ bất lương," "những con chó săn của chủ nghĩa phát xít Nhật và chủ nghĩa phát xít quốc tế,, "đàn chó trotskistes," "những kẻ đầu trâu mặt ngựa," v.v... (Hồ Chí Minh, Toàn Tập, t.3, tr.97, 100). Mà ông Hồ chửi thế cũng là phụ hoạ theo gần đúng nguyên văn những lời Stalin chửi rủa Trotsky và phái Đệ Tứ. Thực tình mà nói, người đảng viên cộng sản bình thường ở Việt Nam chẳng biết rõ "ông Đệ Tam khác ông Đệ Tứ thế nào," nên chỉ biết nói thuội theo "Trên". Riêng tôi, hồi đó tôi cũng không biết Vũ Trọng Phụng có phải là đảng viên Đệ Tứ hay không và cũng không hình dung nổi cái "tội" "Adieu Moscou!" nó nặng đến thế nào? Sau này đến vụ Nhân Văn – Giai Phẩm, thì thấy có mấy người nữa cũng bị ghép "tội" Đệ Tứ, là nhà văn Trương Tửu, nhà triết học Trần Đức Thảo, những người mà theo cụ Hoàng Khoa Khôi, một nhà chí sĩ yêu nước chân thành và là đảng viên Đệ Tứ chính cống cho biết, cả ông Trương lẫn ông Trần hoàn toàn chẳng dính dáng gì đến Đệ Tứ cả. À ra thế! Cần ghép tội thì Đảng cứ ghép thôi, không Đệ Tứ thì Đại Việt, Quốc Dân Đảng, v.v... đều được cả, Đảng "độc quyền lãnh đạo" cơ mà! Cho nên buộc cho Vũ Trọng Phụng cái "tội" Đệ Tứ rõ ràng là điều vu khống, cũng như với Trương Tửu và Trần Đức Thảo.

Còn cái chuyện "Adieu Moscou!" thì nó như thế này. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, đang lúc các nước cố thu xếp với nhau để lập những liên minh nhằm tạo lợi thế cho mình khi bước vào cuộc chiến, thì hồi tháng 8 năm 1939, sau những lần bí mật trao đổi thư từ giữa Hitler và Stalin, chính phủ Liên Xô đã mời bộ trưởng ngoại giao phát xít Đức là Ribbentrov đến Moskva đàm phán. Liên Xô làm việc đó sau khi cắt đứt cuộc đàm phán với chính phủ Anh và Pháp. Thế rồi ngày 23 tháng 8 năm 1939, Liên Xô đã ký tại Moskva Hiệp ước thân thiện, không tấn công lẫn nhau giữa Liên Xô và Đức. Hiệp ước đó còn có tên là Hiệp ước Molotov - Ribbentrov. Trong cuộc hội đàm đó, Liên Xô và Đức đã bí mật thoả thuận với nhau đánh chiếm Ba Lan. Phát xít Đức dàn kịch quân nhân Ba Lan tấn công đài phát thanh ở một thị trấn nhỏ của Đức rồi lấy cớ đó gây chiến với Ba Lan ngày 1 tháng 9. Và tiếp theo, Liên Xô viện cớ bảo vệ cho "những người anh em miền Tây Ukraina và miền Tây Belorussia" cũng tung quân vào xâm chiếm một phần đất Ba Lan. Thế là hai nhà nước độc tài toàn trị (khác nhau ở màu cờ cộng sản và phát xít) đã cùng xông vào cắn xé và chia nhau đất nước Ba Lan. Ngoài ra, phát xít Đức còn đồng ý để cho Liên Xô tràn quân thôn tính ba nước nhỏ láng giềng ở vùng Bantic là Latvia, Estonia và Lithuania. Trước mắt toàn thế giới, đế quốc cộng sản và đế quốc phát xít công nhiên thông đồng nhau trong hành động xâm lược và bộc lộ dã tâm kẻ cướp. Điều đó làm cho nhiều ĐCS trên thế giới hết sức lúng túng (ngay cả các đảng viên cộng sản Liên Xô cũng rất bối rối), họ không biết ăn nói làm sao với dân chúng, còn giới trí thức tự do trên thế giới thì hết lời nguyền rủa, chê bai Liên Xô. Nhiều người trí thức trước đấy có cảm tình với cộng sản Liên Xô đã phải thốt lên câu nói "Adieu Moscou!", như là một sự "vỡ mộng" đối với cộng sản. Cũng cần nói thêm là trong lúc báo chí và công luận thế giới kịch liệt lên án Stalin và Liên Xô vì hành động đáng xấu hổ đó, thì Trotsky và phái Đệ Tứ cũng không bỏ lỡ cơ hội nguyền rủa Stalin. Trotsky, kẻ thù không đội trời chung của Stalin, bị "kẻ độc tài đỏ" trục xuất khỏi Liên Xô và đang cư trú chính trị tại Mexico, đã viết: "Stalin và Hitler đã dang tay ra với nhau. Mặt nạ đã lật bỏ. Chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa phát xít đã liên minh nhau". (xem sách "Stalin" của D.Vologonov, t.2, tr.34). Vì thế, những ai lên án hành vi này của Stalin và Liên Xô đều bị những người cộng sản lu loa đổ vấy cho là "Đệ Tứ".

Tôi không biết thật sự Vũ Trọng Phụng có thốt lên "Adieu Moscou!" hay không, như Tố Hữu nói, nhưng nếu ông có thốt lên câu đó thật thì chỉ tỏ rõ nhân cách đáng kính của ông mà thôi: đã lên án một sự câu kết xấu xa với Hitler và chủ nghĩa phát xít. Câu chuyện chỉ như vậy, thế mà các lãnh tụ cộng sản Việt Nam đã thù dai nhà văn đến thế và trả thù ông một cách quá hèn hạ: không cho in sách của ông, không cho nghiên cứu về ông trong suốt 30 năm trời. Nhưng hành động

như thế chỉ có thiệt cho nền văn hoá, văn nghệ nước nhà mà thôi, chứ ở thế giới bên kía, nếu có biết thì chắc Vũ Trọng Phụng chỉ mỉm cười khinh bỉ những kẻ đã có hành vi phản văn hoá này, như Trường Chinh, Tố Hữu...

Nhân thể xin nói thêm. Sau khi ĐCS tiếp quản Hà Nội, Trần Thiếu Bảo, từ vùng kháng chiến "về thành", đã nhanh chóng khôi phục lại Nhà xuất bản Minh Đức của ông và tích cực ấn hành các sách văn nghệ. Minh Đức là một nhà xuất bản trả tiền nhuận bút cho văn nghệ sĩ khá hậu và có lòng giúp đỡ họ. Điều này nhiều nhà văn ở Hà Nội hồi giữa thập niên 1950 đã biết rõ. Ông lại là người mê thích Vũ Trọng Phụng. Có lẽ vì không biết "đường lối của Đảng ta" đối với nhà văn họ Vũ, nên ông nghiễm nhiên in sách của họ Vũ; và "liều lĩnh" hơn nữa, năm 1955, Minh Đức đã tổ chức cuộc lễ tại Nhà hát Lớn Hà Nội để tưởng nhớ nhà văn Vũ Trọng Phụng. Trong cuộc lễ đó có đông đủ giới văn nghệ sĩ, các nhà giáo và các đại biểu trí thức thủ đô. Cả bà Phụng và nhiều người thân thích của nhà văn cũng có mặt.

Sau cuộc lễ, Tố Hữu lồng lộn lên, trách ban lãnh đạo Hà Nội sao lại cho Minh Đức thuê Nhà hát Lớn để làm lễ kỷ niệm Vũ Trọng Phụng, Hà Nội trả lời là chúng tôi nào có được phổ biến chủ trương của "Trên" đối với nhà văn đó, hơn nữa, Hà Nội không hoàn toàn quản lý Nhà hát Lớn mà Bộ văn hoá có quyền hạn và trách nhiệm chính đối với Nhà hát. Thế là xong!

Sau cuộc lễ, ông Minh Đức còn dùng số tiền xuất bản sách để xây lại ngôi mộ của nhà văn và giúp đỡ cho gia đình Vũ Trọng Phụng. Đến hồi năm 1956, khi ông bị dính vào vụ Nhân Văn – Giai Phẩm, vì ông có in báo và hình như có giúp đỡ gì đó khi ra mấy tập Giai Phẩm. Thế là người ta cộng cả hai "tội" – kỷ niệm, in sách của Vũ Trọng Phụng, và tiếp tay cho Nhân Văn – Giai Phẩm – ghép lại thành một... "tội gián điệp", và ngày 12 tháng 1 năm 1960 Trần Thiếu Bảo Minh Đức bị toà án Hà Nội xử 15 năm tù ngồi và toàn bộ gia sản bị tịch thu! (Mời các bạn đọc lại những bài báo phê phán kiểu "đấu tố" đối với Trần Thiếu Bảo Minh Đức in trong tập sách "Bọn "Nhân Văn – Giai Phẩm" Trước Toà Án Dư Luận" xuất bản tại Hà Nội để thấy rõ thêm "tội" của ông. Trong đó, cũng có một câu thoáng qua về Vũ Trọng Phụng). Tôi không rõ số phận của Trần Thiếu Bảo Minh Đức sau đó thế nào, nhưng mỗi lần nghĩ đến thì thấy rất xót xa cho số phận một người vì yêu quý văn học nghệ thuật mà bị khổ nạn.

LÊ N. KHÁI

Một Nửa Trăng Một Nửa Đời

Em ngước nhìn đi! Một nửa trăng... Em ơi, chỉ mới nửa đêm Rằm! Sao anh nhớ quá, em đâu nhỉ, một nửa hồn anh em giấu chăng?

Không có em bên mà cứ bảo em nhìn để thấy nửa trăng treo! Giờ này có lẽ em đang ngủ. Cửa đóng. Màn buông. Lạnh chắc nhiều?

Đêm Đông tịch mịch, gió mơ hồ. Trời đất như bài thơ rất xưa. Núi nửa chừng sương, sông nửa khói. Và trăng nửa mảnh. Buồn. Bơ vơ...

Anh vẫn ngồi bên khung cửa sổ, khép hai bâu áo để đừng bay. (Có bay thì cũng như là lá, ai mở lòng đâu! Ai ngửa tay!)

Anh nghe lá rụng kêu xào xạc. Nửa mảnh trăng rơi vỡ bữa nào, có dịp cựa mình theo tiếng dế, âm thầm vang vọng tiếng chiêm bao...

Rồi anh nhớ lại Ba Mê Thuộc, nhớ Phụng Dực và nhớ Phước An, những chỗ em tuôn rừng chạy giặc, anh tuôn rừng đạp nát trăng non...

Chúng mình như bụi ngang đầu gió, như gió ngang đầu những ngọn cây. Mãi miết mà đi vào thế giới, chỗ bây giờ, em Bắc, anh Tây!

Em ngước nhìn đi! Một nửa trăng. Ai nghe ai nhỉ, rất xa xăm. Có nghe chăng chỉ tim mình đập? Chút tuổi đời lơ lửng tháng năm...

MẤT VÀO TRONG MÂY

TRẦN MỘNG TÚ

Không nhìn ra được lối
chỉ tại quá nhiều mây

Mưa theo nhau đến cả hai tuần liền, có hôm buổi trưa hé lên một chút nắng ở phiá bên kia hồ, rồi lại chìm ngay vào những hạt mưa. Một chiếc cầu nổi trên mặt nước bắc ngang qua hồ Washington, nối phía Đông của Issaquah với phía Tây của Seattle. Nhà của tôi ở phía Đông, khi tôi lái xe qua cầu để sang Seattle thì ngọn núi Rainier ở bên tay trái. Mỗi lần qua cầu mà không nhìn thấy núi thì buồn buồn trong lòng. Nỗi buồn rất nhẹ nhưng cũng đủ làm mình bâng khuâng nguyên ngày. Hôm nào nhìn thấy núi thì hân hoan như nhìn thấy người tình, như nhìn thấy người bạn thân, mà lâu quá mình không gặp, lúc nào xe qua gần hết cầu thế nào cũng quay đầu lại nhìn tiếc ngọn núi một cái chót, trước khi xe vào trong hầm.

Đỉnh núi bao giờ cũng trắng toát, khi thì tuyết đổ xuống đỉnh tung tóe như đường cát trắng, khi thì mây bối rối quấn chung quanh. Ngọn núi có hình dáng của ngọn Phú Sĩ Sơn. Vào những ngày trời quang, mây ít, sương mỏng. Giữa khoảng trời xanh bát ngát mênh mông, một ngọn núi đứng sừng sững lẫm liệt, trắng toát soi bóng xuống một dòng nước trong veo, dưới chân núi là những nóc nhà ẩn hiện len lỏi trong những vạt rừng thông.

Những ngày cuối năm dương lịch là những ngày mưa gió liên tiếp và lúc nào thành phố cũng đầy sương. Sáng nay khi mở cửa nhìn ra ngoài, sương đổ đặc quánh như sữa trện những hàng thông, trên những dẫy nhà ở trên đồi, sương dầy kín như bông goòng giăng từ cụm hoa này sang cành lá kia ở trong vườn. Khi lái xe sang phía tây Seattle, qua cầu tôi không nhìn thấy thành cầu, không nhìn thấy sóng nước, không nhìn thấy bờ, không nhìn thấy xe đi đằng trước, không nhìn thấy nhà dưới chân núi và không nhìn thấy núi. Tất cả biến mất vào trong sương, trong mưa. Nhớ ơi ! Là nhớ. Bỗng dưng bài thơ cổ hiện về trong đầu :

Tùng hạ vấn đồng tử
Ngôn sư thái dược khứ
Chỉ tại thử sơn trung
Vân thâm bất tri xứ
(Giả Đảo)

Dưới tùng hỏi chú bé
Thầy hái thuốc về chưa
Thầy đi vào trong núi
quẩn quanh ở đâu đây
Không nhìn ra được lối
chỉ tại quá nhiều mây (tmt)

" Mây dầy thăm thẳm thế này làm sao tìm thấy người đi hái thuốc trong núi? Sương đặc thế này thì biết núi ở phương nao? Mây hay sương thì cùng một mầu trắng, chỉ khác nhau ở chỗ mây thì có đường uốn lượn, còn sương thì như khói trắng bốc lên. Nhưng cả hai cùng bưng lấy mắt người.

Cuối năm dương lịch, tôi đọc trang báo *Newsweek* nói về truyện của John Walker, người thanh niên Mỹ đang bị bắt làm tù binh. Nhìn hình người thanh niên trên bìa báo, mặt mũi không rõ nét vì râu tóc và tro than lem luốc. Tôi bỗng liên tưởng đến những đám mây che mất núi, che mất những lối đi và nhớ đến cậu con trai lớn của tôi.

Không hiểu tại sao những đám mây lại dính dáng đến câu truyện của hai thanh niên Mỹ này nhiều như thế !

Khi Jean Paul học xong trung học thì cậu chưa đủ 18 tuổi. Cậu không chịu vào trường học ở tiểu bang nhà, mặc dù đã được nhận. Cậu xếp va li sang tận Tucson thuộc tiểu bang Arizona. Cậu đi theo một người thầy Trung Hoa để học võ Vịnh Xuân Quyền. Mẹ cậu khóc hết nước mắt, Bố phải theo con đến Tucson thuê nhà, mua cho con một cái xe cũ. Trong năm năm liền cậu vừa đi làm bán thời gian, vừa học võ, vừa học chữ. Bố mẹ phải thường xuyên liên lạc, phải trợ cấp hàng tháng, phải tìm dịp đi thăm cậu. Trong những dịp nghỉ hè, nghỉ Lễ về thăm nhà, cậu chỉ nói đến truyện võ thuật.

Theo cậu thì không có võ nào hay hơn, giỏi hơn được võ Vịnh Xuân Quyền. Một môn võ không dùng võ khí, chỉ dùng hai bàn tay, mà không ai xâm phạm được vào mình. Theo cậu thì trên đời này không có một võ sư nào giỏi hơn và có thể đánh hạ được Sư Phụ của cậu. Giấc mơ của cậu là sẽ mở một ngôi trường dậy võ. Tóc cậu cắt

ngắn, thân thể cậu rắn chắc, mặt mũi cậu sáng sủa. Cậu sốt sắng học võ nhiều hơn học chữ. Mẹ cậu đến thăm cậu thì thấy ở trong phòng cậu có những tấm hình của các vị Phật, mặc dù cậu sinh ra trong một gia đình Thiên Chúa Giáo, và theo học trường Công Giáo từ Tiểu Học cho hết Trung Học. Mẹ cậu bảo:

" Con thờ Phật cũng không sao. Chúa với Phật cũng chỉ là một, có tên khác nhau thôi. Nhưng đã theo đạo nào thì nên giữ đạo đó, đừng có thay đổi."

Trong thâm tâm, người mẹ biết là con mình đang đi tìm bản ngã. Cậu hoang mang không rõ chính mình, cậu muốn thử sống khác với cách sống mà cha mẹ cậu đã cho cậu từ trước đến nay. Người mẹ hy vọng một ngày nào đó cậu sẽ tìm được cậu. Thì lúc đó chẳng cần gọi, cậu cũng tìm về cái căn bản nguyên thủy cậu được nuôi dậy. Cậu đang đi trong một màn sương, cậu đang bước giữa một đám mây. Mây và sương bịt kín mắt cậu. Bổn phận của cha mẹ là giữ liên lạc với con, là kiên nhẫn đợi cho mây bay đi.

"*Vân thâm bất tri xứ* – không nhìn ra được lối / Chỉ tại quá nhiều mây."

Khi đám mây đó tan đi, mọi sự vật sẽ đâu vào đấy, lối đi và người sẽ cùng hiện ra.

Bây giờ sau năm năm, không thấy Jean Paul nói nhiều đến Sư Phụ, đến Vịnh Xuân Quyền nữa. Cậu đã đi làm, công việc cậu làm (Music Event Coodinator) không dính dáng gì đến cái môn cậu học (Computer Science),cậu quên cái giấc mơ mở trường dậy võ. Cậu nghĩ đến việc mua nhà, và thỉnh thoảng gửi tiền cho hai em như những người bình thường khác.

Mẹ cậu thì mong cho một ngày nào đó, cậu trở lại đi xem lễ ở ngôi giáo đường cũ.

John Walker cũng là một thanh niên lạc mất chính mình, có thể anh ta thiếu một chút may mắn trên một đoạn nào đó của cuộc đời, anh chưa tìm được lại mình thì anh đã bị cuốn trôi vào một cơn lốc kinh hoàng. Anh không lạc trong mây hay trong sương mà anh lạc giữa máu và lửa. Bước vào tuổi *Teen,* 16 tuổi. John chống lại đời sống xã hội khác với những thanh niên cùng tuổi. Anh muốn bị điều khiển một cách chính xác, ăn ra sao, mặc ra sao, nghĩ thế nào, cầu nguyện thế nào . Anh đòi hỏi một giá trị tuyệt đối , và anh sẵn sàng đi một con đường thật dài để tìm chân lý của mình. Anh đã rời gia đình đến sống ở một nước khác (một ngôi làng nhỏ, tỉnh Bannu ở biên giới Tây Bắc thuộc Pakistan) và anh cải đạo. Cái xã hội nước Mỹ, một xã hội tôn trọng tự do cá nhân mà anh sống và lớn lên, đã góp một phần không nhỏ vào sự thay đổi to tát này. Từ một tín đồ Thiên Chúa Giáo anh trở thành một "*jihadish*". Anh chấp nhận ghi nhớ tất cả các chữ Quran, học thuộc lòng 6,666 câu trong quyển Kinh Thánh cổ, mà một người muốn trở thành tín đồ đạo Muslim cần phải học. Tên của anh được đổi là Suleyman al-Faris. Anh đi tìm một căn cước khác với căn cước của cha mẹ cho anh. Cha mẹ anh cũng quan tâm đến anh, cũng tìm cách liên lạc với anh, cũng thường xuyên gửi tiền cho anh.Và trên hết họ đã một phần nào yểm trợ anh trong sự thay đổi này.

Nhưng chẳng bao lâu anh lại chán với cảnh sống tụ họp đông đảo. Tháng Tư / 01 anh than phiền khí hậu nóng bức , anh muốn dọn vào ở trong núi. Từ đó anh mất hẳn dấu tích. (Chỉ tại quá nhiều mây)

Anh bị bắt như một quân Thánh chiến Taliban, khi đang trốn trong một căn hầm (đã nhịn đói bẩy ngày) với khẩu AK-47 trong tay. Câu đầu tiên anh nói là: "Tôi là người Mỹ". Khi ở giữa sống và chết, anh mới thật sự bật ra cái căn cước gốc của mình. Cha mẹ anh nói anh chỉ là một "nạn nhân" đã đặt mình vào "sai chỗ" và "sai thời điểm." Số phận anh chưa được định đoạt rõ rệt. Anh có bị kết án là kẻ phản quốc hay không?

Tôi nghĩ đến con tôi, nghĩ đến những giấc mơ không rõ rệt của tuổi trẻ. Đến những con đường họ đi qua. " Sai chỗ và sai thời điểm" để tìm ra bản ngã mình. Tôi thương anh và thương cha mẹ anh.

Từ tháng Năm 2001, cha mẹ anh mất liên lạc với anh. Có phải tại *Vân thâm bất tri xứ* - Mây che kín lối về ?"

Không, cha của John không nghĩ là mây phủ mất hình hài con trai mình. Ông đã nhìn trăng mà kêu lên:

" *Tôi nhìn lên trăng và tự hỏi rằng, John đã ở đâu đó và cũng đang nhìn mặt trăng này"(I would look at the moon and just wonder if John was somewhere seing it, too)*

Tôi thương John, vì nghĩ chuyện đó có thể sẩy ra cho bất cứ một thanh niên nào ở tuổi "sốt vỡ da"(teenagers), và tôi thương cha mẹ anh như thương tất cả những người làm cha mẹ.

Dec.19/ 01

- Tài liệu: *Newsweek*, Dec.17

CON ĐEN

TRẦN YÊN HÒA

Tôi nhìn sững vào con bé đen (nên gọi là con bé hay là cô bé đây). Nó đang đứng nói chuyện với một người đàn ông Mỹ lớn tuổi, cũng đen như nó, ở trước cửa phòng ra vào khu tập thể dục. Con bé chừng mười bảy, mười tám tuổi là cùng, nước da đen cáy trông như một pho tượng đồng đen. Thân hình bó sát trong bộ đồ tập thể dục, khoe ra cặp đùi thuôn dài, khoẻ mạnh. Bờ ngực tròn, vun cao, hơi lấp ló ra ngoài chiếc áo che ngực ngắn. Mà tại sao tôi chú ý sững sờ đến con bé nầy vậy cà. Không biết nó là Mỹ đen thiệt, hay đen lai Mễ, Ấn Độ, Phi Luật Tân, hay Việt Nam cũng không chừng. Nhìn nó đang líu lo nói chuyện với người đàn ông Mỹ, tôi không phân biệt được người đàn ông là gì của nó. Nhưng nhìn nhân dáng nó là tôi thoáng hiện trong ý nghĩ, nó có nét Á Đông phảng phất trong nụ cười của nó. Mà Á Đông là quê tôi, Việt Nam là quê tôi mà.

Tôi leo lên máy, set up và bắt đầu chạy theo tốc độ ấn định. Thời gian gần đây, tôi thấy mình nặng thêm mấy chục ps, nên tôi phải tìm đến nơi nầy để mỗi buổi sáng, tôi leo lên máy chạy. Thế mà khoẻ. Chạy đổ mồ hôi, rồi vào phòng xông hơi, tắm nước lạnh, rồi về chuẩn bị đi làm ca đêm. Cuộc sống tôi như một cuốn phim, quay chậm, từng giờ, từng phút, như định sẵn.

Phòng tập thể dục lúc nầy rất khá, có trang bị TV, để người tập vừa xem TV (hay nghe nhạc) cho cảm thấy thời gian trôi nhanh hơn, vừa tập. Đó là vấn đề tâm lý.

Tôi mãi miết nhìn lên màn ảnh xem ông Tổng Thống Bush đang tuyên bố gì về chiến tranh chống khủng bố. Tin nầy giật gân đây. Nước Mỹ đang bình yên bỗng dưng sôi sục. Dân chúng hoang mang vì bọn khủng bố cướp máy bay đâm vào hai khu thương mại to nhất nước Mỹ. Chưa hết, nay Mỹ còn đem quân đánh sang sào huyệt bọn chúng. Dĩ nhiên là khi đã đưa bọn khủng bố vào chân tường, bọn nó sẽ dội ngược lại. Không biết màn thứ hai của bọn nầy là gì đây.

Khi tôi rời máy truyền hình ngó qua bên phải thì thấy con đen cũng đang chạy trên máy gần tôi. Nhìn kỹ, tôi thấy nó đen mà hấp dẫn dễ sợ. Hai gò ngực vun cao, nhô lên như muốn thoát ra khỏi vòng nịt.. Gò ngực nầy là nguyên si con gái đây, không bơm, độn, chưa chửa đẻ. Và cái eo nhỏ của nó thật hết sẩy. Cái eo rất thon. Tôi nhìn rõ hết vì nó mặc chiếc áo ngắn củn, để lòi cả lỗ rún ra. Trên lỗ rún, con bé còn đeo tòn teng một cái vòng. Đây chắc là mốt thời thượng của tuổi trẻ bây giờ. Ở đâu cũng đeo khoen được hết. Lổ mũi, bên mắt, lỗ rún, kể cả dưới lưỡi cũng đeo khoen, kể cả chỗ kín nhất có đứa cũng có hột. Thật tôi không hiểu nổi bọn nhóc muốn gì. Với con bé đen nầy, tôi chỉ thấy được cái khoen ở chỗ lỗ rún thôi, chứ mấy chỗ kia làm sao tôi thấy được.

Tôi vừa chạy vừa nhìn nó, nó cũng xoay lại nhìn tôi cười hồn nhiên.

"Hi."

"Hi."

"Xin lỗi, cô là người Mễ?"

Tôi hỏi cho có chuyện.

Con bé cười lắc đầu:

"Mỹ lai Việt."

"Ô."

Tôi la lên, vì tôi đoán trúng, tôi mừng thiệt tình vì tôi gặp một đồng hương đen. Dĩ nhiên, ở xứ nầy gặp các em đen là chuyện thường tình. Đây là quê hương chính của họ mà. Nhưng con bé nầy lai Việt Nam nên cùng gốc gác với tôi. Dù dưới dạng nào đi nữa. Con bé cũng có chút máu của tôi trong đó. Máu của ông Lạc Long Quân và bà Âu Cơ. Dù trải qua mấy ngàn năm rồi, mà lại lai nữa, nên giòng máu nầy chắc cũng lạc nhách thôi.

"Mẹ you là người Việt?"

"Ờ hớ."

"You có biết Việt Nam là xứ nào không?"

Bỗng nhiên con bé trổ tiếng Việt ngon lành.

"Chú tưởng cháu không nói được tiếng Việt hả, cháu sinh tại Mỹ nhưng mẹ cháu đã dạy cháu tiếng Việt từ nhỏ, cháu nói còn hay hơn chú nữa đó."

Tôi ngẩn ra. Thế là tôi bị hố, cứ nghĩ người Việt nào qua Mỹ cũng thích nói tiếng Mỹ, để chứng tỏ mình qua Mỹ lâu, quên hết tiếng Việt cũng là điều hãnh diện. Không như tôi. Đã bảy năm ở xứ sở nầy mà gặp người Mỹ nào là nói

như muốn bạnh quai hàm, vừa nói vừa lấy tay làm dấu.

"Thế mẹ cháu sang đây năm mấy?"

"Thưa chú, hình như năm bảy lăm."

Con bé ngoan, mẹ nó biết dạy nó lễ phép.

"Mẹ cháu nói hồi đó, mẹ cháu hoảng quá, từ miền Trung di tản vô Sài Gòn, một thân một mình cô quạnh. Thấy người ta chạy thì cũng chạy. Chạy xuống bến Bạch Đằng thấy tàu nào cũng leo lên. May mà đi được."

"Mẹ cháu đi một mình qua đây?"

"Một mình chứ mấy mình, qua đây mấy năm mới gặp ba cháu, ba cháu cũng đi tập ở đây. Ong đang đạp xe trên máy đàng kia kìa."

Tôi nhìn theo hướng tay nó chỉ và thấy người Mỹ đen khi nãy.

"Ở Việt Nam mẹ cháu ở tỉnh nào, biết không?"

"Quận Lý tín, Tỉnh Quảng Tín, thường gọi là Chu Lai đó."

Tôi giật thót người lên. Chu Lai là nơi tôi đã gắn bó từ thời chiến tranh, tôi đã đi dạy học ở đó, quen biết khắp cả vùng Lý Tín.

Tôi đáp vội vàng như được gặp chính nó là dân... Chu Lai.

"Thì chú cũng là dân Chu Lai đây nầy."

Con bé trố mắt nhìn tôi :

"Chú biết An Tân không? Cháu đã về thăm Việt Nam năm ngoái, cháu về An Tân ở cả tháng, mẹ cháu dẫn cháu đi chơi cùng hết. Qua đây cháu nhớ bên đó lắm."

"Mẹ cháu tên gì?"

"Phan Thị Như Thi."

Tôi hoảng hốt một lần nữa.

"A, cháu là con của Như Thi hả. Chú biết mẹ cháu mà. Thất lạc nhau cũng hơn ba mươi mấy năm rồi. "

Tôi mừng nên nói mò, nhưng mà Như Thi thì ở An Tân ai mà không biết, chắc không có sự trùng tên đâu. Tôi nghĩ thế.

An Tân là vùng đất cuối của quận Lý Tín, giáp ranh với Quảng Ngãi. Ngày Mỹ qua, đóng ở căn cứ Chu Lai, An Tân cũng được đồng hoá, gọi là Chu Lai, cùng nghĩa với một nơi ăn chơi của lính Mỹ. Ở đâu có lính Mỹ là ở đó có gái. Gái từ vùng quê lên, gái từ Đà Nẵng vào, gái từ Sài Gòn ra, tấp nập, ồn ào, son phấn. Những snack bar mọc lên như nấm trên các nhà dọc theo quốc lộ một ở An Tân. Rồi qua khỏi cầu ông Bộ, nơi trên đồi cao, có một đơn vị lính Mỹ đóng trên đó, gái cũng theo ra lập những cái chòi dã chiến để tiếp khách. Những chàng GI xa xứ, mỗi lần từ trên núi xuống thì tấp vào đây du hí. Thôi thì ô kê salem loạn xà ngầu. Nơi nầy gọi là Quán Bà Miết.

Không biết cái bà Miết nào đó, đầu tiên đến đây lập quán, nuôi em út, tiếp khứa Mỹ, mà tên gọi trở thành một địa danh của giới ăn chơi. Địa danh nầy được làm bạn đồng hành với khu Khâm Thiên Hà Nội ngày trước, hay khu Ngã ba chú Ía ở Sài Gòn; nhưng mà cũng có cái khác nhau, khu Ngã Năm chuồng chó, Ngã ba Chú Ía tiếp khách Việt, còn quán bà Miết thì chuyên tiếp toàn khứa Mỹ.

Một buổi chiều trời mưa tầm tã, sau giờ dạy học, tôi chạy xe gắn máy từ trường trung học Lý Tín về Tam Kỳ. Mưa loang loáng nước và gió tạt mạnh, tôi thu người trong chiếc áo đi mưa, cố tránh những giòng nước chảy tràn vào thân thể. Qua khỏi cầu ông Bộ một đoạn là gần tới quán bà Miết, khu nầy bắt đầu lên đèn. Những ngọn đèn được thắp bằng pin của máy PRC25 của lính Mỹ cho, cũng đủ sáng một dãy hàng quán dài chừng nửa cây số. Nhà nào cũng nuôi em út nên hễ người lính Mỹ nào xuống đây ăn chơi đều bị xin pin máy PCR25. Nhờ vậy, khu hàng quán tuy không có điện nhưng đèn đuốc cũng sáng choang. Trời mưa chạy xe đàng xa, nhìn tới quán bà Miết tôi thấy lấp lánh sáng như một dãy sao.

Một chiếc xe jeep nhà binh chạy vụt qua chỗ tôi. Trên xe, phía trước, một chàng lính Mỹ lái xe mặt đỏ gay, ngồi bên là một chàng lính Mỹ khác và một cô gái. Tôi cứ tưởng hai người đang âu yếm nhau, nhưng sao ô kìa, không phải, hai người đang dằng co nhau. Bỗng người lính Mỹ lái xe dừng xe lại, đột ngột, người lính Mỳ ngồi với người con gái, đứng lên đẩy người con gái xuống xe, cái đẩy khá mạnh khiến cô gái chúi nhũi xuống mặt đường, nằm bò lê trên đường, miệng cô tuôn ra một tràng chưởi thề, đ.m.

Trời vẫn mưa dầm dề, tôi chạy xe qua cô gái, cô gái thôi chưởi nhưng miệng tru tréo :

"Đồ chơi chạy, đồ đ. chạy, đ. mẹ nó chứ, hu hu."

Tôi chạy xe qua, cô gái ngoắc tay lia lịa, tôi biết từ đây ra tới quán bà Miết cũng khá xa, đi bộ cũng mất nửa tiếng đồng hồ, động lòng trắc ẩn, tôi dừng xe :

"Có chuyện gì, trời mưa trời gió thế nầy mà bị bỏ giữa đường ướt nhem hết vậy? "

Cô gái lại chưởi một tràn dài nữa :

"Đ. me mấy thằng Mỹ chạy làng. Trời mưa thế nầy mà bà chủ còn bắt tiếp khách. tụi Mỹ bảo lên đồn với nó, chơi xong nó trả tiền, nào

ngờ, hai thằng chơi xong chở xuống đây rồi bỏ chạy luôn, không trả đồng xu nào."

Tôi nhìn cô gái, son phấn dày dạng đã che lấp đi trong cô sự hồn nhiên, chứ thật ra, cô còn trẻ lắm, khoảng mười tám mười chín, giọng nói, chính là giọng nói con gái Lý Tín, vì những học trò tôi cũng nói giọng nói ấy. Tôi thấy thương cảm bèn lên tiếng:

Thôi đừng khóc nữa, lên xe tôi chở về, chứ không mưa ướt hết.

"Anh cho em về quán bà Miết."

Cô gái lên ngồi phía sau tôi và nói vậy.

Tôi rồ ga, xe vọt đi, mưa càng lúc càng nặng hạt. tôi quay lại hỏi chuyện (cho có hỏi):

"Cô làm gì ở đây?"

Cô gái trả lời không ngượng ngùng:

"Anh biết rồi mà cố hỏi, làm gái chứ làm gì, ở khu nầy thì chỉ làm gái cho Mỹ thôi."

Tôi buộc miệng nói lãng nhách

"Sao không kiếm nghề khác?"

"Vùng nầy toàn cát và dương liễu có nghề gì mà làm đâu. Xin đi làm sở Mỹ ở Chu Lai rồi tụi Mỹ cũng tìm cách chơi, thôi làm gái cho xong."

Cô gái trả lời gọn bâng, tỉnh bơ, như đang nói một chuyện làm ăn bình thường nào đó, khiến tôi không còn mở miệng để khuyên răn hoặc an ủi câu nào nữa, tôi hỏi tiếp :

"Làm ở đây có khá không?"

"Thì anh thấy đó, gặp thằng Mỹ tốt thì nó ăn bánh trả tiền đàng hoàng, còn không thì nó đ. chạy."

Tôi nghe lạnh xương sống. Xã hội đã đưa cô gái vào đường tội lỗi và ăn nói trây trúa quá, không ngượng miệng. Trong lớp học, tôi đã dạy các học trò những điều đạo đức, như làm ăn lương thiện, mà ngoài đời, sát nách cuộc sống chứ có đâu xa, những cảnh tượng mời chào, đón khách của gái diễn ra nhan nhãn khắp vùng Chu Lai nầy, tôi còn có thể đứng trên bục giảng để nói những điều sách vở nữa không? Nhưng tôi cũng chống chế :

"Đừng nói vậy, cô biết tôi là thầy giáo dạy ở trường trung học Lý Tín không?"

Giọng cô gái phía sau :

"Em biết chớ sao không, cái quận lỵ nhỏ xíu nầy chuyện gì mà không biết. Anh mới đổi về dạy đây mà ai cũng đồn rân."

"Họ đồn gì."

"Đồn anh yêu cô giáo Uyên."

"Ai nói vậy."

Thì học trò anh nói chứ ai.

"Tụi nó đồn bậy đó, đó chỉ là tình đồng nghiệp thôi."

Tôi không muốn giải thích với cô gái nầy, có ích gì đâu, những lời đồn vẫn thường có giữa học trò với thầy giáo hay giữa các thầy cô giáo. Chuyện đó cải chính làm gì cho mệt.

Khi đến quán bà Miết, tôi dừng xe, cô gái xuống. Trước khi đi, tôi hỏi :

"Cô tên gì?"

"Phan Thị Như Thi."

"Tên nghe đẹp ghê, thôi cô vào nhà đi kẻo ướt hết, hẹn có dịp gặp lại."

Một lần khác tôi đi dạy về, chạy xe ngang qua chỗ làm ăn của Như Thi ở quán bà Miết, cô thấy tôi chạy xe qua, từ trong nhà, cô chạy ra đường ngoắc tay lia lịa:

"Anh Khôi, anh Khôi, dừng xe lại em nói cái nầy."

Tôi phải dừng xe lại, cô đến cầm ghi đông xe rồi kéo tôi vào quán:

"Vào đây chơi mà, lâu quá mới gặp anh, em nhớ anh muốn chết."

Tôi biết cô gái nói chơi thôi, nhưng điệu bộ của cô làm tôi cảm động.

"Anh ngồi xuống đây, anh có sợ khi học trò anh đi qua thấy không?"

Tôi làm bộ anh hùng rơm:

"Sợ gì, có gì đâu mà sợ. Nhưng hôm nay tôi bận về nhà có chuyện."

"Thì ngồi chơi chút hãy về, anh uống bia và ăn mực khô Đại Hàn nhé."

Không cần tôi có ý kiến, cô gái đem ra mấy lon bia Ham cuả Mỹ và một bịch mực khô thơm phức. Cô khui bia đưa tận tay tôi :

"Anh uống đi, em mời anh vào đây là để cảm ơn anh hôm đó đã chở giúp em về."

"Ơn nghĩa gì."

Nói vậy chứ tôi cũng thấy vui vui khi có người mang ơn mình, tôi uống một ngụm bia mà nghe mát lạnh cả cổ. Cô gái cũng cầm một lon bia cụng với tôi :

"Mời thầy, em gọi thầy như học trò thầy nghe, thầy dô năm mươi phần trăm với em nghe."

"Không được, tôi uống bia không được nhiều."

"Con trai gì mà dở ẹt vậy?"

Tôi bị khích tướng nên uống một hơi cạn hết lon bia. Cô gái lấy lon bia khác. mở nắp, cứ như vậy, tôi uống đến lon thứ ba thì nghe mình quờ quạng, ăn nói lắp bắp. Tôi nghe tiếng cô gái :

"Anh say rồi, vào giường em nằm nghỉ đi."

Tôi được cô gái xóc nách đem vào phía trong, nơi đây có nhiều giường kê sát nhau, chỉ che một tấm vải màn ngăn cách. Tôi nằm xuống giường, cô gái đắp lên đầu tôi chiếc khăn tẩm nước đá

mát lạnh. Tôi cầm tay cô gái vuốt nhẹ, tự dưng một luồng điện chạy rần rật trong người tôi. Đó là sự thèm muốn một thân thể đàn bà. Có rượu vào, tôi mạnh dạng thêm lên, tôi kéo cô gái xuống gần tôi và hôn lên mặt cô, cô để yên, tôi đưa tay sờ soạn vào ngực, núm vú nhỏ, căng tròn, rất thon. Cô gái lại chủ động tự cởi áo quần ra. Tôi mù mờ trong một cảm giác sướng khoái, tôi mê man trong những cái vuốt ve của cô gái, tôi mơ hồ thấy cô lại cởi áo quần tôi ra, rồi leo lên tôi. Một lúc sau. tôi rùng mình... sướng quằn quại, rồi thiếp đi. Tôi nghe thoảng theo hơi gió mùi thơm của loại nước hoa rẻ tiền và giọng nói của cô gái đâu đó với mấy người bạn "ông thầy còn trai tân mầy ơi."

Tôi với cô giáo Uyên vừa có cảm tình với nhau, bỗng nhiên cô nghe đồn tôi bồ với một "con đĩ" ngoài quán bà Miết, cô khinh tôi ra mặt. Các thầy cô cũng nói ra nói vào, đại ý là "làm đĩ mười phương cũng nên để một phương lấy chồng" nghĩa là tôi đã dạy học ở đây thì phải giữ thể diện cho học sinh. Tôi không biết nói gì hơn là tự tách mình ra khỏi đám thầy cô đạo đức đó, để yêu Như Thi, bởi vì tôi thấy, trong tận cùng, Như Thi có một cái gì đó rất đáng quý, như là sự hiền lành, chân thật và nhất là Như Thi luôn luôn bảo tôi, "anh phải xa em đi, đừng phải vì em mà anh mang tiếng."

Tôi làm anh hùng rơm một lần nữa, trả lời :

"Anh yêu em có gì đâu mà xấu, tình yêu cao quý lắm."

Thường như vậy, Như Thi hay khóc nhoè nhoẹt trên vai tôi.

Năm đó tôi bị động viên đi lính. Tôi thấy như mình được giải thoát, giải thoát khỏi cái trường lớp nặng nề với những lời ong tiếng ve. Tôi muốn làm anh hùng kiểu "anh là lính đa tình." Có lẽ, lính tráng thích hợp với tôi hơn và cũng hợp với hoàn cảnh của tôi hiện giờ.

Tôi thụ huấn ở quân trường Thủ Đức chín tháng. Khi ra trường, tôi quyết tâm đổi về Sư Đoàn 2 bộ binh, nhưng không được, vì nhu cầu quân số tôi phải về Sư Đoàn 5 BB, đóng ở Bến Cát Bình Dương. Với đơn vị mới, tôi phải lặn lội hành quân suốt năm, suốt tháng. Tôi không liên lạc được với Như Thi từ ngày đó. Càng cách xa, tôi có thì giờ để tự hỏi lại mình, tôi có yêu em không? hay là yêu em chỉ vì sự thèm muốn xác thịt của một người con trai mới lớn. Tôi không dám nói ra, nhưng mỗi lúc tôi bị dằng xé về tình cảm đó thì có một tiếng nói mơ hồ ở đâu vang vọng trong tai tôi "em là con đĩ, em là con đĩ, anh quên em đi." Tôi cương quyết dứt khoát không nghĩ tới em nữa, nhưng, mỗi lần nghĩ tới em, lòng tôi vẫn thấy đau như dao cắt.

Con bé đen nói :

"Chú có muốn gặp mẹ cháu không?"

"A à, để lúc nào rãnh chú sẽ ghé thăm mẹ cháu, mẹ cháu khoẻ không?"

"Cũng khoẻ, mẹ cháu nhớ Việt Nam nên mẹ cháu hay buồn lắm. Chắc gặp lại chú mẹ cháu sẽ vui. Chú đến nhà cháu chơi nghe chú."

"À à, chú sẽ đến chứ, nhưng hôm nay chú phải đi làm, cháu cho chú số phone để chú gọi thăm mẹ cháu."

Con đen tìm cây viết và ghi số phone cho tôi.

Tôi bỏ mảnh giấy vào túi áo và nói.

"Chắc chắn chú sẽ đến thăm. Thôi chú về trước nghe."

Tôi đi về như chạy.

Khi về nhà, tôi cởi áo ra bỏ vào chỗ đồ dơ. Buổi chiều vợ tôi lấy áo dơ đi giặt, nên ướt và rách luôn tấm giấy ghi đia chỉ và số phone của Như Thi. Tôi không tìm đâu ra tấm giấy ấy một lần nữa, nên tôi không thể gọi hoặc đến thăm nàng.

Tôi đi tập thể dục cũng chẳng bao giờ gặp lại "con đen" nữa. Tôi không hiểu tại sao nó cũng biệt tăm như vậy. /.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

NHỮNG CÂU HỎI CHUNG QUANH MỘT VẤN ĐỀ LỊCH SỬ

NGHIÊM Y

Tìm hiểu lịch sử với một thái độ đứng đắn sẽ cho ta những bài học quý giá cho hoạt động xã hội bây giờ và mai sau. Vì *lịch sử là chính trị cuả thời đã qua, và chính trị hôm nay là lịch sử cho mai sau* mà thôi. Không riêng gì sử gia, mà chắc ai ai trong chúng ta cũng muốn tiếp cận lịch sử một cách trung thực. Bóp méo lịch sử chỉ là biểu hiện của một tình trạng chính trị xã hội kém cỏi, trong đó địa vị người công dân hãy còn mỏng manh như con ong cái kiến. Một số ý kiến của Nguyễn Gia Kiểng chung quanh vấn đề một nhân vật lịch sử là Quang Trung [1] đã không ngừng gây tranh luận từ dạo nó xuất hiện lần đầu cách nay bốn năm trên tập san *Thông Luận*. Thật ra, có lẽ khi nêu lên vấn đề cần xem xét lại một số vấn đề lịch sử, chủ ý của Nguyễn Gia Kiểng là đặt ra một vấn đề khác phức tạp hơn mà ông gọi là vấn đề di sản tâm lí do lịch sử và văn hoá để lại. Nhưng để minh họa cho luận điểm cuả mình, tác giả đã nêu ra trường hợp Quang Trung mà ông cho là biểu tượng điển hình của tính cách võ biền, hung bạo, và độc đoán. Cho nên, đáng ra thì cuộc thảo luận nên bắt đầu từ những luận đề lớn trong quyển sách đó, để tránh tình cảnh tìm cây mà quên rừng.

Nhìn lại một vấn đề lịch sử như vấn đề Quang Trung, ông NGK dựa trên hai cơ sở: một phần là sử liệu, phần khác là dựa trên suy diễn riêng. Khi dẫn sử liệu, tác giả thường dựa trên một nguồn tài liệu là *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* và một số thư từ của giáo sĩ phương tây. Suy diễn riêng thì thường dựa trên kí ức (chẳng hạn khi đưa ra hồi ức về buổi diễn thuyết cuả Tưởng Quân Chương). Chỉ chừng ấy cơ sở tài liệu thì lập luận của tác giả trong luận thuyết vừa kể không tránh khỏi giản lược đối với một nhân vật lịch sử của một thời đại phức tạp.

Trước hết, chẳng phải đợi đến khi ông NGK nhìn lại vấn đề, hình ảnh Quang Trung mới hiện ra với một dáng vẻ khác. Người anh hùng dân tộc này đã không ngừng tái hiện qua thời gian với những hình ảnh khác nhau, tuỳ theo quan điểm khác nhau của người sau. Chỉ riêng điều này cũng đã nói lên tính cách lớn lao của một nhân vật lịch sử, khiến cho tấm áo nào cũng trở thành chật chội đối với con người ấy.

Tưởng cũng nên nhắc đến ở đây là: chung quanh vấn đề Quang Trung, văn học hiện đại tỏ ra đã thoáng hơn các sử quan. Hình ảnh Quang Trung tái hiện trong *Kiếm Sắc* của Nguyễn Huy Thiệp, *Sông Côn Mùa Lũ* cuả Nguyễn Mộng Giác, và gần đây trong *Gió Lửa* cuả Nam Dao, dường như gần gũi với cuộc đời hơn, và tất nhiên cũng phản ánh những khác biệt quan điểm người đời sau hơn. Tuy nhiên, văn học có những nguyên lí xây dựng nhân vật riêng, rất khác biệt với nguyên tắc tái hiện nhân vật lịch sử. Cách nhìn lịch sử trong văn học vẫn có thể chấp nhận được theo nghiã rằng chúng là một cách nhìn đời riêng của nhà văn, hoặc giả chỉ xem nhân vật lịch sử là một hình tượng văn học (nghĩa là sản phẩm của hư cấu) để biểu tượng cho một thông điệp văn học nào đó. Do vậy, nhân vật của tác phẩm văn học không thể dùng để tái hiện nhân vật lịch sử, mà chỉ nên dựa vào sử liệu mà thôi. Đến đây thì có một khó khăn: các nguồn sử liệu khác nhau, các quan điểm viết sử khác nhau sẽ cho ta hình ảnh khác nhau về một nhân vật lịch sử.

Mà nói gì hậu thế! Ngay người đương thời còn ghi lại hình ảnh rất khác nhau về người anh hùng này. Quang Trung xuất hiện trong một tác phẩm kí sự lịch sử đương thời là *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* (*HLNTC*) hay trong tài liệu thư từ của giáo sĩ phương tây, thật là khác nhau; do đó không thể dựa trên một nguồn tài liệu duy nhất để tái hiện nhân vật của thời kì lịch sử này. Người sau thường hay trích dẫn *HLNTC*, xem như một nguồn tư liệu có thẩm quyền về thời kì lịch sử này. Tuy nhiên, chỉ riêng một *HLNTC* cũng đã cho hai ba hình ảnh Quang Trung khác nhau rồi: ở bảy hồi đầu, ông xuất hiện như là một người ở xứ ngoài đến đất của vua Lê. Ông chỉ là một kẻ "địch," một mối đe dọa đối với nhà chúa. Giọng văn của tác giả mấy hồi này không tránh khỏi sự thán

phục ông là người thông minh, quyết đoán, và cầm quân lệnh rất nghiêm. Nhưng nói chung thì tác giả phần chính biên này vẫn giữ một giọng văn, một thái độ quan sát bàng quan một nhân vật của thời thế lúc bấy giờ; cho nên Nguyễn Huệ cũng biết hoài nghi, biết bông đùa, và cũng hỉ nộ ái ố như bao người. Thời thế khi ông kéo quân ra Bắc Hà lần đầu là một thời nhiễu nhương vô cùng, vua thì ươn hèn, chúa cũng bạc nhược, triều đình xiêu vẹo hết cả.

Đến những hồi sau của *HLNTC*, hình ảnh Quang Trung càng trở nên sáng chói. Giọng văn càng sảng khoái, rõ là giọng tán tụng một anh hùng của thời tao loạn, đã nổi lên như một biểu tượng tự hào của một đất nước đã kiệt quệ vì chiến tranh, phân hóa, tham nhũng hối lộ, giá trị suy đồi. Hình ảnh ấy lại càng được lưu dấu bền chặt trong lòng người qua những tác phẩm văn học đương thời, như *Ai Tư Vãn*, văn tế cuả triều thần, thơ văn của các quan chức nổi tiếng văn học... Xem thế thì những hình ảnh đẹp đẽ nhất về Quang Trung đã được chính người đương thời nói lên cả rồi, chứ không hẳn là người sau lợi dụng, vẽ vời ra cả đâu. Cũng không vì người sau lợi dụng được hình ảnh Quang Trung mà ông trở thành anh hùng! Người sau nếu có lợi dụng hào quang có sẵn của người anh hùng chỉ là để làm hào quang của họ mà thôi.

Nhưng hình ảnh sáng chói của Quang Trung trong *HLNTC* tắt rất sớm. Mấy chương cuối cùng của sách này đã nói đến "Ngụy" Tây, đối lập với quân "hoàng triều." Sự quay chiều giọng văn này là do thái độ chính trị của tác giả mấy chương sách đó. Khi chấp bút viết nốt mấy chương này, người con cháu trong họ Ngô Thì đã không đứng trên lập trường chính trị của người đi trước ông là Ngô Thì Chí. Đã qua rồi thời ngang dọc của một ông tướng anh hùng. Lúc bấy giờ hình ảnh Nguyễn Ánh đã lớn lên như một nhà chính trị có những ưu thế rõ rệt, một người của thời thế mới, của hi vọng mới.

Xem thế thì khó mà tìm được một hình ảnh chân thực của Quang Trung trong bộ kí sự lịch sử tiểu thuyết hoá này. Khó, chẳng phải vì ba bốn bản dịch từ ba bốn bản sao khác nhau đâu. Khác biệt đó chỉ là tiểu tiết. Khó, là vì tất cả các bản phiên dịch khác nhau đều chỉ là để trình bày một sử liệu có giá trị, nhưng chúng chỉ là *một nguồn* tài liệu trong nhiều nguồn khác nhau, phản ảnh một quan điểm nào đó (đúng hơn, phải nói là ba quan điểm khác nhạu -như đoạn trên vừa phân tích). Cho nên muốn tìm hiểu cục diện xã hội chính trị cuả thời kì này, thiết tưởng nguồn tư liệu phong phú sống động trong *HLNTC* chưa hẳn đã là một nguồn tư liệu khách quan trọn vẹn.

Và cũng là điều hiển nhiên khi chúng ta tìm đến những tư liệu khác, như là những ý kiến nhận xét về phong trào Tây Sơn của các thương nhân phương tây, những lá thư của các giáo sĩ đương thời - những người chứng, người quan sát viên của một thời nhiễu nhương đó. Hình ảnh Tây Sơn trong mắt những người này lạ "những tên cướp," "những kẻ soán đoạt," "tên bạo chúa," "những kẻ phản loạn"... Nhưng chính những người bàng quan này cũng phải thừa nhận rằng đó là những tên cướp nhân từ, chỉ cướp của kẻ giàu và tham nhũng hối lộ để chia cho dân nghèo. [(2)] Qua nguồn tư liệu này, người sau biết thêm những khía cạnh khác của một lực lượng chính trị đương thời. Họ là lực lượng sấm sét của một thời rệu rã khắp nơi. Hiển nhiên là không thể có một cái nhìn khách quan trọn vẹn về Quang Trung từ nguồn tài liệu này. Vì, nói chung, tuy đa số những người chứng này không tham gia trực tiếp vào những biến động chính trị của hai miền phân tranh lúc ấy, họ chỉ là những kẻ đứng bên lề mà thôi, thậm chí có khi chỉ nghe qua nghe lại những thông tin lắm khi cũng phiến diện từ trong dân dã. Không nhiều những thông tin trực tiếp. Cho nên, chỉ riêng nguồn tư liệu này thôi cũng lại chưa thể phản ảnh đúng và đủ diện mạo cuả một thời kì, hay của một người như Quang Trung.

Muốn tiếp cận những hình ảnh bao quát và trung thực về thời kì lịch sử này, thiết tưởng còn phải tìm tư liệu từ các sách sử của người đương thời nữa: sách vở do cựu thần nhà Lê viết ra, chính sử và dã sử thời Tây Sơn, cùng với nguồn văn liệu của Nam Hà và sử quan nhà Nguyễn về sau này nữa. Cũng trong nhóm sử liệu này, cần thêm vào tài liệu từ *Thanh Sử*. Có điều cần chú ý là những sử quan này không thoát khỏi thái độ chính trị của cá nhân, của chế độ mình phục vụ. Cho nên Quang Trung có thể trở thành "Ngụy Tây," một tên "nhập khấu" (ăn cướp). Nhưng các sử liệu nhà Nguyễn vẫn có thể là những tấm gương phản ánh chừng mức nào đó những sự kiện của lịch sử. Nói như thế là để dè chừng về một hiện tượng quen thuộc trong sách sử cũ: triều đại sau không tiếc cơ hội để thóa mạ triều trước trong các sách chính sử. Mà mối cừu thù giữa Tây Sơn và Nguyễn Gia Miêu thì đã trở thành điển hình cho những vết nhơ của thời loạn phong kiến. Oán

thù đến mức đào mả người đã quá cố, thì cũng dễ hiểu tại sao những trận đòn thù chữ nghĩa trong các sách sử thật là trầm trọng. Cho nên nguồn sử liệu từ các chính sử chỉ có giá trị trong chừng mức là nó có thể cung cấp sự kiện cho đời sau phối kiểm.

Tổng hợp sử liệu như thế thì có thể vẽ lại diện mạo Quang Trung trong một bối cảnh xã hội bấy giờ, là một thời nhiễu nhương cùng cực. Ông như một ánh chớp xẹt ngang qua lịch sử của thời đau thương đó. Sự nghiệp chính trị của ông chưa đủ dài để công luận có thể phê phán ông điều gì với tư cách là một nhà chính trị. Sự nghiệp chủ yếu cuả ông vẫn chỉ là một nhà tướng vừa bắt đầu bước vào lãnh đạo chính trị. Những quyết định nhanh nhạy, sáng tạo của một nhà chính trị gốc "nhà binh" này đã hé cho thấy sinh lực mới nơi một lực lượng chính trị mới trong một xã hội suy kiệt với một tầng lớp trưởng giả phong kiến cũ lúc ấy đã tàn tạ không thể chối cãi. Chính trị của Quang Trung hãy còn quá ngắn ngủi, và tất nhiên là vẫn bị quy định bởi những hạn chế của thời đại. Nhưng ông là một nhà chính trị mới nổi, và tỏ ra có nhiều đức tính của một nhà chính trị giỏi: chịu học hỏi để tiến bộ, biết lắng nghe người khác, và có thể cũng có lí tưởng xã hội.

Một vài đề quyết khác trong chương sách của NGK đã dựa trên suy luận riêng của tác giả. Chẳng hạn ý kiến của ông về quân số Quang Trung đánh quân Thanh cũng như nguyên nhân quân Thanh sang nước ta, là những ý kiến khác hẳn những tài liệu sử khác. Đúng hay sai, chỉ có thể kiểm lại từ các nguồn sử liệu khác nhau mới dứt khoát được. Ý kiến cho rằng Nguyễn Huệ tàn ác là nhắc lại một nhận xét của người chứng đương thời. Tuy nhiên, nói cho công bằng thì trong thời buổi loạn li cùng độ ấy, có ông tướng nào nhân ái, có lực lượng nào nhân từ ? Sách vở ghi rành rành về thành tích chém giết của mọi phe phái chứ có riêng ông nào! Trong một thời thế đó cứ nhì nhằng như mấy ông triều thần chúa Trịnh và vua Lê thì có ai coi ra gì ! Bảo rằng mấy ông võ biền kia tàn ác cũng được, nhưng chắc cũng không sai là mấy nếu bảo rằng họ là những con người của những guồng máy sắt thép mà nếu không 'tiên hạ thủ' thì chính họ sẽ nát thây.

Bảo rằng vì ghét nhà Nguyễn mà Trần Trọng Kim ngợi ca triều đại Tây Sơn có lẽ chỉ nên xem là một giả thuyết để tìm hiểu thêm. Trong một hoàn cảnh nghiên cứu sử học còn sơ sài như ở xứ mình thời buổi duy tân đầu mùa, Trần Trọng Kim đã làm hết sức của mình để xem xét các triều đại lịch sử khác nhau. Đặc biệt là triều đại Tây Sơn ngắn ngủi đã được nhìn nhận một cách nghiêm túc và công tâm, ít ra cũng là thoát khỏi ảnh hưởng của các sử quan nhà Nguyễn. Điều đó càng có ý nghiã hơn khi tác giả là người sống trong thời kì vua nhà Nguyễn còn đang trị vì. Công tâm của một sử gia như TTK là xét rộng rãi hơn, từ cách nhìn vấn đề, từ thái độ cân nhắc sử liệu. Thái độ ấy hẳn nhiên là vượt khỏi định kiến của một trí thức Bắc Hà đối với triều nhà Nguyễn.

Quyển *Lịch Sử Nội Chiến Ở Việt Nam 1771-1802* cuả Tạ Chí Đại Trường [3] có lẽ là quyển sử

HOÀNG XUÂN SƠN

HÁT MẦU THIÊN THU

Và sáu tám
hai câu
hát lên quan họ
QUA CẦU GIÓ BAY
ờ
thì sắc áo trưng bày
sáng tươi bạch ngọc
giữa ngày xuân du
ai ?
người âu yếm cột đu
ai thon xinh
duỗi cánh
rù rì
theo
hát lên cái nết mỹ miều
qua cầu đứng gió
ơi !...
kiều mỵ đâu ?
vân mòng cổ lục chờ nhau
hai câu sáu tám
hẹn đầu
thiên thu.

duy nhất ở nửa sau thế kỉ XX đã đặt lại vị thế của phong trào Tây Sơn trong lịch sử, và qua đó gián tiếp nói về hào quang có giới hạn của anh hùng Quang Trung. Tác giả của nó đã nếm đủ bao nhiêu chua cay của thân phận một sử gia độc lập. Nhưng thái độ đối chứng sử liệu nghiêm túc, cốt dựa trên những sử kiện xác đáng và một quan điểm nhìn lịch sử như là những xung đột văn hóa, tác giả đã góp phần xứng đáng trong kho sách sử nghiêm túc của thời chúng ta. Ngoài một vài sử gia hiếm hoi như Trần Trọng Kim và những người sau như Tạ Chí Đại Trường, có sử gia nào đã thật lấy đức công bình để viết về một thời phức tạp của lịch sử ? Phần lớn nhà viết sử của mình chỉ là những sử quan ăn lương của ai đó mà viết sử cho đẹp lòng người phát lương. Cho nên muốn đọc sử đúng của mình thì -như đã nói- còn phải biết đối chứng sử liệu đã. Chẳng thể tin hết được mọi chữ mọi câu trong sách cũ.

Trần Trọng Kim hay Tạ Chí Đại Trường viết về Quang Trung đã giữ vững được thế đứng độc lập của sử gia mà các sử quan khó có được. Không hề giản lược quá đáng, cũng chẳng tô vẽ hay bóp méo lịch sử để chiều lòng "lãnh đạo," đối với sử gia độc lập đúng nghĩa, *sử* là *sự* trước đã. Sau đó mới là ý nghĩa cuả sự. Nhưng sử không thể là sử của người viết sử, muốn đổi trắng thay đen gì cũng được.

Trở lại ý kiến của NGK về vấn đề Quang Trung. Vượt lên khỏi những luận cứ có thể còn đang tranh cãi, vẫn có thể thấy nổi lên một ý lớn, là *ông đặt dấu hỏi về bản chất chế độ quân chính điển hình* trong lịch sử nước ta. Ba tính cách mà NGK cho là biểu hiệu của tính cách anh hùng của Quang Trung (võ biền, hung bạo, độc đoán) có thể xem là tính cách chung của một thời kì lịch sử mà giới nhà binh được trọng vọng, chẳng kể họ là người thuộc hàng ngũ Tây Sơn, hay Trịnh và Nguyễn. Thời thế loạn lạc suốt ba trăm năm ròng rã, thì anh hùng phải là người trưởng thành trong chiến tranh thôi. Điều đáng nói là sau hơn hai trăm năm, dường như chế độ độc tài (theo kiểu phát xít, quân sự hay đảng trị) vẫn còn được dân tộc chúng ta chấp nhận như một cơ chế chính trị không thể thay thế! Không phải là không có lí khi tác giả *Tổ Quốc Ăn Năn* chất vấn rằng có phải tâm lí chuộng sức mạnh võ biền đã ăn sâu trong tâm thức dân tộc ta rồi chăng?

Phong trào nổi dậy Tây Sơn ra đời sau hai trăm năm li loạn, tưởng không thể đòi hỏi họ phải làm những sứ giả hoà bình bằng biện pháp hoà bình, vì thời thế đó chưa có đủ những yếu tố phù hợp với não trạng và căn cơ của một dân tộc đã quen với phân hoá, loạn li, nhiễu nhương. Đòi hỏi dân chủ, hoà giải trong tình thế đất nước cách nay hai trăm năm có thể là một đòi hỏi không chính đáng, "phi lịch sử." Đặt một sự việc trong bối cảnh của nó có thể giúp ta nhận đúng được lịch sử "như nó là" hơn. Vậy thì tính cách võ biền là tính cách chung của thời kì đó. Một chế độ như thế sẽ dẫn quốc gia đi đến đâu? Dường như tác giả bài "Một vấn đề lịch sử" muốn giả định rằng nó sẽ tất yếu dẫn đến những phiêu lưu quân sự để sẽ kết cuộc bằng sự sa lầy hoặc thậm chí phá sản. Nhưng lịch sử đã diễn ra như chúng ta đã biết. Chế độ quân chính đã chấm dứt rất nhanh bằng chiến thắng cuả Nguyễn Ánh. *Nếu* (xin nhắc lại, chỉ là *nếu*) nó không kết thúc như vậy thì những trí thức nổi tiếng đương thời như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Thiếp... có phương lược nào để chuyển biến nó không? Dựa trên một số tài liệu rải rác, chúng ta có thể tin rằng họ có thể thay đổi được tình thế, nếu không hơn thì cũng phải như triều đình Gia Long sau đó. Vì tất cả thế hệ nho sĩ đó đều chung một ý thức hệ đương thời mà thôi.

Xem thế thì không chừng sự kiện Quang Trung có lẽ phức tạp hơn những gì được phác họa trong chương viết "Một vấn đề lịch sử" của sách *Tổ Quốc Ăn Năn*. Bởi lẽ rằng, cho dù cuộc tranh luận về Quang Trung có ngã ngũ theo chiều hướng nào thì một câu hỏi lớn vẫn còn đó: *một chế độ độc tài quân phiệt có thể nào là giải pháp cho phát triển, cho nền dân chủ ViệtNam được không* ? Câu hỏi này sẽ tất yếu dẫn đến một vấn đề khá lớn tiếp sau đó: đâu là mô hình cơ chế chính trị khả dĩ tạo điều kiện cho mọi công dân cùng cống hiến khả năng mình cho xã hội, và chế tài những mưu đồ cuả những cá nhân và tập thể muốn nổi lên làm những anh hùng theo kiểu những anh hùng võ biền mà ta thấy nhan nhản ở những xứ lạc hậu? Và như vậy thì những luận điểm chính của chương sách bàn về "Một vấn đề lịch sử" có lẽ vẫn đáng để bàn bạc thêm. Vì đó mới là vấn đề chính đối với chúng ta hôm nay./.

(1) Nguyễn Gia Kiểng, *Tổ Quốc Ăn Năn*. Tác giả tự xuất bản, Paris, 2001

(2) Theo thư viết ngày 12.2.1774 cuả Jumilia. Xem:BSEI, t.XV, 1940, p. 74

(3) do nxb. Văn Sử Học (Sàigòn) xb năm 1973, và nxb. An Tiêm (California) tái bản năm 1991)

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ (1975-2000)

Bài 12: Nhóm Viết Hồi Ký

TRẦN ANH TUẤN

2. Giới Cựu Quân Nhân: Các sĩ quan cấp tá

Trong số các cựu sĩ quan cấp tá viết hồi ký cũng có vài người viết về trại tù tập trung, như Tạ Tỵ với *Đáy Địa Ngục*, Phạm Quang Giai với *Trại Cải Tạo*, và Chánh Trung với *Những Bước Chân Tù* (tức *Bác Sĩ Bất Đắc Dĩ*).

Hai quyển sách đầu rất dầy. *Đáy Địa Ngục* dài 678 trang, và *Trại Cải Tạo* 553 trang. Chúng được trình làng khá sớm, giữa thập niên 80, bởi hai sĩ quan trung cấp vượt biển đến được các trại tỵ nạn tại Mã-lai-á. Do đó, hai quyển hồi ký này đã được đón nhận khá nồng nhiệt. Quyển nào cũng được tái bản nhiều lần.

Nhưng điều này không có nghĩa là *Trại Cải Tạo* đã là, như lời giới thiệu trịnh trọng của cố thủ tướng Nguyễn Văn Lộc, "*một pho tài liệu lịch sử*" (*Trại Cải Tạo*, trang 3). Và *Đáy Địa Ngục* cũng không có nghĩa là, như tác giả tự quảng cáo, một quyển sách cần phải có của tất cả những ai di tản khỏi Việt Nam trước ngày 30/4/1975 và tất cả những ai có thân nhân bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo (chữ dùng của tác giả).

Không độc giả nào có thể phủ nhận tấm chân tình của các tác giả Tạ Tỵ và Phạm Quang Giai khi họ vừa vượt thoát được gông cùm Cộng Sản tại quê nhà đã vội ghi lại những tâm tư tình cảm và hồi ức của họ để nói lên nỗi uất hận của họ đối với kẻ chiến thắng quá hiểm ác, và để lại bằng chứng thành văn cho đời sau về một thảm cảnh của phía người Việt quốc gia khi đất nước rơi vào tay Cộng Sản.

Tiếc thay, hai tác giả này đã không có sự bình tâm của người trung gian trao truyền sự thực đến độc giả. Ngòi bút của hai tác giả chú trọng đến những sự kiện đã được đãi lọc, những đối thoại đã được hư cấu, và những nhận xét phân tích đã được dựng nên sao cho phù hợp với mục đích đề ra từ đầu. Do đó, *Đáy Địa Ngục* và *Trại Cải Tạo* đã đi vào lối mòn của những ước lệ (stereotype) như cán bộ Cộng Sản thì phải nói ngọng, ngu dốt, quê mùa, còn sĩ quan đi trình diện tập trung người nào cũng văn minh tân tiến, thông minh tài trí dễ dàng "qua mặt" cán bộ trại tù. Chưa kể những chi tiết đó đây trong hai quyển sách được dựng lên để người viết tự đánh bóng mình.

Điểm cần nói là hai tác giả đã kết luận rằng sự khủng khiếp nhất của chế độ các trại tù tập trung là nạn đói. Theo tôi, một người từng bị tù trong ba trại tập trung Trảng Lớn (Tây Ninh), Đồng Ban (Tây Ninh), và Xuyên Mộc (Long Khánh) trong ba năm từ năm 1975 đến năm 1978, việc bị đói trong các trại tù tập trung của Cộng Sản sau năm 1975 có khổ sở thật, nhưng không phải là điều khủng khiếp nhất trong chế độ tù tập trung của Cộng Sản Việt Nam sau năm 1975.

Điều khủng khiếp nhất chính là sự khủng bố tinh thần. Bị tù mà không biết ngày nào được thả. Rồi trong suốt thời gian bị giam cầm vô hạn định đó, người tù được rỉ tai cho nghe đủ thứ tin tức. Lúc tin vui là sắp được thả hàng loạt, lúc tin buồn là bị tù vô hạn định, lúc được tin vợ con phải đi vùng kinh tế mới, lúc được tin vợ đã đi lấy chồng... Ngày nào người tù cũng nghe được tin này tin kia làm họ lúc nào cũng phải suy nghĩ, hoang mang lo buồn, bất an, mòn mỏi, lúc nào cũng nơm nớp lo ngại vì nạn ăng-ten rình rập, báo cáo. Rồi trong cuộc đời tù đầy vô vọng đó, thỉnh thoảng có những kiểm tra "đột xuất" về đêm: trời tối đen như mực, người tù chỉ nghe tiếng hô bên này bên kia, tiếng súng AKA lên đạn, ánh đèn pin lóe lên đàng trước đàng sau, người tù phải ra tập hợp, điểm danh, rồi... cho trở về ngủ tiếp như trong một cuộc kiểm tra bất ngờ trong trại tập trung Trảng Lớn (Tây Ninh) một đêm tháng 6 năm 1975. Cuộc kiểm tra chỉ diễn ra một khắc hay nửa tiếng đồng hồ, nhưng dư vị của nó còn đọng lại nơi người tù không biết bao nhiêu ngày sau, cùng với những nỗi lo vô cớ và tâm trạng bất an dài dài... Hay những buổi "lên lớp" để cán bộ Cộng Sản phân tích những cái tội của ngụy quân ngụy quyền để người tù tập trung đang lo buồn về cuộc tù tội hiện tại phải lo nghĩ thêm về tương lai đen tối của mình và vợ con mình sau

khi được thả về.

Những sự khủng bố tinh thần ấy, theo tôi, mới thực là điều khủng khiếp nhất của chế độ trại tù tập trung Cộng Sản sau năm 1975 ở Việt Nam. Chứ còn đói, thì đói chẳng qua chỉ là một sự thử thách đối với cơ thể. Và sự thử thách ấy có vượt qua được hay không, vượt qua dễ dàng hay khó khăn, hay không vượt qua được, thẩy đều lệ thuộc vào sự hèn yếu hay vững vàng của tinh thần con người. Nhiều người đã bị đói lắm chứ, và họ đều đã vượt qua được: những binh lính và sĩ quan cấp nhỏ trong QLVNCH bị đói trong những cuộc hành quân dài ngày vì sự tiếp tế khó khăn trong rừng núi, hay đang trong lúc phải đối phó với những cuộc tấn công biển người và dai dẳng của Cộng quân. Nhưng sao những binh lính và sĩ quan cấp nhỏ trong QLVNCH đã anh dũng giữ vững miền Nam trong nhiều năm mà không hề để mất một tấc đất nào vào tay Cộng quân.

Các tác giả than đói là điều khủng khiếp nhất trong chế độ trại tù tập trung của Cộng Sản VN sau năm 1975, theo tôi, chẳng qua vì các ông là những người sĩ quan thành phố. Có bị đói bao giờ đâu?! Cho nên, nói như tác giả Tạ Tỵ nơi trang 17 của *Đáy Địa Ngục* , rằng, nguyên văn, *"Sau thời gian bị giam cầm, mọi con người mất dần bản chất, biến thành kẻ ti tiện, suốt ngày chỉ lo ăn uống và quỵ luỵ để cầu mong sớm được tha!"* là điều không đúng. Tai hại hơn nữa, chẳng những những gì tác giả, người tự nhận mình là loài *"kình ngư"* (trang 591) viết ra không nói lên được sự kinh khủng nhất của chế độ tù đầy tập trung Cộng Sản sau năm 1975 tại Việt Nam để truyền lại cho các thế hệ sau như tác giả rêu rao, mà còn cho thấy một khía cạnh yếu hèn của con người phía bại trận.

Và một khi coi đói khát là việc khủng khiếp nhất trong các trại tù tập trung Cộng Sản, thì khi người tù được no thì cuộc sống trong trại tập trung chắc phải thần tiên lắm. Đây, ta hãy đọc những gì Tạ Tỵ tả cảnh sinh hoạt trong trại tập trung để thấy sự nhân đạo rộng rãi của Ban Giám Thị Trại Giam đến thế nào (?!) và cuộc sống thần tiên trong trại tập trung ra làm sao (?!).

Ấy là việc mỗi khi người tù được thăm nuôi thì *"ngày hôm sau họ được nghỉ lao động để ở nhà sắp xếp quà bánh"* (trang 623). Rồi trại tập trung là cả một cảnh nhộn nhịp sầm uất hàng ngày với phong trào buôn bán, nguyên văn, *"ai có dư muốn bán, ai thiếu muốn mua, thứ gì cũng có"* (trang 618). Có đoạn tác giả Tạ Tỵ cho biết là người tù thừa thãi đến độ Công An cũng tìm cách mua lại gạo của người tù để đem ra ngoài bán lại lấy lời (trang 671). Chi tiết hơn nữa, Tạ Tỵ còn cho biết rành rẽ về một người tù trưa nào cũng đi khắp 16, 17 buồng để buôn bán với đủ thứ mặt hàng *"gạo, mì ăn liền, bột ngọt, sà bông, thuốc tây"* (trang 618). Quý phái nhất là người tù này còn rao hàng bằng tiếng Tây, nguyên văn nơi trang 618-19 như sau: *"Bonjour mes amis, comment allez-vous? Aujourd'hui nous avons des médicaments, du riz, 1 paquet 100 gr de Glutamate Monosodium et nous avons aussi du tabac Laotien 3 no.8. Et, alors, mes amis, voulez vous acheter quelque chose? Aha, Aha!"* Nếu trưa nào người mua kẻ bán cũng tấp nập trong suốt 16, 17 buồng giam thì người tù còn thì giờ đâu mà phải đi lao động khổ sai? Rồi đến cả Công An mua bán với người tù. Hãy đọc cảnh rao hàng của Công An gái nơi trang 635, nguyên văn, "Các anh mua dùm Nguyệt nhé. Con heo tốt lắm, Nguyệt bán cho các anh rẻ hơn người ta đấy!" Công An gái tiếp xúc với người tù trong trại tập trung mà xưng tên thì thân mật thật, hay... mơ?! Hàng mua bán giữa Công An và người tù là cả con heo (trang 635), cặp gà (trang 629) khiến độc giả có cảm tưởng như đang đi vào một siêu thị ở... Mỹ!

Rồi cảnh khám xét nữa. Mỗi khi có đội đi lao động về là bị khám như thế này, nguyên văn nơi trang 624 của quyển *Đáy Địa Ngục* do Tạ Tỵ viết, *"Mỗi người đứng cách nhau 1 mét để múa điệu 'phượng hoàng'. Ngoài việc xù đầu, há mồm, lần lưng, móc túi, như thường lệ, mọi người còn phải tụt quần, chổng mông cho tụi Công An nhòm xem có gì dấu nơi hậu môn không?"*

Tính nhẩm thời lượng của hai sinh hoạt này, tức buôn bán với nhau buổi trưa và bị khám kiểu "phượng hoàng" sau khi lao động về, người có đầu óc bình thường nào tính nhẩm cũng biết kẻ bị giam giữ trong trại tập trung phải mất ít nhất 48 giờ mỗi ngày mới làm xong hai việc ấy! Còn xuất xứ chi tiết khám người sau lao động kể cả danh từ "múa phượng hoàng" là như thế này: tác giả Tạ Tỵ đã lấy cả nội dung lẫn hình thức chi tiết này trong những hồi ký của các cán bộ Cộng Sản khi họ kể lại thời gian họ bị giam giữ và đầy ải trong các nhà giam Catinat và Côn Đảo thời Pháp thuộc! Chứ đến thời Việt Nam sau năm 1975, Cộng Sản giam giữ nhân viên chế độ cũ, sĩ quan, hạ sĩ quan, công chức, đảng phái VNCH... hàng ngàn người hay nhiều hơn nữa trong mỗi trại tập trung thì làm sao Công An hay Cán Bộ Quản Giáo

có thì giờ khám từng người mỗi ngày theo kiểu "múa phượng hoàng" được?!

Cảnh tác giả Tạ Tỵ tả lại việc ăn Tết của người tù trong trại tập trung mới sầm uất và vui thú làm sao. Ông cho biết người tù được nghỉ lao động 11-12 ngày, bắt đầu từ ngày 26 tháng chạp (trang 637) đến mồng 6 mới phải lao động (trang 651). Thế là người tù sống trong trại tập trung còn sướng hơn quân nhân công chức thời Việt Nam Cộng Hòa nhiều, vì quân nhân công chức thời Việt Nam Cộng Hoà có bao giờ được nghỉ Tết một tuần lễ đâu, nói gì tới 11-12 ngày như thế này! Quang cảnh ngày mồng một Tết tưng bừng lắm, nguyên văn nơi trang 650, "Xòng bài được mở màn, anh em lại sát phạt nhau qua những nước tố, nơi kia lại thì thào chuyện trai gái, chỗ nọ hát xướng lăng nhăng." Vui thật, nhưng họ vẫn cay cú đối với những đồng ngũ đã mau chân chạy sang Mỹ, nguyên văn nơi trang 649 như thế này, "Đù mẹ, các ông ở Mỹ, các ông ăn sung mặc sướng, các ông lợi dụng sự họp khóa, họp đơn vị để có dịp 'enjoy'... Các ông ăn độn toàn bí tết, uống toàn Whisky, Napoleon, Courvoisier, làm đéo gì các ông chẳng muốn họp hành, Tướng Tá như con xê...!"

Với cách trình bầy cảnh sinh hoạt trong trại tù tập trung như trên, độc giả không hề thấy sự dã man tàn ác của chế độ trại tù tập trung của Cộng Sản ở chỗ nào! Ngược lại, chính *Đáy Địa Ngục* đã cung hiến một bằng chứng cụ thể cho những ai muốn phủ nhận tình trạng lao động khổ sai hàng ngày trong các trại tù tập trung của Cộng Sản sau năm 1975 vậy!

Cuối cùng, *Đáy Địa Ngục* của Tạ Tỵ cũng đã nêu hẳn tên một số người làm "ăng-ten" báo cáo đồng tù cho cán bộ Cộng Sản. Đó là nhạc sĩ Vũ Thành An làm "ăng ten" cho cán bộ quản giáo ở nhà tù Vĩnh Phú, nhà văn Duyên Anh làm "ăng-ten" ở nhà tù Xuyên Mộc và vẫn tiếp tục báo cáo anh em văn nghệ sĩ với công an sau khi được tha về ở thành phố Hồ-chí-minh (trang 583).

Chính một hồi ký khác của Tạ Tỵ mới hữu ích ít nhiều cho độc giả. Đó là *Những Khuôn Mặt Văn Nghệ Đã Đi Qua Đời Tôi* (California, Thằng Mõ xb, 1990, 391 trang) trong đó tác giả đã viết hầu như không thiếu một ai trong số những

CHU VƯƠNG MIỆN

TƯƠNG GIANG, TIÊU GIANG

Sông Tương nguồn ở Hải Dương Sơn
phía trên Bắc Bộ quận Quế Lâm
ngang thành Linh Lăng, Trường Sa cũ
đổ vào Động Đình tỉnh Hồ Nam

Sông Tiêu phát nguyên Cựu Nghê Lãnh
phụ lưu sông Tương tại Linh Lăng
hai giòng từ đó còn có một
mà người thì kẻ cuối – đầu sông

ai bảo yêu chi cho nó khổ
tương tư lắm chuyện nhớ triền miên
đầm đìa nước mắt mà sinh bệnh
cảm xót vô cùng một chữ duyên

"Ai bảo sông Tương sâu
không bằng lòng nhung nhớ
sông sâu còn có đáy
nhung nhớ lại không bờ
chàng ở sông Tương đầu
thiếp ở sông Tương cuối
càng nhìn càng thấy đau
uống nước sông mòn mỏi
Hồn mơ chẳng đến nơi
cõi chết nào đang tới
nhập vào cửa thương mong
càng thương càng ngóng đợi"

chuyện xưa thời Hậu Chu – Ngũ Đại
Tiêu Tương Nam Bộ tỉnh Hồ Nam
chẩy xuống Quảng Tây xa hút mắt
chuyện tình chỉ khác Thục đạo nan

chuyện giờ lưu lạc trên đất Mỹ
chả Tiêu Tương mà cũng Bắc Nam
tương cố toàn cánh đồng dê – ngựa
tương thân còn một nhánh mai vàng

M. Loan Hoa Sử

họa sĩ, thi sĩ, văn sĩ, nhạc sĩ, kịch sĩ, phê bình gia, nhà báo, chủ nhà in... thành danh của cả hai miền Nam Bắc suốt từ năm 1943 đến năm 1982 mà chính tác giả đã trực tiếp quen biết. Với mỗi nhân vật, ông chỉ điểm xuyết vài nét về con người và nếp sống, nhưng là những nét đặc thù và chính xác giúp độc giả biết thêm về thế giới văn hóa Việt Nam trong hậu bán thế kỷ XX xuyên qua hành trạng của những con người làm nên thế giới ấy.

Hồi ký về chế độ các trại tù tập trung thứ hai là *Trại Cải Tạo* của Phạm Quang Giai. Tác giả xuất thân là một tự vệ Công Giáo Phát Diệm, tham gia quân đội quốc gia Việt Nam từ năm 1951. Từ năm 1967, tác giả được thuyên chuyển về Cục Tâm Lý Chiến. Chức vụ cuối cùng trước khi miền Nam sụp đổ của ông là Trung Tá, Trung Tâm Trưởng Trung Tâm Điều Hợp/Tâm Lý Chiến tại Sài Gòn. Theo tiểu sử được tác giả quảng cáo nơi đầu sách và cuối sách, năm 1983 ông còn được nhận bằng *Chiến Sĩ Xuất Sắc* (nguyên văn, trang 9) Ngày Quân Lực 1986 tại New Orleans, Louisiana và được *Đại hội nhân dân Houston* (nguyên văn, trang 556) đề cử vào Hội Đồng Tổ Chức Bầu Cử Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Houston và Vùng Phụ Cận!

Thú thật khi đọc *Trại Cải Tạo* tôi đã phải cười một mình nhiều lần vì nội dung hoang đường mà những mẩu đối thoại cho thấy tác giả đã lên gân quá sức tưởng tượng. Lấy một thí dụ là đối thoại của tác giả với một tên cán bộ Cộng sản Bắc Việt ngay tối 30/4/1975 như sau, nơi trang 31 (ngay chi tiết này đã là một điều khó tin là thật, vì binh lính và cán bộ Cộng Sản lúc ấy còn chưa chiếm giữ được toàn thể Sài Gòn, đã làm gì có thì giờ đưa người đi bắt tác giả và các sĩ quan cấp úy và tá của chế độ cũ để tra vấn ngay trong đêm 30/4/1975).

... tôi lanh lẹ trả lời hắn:

- Thưa anh! Cha tôi làm Chánh Tổng thật, nhưng bản thân các cụ thật nghèo túng. Tôi xin xếp các cụ vào thành phần vô sản chuyên chính ạ.

Tên CS giật bắn người, y như thể hắn mắc chứng phong đòn gánh. Hắn xỉa xói vào mặt tôi la lớn:

- Thằng này phản động quá, dám 'nếu náo' xếp bố mẹ nó vào thành phần vô sản chuyên chính. Giai cấp chỉ dành riêng cho các lãnh tụ Đảng như bác Hồ kính yêu, đồng chí Lê Duẩn, Đồng, Giáp, Chinh... kính mến.

Hay như khi tác giả cho biết sau sáu năm bị tù trong các trại tập trung, ông đã may mắn được thả về với gia đình, nhưng vẫn còn bị quản chế 12 tháng và hàng tuần phải trình diện Công An nơi cư ngụ để viết báo cáo những việc trong tuần. Trong báo cáo đầu tiên, tác giả Phạm Quang Giai cho biết ông đã báo cáo năm điều, gồm có việc một viên Thiếu Tá Cộng Sản làm việc tại Bộ Tư lệnh Quân Khu 7 đem lính CS về nhà làm việc riêng và chợ búa (sic!), việc con cái các ông lớn tại Quân Khu 7 phá làng phá xóm, chơi xì ke ma tuý (sic!), việc tên cán bộ cửa hàng quốc doanh góc đường Nguyễn Văn Trỗi và Huỳnh Quang Tiên là gian thương (sic!), việc ông Thủ Phó CA Quận Phú Nhuận can tội buôn lậu bạch phiến (sic!), và việc tổ mậu dịch quốc doanh trước nhà thờ Ba Chuông ăn chơi phè phỡn, mỗi tên bao che cho hai, ba gái làng chơi (sic!). Bản báo cáo được tác giả Phạn Quang Giai nhớ lại, và trịnh trọng ghi nơi hai trang 547 và 548. Nay xin ghi lại ở đây để độc giả nào tin được thì... tin!

Trại Cải Tạo đã đành là tên một quyển hồi ký về thời gian tác giả bị giam hãm trong các trại tù tập trung, nhưng đầy dẫy những sự hoang tưởng như vài thí dụ nêu trên. Nó khó có thể, như tác giả trịnh trọng mong ước, nguyên văn nơi trang 1, là *"đóng góp được phần nào cho chính nghĩa sáng ngời của tập thể tù nhân chính trị miền Nam trong các lao tù Cộng Sản Hà Nội?!"*

Cũng mong chi tiết mà tác giả Phạm Quang Giai khoe ngay nơi đầu sách là hồi ký của ông đã được các đại học lớn của Mỹ đặt mua hàng trăm cuốn, riêng UCLA đặt mua 30 cuốn, chưa kể việc sách đã được phổ biến sâu rộng trong các cộng đồng người Việt tại Hoa Kỳ, Âu Châu, và Úc-đại-lợi, vân vân cũng có giá trị như nội dung của chính bản hồi ký! Nghĩa là chuyện này không xẩy ra, kẻo những độc giả gốc Việt nơi các đại học Hoa Kỳ lại có dịp nhìn lớp đàn anh với con mắt tiêu cực vì thiếu tin tưởng!

Những Bước Chân Tù (California, 1989, 190 trang) của Chánh Trung có mục đích khiêm nhượng hơn hai hồi ký trên. Theo tác giả, đây chỉ là một bản phúc trình, mà là một bản phúc trình thiếu sót, về tình trạng lưu đầy trong chế độ lao tù của Cộng sản.

Tác giả cũng cho biết ông được phụ trách y tế trong trại tập trung, dụng cụ chỉ là một dao lam, nhưng đã phải mổ xẻ bất cứ một ung nhọt nào với phương pháp tam vô: vô tê mê, vô trùng, và vô hậu quả!

Tác giả xuất thân là y tá, gia nhập quân đội khoảng năm 1955 tại Trường Trung Đội Trưởng Huế (?). Chức vụ cuối cùng của ông là Thiếu Tá Trưởng Ty An Ninh Quân Đội, tiểu khu Gia Định.

Ông tỏ ra là một con người cẩn thận, nhưng rất linh hoạt và tháo vát. Tên thật là Nguyễn Đức Sỹ, ông có hiệu là Chánh Trung lấy từ tên làng Mỹ Chánh ở miền Trung. Ông còn có biệt hiệu là Sỹ chó vì hồi làm ở tiểu khu Gia Định, ông mở một cửa hàng bán thịt chó. Vào tù ông lại có thêm tên Sỹ chuột vì ngay khi vào trại tập trung hồi tháng 6 năm 1976, ông đã làm bẫy để bắt chuột cống ăn thịt.

Khi trình diện vào trại tập trung ở Sài Gòn hồi tháng 6 năm 1975, ông đã nghĩ ngay đến việc giả làm nghề cắt tóc để có dịp lân la đi khắp nơi dò la tin tức để sử dụng khi cần sau này. Việc cần đây là viết lại những sự việc xẩy ra trong trại tập trung. Do đó, khi vượt thoát được đến trại tỵ nạn ở Indonesia năm 1985, ông bắt tay ngay vào việc viết hồi ký, kể lại diễn tiến quãng đời tù tội của ông suốt từ ngày 15/6/75 khi trình diện ở trường Taberd, qua Long Giao (16/675 đến 27/11/75), Tân Hiệp (27/11/75 đến 26/6/76), đến Hoàng Liên Sơn (27/6 đến 26/2/78), rồi qua bên Công An ở Trại Cải Tạo 6 Thanh Chương, Nghệ Tĩnh (26/2/78 đến 26/8/82), và Trại Cải Tạo 3 Tân Kỳ, Nghệ Tĩnh (26/8/82 đến 19/5/84).

Những gì tác giả Nguyễn Đức Sỹ ghi lại đã không có tài liệu viết đầy đủ để làm bằng. Nhiều phần ông chỉ căn cứ vào trí nhớ của mình mà viết nên không tránh khỏi những nhầm lẫn, sai lạc, hay thiếu sót mà chính ông cũng đã thú nhận. Nhưng những gì ông ghi đã được ghi một cách thận trọng, thường căn cứ vào những gì ông "thấy" chứ không phải những gì ông chỉ "nghe." Độ chính xác của những sự kiện tác giả trình bầy do đó không thể tuyệt đối, nhưng không phải là thấp. Thí dụ như tiêu chuẩn ăn để mừng ngày Quân Đội Nhân Dân CS 22/12/1977 ở Trại 7 Liên Trại 4 Khu Thác Bà Hoàng Liên Sơn của tác giả được ghi nhận chính xác từng gramme một như sau: 300 gr thịt trâu, 250 gr. gạo, 200 gr. rau tươi, 1/2 bao thuốc lá, 100 gr. đường, và 100 gr. kẹo (trang 80-81). Hay như cuộc khám nghiệm tử thi của cố Trung Tá quân y Võ Khắc Tuy, cố Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm 3 Hồi Lực tự tử đêm 5 rạng ngày 6/7/1976 với những chi tiết cụ thể của cuộc khám nghiệm cùng tất cả tên tuổi và chức vụ của từng người trong phái đoàn điều tra y tế của Ban Giám Thị Trại (trang 56-57). Hay như cảnh mổ ruột dư kinh khiếp do một bác sỹ thủ trưởng quân y trung đoàn phụ trách làm chết Thiếu Tá Nguyễn Văn Kỳ, cố tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn khóa sinh trường Cây Mai (trang 27-28).

Những Bước Chân Tù được thực hiện như một thiên phóng sự, ghi nhận những điều tai nghe mắt thấy của một người bị giam hãm trong các trại tập trung về những gì xẩy ra trong đời sống hàng ngày. Đây không phải là một bản hồi ký với lời lẽ tán dương mình, và kể xấu người.

Nhưng *Những Bước Chân Tù* có một điều lạc lõng là những lời cám ơn của tác giả đối với Trung Cộng nhân danh các tướng lãnh, sĩ quan, và hạ sĩ quan (sic!). Nguyễn Đức Sỹ đã cám ơn Trung Cộng một cách trịnh trọng và nồng hậu nhiều lần vì Đảng, Chính Phủ, và nhân dân Trung Quốc (sic!) đã cứu sống ông và các bạn đồng tù của ông khi họ tấn công qua biên giới năm 1979 (trang 86 và 181).

Sau khi cưỡng chiếm được miền Nam, nhà cầm quyền Cộng Sản đã áp dụng chế độ trại tập trung hiểm độc nhằm đầy ải những người thuộc chế độ cũ một cách vô thời hạn. Chế độ trại tập trung của Cộng Sản không mới mẻ gì. Nó chính là một đòn thù mà những lãnh tụ của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã học được từ chính quyền thuộc địa Pháp tại Đông Dương dưới thời Pháp thuộc. Chính Trần Huy Liệu, người khai sáng ngành sử học mác-xít Việt Nam, đã viết trong loạt bài tựa đề *"Phong Trào Cách Mạng Việt Nam Qua Thơ Văn"* đăng trong tập san *Nghiên Cứu Lịch Sử* ngay từ năm 1961, số 27, trang 23 nguyên văn, "*Từ 1940 đến 1945, dưới thời Pháp-Nhật, bên những nhà tù nhốt chính trị phạm, bọn thống trị Pháp còn có sáng kiến lập ra những trại tập trung để giam giữ những người không thành án nghĩa là không cần qua toà án xét xử... Chế độ của trại tập trung có khác ít nhiều với chế độ nhà tù, nhưng căn bản vẫn là một. Có khác chăng là đời tù thì có hạn, còn ở trại tập trung thì không hẹn ngày về.*"

Chính vì thế, nếu muốn nêu lên sự tinh vi hiểm độc của chính sách các trại tập trung, người ta chỉ cần tả lại một cách trung thực những sự việc thực sự xẩy ra triền miên từ ngày này sang ngày khác, từ tháng này sang tháng khác, từ năm này sang năm khác... chớ đừng tưởng tượng thêm thắt gì. Bởi vì những chi tiết không thực sẽ chỉ làm cho độc giả không còn tin những gì khác trong sách họ viết, dù những gì họ viết có phản ánh sự thực đến thế nào! Đó là lý do nếu muốn biết sự thực về trại tù tập trung dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam, độc giả nên tìm đọc *Chuyện Kể Năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn xuất bản năm 2000 tại Việt Nam và bị thu hồi ngay, nhưng đã được liên tục tái bản ở Hoa Kỳ và Gia-nã-đại trong hai năm 2000 và 2001.

Alameda, tháng 1 năm 2002

Kỳ tới:

2/ Giới Cựu Quân Nhân: Các sĩ quan cấp úy

SỢI TƠ NHỆN

GIỚI-XUYÊN LONG-CHI-GIỚI
(Akutagawa Ryùnosuke)
NGUYỄN VĂN THỰC *dịch*

Giới Xuyên Long Chi Giới (1892 - 1927) là tác giả tiên phong, và là nhà văn hàng đầu của nền văn chương hiện đại Nhật, kiểu như Nhất Linh, Khái Hưng bên mình. Giải văn chương hàng năm lớn nhất của Nhật mang tên ông. Truyện này trích dịch từ Giới-Xuyên Long- Chi-Giới toàn tập, xuất bản năm 1977, tại Đông Kinh.

1.

Vào một ngày kia, Đức Thích Ca thong dong đi dạo một mình bên bờ một đầm sen. Sen đang độ nở rộ. Hoa trắng như ngọc, và từ giữa những nhụy vàng kim kia, làn hương thơm tho khôn xiết lan tỏa không ngơi quanh hồ. Cực lạc ư, có lẽ là một buổi sáng như thế này đây!

Thế rồi Đức Thích Ca dừng chân lại bên đầm, và bỗng nhiên ngài thấy ở khoảng giữa những lá sen đang phủ mặt nước có gì đó đang máy động phía dưới đáy. Hóa ra đó là đáy Địa Ngục, cho nên có thể thấy, qua làn nước trong như thủy tinh, cảnh sắc của sông Ba Nẻo, của núi Kim Đâm, rõ mồn một như đang nhìn qua ống nhòm vậy.

Và cảnh một người đàn ông tên là Kiện Đà Đa cùng những tội nhân khác đang quằn quại dưới đáy Địa Ngục đó đập vào mắt ngài. Cái tay Kiện Đà Đa này là một tên đốt nhà giết người. Hắn đúng là một tên đầu trộm đuôi cướp. Nhưng dẫu sao đi nữa hắn ta cũng đã làm được một điều thiện. Chuyện như thế này: Một ngày kia, khi đi qua một cánh rừng sâu, thấy một con nhện đang bò ra giữa đường, hắn bèn giơ chân lên tính đạp, nhưng lại nghĩ: "Í chà, í chà, con nhện này, tuy nhỏ bé, nhưng cái mạng của nó nào có khác chi ta! Khi không khơi khơi lấy mạng nó, quả là tội nghiệp cho nó lắm!"; và hắn ta chẳng nỡ giết.

Khi Đức Thích Ca nhìn thấy những cảnh tượng dưới đáy Địa Ngục như thế, ngài nhớ tới hành vi cứu nhện của Kiện Đà Đa, và ngài nảy ra cái ý thưởng công hắn bằng cách cứu hắn ta khỏi đáy Địa Ngục. May thay, khi nhìn qua bên cạnh, ngài thấy trên lá sen xanh màu cánh chim trả có một con nhện của Miền Cực Lạc đang buông tơ óng ánh bạc ròng. Đức Thích Ca nhẹ nhàng hớt sợi tơ ấy và thòng xuyên qua khoảng trống giữa những hoa sen trắng như ngọc, thẳng xuống tận đáy Địa Ngục.

2.

Các tội nhân và Kiện Đà Đa cùng một nuộc đang ngụp lặn dưới cái đáy hồ máu Địa Ngục. Giữa cái nơi tối tăm không cùng ấy, khi họ ước ao làm sao có một cái gì đó hiện ra họ nhìn cho đỡ khổ, cái gì cũng được, thì họ lại thấy hiện ra ngọn núi Kim Châm sáng loáng khủng khiếp. Như thế, con người nào đâu có bị bỏ rơi! Vùng Địa Ngục quanh núi yên ắng như trong nhà mồ, họa hoằn lắm mới nghe đôi tiếng người, vì đám tội nhân chỉ rên rỉ rất nhỏ. Có lẽ người thế, một khi bị rơi xuống đó, vì hình khổ làm cho kiệt sức, họ chẳng còn sức để khóc lớn tiếng được nữa; nên chẳng lạ gì ngay cả tên đầu gấu như Kiện Đà Đa mà cũng bị hóc nghẹn tưởng như chết đến nơi, và loi ngoi giữa hồ máu như một con ếch mắc dịch. Nhưng, có một lúc tình cờ hắn ngẩng đầu nhìn vào cái khoảng không trên hồ máu, và, ô kìa, hắn thấy giữa vùng tối tăm lặng thinh, một sợi tơ nhện ánh bạc, lóng lánh như một tia sáng nhỏ, từ trên cõi trời xa xa, từ từ, từ từ, cơ hồ rất sợ người ta bám vào, áng chừng đang thòng xuống ngay trên Kiện Đà Đa. Hắn vỗ tay reo mừng: "Phải bám gấp vào sợi tơ này mà trèo ra khỏi chốn Địa Ngục ngay, chơ còn gì nữa! Mẹ cha nó, một khi khéo léo ra khỏi chốn này, thì biết đâu mình lại chẳng lên được Miền Cực Lạc! Được như thế, chẳng những không còn phải bị tống lên núi Kim Đâm, mà rồi chẳng còn phải loi ngoi trong hồ máu này nữa."

Chỉ kịp nghĩ như thế, hắn ta chụp ngay sợi tơ nhện và bắt đầu bươn chải lên từng nấc. Gì chứ chuyện leo trèo là nghề của chàng!

Nhưng khoảng cách giữa miền Cực Lạc và Địa Ngục cả hàng vạn dặm chứ đâu có ít, cho nên dù

vội vàng cách mấy đi nữa, leo lên đó cũng không phải là chuyện dễ dàng gì. Mới chỉ trèo lên được chút đỉnh mà một tay anh chị như Kiện Đà Đa cũng đã bắt đầu muốn xỉu; muốn trèo lên thêm, dù một nấc, cũng chẳng đặng. Chịu hết nổi, hắn đành phải nghỉ một chốc; và vừa treo lủng lẳng giữa sợi tơ nhện, hắn ta vừa bắt đầu phóng mắt nhìn xuống dưới xa kia.

Và kìa, sau khi đã cố gắng trèo xa được như thế, hắn thấy cái hố máu mà chính mình lúc nãy mới dầm mình, chẳng mấy chốc đã khuất trong vực tối mịt mùng, tuy nhiên núi Kim Châm khủng khiếp vẫn còn sáng thấp thoáng phía dưới ấy. Một khi đã trèo lên tới khúc này thì chuyện thoát khỏi Địa Ngục có lẽ cũng không còn là chuyện ngoài tầm tay nữa! Kiện Đà Đa bám chặt vào sợi tơ nhện; và khi đã leo lên được mức đó, hắn bèn cười to tiếng, cái tiếng cười đã tắt tự bao năm: "Thoát rồi! Thoát rồi!" Nhưng ngay lúc ấy hắn ta thấy, ngay phía dưới hắn, vô vàn tội nhân cũng đang bươn bả trèo lên theo. Thấy thế, Kiện Đà Đa vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng, miệng há hốc như thằng khùng, chỉ còn đôi mắt là còn máy động. Một mình cái xác hắn sợi tơ nhện mong manh này còn trụ dám còn không nổi, huống hồ với cơ man những tội nhân khác đang bám vào như thế kia! "Nếu lỡ cái sợi tơ nhện này mà đứt thì, dù mình có leo lên được tới mức này đi nữa, rồi cũng lại rơi lộn nhào trở lại xuống cái Địa Ngục dưới kia cho mà xem! Như thế thì đúng là đại họa!" Tuy nhiên, trong khi hắn nói như thế, hằng trăm hàng ngàn tội nhân vẫn hăm hở leo lên nhờ sợi tơ nhện mong manh, lấp lánh. Đến lúc này thì sợi tơ nhện có thể đứt ra làm hai bất cứ lúc nào. Thấy vậy, Kiện Đà Đa la toáng lên: "Ê, cái bọn người tội lỗi kia, cái sợi tơ này là của riêng tớ chứ có phải của mấy người đâu! Khi không các người lại chụp dựt leo trèo như thế kia!? Liệu mà tụt xuống cho mau! Tụt xuống cho mau!"

Ngay khi Kiện Đà Đa ngoác miệng la như vậy, sợi tơ nhện, từ hồi đó đến giờ chẳng hề hấn gì, bỗng đứt nghe cái "bựt" ngay chỗ hắn đang treo tòng teng. Cho nên, chính hắn cũng chẳng còn bám vào sợi tơ nhện đặng; và Kiện Đà Đa, chẳng chờn vờn được, dù trong một giây, mà cắt gió, rơi lộn đầu, quay mòng mòng như chong chóng, đâm xuống đáy tối tăm.

Cuối cùng, chỉ còn lại đoạn tơ nhện lóng lánh mỏng manh của Miền Cực Lạc treo giữa thinh không không trăng không sao.

3.

Đức Thích Ca đứng bên bờ đầm nhìn từ đầu tới cuối sự việc, nhưng, sau khi Kiện Đà Đa chìm ngỉm xuống hồ máu như một tảng đá như thế, thì ngài, mặt tuy dàu dàu, nhưng lại vẫn bắt đầu thong dong dạo bước. Chính ngài đã cố gắng đưa Kiện Đà Đa ta ra khỏi Địa Ngục, nhưng rồi chỉ vì cái lòng không biết thương người của hắn, hắn phải lãnh cái hình phạt xứng với tà tâm, đó là rơi trở lại Địa Ngục. Một khi đã thấy tận mắt như thế, ngài còn có vẻ chẳng băn khoăn gì nhiều.

Và hoa sen giữa hồ sen của Miền Cực Lạc chẳng vì sự cố mà rủ lá. Những đoá sen trắng tựa ngọc kia, đài hoa cứ vờn quanh chân Đức Thích Ca, tỏa hương thơm khôn xiết loanh quanh. Và nơi Miền Cực Lạc ấy cũng chưa đến giờ ngọ.

Ngày 16 tháng Tư năm thứ 7
đời vua Đại Chính (1919)

Chú Thích

* Sông Ba Nêo: (tên chữ Hán: Tam Đồ chi Hà) Tên của một con sông mà người ta tin là tội nhân phải qua sau khi chết.

* Núi Kim Châm: (tên chữ Hán: Châm Chi Sơn). Người Nhật dùng nhiều chữ Hán như người Việt mình.

PHẠM VŨ

Nhạc Sĩ Sáng Tác & Hòa Âm

Tel: (714) 839-5227

CD và CASSETTE đã phát hành:

1. Tình Yêu Đã Chết
2. Mộng Du
3. Tin Nhạn
4. Sầu Mộng I
5. Sầu Mộng II

Nhận hòa âm cho ca và dàn nhạc

Nhạc và lời hòa âm: PHẠM VŨ

Với các giọng ca: Kim Tước, Mai Hương, Duy Trác, Quỳnh Giao, Jo Marcel và Hà Thanh

Mọi liên lạc để mua CD và cassettes trên xin đến các Trung Tâm Băng Nhạc hoặc xin liên lạc trực tiếp

Nhạc sĩ Phạm Vũ (714) 839-5227

CÁCH ĐẤT LIỀN BỐN MƯƠI HẢI LÝ

TRẦN NGỌC TUẤN

Tặng Nguyễn Lê Hồng Hưng

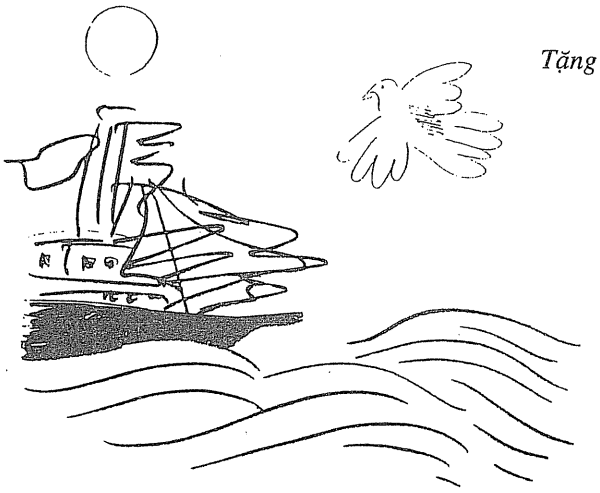

Tôi bị đuổi khỏi trường Đại Học Hàng Hải vào năm cuối cùng. Nói theo ngôn ngữ nghề nghiệp là tôi... "chết đuối trên bờ."

Về nguyên nhân, tôi thấy không cần thiết phải kể ra đây, bởi lẽ, tôi sinh ra và lớn lên trên một đất nước vốn có nền văn học sướt mướt. Thêm chút nước mắt mà bạn đọc đã khóc nàng Kiều và các nhân vật X, Y, Z chỉ làm ngập lụt ngòi bút những nhà phê bình mẫn tiệp đang gò mình cố gắng tìm chỗ khô ráo cho các tác phẩm mang tính chiến đấu.

Chia tay với lũ bạn, tôi lấy giọng tráng sĩ Kinh Kha (ra đi không trở lại):

"Chúng mày cố xây dựng nền hàng hải Việt Nam ngang bằng với Lào, Thái Lan..."

Thằng Tiên ngắt lời:

"Còn nước nào mày kể nốt ra."

Tôi trả lời chẳng cần suy nghĩ:

"Mỹ!"

Cả bọn phá lên cười.

Thiên bảo:

"Muốn vậy, mỗi thằng ngồi đây phải làm đấm một triệu con tàu..."

Về lại nơi sinh ra, chiều nào tôi cũng ra biển ngắm sóng lẩm nhẩm đọc đoạn văn viết từ năm thứ nhất...

"Ta sinh ra trong rừng đêm nhiệt đới chỉ quen những ao hồ tù túng, một ngày mẹ dặn ta rằng phải nhìn thấy biển. Mười tuổi đầu ta mới dìm đôi chân nhỏ bé trong làn biển nước xanh, biển ve vuốt chân ta trìu mến, sóng kể chuyện phiêu lưu, ta biết ta là hữu hạn mà biển là vô cùng.

"Tự ngàn năm biển vẫn ôm bờ đất, muốn hiểu biển phải thuộc gia phả của bao đời thủy thủ và nghe rành khúc hát ngư dân.

"Sử nước ta bắt đầu từ khi Lạc Long Quân và mẹ Âu Cơ đem con lên rừng xuống biển (Ôi! Âu Cơ mà nghe như Âu Ca)...

"Biển là mẹ đừng bao giờ bỏ biển. Gã trai chài bị biển khước từ chắc sẽ có lần thèm ngửi lại mùi rong rêu trên luống biển và nghe khúc hát mặn mà của nàng tiên cá..."

Thấy tôi giống kẻ mất hồn, bác Dương bảo:

"Tao sẽ gửi mày đi theo tàu Lý Lăng buôn hàng sang Trung Quốc."

Lý Lăng người gốc Hoa. Gã tự giới thiệu là hậu duệ một bộ tướng tâm phúc dưới trướng thủ lĩnh giặc cờ đen Lưu Vĩnh Phúc. Tôi không quan tâm tới chi tiết này. Bởi lịch sử nước mình rất mù mờ, kể cả ở các bậc được gọi là vĩ nhân.

Dáng dấp Lý Lăng toát lên vẻ hải hồ, nhìn gã ta ngửi thấy mùi biển, mùi máu. Nhưng ngược lại gã hiền như cá heo. Khi nào gã xúc động thì cái nốt ruồi mọc giữa huyệt nhân trung chuyển sang màu đỏ. Thỉnh thoảng tôi hay vào phòng Lý Lăng. Tiếng làm thuyền trưởng mà phòng gã cực kỳ giản đơn, vật trang trí duy nhất là chữ Tâm bằng chữ Hán viết mực tầu in trên giấy dó. Dựng sát đầu giường, chiếc bơi chèo bằng sắt, một tấm lưới gắn các chùm lưỡi câu đồng đen cực bén, mọi người kháo nhau hai thứ đó là võ khí lợi hại gã dùng trong trường hợp phải cận chiến. Lý Lăng

không tuân thủ theo các khế ước bất thành văn của dân sông nước. Gặp người sắp chết đuối, gã bất dừng tàu và nhảy xuống cứu, gã bảo: "Kẻ ích kỷ thường bao biện thần biển sẽ trừng phạt những ai cứu người sắp chết, bởi đó là đồ tế lễ. Không phải vậy đâu, tàu thuyền thuở xưa chật chội, lương thực mang theo ít ỏi, họ phải trí trá như vậy để che đậy sự bần tiện, nhẫn tâm vô sỉ..."

Về điểm này, tôi thấy gã có lý.

Gã hỏi tôi:

"Trong trường họ dậy cậu về biển thế nào?"

Tôi bảo:

"Phải chế ngự nó."

Gã làu bàu:

"Vớ vẩn! Thiên nhiên khó mà chinh phục được. Thằng điên nào nói câu đó vậy?"

Tôi trả lời:

"Ông Marx! Ông ta không điên đâu."

Gã cười:

"Không điên thì ngông cuồng. Ai mà tin thì chỉ có chết. Cậu nhìn kìa!"

Gã chỉ tay xuống biển đang ngả màu tím sẫm:

"Lúc trước, tôi cũng nghĩ vậy, để rồi vợ con nằm cả ở dưới đấy..."

Gã ngừng nói, cái nốt ruồi ở huyệt nhân trung chuyển sang màu đỏ...

... Tàu chúng tôi buôn mèo, trầm hương, thảo quả, quế chi sang Trung Quốc và buôn phụ tùng xe đạp, máy may, xe máy... ngược về.

Cách hải phận Trung Quốc không xa, tàu thường ghé đảo Mây - đảo cách đất liền 40 hải lý. Đảo giống hình chiếc khuy nhỏ nhoi trên tấm áo đại dương. Dân cư khoảng hơn hai trăm nóc nhà. Anh Tấn - cựu đặc công thủ nói với tôi: Sống nơi này lâu tao điên mất. Thật vậy, so với cư dân trên đảo, thì chó phải gấp mười lần. Chỉ cần mấy bao thuốc lá đổi được một con chó. Tàu tuần tra hải quân hình như cũng chẳng muốn vòng vo quanh đảo, vì vậy có thể nói, đây là thế giới an lành.

Anh Tấn bảo:

"Mày biết không? Cả đời tao chưa bao giờ được ngắm bình minh."

Tôi hỏi:

"Tại sao?"

Anh Tấn trả lời:

"Khi chưa đi bộ đội, tao làm công nhân mỏ phải chui dưới hầm đào than, làm ca đêm, ngày ngủ thì làm sao thấy được mặt trời mọc. Lúc vào lính ngày ngủ dưới hầm, đêm mò vào đồn, bây giờ đi buôn lậu, ngày ngủ đêm thức thời gian đâu mà ngắm bình minh..."

Nghe anh Tấn kể, tôi cố hiểu nhưng không giải thích được. Hồi ấy, tôi còn trẻ nên chẳng mấy khi băn khoăn về nỗi niềm uẩn khúc trong số phận mỗi con người, sau này tôi phải day dứt nhiều về sự hời hợt ấy. Thời gian lưu lại trên đảo Mây lấy thêm nước ngọt, tìm ra kẽ hở tàu tuần tra để hàng hóa trót lọt kéo dài ba tới năm ngày là cùng. Lúc hết việc tốp thủy thủ lang thang tới nhà ngư dân nói chuyện.

Đảo sặc mùi cá biển, loài thảo mộc mọc nhiều trên đảo là xương rồng và cây chó đẻ (hai giống cây vô tích sự). Anh Tấn nói:

"Ngay tên cây đã đầy vẻ bịp bợm. Chó làm sao đẻ ra cây, mà cũng chẳng có rồng sao biết đấy là xương."

Tôi bảo:

"Gọi vậy cho nó có hình tượng..."

"Đừng đem cái giọng thằng trí thức thất sủng ra nói với tao. Chỉ ở trong nghệ thuật mới cần hình tượng, còn mọi thứ ngoài đời tục tĩu bỏ mẹ! Tao cũng có làm thơ đấy..."

Bài thơ anh Tấn làm tôi không nhớ hết, bài thơ đó mang tên: Không Được Ai Vuốt Mắt.

Cánh diều tuổi thơ tôi chết đứt giây
Chỉ có gió vô hình dùng vuốt mắt
Ngày tôi đi lính em lấy chồng
Trái tim tôi không được ai vuốt mắt
Không nhìn thấy bình minh suốt thời tuổi trẻ
Tôi làm thợ đào than
Than đen!
Có nghìn ức tuổi
Chiến tranh cũng mầu than
Tôi ngủ dưới hầm
Ra khỏi hố lúc nhọ mặt người
Cũng chẳng thấy mặt trời ló dạng
Giờ lang thang ban đêm trên biển
Bình minh khuất dạng nơi nào?
Ai sẽ vuốt mắt cho tôi ?
Câu hỏi ấy xoáy vào lòng mỗi tối...

... Lý Lăng chỉ tay vào thằng bé khoảng mười sáu tuổi đang gò mình cõng sọt cá nặng trĩu:

"Cậu nhìn kìa! Nom hiền lành vậy mà từng giết người từ năm mười hai."

Tôi lân la làm quen với nó, sau nhiều lần ghé đảo tôi đánh bạo hỏi:

"Sao em lại giết người, mà giết ai vậy?"

Thằng bé trả lời:

"Tui có giết người đâu, tui lấy dao mổ bụng

em tui ra xem có giống bụng cá không!"

Tôi thuật lại cho Lý Lăng nghe, nốt ruồi giữa huyệt nhân trung của gã đỏ lên, gã bảo:

"Tôi được chứng kiến nhiều vụ án còn khủng khiếp hơn ở ngay các chốn văn minh nơi đô thị. Những kẻ sát thủ đi xe đời mới có máy điều hòa nhiệt độ, chúng không giết một người, không mổ bụng ai cả..."

Tôi ngắt lời:

"Như vậy có gì mà khủng khiếp?"

Lý Lăng bảo:

"Giết bằng chữ ký, chết dần chết mòn cả giòng họ. Như cậu cũng tàn cả đời vì chữ ký đó thôi, cần gì nhìn đâu xa."

...Cư dân trên đảo có vẻ nể sợ Lý Lăng. Cụ già coi đền thờ cá voi nói với tôi và anh Tấn:

"Cách đây vài chục năm, ông ấy là con cọp trên biển đấy."

"Thế còn trên đất liền hay trên đảo?"

Anh Tấn hỏi. Cụ già trả lời:

"Là thánh nữ mang khuôn mặt đàn ông."

Đua thuyền - ngày vui vẻ nhộn nhịp nhất của người dân trên đảo, cách thức đua tôi chưa từng thấy ở bất kỳ nơi đâu. Cả đoàn thuyền vài chục chiếc sắp hàng ngang, mỗi chiếc thuyền ba người, hai người chèo, một người phóng lao, mục tiêu là những tấm ván nhỏ đẽo hình các giống cá trồi lên trụt xuống trên sóng biển. Thuyền nào về đích sớm, phóng lao trúng nhiều mục tiêu được thưởng cái đầu trâu vừa cắt rời khỏi thân vẫn còn ròng ròng máu. Tôi đã được chia sẻ phần thưởng ấy ngay tại nhà thằng bé từng mổ bụng em nó để xem... "có giống bụng cá không..." dưới ánh sáng chập chờn của ngọn đèn thắp bằng mỡ cá.

Nơi góc nhà, lân tinh trong đống mai mực hắt ra xanh lè, bố nó, người đàn ông đoạt giải kiệm lời lặng lẽ tiếp rượu cho tôi, còn thằng bé dùng con dao cắt chão thuyền sắc lẻm lóc từng miếng thịt đầu trâu vừa luộc xong còn bốc khói cho vào miệng nhai trệu trạo.

... Bố thằng bé lên tiếng:

"Không có Lý Lăng thì đời tôi bồng bềnh nổi trôi như con sứa, trắng tay như dã tràng."

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

LA DERNIÈRE ROSE DE L'ÉTÉ

Tặng Nguyễn Mạnh Hùng

Buổi sáng đã có người mặc áo len
ngồi trong phòng đợi – khách sạn M. ở Hà Nội
mặt bàn vuông
một chiếc bánh lưỡi liềm óng mật
ly cà-phê đen bốc khói
đóa hoa hồng đỏ như một đốm lửa
kỷ niệm vang đầy trong nắng
một ngày hè rất muộn
bâng khuâng

Người đàn bà ngồi trong chiếc ghế bành
nệm nhung đỏ
hai bàn tay xếp dịu dàng trên áo lụa
mượt mà
một chút phấn hồng trên má
một chút son trên môi
đường lông mày kẻ chì rất đậm
và đôi mắt mơ hồ nhìn vào dĩ vãng
Tưởng có hương thơm của phấn
hương thơm của thịt da
hương thơm của đôi ta
ngọt ngào trên đầu lưỡi...

Một ngày rất xa, tôi đã hôn em
Một ngày rất xa
em
đã
xa tôi.

15-11-01

Đêm - ông kể cho tôi nghe về một phần đời...

"Hồi ấy, tôi phụ trách hai chiếc tàu chuyên chở vũ khí, thuốc men, lương thực từ Bắc vào Nam, cuộc chiến bấy giờ đang vào điểm quyết liệt, mười chuyến đi lọt được một. Trên đầu máy bay từ các hạm đội Mỹ lượn suốt ngày đêm, ra khỏi hải phận thì đụng phải tàu chiến cày ngang dọc trên biển. Thế rồi việc gì đến phải đến tàu tôi chạm thủy lôi, sức ép làm tôi bất tỉnh may mà mặc áo phao trước đó nên thoát khỏi làm mồi cho cá. Trôi giạt suốt đêm tưởng cầm chắc cái chết thì gặp tàu Lý Lăng.

"Thời gian đó Lý Lăng hành nghề hải tặc, gã tấn công vào các thuyền vận tải của nhà nước. Lý Lăng có một nguyên tắc bất di bất dịch - không cướp bóc thuyền ngư dân. Gã khôn ngoan, mưu lược, tránh đúng độ với tàu hải quân, ngoại trừ khi bị truy đuổi, bị dồn vào bước đường cùng. Với cách đánh táo bạo, lì lợm, khi tàu hải quân áp sát bắt đầu hàng, gã mới tung đòn quyết định. Đám thuộc hạ và Lý Lăng toàn là dân giang hồ cực giỏi khi đánh cận chiến nên chưa bao giờ bị thất bại. Tôi đã tận mắt thấy Lý Lăng cắt gân chân thuyền trưởng một chiếc tàu hải quân khi ông này bị bắt giữ, ông ta mắng Lý Lăng: Tổ quốc đang bị xâm lăng không đi bộ đội giải phóng miền Nam mà lại đi ăn cướp. Lý Lăng mắng lại: Chỉ huy như mày còn thua cả tao, súng ống đầy tàu cũng vô tích sự, mấy hòn đảo trên hải phận Việt Nam bị người Trung Quốc cho di dân tới để chiếm đất mà chúng mày câm miệng hến, thì đòi giải phóng tổ quốc cái con mẹ gì!

"Sau khi thu hết vũ khí, lương thực trên tàu, Lý Lăng cắt gân chân ông thuyền trưởng, gã nói: Cho mày cái danh hiệu thương binh..."

Tôi hỏi:

"Thế luật pháp không làm gì được Lý Lăng sao?"

Bố thằng bé trả lời:

"Hồi đó đang chiến tranh còn nhiều việc khiến nhà nước quan tâm hơn. Sau này Lý Lăng mai danh ẩn tích một thời gian dài, thay đổi hình dạng rồi chuyển sang buôn lậu thì có thánh cũng chẳng lần ra, vả lại dân giang hồ trên biển tuy ăn to nói lớn nhưng kín miệng..."

"... Còn bác thì theo Lý Lăng từ thời gian đó?"

"Tôi chán tất cả, chiến tranh kéo dài số phận bấp bênh, quay về đất liền dễ mang tiếng không hoàn thành nhiệm vụ..."

Bố thằng bé thở dài. Ông nói tiếp:

"Cũng có chút nghĩa tình trong đó, Lý Lăng cứu mạng tôi và, sau này còn giúp tôi nhiều việc nữa. Đảo Mây lúc trước toàn ngư dân Trung Quốc ở. Lý Lăng bàn với chúng tôi, gã nói: Đánh trận cuối cùng nhé, giành lại đảo này cho người mình, sau trận này vất hết vũ khí... Chúng tôi chiếm đảo chẳng khó khăn gì, Lý Lăng lùa hết dân trên đảo lên thuyền cho họ lương thực và mang theo toàn bộ tài sản bắt họ trở về Trung Quốc..."

"Lý Lăng là người gốc Hoa kia mà!"

Tôi thắc mắc. Bố thằng bé trả lời:

"Lý Lăng nói với mọi người. Tôi sinh ra trên mảnh đất này nên phải có nghĩa vụ. Khi chiếm được đảo, việc đầu tiên Lý Lăng làm là bỏ tiền của xây nhà cho đám thuộc hạ giải nghệ, mua sắm thuyền bè, ngư cụ tạo điều kiện cho họ hoàn lương. Tôi lên đảo từ dạo ấy, dân cư đông dần lên toàn những thành phần bị đất liền ruồng bỏ, tứ cố vô thân, không còn đất sống, các tay giang hồ mãi võ, đầu gấu, anh chị... Được cái khi nhập cư rồi họ hiền còn hơn các nhà tu hành đắc đạo. Chúng tôi không muốn quan tâm tới thế giới bên ngoài, hành xử theo luật lệ riêng của mình, thằng con nhà tôi mổ bụng em nó chẳng qua là vì tò mò, nó không có tội - nguyên nhân tội lỗi ở kia kìa!"

Ngón tay bố thằng bé chỉ vào cõi đêm thăm thẳm xa xăm...

Tôi bị cơn sốt vật ngã nên phải nằm lại đảo. Trước lúc nhổ neo anh Tấn tới thăm tôi, anh bảo:

"Cứ nằm đây cho khoẻ, mấy bữa nữa bốc xong hàng tàu quay lại đón. Lý Lăng nhắn phần lãi vẫn chia đều cho mày. Lần này may ra tao sẽ được nhìn thấy bình minh vì tàu khởi hành vào rạng sáng."

Đêm hôm sau, biển động mạnh, nằm trong nhà nghe tiếng sóng dữ dội, gió gào như ác thú, tôi trằn trọc không làm sao ngủ được. Hai ngày sau biển lặng, tôi dứt cơn sốt - gượng dậy đi ra bờ biển.

Trời biển trong veo, xanh thẳm, mấy con chim hải âu chấp chới trên ngọn sóng hiền lành. Tàu của chúng tôi vẫn chưa thấy về...

Ông cụ trông đền thờ cá voi thấy tôi ngày nào cũng ra biển ngóng dáng vẻ bồn chồn, sốt ruột. Ông nói:

"Cậu cứ yên tâm, Lý Lăng là con thủy thần, ông ấy sẽ quay về bình yên, đời ông đã vượt qua bao nhiêu bão tố, cơn vừa rồi là cơn bão còi cậu ạ! Nếu cậu muốn về tôi sẽ gửi theo tàu đánh cá, ngày nào họ cũng ghé đây đổi gạo, từ đây vào đất liền chỉ có bốn mươi hải lý thôi, chứ xa xôi gì."./.

NỘI NGOẠI

AN PHÚ VANG

Tôi có người cậu họ quậy sập trời thời đi học. Lớn lên đi lính về Sư Đoàn 3 Bộ Binh, đóng ở rừng núi Quảng Nam, cậu quậy tiếp. Về phép bệnh viện, phép "tự ký" cậu hay ghé thăm mẹ tôi. Bà ta cứ nhìn người em họ, lắc đầu hoài.

Có hôm cậu mang bạn về. Hai người cùng đơn vị với nhau. Anh đó người Huế, thiếu úy đại đội trưởng. Vì đường xá xa xôi, phương tiện di chuyển giữa Đà Nẵng - Huế hơi khó khăn nên anh không tiện về thăm nhà ngoài đó. Chẳng biết sao tôi nhớ anh lính này hoài. Anh ta dong dỏng cao, dáng nghệ sĩ. Buổi chiều ở hiên nhà mẹ tôi, đôi khi anh líu lo bài Ly Rượu Mừng. Anh hát thiết tha lắm như mượn lời ca gửi gấm gì về bên kia đèo ải. Đến đoạn "kìa nơi xa xa có bà mẹ già, từ lâu trông con mắt hoen lệ nhòa..." mắt anh buồn thiu. Nỗi buồn mà những ngày nằm núi nằm rừng ngoái về cố hương tôi mới cảm được. Thì ra ca sĩ đâu phải chỉ cần "nhất thanh nhị sắc." Một thứ khác quan trọng không kém là hồn, là sống với những gì mình hát!

Một lần tôi nghe anh nói chuyện với cậu tôi: "Đại đội mình chạy... hoài" mà không hiểu chạy gì! Sau này đọc nhiều bài báo, tôi thấy không có sự công bằng của một số người khi họ viết về Sư Đoàn 3 Bộ Binh. Đặc biệt vào những ngày đầu mùa hè đỏ lửa năm 72. Sư Đoàn này có Trung Đoàn 2 Hà Mã, nguyên gốc "đây Sư Đoàn 1/đây sư đoàn giới tuyến." Trung Đoàn 2 Hà Mã đã lừng danh những ngày còn trực thuộc Sư Đoàn 1 Bộ Binh trấn thủ đất Thuận Hóa. Ngày còn nhỏ có dịp về thăm Huế, qua Truồi, qua Dạ Lê nhìn mấy anh lính mang huy hiệu Hà Mã đi hành quân tôi thầm phục. Có lần xe đò Phi Long dừng lại trên đèo Hải Vân. Mọi người có chừng nửa giờ để nghỉ ngơi trong lúc đoàn xe từ Lăng Cô đang lên. Lên và xuống đèo Hải Vân thời đó chỉ có một chiều vì đường hẹp. Ngồi trong xe với mẹ tôi thấy một anh lính mặc đồ hoa, đội nón đỏ đi phép về Huế. Anh đang đứng nhìn núi nhìn biển xa xa. Tôi ngó lén anh hoài như có gì đó thu hút. Có điều gì ngang tàng tiềm ẩn trong con người mặc đồ rằn ri đó. Đây cũng là thời gian Tuổi Hoa hay đăng thơ của Đỗ Tư Long Trần Miên Trường. Nhiều bài anh viết gởi em gái (hình như Thu Phương) còn đi học đâu đó ở Huế. Anh em tôi đọc thích lắm. Sau này Trần Miên Trường chết trận, Tuổi Hoa có số tưởng niệm anh. Cam Ly Nguyễn Thị Mỹ Thanh đã viết một bài rất cảm động. Lúc đó tôi mới biết anh ta ở Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù. Tiểu đoàn "Song Kiếm Trấn Ải" của một đơn vị tổng trừ bị quân lực. Trần Miên Trường tử trận ở Kampuchia.

Lúc nhỏ không hiểu vì sao mỗi lần nhớ đến anh Nhảy Dù đứng trên đỉnh đèo Hải Vân của chuyến về thăm Huế tôi lại nghĩ đến Trần Miên Trường. Nhảy Dù nhập vào đầu tôi từ đó. Lớn lên chút ít, người anh họ ngoài Huế, chì hơn, rủ tôi học võ cho giỏi để lên đèo Hải Vân kiếm ngọn núi nào đó lập môn phái. Chuyện đó thì không làm được rồi vì anh họ tôi "mết" một con bé trong lớp Thái Cực Đạo. Cô ta mang đai đen tam đẳng nên anh theo không nổi mà còn bị ăn đá trong lúc tập chung. Không biết anh tôi có tức khi bị dính ngọn cước của cô nhỏ xinh xinh này vào ngực mà anh bỏ học lớp đó. Tối tối anh lén nhà đi học võ Thiếu Lâm với một ông sư trong ngôi chùa ở thành Nội. Hy vọng mối hận đầu đời của ông anh họ sẽ vơi đi khi mỗi đêm đều nghe tiếng kinh tiếng mõ dầu không muốn.

Lớn lên tôi cũng vào lính. Từ đó tôi bặt tin người cậu họ sau lần gặp mặt cuối cùng ở nhà mẹ. Cậu "bị thương" đứt ngón chân cái. Vậy là được giải ngũ rồi! Vậy là tự hủy hoại thân thể chứ còn nói gì nữa. Ông cậu quậy số một của bên ngoại dở ẹt!

Thành ra cậu Tri một người bà con khác không có cơ hội học hành nhiều lại khá. Cậu Tri đi lính Sư Đoàn 1 Bộ Binh từ ngày chiến tranh còn trứng nước. Hai mươi năm đủ để cậu tôi lội hết núi rừng tây nam Huế với đôi chân người lính. Cấp chỉ huy muốn cho cậu về làm việc ở hậu cứ nhưng chịu. Cậu không biết nhiều chữ! Thế đó ba lô trên vai, súng cầm tay cậu đo tiếp núi rừng đất Thuận Hóa. Cuối năm 74, cậu Tri bị thương nằm Tổng Y Viện Duy Tân. Nguyên cái chân người lính bộ binh gởi lại đâu đó ngoài Thừa Thiên. Cũng may trời thương cho cậu còn sống. Xuất

viện cậu tôi khập khểnh chống nạng tìm về thăm bà con. Lúc đó tôi thằng nhóc cháu cậu đã ba lô theo đơn vị mình hành quân, "móc dô đi tấp" rồi.

Tôi cũng có người anh bà con bên họ nội. Anh này là dân Quân Y thuộc Sư Đoàn 3 Bộ Binh. Đóng ở Đà Nẵng là nhất rồi nhưng Quân Y không phải là đất để anh tung hoành. Vì sao đó anh bị phạt một cú rất nặng. Bác tôi hỏi ra mới biết anh lạng honda trước đầu xe jeep của tiểu đoàn trưởng dưới phố. Xếp về trừng trị liền. Tức mình anh đào ngũ, ở nhà "ăn báo cô" cha mẹ hơn tháng. Chán quá. Anh đổi giấy tờ tình nguyện đi một đơn vị tổng trừ bị của quân lực. Thế đó, bao nhiêu tiền bác tôi lo cho thằng con trai được ở gần nhà trôi theo sông, theo biển. Được huấn luyện ở trại Vương Mộng Hồng, rồi ra tiểu đoàn 5 Nhảy Dù, anh ngầu thấy rõ. Nhảy xuống được khỏi Chuồng Cu, những ngày học huấn luyện dù thì có nhát cũng thành lì, cũng sẽ tập tành nhậu đế lai rai và nói "cóc cần." Tôi khoái hai chữ cóc cần này lắm. Đến lúc bị tình hành phun ra được thế thôi cũng đỡ nhiều! Anh họ tôi theo chân đứa cháu bà con hát lời ca không chính thức những ngày khổ nhục khi ba lô súng đạn chạy đo đường dài. Sau này gặp lại Trần Quốc Dân bên Công Binh Nhảy Dù, nghe nó xỉn xỉn nghêu ngao với Chàm Mướp nên tôi ghi lại: "Ta là Nhảy Dù/ Không thích đi xe/ Chỉ thích chạy bộ/ Năm mười cây số/ Ta xem là thường/ Nhảy Dù Cố Gắng/ Nhảy Dù diệt thù/ Sát..." Đêm nào tàn tiệc, Chàm Mướp chơi màn chạy bộ, chạy thiệt về nhà mà chẳng cần lên xe. Đó là thời gian cả bọn mới qua Mỹ chừng vài năm.

Ngày miền Trung có vụ tranh đấu của Phật Giáo tôi còn nhỏ. Lấp ló ở ngõ con xóm, tôi tò mò nhìn các anh tiểu đoàn 2 Trâu Điên TQLC lúc đơn vị này ra Trung dẹp biểu tình. Màn xuống đường oái oăm với "bàn thờ" làm chướng ngại vật. Thời gian đó TQLC còn trang bị trung liên "bar". Nhìn tiểu đoàn này, mới thấy cái hùng cái mạnh của lực lượng tổng trừ bị quân lực. Ở quân trường, thằng bạn cùng khóa đưa lý do tại sao nó thích vào TQLC: Vì cái nón "bê rê" xanh! Đội nón này đẹp hơn nón đỏ của Nhảy Dù. Tôi thì bị "lậm" từ bé khi đi xem Nhảy Dù nhảy biểu diễn ở sông Hàn rồi. Sau này đọc "Dọc Đường Số Một," đọc "Mùa Hè Đỏ Lửa" của Phan Nhật Nam thì "lậm" thêm nên trước sau gì cũng chọn Nhảy Dù. Chồng dì tôi, đang ở Quân Y, trực thuộc Kho Y Dược lại cho thêm thuốc bổi. Dượng nói dượng khoái Dù hơn. Chọn mấy đơn vị tổng trừ bị, bị thương có trực thăng bốc về liền! Thì ra lý do của dượng nó như vậy. "Trực thăng bốc về liền" thì hy vọng đỡ bị "rửa cẳng leo lên bàn thờ" xin ké ba tôi chỗ ngồi.

Ba tôi cũng ở quân đội. Ông chết, tôi thành con "Quốc Gia Nghĩa Tử" như những đứa bé không may khác từ ba tuổi.

Kiểm điểm lại quân số trong họ, bên nội bên ngoại tôi dàn hàng ngang cũng có đến nguyên tiểu đội. Mười hai mạng dính nghiệp lính, áo xanh và áo rằn ri.

Sau này tôi có hai thằng em đi bộ đội nữa. Những năm cuối thập niên 70, tụi nó ở vào thế chẳng đặng chừng nên "phải tập đi bộ mà đội!" Sang tới Mỹ theo dạng bảo trợ, hai thằng kể chuyện dài con cháu bác và đảng nghe cười muốn vỡ bụng. Thì ra tụi nó chẳng là cái quái gì mà sao vài tờ báo ở Sài Gòn thuở trước thổi đám bộ đội chính quy lên tới mây xanh. Ra nhà sách Mỹ bên này, dở mấy cuốn có hình nói về chiến tranh Việt Nam mới tức anh ách. Thật sự tôi muốn chửi thề. Mấy tác giả này đem hình tuyên truyền ai nhét vào tay, chụp cảnh bộ đội đứng biểu diễn cầm súng đóng kịch trên xác lính miền Nam ở Hạ Lào. Nhìn là thấy đồ giả! Những lúc đại pháo rơi như "mãn hoa thiên vũ" phần đông ký giả ngoại quốc săn tin ở phòng có gắn máy lạnh đâu tận Sài Gòn thì hình ai chụp, ai đưa để nhờ phổ biến. Những vở kịch này chưa qua nửa hồi đã lòi ra đoạn kết như kịch của Kim Cương thì phải có nước mắt! Tôi gai mắt vất lại cuốn sách nhưng đi về lại thấy thương lính mình.

Mẹ tôi có con cầm súng bên này thời trước, có con bị bắt đi bộ đội bên kia sau 75. Một trong hai thằng ở bộ đội lại là dân quậy. Tôi đi học, mượn được cái "Student Loan", mua quà đóng thùng gởi về giúp mẹ nuôi em. Bà già nhìn thùng hàng chưa nư con mắt, một trong hai thằng bộ đội trong nhà chụp đem bán đi nhậu. Mẹ tôi lại cưng nó, thư từ sang Mỹ chẳng đề cập đến. Nó đâu biết thằng anh ở trường "work study" đứt đừ để kiếm tiền nhà tiền ăn. Bốn chín đô la chia một góc phòng đủ để cái bao ngủ những đêm trở lại từ trường mà nhiều tháng lo chới với.

Nhưng may, hai thằng em tôi đã ở đây; đã được chiêu hồi nên mới có cơ hội theo mẹ đi Mỹ để ôn câu "không gì quí hơn tự do và độc lập." Bên nhà thằng "con mẹ rượt" nào khởi xướng rồi đem câu này ra bắt dân học nằm lòng là thằng bịp thí mẹ. Nó nói chỉ để mà nói chứ mấy chục năm dân ở miền Bắc, mấy chục năm nữa cho dân miền Nam,

thứ tự do mọi người có là tự do ngược!

Mẹ tôi sang đây bà quen dùng vài danh từ nghe chẳng thuận tí nào. Bà già tôi "trung lập hai phần bên kia, tí ti bên này" sau mười bảy năm sống dưới cái chế độ thổ tả. Thì tại vì trong gia đình có hai "ông con" đi bộ đội, một "ông" đi tác chiến thuộc Việt Nam Cộng Hòa. Bỏ lên bàn cân, hai thằng kia là em nên "nặng ký" hơn rồi! Trung lập kiểu đó là "đâm sau lưng chiến sĩ" mẹ à. Ghi lại câu nói chụp được đâu đó có vẻ bình dân mà thấy không gì đúng bằng. Đúng từ trước 75 khi trung lập xuống đường biểu tình. Cũng đúng luôn sau khi mất nước, no cơm ấm cật ở ngoại quốc rồi xin phép nhà nước cho về làm ăn. Tôi không được sống nhiều ở bên nhà của mấy mươi năm làm người nhưng đường tôi chọn, tôi đi. Không đổi.

THU TỪ

SAU MƯA

Bụi đầy hồn, bụi kín trời
Mưa sao chửa xuống cho thôi hạn này
Mưa rừng mưa núi mưa mây
Mưa tim mưa phổi mưa đầy mưa vơi
Mưa – cho sáng đất trong trời
Cho tươi vàng nắng cho ngời lá xanh
Nghìn sao nhấp nháy trên cành
Sông nào cát bụi tan tành dưới chân
Nhé thôi đừng nghĩ xa gần
Cúi xem lòng đã trắng ngần bưởi hoa

Có ngày đứng trong nhà xe, thấy cái áo lạnh của lính mẹ tôi hỏi:

"Cái áo của lính bộ đội này mi không mặc thì cho em đi. Hắn không có áo lạnh."

Tôi nghe giật mình. Cái gì mà bộ đội? Ở Mỹ rồi mà.

"Áo này đâu phải là áo bộ đội mẹ à."

Tôi cãi.

"Cái áo to to màu xanh đó."

Mẹ đưa tay chỉ và cười.

"Áo lính của mình đó mẹ."

"Thì lính nào cũng là lính."

"Đâu được mẹ. Bộ đội tụi nó làm gì có thứ này."

"Thì tao đâu biết."

Nghĩ cho cùng mẹ lại có lý. Lính nào thì cũng là lính thôi dầu hai miền. Những "ông bình vôi" lãnh đạo sao không đi tẩy não học bài yêu thương để chúng nó biết thương dân hơn; để chúng nó đừng đi làm mọi cho những tên chẳng biết nói tiếng Việt.

Tôi qua Mỹ một mình những ngày chưa đến hai mươi tuổi. Vì thế bạn thân là những người nội-ngoại.

Họ hàng nội ngoại tôi bên nhà cũng có người này người khác. Về ngoài nội, nghe cách nói của vài đứa anh bà con, giờ nghĩ lại tôi biết tụi nó bị nhiễm tuyên truyền. Đó là những người anh họ nhỏ tuổi hơn tôi nhiều. Cũng may tụi nó còn ăn cơm bác, cơm chú, cơm thím, cơm o của tôi nuôi. Cơm của lúa gạo miền Nam. Ăn cơm độn sắn và mang khăn quàng cổ màu đỏ của đám "răng đen mã tấu" thì chết tụi mày: "Những quăng quàng đỏ quấn quanh cổ cò." Bên ngoại tôi cũng có người nói ra toàn luận điệu tụi nó nhưng ra đến Đà Nẵng vẫn thích mua và xài đồ của "ngụy". Đến khi cậu Thức và cậu Thì bị mấy thằng du kích xã bắn chết không biết cách nhìn của vài người họ ngoại ra sao. Cậu Thức tôi chưa tới tuổi hai mươi, ra phố làm việc. Cuối tuần đạp xe về quê thăm vợ mà cũng bị ghép tội. Cái lũ du kích cùng làng đêm khuya bắt cậu đem lên núi. Cậu trốn về nửa đường thì bị tụi nó bắn chết, xác vất ngoài đồng. Vài năm sau, cậu Thì đang ngủ ở nhà trong làng thì cùng chung số phận. Nửa đêm bị lôi ra ăn đạn. Tôi mất hai người cậu thân thương. Sau này đụng trận với đám chính quy miền Bắc mới thấy tụi nó đỡ ác hơn đám du kích trốn chui trốn nhũi, gài mìn đắp mô, phá nát xóm làng.

Nội-ngoại-nhận-càng của tôi ở Mỹ không nhiều. Thời gian sau có thằng đi-hàng-hai, về xứ chụp hình với đám thổ tả chụp giựt quyền dạo nọ mang sang khoe. Thôi! Nói gì nữa giờ. Thằng Trương Công Tử bạn tôi bảo tên đó có số buôn bán. Chỗ nào có mùi thì nhào vô.

Tôi còn mắc nợ ông cậu tôi "cái chân" (cậu bỏ lại ngoài núi rừng đất Thuận Hóa) để tôi có cơ hội sang đây. Đi học lại, đi làm và thấy rõ mình sống sao mà ích kỷ. Tôi chỉ biết lo cho gia đình tôi thôi à. Chuyện bên ngoài là chuyện của người ta nhưng màu cờ đỏ chói chang trong mắt và cái nón cối dị hợm nhỡn nhơ trên cùng khổ của đa số người ở lại không phải là chuyện của riêng ai. Còn những thứ đó dân tôi còn sợi dây thòng lọng đang thắt dần nơi cổ.

3.03.01 –7.14.01

GHI CHÉP, NHỮNG LẦN ĐI

LÊ MINH HÀ

1.

Bốn năm sau ngày bức tường Berlin mà người Đức gọi là "Bức tường Ô nhục" sụp đổ, tôi sang Đông Đức lần đầu.

Chúng tôi đã chọn một hành trình dài bằng tàu chợ. Trên lòng tôi lúc đó có "Thương nhớ mười hai" của Vũ Bằng. Tôi nhớ lúc đó tôi đã nghĩ rằng hẳn nước Đức này cũng có riêng cho mình một nhà văn như chúng ta có họ Vũ. Đối với những con người bình thường, lịch sử trở thành gần gũi khi đã thẩm thấu được vào văn hóa. Hẳn phải có một nền văn hóa lịch sử như thế chứ. Bởi vì thế giới này được tạo dựng và tồn tại trước hết là từ những con người bình thường.

Những người bạn may mắn hơn tôi, vì lý lịch đẹp hơn, vì thông minh hơn, ngày xưa từng là lưu học sinh ở Đông Đức đã kể về đất nước này với bao nhiêu là ngưỡng mộ chân thành. Đấy mới thực là thiên đường của Chủ nghĩa xã hội. Người ta đã khuân đủ thứ từ thiên đường đó về Việt Nam: áo lông, quần bò, xà phòng thơm mùi táo xanh, xe máy nhãn hiệu Mokich, và âm thầm nhưng dai dẳng: khát khao được sống như những người dân bình thường ở đất nước ấy, trên quê hương mình.

Vào lúc tôi tới Đông Đức lần đầu, chủ nghĩa tư bản đã thâm nhập mạnh mẽ vào đời sống dân chúng, nhìn trên bề mặt kinh tế tiêu dùng. Hàng hóa, từ kiểu cách tới số lượng, đầy ứ trong các siêu thị mới được xây dựng, không khác gì ở Tây Đức. Người ta không còn phải thông tin cho nhau về chuyện ở đâu có thể mua gì bán gì. Cũng không hề có cảnh dân đầu đen gốc châu Á, mà thường là người Việt xếp hàng để mua các mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm khan hiếm. Bạn tôi kể rằng hồi chị là sinh viên đã từng phải mua gạo theo định lượng bằng tem vào thời điểm sắp tốt nghiệp, rất nhiều lúc xót xa khi đi ngang một cửa hàng xe đạp và nghĩ tới những lúc mình chầu chực ở đó. Khi đó là khi số lượng người Việt tăng nhanh tại đây do chính sách hợp tác lao động của nhà nước. Nhân nói tới cụm từ này, lại nhớ rằng ở trong nước, mặc dù dấu má của cục Hợp tác lao động quốc tế thuộc bộ Lao động xuất hiện trên mọi giấy tờ của những người liên quan, nhưng bà con mình thường chỉ nói chuyện với nhau là thằng Dưa con Mít (chẳng hạn thế) nhà tôi vừa được đi xuất khẩu lao động. Ngôn ngữ đời sống thường giản dị và chính xác. Tuyệt nhiên không có thêm sắc thái phỉ báng mà một số người Việt ở hải ngoại khi dùng cụm từ này thường cố ý gửi gắm vào. Một đất nước mà dân số tăng vùn vụt sau một cuộc chiến tranh dài đến thế, lại chẳng rừng vàng biển bạc gì cho lắm như đất nước ta mà xuất khẩu được sức lao động thì cũng nên coi là cửa mở cho dân. Điều đó cần được đánh giá thỏa đáng. Nếu có định lên án, thì lại phải nhìn vấn đề ở một góc độ khác, theo tôi. Lòng yêu nước thương dân, nếu của là có thế trong những lời phỉ báng kia, khi không được biểu hiện đúng lúc, đúng chỗ thì ít nhất cũng phải coi là hời hợt. Mà không, thì điều đó có kích thước của tội lỗi. Không ai có quyền đứng trên nhân dân để thương xót nhân dân, hoặc giả ta thán thay cho nhân dân.

2.

Nhưng thôi, chẳng phải là tôi đang nói về một nước Đức Xã hội chủ nghĩa đã chết như tôi thấy đó sao. Chúng tôi đã rời tàu dừng chân ở một ga xép, vào một làng nhỏ. Những ngôi nhà kiến trúc chẳng có gì khác bên Tây Đức mà tôi vừa từ đó tới. Chỉ có điều không có cái vẻ lúc nào cũng tinh khôi như những ngôi nhà ở phía Tây. Mái ngói đỏ hoặc đen. Tường quét vôi trắng đã ngả màu thời gian. Những thửa vườn còn lác đác mấy cụm hoa nở rốn trước khi những cơn gió mùa thu thổi tới. Phía xa là cánh đồng. Mênh mông. Thật sự là mênh mông. Nhà tôi, từng có thời là sinh viên ở đất này giải thích rằng đấy là kết quả còn lại của quá trình hợp tác hóa nông nghiệp ở Đông Đức trước đây. "Nhìn không thấy bờ." Tự dưng tôi nhớ một câu thơ từng học thủa còn chưa được để tóc xõa ngang vai về một cánh đồng hợp tác

xã... Tự dưng tôi muốn thở dài.

Vào thời điểm đó, Đông Đức giống như một chàng trai hay một cô gái đang sức lớn. Tầm vóc khác đi nhưng từng lúc vẫn phải diện đồ cũ. Rất nhiều nhà máy xí nghiệp phá sản và bị bỏ hoang. Những vỉa hè tróc lở. Những bờ rào xiêu đổ. Những con đường nhỏ phơi những ổ gà và những ngọn cỏ nhỏ lòa xòa hai bên đường. Những chiếc xe nhỏ hiệu Trabant - niềm tự hào của nền công nghiệp Đông Đức một thời - vẫn thấy chạy nhiều trên đường. Xa lộ từng đoạn nghẽn tắc vì những công trình mới. Máy húc, xe lu, những cánh rừng mới được phát quang và hình dáng của những con đường mới liên tục xuất hiện trong tầm mắt, nếu ta đi ô tô. Người từ xa tới Berlin có cảm giác như lọt vào một thứ mê cung lộ thiên, vì chỗ nào cũng thấy công trường và biển báo đi vòng. Cổng thành Brandenburg chưa mở tự do cho xe cộ. Chỉ có xe bus dành cho dân du lịch mới được đi qua. Chúng tôi đã bám theo một chiếc xe bus, cũng vô tình, và đã bị một anh cảnh sát mặt non bấn như vừa qua trung học phạt 20 DM. Không có biên lai. Bù lại, sau một cái khoát tay, chúng tôi đã được ngang nhiên vượt qua cổng thành lịch sử đó.

Trục đường chính chạy ngang qua Berlin là Frankfurter Allee... . Những ngôi nhà cao tầng san sát, rập theo kiến trúc của thời Stalin ở Nga lúc đó, mặt tiền đã bị mưa gió muội xăng làm xám lại, nom buồn tẻ. Có lẽ chủ yếu vì không được tu bổ. Người xe nườm nượp. Nhìn mặt khách ngồi trong những quán nhỏ thuộc khu vực dân cư dễ đoán rằng tỷ lệ thất nghiệp ở đây không nhỏ. Tưởng như là những quán cóc và những con đường Hà Nội vào lúc tôi mới ra đi đã được phóng đại và bê sang đặt ở bên này.

3.

Tôi thích tới Đông Đức. Vì người Việt mình sống ở đó đông. Tôi luôn tin rằng ở nơi nào trên thế giới này mà người Việt tập trung về được là ở đó sẽ có một Việt Nam thu nhỏ. Với những mua đi bán lại. Với các quán ăn và hiệu cắt tóc. Với những đàn tranh sáo trúc. Với những gần gũi và chia rẽ. Nhưng tôi thích tới Đông Đức còn bởi vì đó là một miền đất vừa trỗi dậy, quẫy cựa, bừng bừng sức sống, mà đôi khi còn bột phát một cách đáng buồn.

Lần đầu tiên nhìn thấy Đông Đức khi tàu vừa rời địa phận phía Tây, cái cảm giác đầu tiên quặn lên trong lòng tôi là sự bàng hoàng của người vừa tỉnh cơn đồng thiếp. Đấy ư! Thiên đường của Chủ nghĩa xã hội. Nó sẽ tiếp tục là thiên đường với những ai mới từ Việt Nam tới và chưa hề biết còn có một nước Đức khác bên kia khúc tường đã được để lại làm dấu chứng cho một thời kỳ lịch sử chua xót của dân tộc này.

Những lần đến Đông Đức sau, vẫn là cảm giác ấy, nhưng nguyên nhân thì khác. Và thêm vào đó: Nỗi buồn. Nỗi buồn của kẻ cứ bắt buộc phải vặn vẹo mình trước những điều trông thấy. Lịch sử thế giới này không thiếu bằng chứng về khả năng chinh phục ngược của kẻ bại. Nhưng ở Đông Đức... Phải chăng chân lý ngao du tới đây lại tìm thấy thêm một miền biểu hiện? Phải chăng là thế, là tầm vóc văn minh của chủ nghĩa xã hội không đủ để chinh phục chủ nghĩa tư bản? Hay thực ra nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Đức sụp đổ chỉ bởi âm mưu của các thế lực phản động quốc tế hiện diện sát sườn và bởi sự phản bội lý tưởng cộng sản công khai của ông Goocbachop - cựu tổng bí thư cuối cùng của đảng cộng sản Liên xô kiêm cựu tổng thống đầu tiên của đế chế đời mới này. Tôi tin rằng nếu tôi không mắc cái bệnh bạ cái gì lọt vào tay cũng đọc thì tôi đã có thể hoàn toàn thanh thản mà nhìn ngắm và thán phục.

Cứ mỗi lần có dịp sang phía đông là một lần tôi kinh ngạc vì khả năng hồi phục nhanh của miền đất này. Không còn những khúc xa lộ cũ kỹ làm bánh xe nảy bần bật. Những cây xăng mới dựng đẹp và tiện nghi hơn hẳn ở phía tây. Những khoảng phố mang gương mặt tinh tươm, tường, cửa... tất cả đã được thay mới. Những công trình kiến trúc cổ đang được phục chế. Trung tâm Dresden là một công trường vĩ đại. Thành phố này đã từng bị không lực Mỹ oanh tạc ngay trước khi chấm dứt chiến tranh thế giới thứ hai. Tổn thất: 35000 người chết trong có một đêm, và một phần gương mặt văn hóa không cách gì cứu vãn. Mười năm sau khi thống nhất, những đỉnh tháp lại được mạ vàng lấp lánh bên sông trong cái trong vắt của nắng mùa đông. Lâu đài, cung điện, bảo tàng, nhà thờ... tất cả đều mang dấu thời gian lịch sử. Quá khứ và hiện tại đồng hiện trên mỗi mảng tường. Chúng tôi đã rất thú vị khi chụp được qua chấn song hàng rào công trường hình bức tượng Martin Luther... ở phía trước một nhà thờ Tin lành đang được phục chế. Giữa quảng trường, một thầy tu trẻ tuổi cao giọng giảng đạo như hiệu triệu cho dân du lịch đang hớt hải diễu qua. Bạn tôi, đóng đô ở thành phố này gần hai mươi năm bảo đó chính là một phần của cái mới.

4.

Thế còn cái cũ của miền đất này là gì? Và có cần được bảo tồn như là những di sản tinh thần cho mai sau?

Trên tạp chí Tấm gương (Spiegel), từng xuất hiện một bài viết rất đáng đọc về nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Đức. Tuyệt nhiên không đặt vào đó một hàm ý chỉ trích, nhạo báng gì kẻ thua trận, tác giả đã cố gắng khái quát lại bản chất của một thể chế chính trị từng thống trị một phần nước Đức. Đông Đức có bảy "kỳ quan," tác giả viết. Dưới đây là danh sách bảy "kỳ quan" đó của thiên đường xã hội chủ nghĩa:

1. Không ai thất nghiệp nhưng đến một phần hai dân số không có việc làm.
2. Không có việc làm mà vẫn thiếu nhân công.
3. Thiếu nhân công nhưng vẫn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.
4. Hoàn thành vượt mức kế hoạch nhưng ở cửa hàng dân chúng không có gì để mua.
5. Không có gì để mua nhưng trong nhà cái gì cũng có.
6. Trong nhà cái gì cũng có nhưng vẫn than thở ỉ ôi.
7. Than thở ỉ ôi nhưng ai cũng tự bằng lòng.

Vấn đề không phải là ở câu chữ, cũng không phải là ở ý tưởng. Tất cả những điều kể trên đã xuất hiện tản mạn trên báo chí và khá thường xuyên, ngay ở các nước xã hội chủ nghĩa thủa sinh thời của chúng. Điều phải để ý ngay là một người ngoài cuộc đã tìm thấy mối quan hệ nội tại trong tất cả những hiện tượng đó, và từ đó khái quát hóa bản chất lịch sử một thời, một miền.

Lịch sử có sức ỳ riêng của nó, không thể đem những kiến thức vật lý đơn giản để giải thích. Có nghĩa là nếu tới Đông Đức, người ta có thể nhận ra rằng đâu đó nét bản chất kia của miền đất ấy, ở một thời đã qua đi không trở lại (hy vọng thế) vẫn còn nguyên. Người dân Đông Đức có thể nói là may mắn nhất trong tất cả các dân tộc từng tin, hay bắt buộc phải tin vào một ngày mai ca hát của toàn thế giới, trong một thể chế chính trị người ta cũng bắt buộc phải tin là ưu việt nhất: thể chế xã hội xã hội chủ nghĩa. Không có nội chiến ở nước Đức sau khi thống nhất. Không có sự phân biệt dân chúng hai miền, xét về mặt chính sách của nhà nước. Hay nói cho đúng, có một sự ưu tiên lớn lao cho nửa nước Đức phía đông trên hầu hết mọi mặt kinh tế xã hội. Mười năm rồi người lao động phía Tây đóng góp lương để tái thiết nửa phần kia của đất nước. Và điều này chắc chắn còn kéo dài.

5.

Nhưng trong khi gương mặt Đông Đức liên tục thay đổi, nhất là trước và sau khi bộ máy chính phủ chuyển từ Bonn sang Berlin thì nhìn vào cuộc sống của nhiều cá thể xã hội thuộc nhiều thành phần bên đó, người ta vẫn thấy cái bóng của chủ nghĩa xã hội chụp lên. Những thanh niên thất nghiệp rất yên tâm ngồi ăn trợ cấp xã hội, khác hẳn với thanh niên bên Tây Đức lúc nào cũng cuống cuồng tìm việc làm và lo mất chỗ làm. Điều này tôi cũng nhận thấy ở phần đông người tỵ nạn gốc Đông Âu tại Đức. Khác hẳn với mấy anh chị Việt Nam bé nhỏ hết sức chăm chỉ và chủ yếu là nhanh nhẹn đầu óc trong chuyện kiếm sống, nhiều dân tỵ nạn gốc Đông Âu cũng như nhiều người dân Đông Đức giống như những con gà công nghiệp, yên lòng chờ khẩu phần trong chuồng. Tất nhiên cái gì cũng có hai mặt và tôi sẽ đề cập đến mặt thứ hai kia vào một dịp khác.

Thế còn những người già? Họ không đi biểu tình kỷ niệm thành tựu của cuộc Cách mạng tháng Mười hay chiến thắng của Hồng quân Liên xô nhiều thập niên về trước và nhân thể đi kiện chính phủ nợ tiền lương hưu như ở Nga. Nhiều người trong số đó ngồi nuối tiếc quá khứ, nuối tiếc những ngày còn cái chế độ đã làm họ khi đó nhiều phen bất bình. Đây chẳng hẳn chỉ là một nét tâm lý bình thường ở người có tuổi. Cần nhìn thấy ở đó một sự bất bình mới với một chế độ mới mà họ đang phải làm quen.

Trong một buổi uống trà cùng với mấy vị giáo sư Đông Đức nay đã về hưu, tôi đã được nghe một ông giáo sư cáu kỉnh về nỗi "giờ chỉ thấy người ta cư xử với nhau bằng khuỷu tay." Bà giáo sư thì phàn nàn về chuyện hình như bây giờ người ta sống thiếu tình hơn ngày trước. Các vị khác ai cũng gật gù tán đồng. Giống hệt cảnh mấy cụ ông cụ bà ở Việt Nam đi họp tổ hưu, chỉ khác cái là mấy ông bà tây này béo tốt, và phong thái của họ rất đỗi thư nhàn, cái thư nhàn chỉ có khi người ta không phải bận lòng vì miếng cơm manh áo.

Với tôi, một người từng lớn lên trong hình đồng dạng của thể chế chính trị tại Đông Đức khi trước thì câu chuyện của họ hết sức dễ hiểu. Chế độ mới ở Đông Đức hiện nay không phải là thứ chế độ của các chế độ, gắn liền với chức vụ cùng những quyền lợi đi kèm. Người ta được quyền vận động công khai vì các mục đích chính trị xã hội hay kinh tế, nhưng không được phép lo lót

qua cửa sau. Nghĩa là những kiểu nhờ vả giúp đỡ thịnh hành thời trước nay không thể đem ra thi thố. Người ta, ngày đó, yên tâm nhận đồng lương và các phúc lợi xã hội đi kèm một cách may rủi, và bây giờ, không thể không dị ứng với mấy chữ "thuế thu nhập."

Có rất nhiều điều có thể đem làm bằng chứng cho sức ỳ của chủ nghĩa xã hội trên mảnh đất nay đã thuộc về chủ nghĩa tư bản. Nhưng cũng từ đó, tôi vui mừng nhận thấy một thái độ không hề sùng mộ tiện nghi, thiết tha với những giá trị tinh thần đích thực không phải là không có trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Nói điều này thực không phải dễ khi chế độ xã hội đó đã tiêu biến.

6.

Nhất là khi không ít cư dân phía Tây vẫn nhìn cư dân phía đông bằng con mắt nghi kỵ và khinh bỉ. Lẽ cố nhiên, điều này không bao giờ được biểu hiện công khai nơi công sở hay trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhưng trong những quan hệ thông thường, giữa những con người bình thường thì việc phì ra đôi ba câu hậm hực vì chuyện lương lậu bị cắt để tái thiết nửa nước vừa có lại chẳng phải là điều khiến người nói hay người nghe băn khoăn. Rất gần đây thôi, khi mà các nhà chính trị thuộc nhiều phe phái tại Đức hỉ hả kỷ niệm mười năm ngày thống nhất nước Đức và tin tức về ngày kỷ niệm đó chiếm nhiều cột trên trang nhất mọi tờ báo lớn, thì, tôi đã nghe hai bà hàng xóm than thở về nỗi cứ phải còng lưng gánh bọn Ostssi chây lười. Vào lúc đó, tôi đã giật mình vì một tưởng tượng đột xuất và (nói thực) là thiếu cơ sở. Rằng, nước Việt yêu dấu thống nhất nhờ sự bách chiến bách thắng, nhờ sự hơn hẳn về mọi phương diện của miền Nam. Dù gì thì miền Nam cũng là vựa lúa của nước Nam, dù gì thì miền Nam cũng được một quốc gia giàu có bậc nhất là Hoa Kỳ viện trợ, trong khi miền Bắc thì hết phải xoa lưng anh Ba tàu lại đến vuốt bụng anh Nga ngố để mà có thể tiếp tục cuộc chiến, và dân thì quen thắt lưng buộc bụng đến mức không biết nếu không (tự) thắt (tự) buộc thì sự thể sẽ thế nào. Nếu nước Việt của chúng ta được thống nhất bằng cách ấy, cách mà tôi tưởng tượng thì gương mặt đất nước mình trong gần ba mươi năm cuối thế kỷ này có sáng sủa hơn không?

Có thể, sẽ không cần phải mơ ước như một nhà thơ từng mơ ước "Ta sẽ mở ra nghìn lò cải tạo - Lùa cả nước vào học tập yêu thương"; có thể, sẽ không có trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại những câu thơ buốt hồn "nghĩ đất vô cùng giá tự do"; "Ta làm gì cho hết nửa đời sau" nơi quê người. Nhưng, cũng có thể, mà tránh làm

LƯU NGUYỄN

CHIỀU PHỐ CỔ KHÔNG DƯNG MÀ BỖNG LẠNH

Như những ngàn năm đá mòn nhân thế
mặc biển dâu đời tuế nguyệt phôi pha
từng lớp rêu xanh bao thời hoang phế
Phố Cổ bây giờ hiu quạnh mù xa

Dòng sông – vẫn dòng sông thời tuổi dại
con thuyền đi – con thuyền đã về đâu
người năm cũ – chuyện chi người ái ngại
phiến gạch bên đường – sao cũng xót xa đau

Chiều Phố Cổ không dưng mà bỗng lạnh
bởi chân đi không có nhịp chân cùng
bước vô định giữa hoàng hôn cô quạnh
những hàng cây nhân chứng những hàng cây

Ôi chứng tích của một thời xưa cũ
giờ chỉ còn trong trí nhớ mù tăm.

sao được, chuyện có người miền đất này nghĩ về miền đất kia không trong nghĩa đồng bào. Đấy là cái giá mà mọi dân tộc đều phải trả cho lịch sử khi đã để xảy ra chuyện chia cắt. Với dân tộc Đức, cái giá đó phải nói là rất nhẹ, bởi cơ cấu xã hội dân chủ là một hóa giải tuyệt vời. Vẫn còn đó, những câu chuyện về một Đông Đức gồm những người dân cướp đất cướp nhà của những người đã phải di cư sang phía Tây sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc và trước khi bức tường ô nhục chia cắt hai phương trời Berlin. Vẫn còn đó, những lời đồn thổi được phóng đại hết cỡ nhờ các phương tiện thông tin về hiểm họa Neonazi, hiểm họa phát xít mới tiềm ẩn trong những nhóm thanh niên đầu trọc, mặc áo khoác đen và ngang ngược đeo phù hiệu của bọn phát xít cũ... Nhưng, nỗi đau của người dân Đông Đức một thời là sự thật, những hậu quả xã hội sau khi thống nhất nước Đức cũng là một sự thật cần được và đã được lý giải một cách tỉnh táo. Người ta có quyền hy vọng vào một cách giải quyết phù hợp lòng người về vấn đề này, dù, dĩ nhiên, thật chẳng đơn giản.

7.

Phải, thật chẳng đơn giản khi phải song hành với quá khứ. Một quá khứ rất gần gũi vẫn còn chưa tiêu biến trong phong cách sống của con người, dù cơ cấu xã hội tạo nên phong cách sống của toàn xã hội Đông Đức một thời đã mồ yên mả đẹp.

Trên các trang báo, rất thường xuyên gặp những tin tức về các vụ xử người này người kia trong bộ máy chính quyền Đông Đức, vì trách nhiệm cá nhân trước nhân dân. Những bị can già nua, lê lết đi vào phòng xử án, nhưng khi trả lời tòa thì ngôn ngữ vẫn rất có gang có thép. Lại cũng rất thường xuyên, trên mặt báo xuất hiện những tin tức trong đó chứa đựng những ngờ vực về mối quan hệ giữa cơ quan mật vụ Đông Đức (Stasi) và các nhà chính trị hiện nay, trong số đó không hiếm người lại là chính trị gia của Tây Đức thời chiến tranh lạnh. Hậu quả tức khắc: Những người bị nghi ngờ từ chức. Hậu quả lâu dài: Những hình dung đen tối về một Đông Đức đầy những rình rập, cạm bẫy với từng người dân phình to hơn, đen tối hơn. Những cá nhân bị xử một cách công khai và không công khai kia nghĩ gì? Thật đáng nghi ngờ nếu ai đó trong số họ tuyên bố lý do từ chức là không muốn để ảnh hưởng tới Đảng hay tổ chức mà mình là thành viên. Dân mình có câu "không có lửa sao có khói"; "cây ngay không sợ chết đứng," phải nói là hay trên mức tuyệt vời, và tôi hay nhớ tới những thành ngữ nôm na đó.

Cũng thật đáng kinh ngạc khi các bị can tuổi tác cao giọng về sự vô tội, về lương tâm trinh bạch của mình, về trách nhiệm công dân đối với thể chế chính trị mà họ đã góp tay dựng xây, củng cố và phải chứng nhận sự sụp đổ của nó song song với sự sụp đổ của cả một lý tưởng xã hội từng bỏ bùa bỏ ngải cho không biết bao người. Thật vô nghĩa, tôi nghĩ vậy, khi đem luật pháp của một cơ cấu chính trị xã hội này để xét xử công dân từng sống trong một cơ cấu chính trị xã hội khác, càng vô nghĩa khi kẻ bị phán xét là kẻ bại. Làm gì có trách nhiệm cá nhân trong ý thức và trong thực tế ở một xã hội xã hội chủ nghĩa như Đông Đức ngày trước và, trộm vía, như Việt Nam ta hiện giờ.

Nhưng trách nhiệm con người, hiểu như một thực thể được sống giữa bầu trời này mặt đất này?

Trong những thông tin cơ bản về năm mươi năm vừa qua của nước Đức, thông tin làm tôi chấn động nhất là cái chết của một chàng trai 18 tuổi, khi tìm cách vượt qua bức tường Berlin để sang Tây Đức, sang một nước tư bản, sang một xã hội tự do. Súng nổ khi chàng trai còn kẹt bên kia địa phận Đông Berlin. Nếu đó là cái chết tức thì! Không, chàng trai chết sau nhiều tiếng đồng hồ không được cấp cứu, cạn máu, dưới những nòng súng của những người lính gác bên Đông và trong sự chứng kiến bất lực của những người dân, nhà báo bên Tây (Đức). Người chết đã nghĩ gì trước lúc phả hơi thở cuối của mình vào trời đất? Người sống đã nghĩ gì khi là chứng nhân của địa ngục trên mặt đất đó? Đã nghĩ, với trái tim công dân hay trái tim con người?

8.

Và người ta có thể là một công dân tốt được chăng khi để mất đi khả năng cảm hiểu, khả năng phẫn nộ hay xấu hổ của con người. Sẽ có thể, trong yêu cầu của một thể chế chính trị xã hội nhất định, như Đông Đức và như toàn bộ hệ thống mà Đông Đức từng thuộc về, nhưng không bao giờ, không bao giờ, trong kích thước của một quốc gia. Còn có thể nói thêm điều này nữa: Một công dân tốt, hiểu như một cái máy trong một cơ cấu xã hội, dù vận hành trơn tru đến mức nào cũng sớm muộn trở thành lưỡi xẻng đào mồ chôn cơ cấu xã hội đó. Họ sẽ trở thành, không phải là lực đẩy, mà là lực cản của xã hội đó, trong quá trình

tự tha hóa.

Đi trên đường phố Berlin về đêm, tôi đã cố hình dung trong tấm mạng đen khổng lồ của trời đất, mười năm trở về trước, giấc ngủ của những con người bình thường ra sao. Không hiểu sao tôi tin là rất bình yên. Thì cũng tựa tựa như giấc ngủ của chúng tôi, khi còn sống ở quê nhà xã hội chủ nghĩa. Chứ còn gì nữa. Không mơ ước! Biết còn có một chân trời nào khác đâu mà mơ ước. Còn những mong muốn áo cơm hàng ngày, cái đó liệu có thể gọi là mơ ước chăng? Tội nghiệp cho mình quá. Cam chịu! Chẳng thế thì làm thế nào. Người ta chỉ biết mình hạnh phúc hay đau khổ khi có được một tương quan để so sánh và chiêm nghiệm. Mấy ai có cái khả năng trời đày để hiểu ra rằng cần phải tập biết đau khổ. Thực tế thì nỗi khổ khi còn trong ranh giới của sự chịu đựng chỉ dẫn tới thêm một cực nhục, làm con người khiếp sợ. Đấy mới là cái có thật mà người trong cuộc nhiều khi cũng không phân tích nổi, còn những chai đá lì lợm, hay sự hài lòng được biểu hiện thường xuyên chỉ là một sự tự bảo vệ, không hơn.

Những bình minh của chúng tôi ở quê nhà, sao mà thật "thanh nhàn." Nào ai biết phải lo cái gì lớn lao, và lo như thế nào. Thì cũng đến đi học rồi đi làm. Đi làm thì nhận lương về nộp bố mẹ, không muốn biết bố mẹ xoay xỏa thế nào với đồng lương đó. Đi làm mà không đủ ăn, vậy mà vẫn sống, với nhiều người còn là sống khỏe. Đấy là một nghịch lý được chấp nhận như chân lý. Những băn khoăn về chuyện thất nghiệp, chuyện nơi ở, bữa ăn sao cho xứng đáng với phần thịt xương hồn cốt con người vốn phổ biến bây giờ, đặc biệt là với người Việt ở xứ người qủa thực là rất xa lạ.

Nước Đức, với cơ cấu xã hội dân chủ thực sự là một trường học lớn mà ở đó tôi cảm thấy mình như một kẻ mù chữ. Tôi rất tin rằng cảm giác này không phải là của riêng tôi. Chúng tôi đã có lần tản bộ qua mấy điểm bỏ phiếu bầu cử ở địa phương mình sinh sống trong kỳ nước Đức bầu cử quốc hội liên bang và tiểu bang. Và hết sức kinh ngạc: Hóa ra người ta có cả quyền không đi bỏ phiếu. Với riêng tôi, đấy là một bài học lớn chỉ có sau khi đã sống nửa đời người, nếu tính tuổi thọ trung bình của con người bây giờ là 70 và, nếu tôi may mắn./.

HẠ - UY - CẦM

Quý vị và các bạn yêu nhạc, yêu mến tiếng Hạ Uy Cầm muốn tìm mua những băng nhạc của Nhạc Sĩ PHẠM MẠNH ĐẠT, từ năm 1989 đến nay, mà tại các đại lý băng nhạc bán lẻ không có, xin hãy mở trang nhà website trên Intenet:

www.hoavang.com

Những cuốn băng mới nhất vừa phát hành là *"Cố Đô Huế Tôi Nhớ"*, *"Hòa Tấu Nhạc Tiền Chiến"* và *"Mười Bài Ca Nổi Tiếng Trên Thế Giới"* của hầu hết mười quốc gia khác nhau, đã có bán khắp nơi. Xin liên lạc điện thoại:

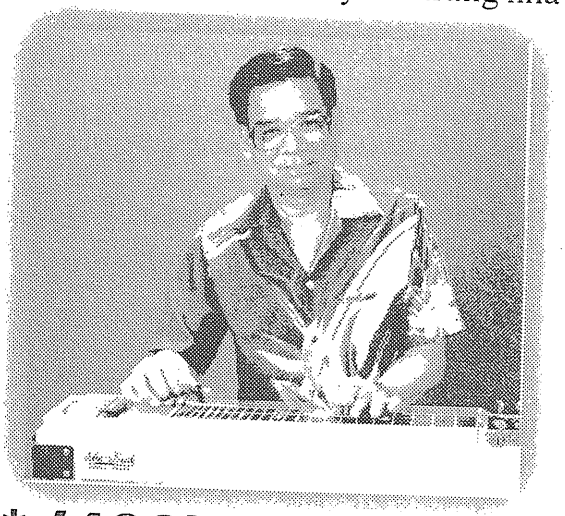

(408) 971-2551 * (408) 569-9055

LÀNG TRÀ ÔN NẢY SANH ÚT TRÀ ÔN

THIỆN HỶ

Tôi lớn lên tại Xóm Chiếu, Khánh Hội, Sài Gòn nhưng quê nội của tôi tại làng Tường Lộc thuộc quận Tam Bình tỉnh Vĩnh Long.

Vào giữa thập niên năm mươi lúc tôi vừa mười lăm tuổi tôi mới được phép của cha mẹ tôi cho tôi về làng Tường Lộc. Người em họ chú bác của tôi đưa tôi đi. Từ Sài Gòn về thị xã Vĩnh Long bằng xe đò lớn. Từ thị Xã Vĩnh Long chúng tôi được di chuyển bằng xe đò loại nhỏ. Xe đò ngừng lại, chúng tôi đi bộ nhắm hướng làng Tường Lộc. Cảnh trí nơi làng mạc nhà quê nơi đây thật lạ đối với tôi. Rải rác mới có căn nhà lá đơn sơ mà chung quanh đều được bao bọc bằng những ruộng lúa xanh mướt. Vừa đi bộ, người em họ tôi vừa nói với tôi:

"Đây là làng Trà Ôn. Qua khỏi làng này thì đến làng Tường Lộc."

Nhưng không phải tiếp tục đi bộ thì đến làng Tường Lộc. Trước mắt chúng tôi bỗng có một nhánh sông nhỏ chắn ngang. Nơi đây có bến đò và chúng tôi phải xuống đò để sang sông. Lúc bấy giờ đã gần trưa nhưng gió sông thổi lành lạnh. Tôi được người em họ chỉ cách xuống đò. Phải khom người xuống, gần như bò chầm chậm xuống chiếc xuồng tam bản rồi từ từ ngồi xuống be xuồng. Nếu cứ đứng xổng lưng bước xuống đò, đò chòng chành mất thăng bằng dễ té xuống sông. Bên kia sông là làng Tường Lộc, nhà của chú tôi (em ruột của Ba tôi) sát khúc quanh của mé sông. Lúc xuống đò cũng phải thủ tư thế bò mới an toàn. Cũng như làng Trà Ôn, nhà cửa nơi làng Tường Lộc rất thưa thớt, lâu lâu mới có một mái nhà tranh được bao quanh bằng đám ruộng xanh mướt. Sau khi chào hỏi chú thím tôi và tất cả những người trong nhà, tôi được một bữa cơm nhà quê thanh đạm nhưng ngon miệng. Nơi nhà quê mọi người ngủ rất sớm. Khoảng sáu, bảy giờ chiều tất cả đều đã chui vào mùng rồi.

Qua ngày hôm sau, gà vừa cất tiếng gáy, cả nhà đều thức dậy, tôi theo thím tôi đi chợ. Lúc bấy giờ trời hãy còn tối, ánh sáng chỉ lờ mờ nhưng thím tôi rất rành đường đi, đó là con đường mòn ngoằn ngoèo trong làng. Chập sau cũng có vài người đi chợ như thím cháu chúng tôi. Chợ nhóm rất sớm. Chợ chỉ gồm trên mười người buôn, mỗi người để thực phẩm vào trong thúng, thúng được đặt dưới đất, không có sạp cũng không có mái che. Chỉ là rau cải, trái cây và thịt heo. Những bạn hàng đều ngồi chồm hổm dưới đất cho nên chợ này được gọi là "chợ chồm hổm." (Tại Sài Gòn cũng có "chợ chồm hổm" này, trong *Sài Gòn Năm Xưa*, Vương Hồng Sển có nhắc đến). Họ không bán thịt gà, thịt vịt, cá, tép, tôm, cua vì những thứ này nhà nào cũng có, hoặc nuôi sau nhà hoặc đặt nò, đặt nôm mỗi ngày. Thím tôi chỉ mua rau cải và thịt heo. Chợ chồm hổm nhóm rất sớm để rồi cũng tan rất sớm, lúc mặt trời vừa ló dạng. Cũng buổi sáng hôm ấy tôi được người em họ đưa đi viếng mộ của ông nội tôi, của bà nội tôi... được xây ngay làng Tường Lộc.

Ngày thứ, sau khi xong bữa cơm chiều tôi hỏi chú tôi:

"Có phải làng Trà Ôn là quê quán của danh ca Út Trà Ôn không, thưa chú?"

Nhấp xong một hớp trà, chú tôi nói:

"Phải, cháu nói đúng. Út Trà Ôn xuất thân từ làng Trà Ôn mà hôm qua cháu đã đi qua. Chú kể chuyện Út Trà Ôn cho cháu nghe. Cách nay khoảng hơn mười năm (tức vào giữa thập niên bốn mươi) tại làng Trà Ôn, làng Tường Lộc, làng Long Hồ... thuộc quận Tam Bình của mình đây thường luân phiên nhau cứ mỗi tháng tổ chức vài đêm ca vọng cổ. Ban nhạc đã sẵn, di động từ làng này qua làng khác. Vào đêm mát mẻ trời không mưa, một nhà nào đó trong làng tổ chức ca vọng cổ. Khoảng bốn giờ chiều trong nhà đốt nhiều ngọn đèn, chung quanh nhà chủ nhà đốt vỏ dừa khô, khói bay mù mịt khiến muỗi và bù mắc không bu tới được. Khoảng năm giờ chiều tiếng đàn trổi dậy. Dân làng gồm đủ hạng người từ lớn

đến bé đều bu quanh căn nhà ấy, trong nhà cũng chật ních khán thính giả. Ban nhạc gồm những tay đờn kìm, đờn cò, đờn gáo, đờn độc huyền, nhạc cụ nhịp song long... Khoảng sáu giờ chiều thì buổi ca vọng cổ bắt đầu. Thường thường có ba hay bốn người thay phiên nhau ca. Mỗi người ca một hay hai bài cho đến mười hoặc mười một giờ thì vãng.

Tôi hỏi chú tôi:

"Có giọng nữ không, thưa chú?"

Chú tôi đáp:

"Không. Lúc bấy giờ không thấy có cô nào cất tiếng hát. Có lẽ có nhưng vào dịp khác và nơi khác."

Chú tôi nói tiếp:

"Tại làng Trà Ôn có bốn, năm chàng trai ca vọng cổ. Nhưng nổi bật nhất là anh Út, người con trai út của một gia đình. Chú Út có biệt tài là trước khi xuống "xề" chú lên cao vút rồi liền sau đó có những tiếng nho nhỏ ư, ứ, ư... như nằm tròn trong cổ họng của chú."

Tôi nói:

"Những tiếng ư, ư, ứ, ư... này giống như của hát bội."

"Có thể chỉ chịu ảnh hưởng thôi chứ không giống hệt. Những chữ ứ, ư, ứ, ư... của hát bội được phát ra thành tiếng rõ ràng còn trong vọng cổ những tiếng ấy quyện nho nhỏ trong cổ họng. Thí dụ: thất ư, ư, ứ, ư, ứ, ư... tình. Chữ 'tình' là chữ xuống 'xề' nghe rất mùi. Chữ 'thất' được lên cao vút."

"Những người khác cũng hát được như chú Út?"

"Không. Những người khác cũng hát y như vậy nhưng không thể nào bằng chú Út. Chú tuy nhỏ người, ốm, nhưng tiếng hát thật trong và cao. Giọng ca, tiếng ca của chú Út ăn đứt tất cả những người khác vì vừa khéo vừa truyền cảm cho nên thấu đến tai một ông bầu cải lương. Ông bầu ấy về tận làng bên để điều đình, thương lượng, để mời, để rước cho được chú Út đi theo đoàn hát."

"Chú còn nhớ tên đoàn hát ấy?"

"À, để chú nhớ lại coi, hình như là Tiến Hóa. Từ đó chú ấy lấy biệt danh là Út Trà Ôn."

"Thỉnh thoảng chú Út trở về Trà Ôn?"

"Lâu lắm Út Trà Ôn mới về đây một lần nhưng chú không được gặp."

Như để kết luận, chú tôi nói:

"Đó, cháu thấy không, nhiều người ca vọng cổ nhưng không phải tất cả đều thành công, trong nghệ thuật ca hát còn có thiên tư, vừa diễn vừa ca, vừa ca vừa diễn, diễn và ca, cả hai đều khó như nhau, ngoài tài nghệ riêng, vài người còn được 'tổ đãi'."

Vài ngày sau trước khi trở lên Sài Gòn tôi được đưa đi viếng mộ ông bà một lần nữa. Bận về, tôi và người em họ tôi lại có dịp lững thững đi bộ ngang qua làng Trà Ôn, không khí thật mát mẻ, trong lành, thoang thoảng ngây ngây mùi lúa mới, lúa vừa mới trổ đòng đòng. Tuy ngang qua làng Trà Ôn nhưng người em họ tôi không biết ngôi nhà của Út Trà Ôn được tọa lạc nơi đâu.

Trở lại Sài Gòn, tôi hỏi Ba tôi:

"Thưa Ba, chữ ư, ư... ứ, ư... trong vọng cổ trước khi xuống xề do đâu mà có vậy Ba?"

Ba tôi trả lời:

"Từ những lối hát của hát bội mà ra. Nghệ sĩ Tám Thưa đưa nó vào vọng cổ biến nó thành chữ ơ, ơ, ớ, ợ, ờ... Về sau không rõ nghệ sĩ nào lại biến nó trở lại thành ư, ư, ứ, ự, ừ... trước khi xuống 'xề.' Khi xuống 'xề' càng trầm càng 'mùi.' Những chữ ư, ư, ứ, ự, ừ... trong cổ họng của người hát như những hạt tròn tròn cho nên tiếng nhà nghề gọi là 'ca có hột.' Nói nghe dễ nhưng tạo được những chữ ấy vừa khéo vừa điêu luyện vừa truyền cảm thiệt là khó. Cô Năm Sa Đéc hát những điệu hát bội với những ư, ư, ứ, ự, ừ... rất khéo, rất tuyệt. Khi xưa Thầy Năm Tú ca vọng cổ tại Mỹ Tho, trước khi xuống 'xề' không có những chữ ư, ư... ấy. Về sau vài nghệ sĩ 'ca có hột' gồm có cô Bảy Phùng Há, cô Năm Phỉ, cô Bích Thuận, Út Trà Ôn, Văn Hường... và những nghệ sĩ trong ban Khuyến Lệ Cổ Ca."

"Ba đã xem tuồng cải lương nào do Út Trà Ôn đóng?"

"Ba có xem vài tuồng do Út Trà Ôn đóng, phần nhiều là tuồng xã hội. Tiếng hát của Út Trà Ôn thật là mùi khi xuống 'xề,' hết sức điêu luyện khi lên cao thì lồng lộng, lanh lảnh."

Là kẻ hậu sinh, hay tin trễ Út Trà Ôn đã xuôi miền nước nhược vào năm nay, cách nay chừng vài tháng, tôi vô phép chép vài câu vọng cổ sau đây do Nguyễn Thành Châu tức Năm Châu, vừa là soạn giả, vừa là nghệ sĩ, sáng tác để kính viếng người:

Ánh thái dương đang xán lạn trong veo tưng bừng hoa cỏ... bỗng đâu gặp cơn gió giục, đám mây vần... Mảnh hương nguyền đốt hương thơm, tơ loan chùng phím trúc, thơ ngàn xưa đã lạc mộng ngày xưa...

Carrollton, TX ngày 5 tháng 11, 2001

LẠI NÓI CHUYỆN NGỰA

THANH NGUYỄN

Trong số mười hai con vật mà xưa nay ta vẫn theo truyền thống như người Trung Hoa để đặt tên cho năm tháng ngày giờ thì có mười một con - ngoài con rồng - mà nếu như có phải phiếm luận về chúng thì cũng chả biết là nên bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu! Bởi "lịch sử" của chúng gắn liền với lịch sử của giống người. Loài người với ngoại hình như ta ngày nay có mặt từ hồi nào trên quả đất này thì chúng cũng có mặt bên cạnh từ bấy lâu! Về mặt thực tế mà nói, nếu giở sách vở về Động Vật Học, Nhân Chủng Học ra xem, rồi thấy ghi là giống người ở giai đoạn phát triển như ta ngày nay đã có mặt trên thế gian từ mấy chục hoặc mấy trăm nghìn năm trước, rồi con trâu hay con ngựa cũng có mức độ thâm niên bên cạnh con người cỡ chừng đó thì chuyện ấy nên để cho mấy nhà Động Vật Học hay Nhân Chủng Học họ làm việc. Riêng ta, khi bàn về người và ngựa chẳng hạn, thiết tưởng chỉ cần ngược dòng Lịch Sử cỡ năm sáu nghìn năm cũng đã quá đủ!

Năm tới đây là năm con ngựa. Vậy thì ta bàn về con ngựa! Và, như đã nêu ở trên, nói về ngựa thì quả thật là cũng chả biết là nên bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu!

Giở sách Lịch Sử, Văn Học -"bác học" và dân-gian - trên khắp địa cầu thì chả có nơi đâu, chả có thời nào mà không có bóng dáng của con ngựa. Cái mức "gắn bó" giữa người và ngựa thiết tưởng chả có biểu tượng nào rõ nét hơn là cái con "centaur" mình-người-thân-ngựa trong huyền thoại cổ xưa của dân Hy-lạp! Hầu tước De Buffon, nhà động-vật-học của Pháp ở những thế kỷ trước có viết rằng "Giống ngựa là thành tích chinh phục cao đẹp nhất ("la plus noble conquête") của giống người". "Cao đẹp" cỡ nào ? Về mặt Lịch Sử mà nói, cứ bao giờ ta thấy hai chữ "chinh phục" mà lại có kèm theo hai chữ "cao đẹp" thì ta, nhất là người Việt-Nam, không khỏi rùng mình sởn gáy! Giá cái Ông Hầu Tước nọ gọi đấy là " La plus belle domestication entamée par l'homme" (sự gia-súc-hóa đẹp đẽ, tốt lành, có lợi ích hoặc hiệu quả nhất của giống người) thì không nói làm gì! Bên Tàu người ta cũng có cái ấn tượng tốt đẹp như thế đối với giống ngựa. Người ta nói "Khuyển mã chi tình"; giống chó với giống ngựa ăn ở với loài người rất có tình. Cái đó thì rõ rồi! Thế nhưng con người có ăn ở "chi-tình" với hai con vật đáng quý đó hay không thì lại là cả một chuyện khác! Bời Việt-Nam ta cũng có câu "..Làm thân trâu ngựa.." như trong truyện Kiều chẳng hạn. (Bên Tàu người ta lại dùng cách nói "Ra sức khuyển mã " để báo đền công ơn của nhau). Loài người thoạt tiên đi săn ngựa để ăn thịt. Được vài nghìn năm như thế thì tìm cách chăn nuôi ngựa để dùng chúng vào những việc xét ra thấy có lợi hơn; kể cả việc cưỡi ngựa đi săn các muông thú khác! Thế rồi xử dụng ngựa cho chán vào đủ thứ việc lớn bé, đến khi cần thì chả còn kể gì đến công cán tình nghĩa của chúng, cứ thế mà ngả ra làm thịt! Những việc ấy từ bao nghìn năm nay vẫn chả có gì là lạ! Tiện đấy thì tưởng cũng nên nói ít chữ về giống chó. Cũng bên Tàu, nơi xuất xứ của cái câu "khuyển mã chi tình" thì cũng lại có câu: "giảo thỏ tử, cẩu tẩu phanh"; chồn cáo diệt sạch rồi thì tới phiên đám chó săn bị phanh thây, cho vào nồi rựa mận! Tuy giống chó cũng chẳng nên lấy đó làm buồn! Hàn Tín kia giúp Lưu Bang dựng nên nhà Đông Hán; có thể nói không sợ sai là không có "Hán Đại Nguyên Soái Hàn-Tín" thì không có nhà Đông Hán, ấy thế mà Lưu Bang chết đi, mụ vợ Lữ Hậu chả cần chiếu cố gì công trạng, nghi họ Hàn có ý tạo phản là lập tức cho chém đầu. Số phận của Nguyễn Trãi nhà Hậu Lê và Nguyễn Văn Thành nhà Nguyễn Gia-Long thì cũng không khá gì hơn; mà trường hợp của Nguyễn Văn Thành là ngay khi Gia Long vẫn còn sống, và cũng lại hoàn toàn oan uổng; đầu đuôi chỉ vì đám cận thần khác dèm pha, cáo buộc!

Cái câu của Ông Hầu Tước De Buffon người Pháp họa chăng chỉ có ý nghĩa trong những trường hợp này: (Trích lời của một người phương Tây thì bắt đầu bằng sử sách phương Tây trước)

- Con ngựa tên là "Buchephale" của Alexandre Đại Đế. Alexandre chết năm chưa đầy ba mươi tuổi, không ai giết nó làm thịt; hay ít ra thì sử sách không thấy ghi về khoản đó!

- Con ngựa "Incitatus" của tay hôn quân La

Mã Caligula. Anh César này hứng chí thế nào đấy, phong cho ngựa làm "Thượng Nghị Sĩ" trong Nghị Viện La Mã thời ấy!

- Con ngựa "El Morzillo" của Hernando Cortés. Tay "Conquistador" người Tây Ban Nha này đem khoảng 500 quân và 16 con ngựa đi chinh phục đế quốc Aztèque trên đất sau này là Mexico; dân Azteque chưa từng bao giờ thấy giống ngựa, đến khi giáp trận thấy mấy con "quái vật" cao non ba thước với giáp sắt quanh đầu, quanh mình, thì chỉ còn có nước vắt giò lên cổ mà chạy! (Dân Ý - chứ không phải TBN, và thế mới buồn cười - về sau dựng tượng cho con ngựa này!) (Tay Conquistador Pizarro thì sau đó đem 180 quân và 37 ngựa đi chinh phục đất của dân Incas trên đất sau này là Peru).

- Con ngựa "Copenhagen" của Tướng Wellington người Anh, kẻ cầm đầu đạo quân "Liên Minh" đánh bại Napoléon ở trận Waterloo, khi chết được chôn cất với đầy đủ lễ nghi quân cách!

- Con ngựa "Marengo" của chính Napoléon; Ông này lấy tên một trận đánh trong cái "Campagne d'Italie" để đặt tên cho ngựa!

- Con ngựa "Roan Barbery" của vua Richard Đệ Nhị; con ngựa "Justice" của Richard Đệ Tam nước Anh, từng được Shakespeare đưa vào văn học! (Trong vở Kịch Thơ "Richard III" có câu của nhà Vua:-"Một con ngựa! Một con ngựa! Ta sẵn sàng đổi cả Vương Quốc của ta lấy một con ngựa!"; chả là Nhà Vua đang lâm trận, ngựa cưỡi bị giết và đang tìm ngựa khác để thoát vòng vây. Bên Tàu và bên ta tuy vẫn có câu "không đánh kẻ ngã ngựa" thế nhưng trong truyện Tàu hay truyện Tây cũng vẫn đầy rẫy những cảnh địch quân xúm lại làm thịt cái anh ngã ngựa; giữa những câu nói thể hiện cái ý cao thượng với thực tế ngoài đời bao giờ cũng có những khoảng cách vô cùng tận!).

- Con ngựa già "Rosinante" của Don Quixote trong truyện của nhà văn hào Tây Ban Nha Cervantès. v.v... (Con "Ngựa Thành Troie " trong sách của Homère bên Hy Lạp thì miễn kể vào đây vì nó là ngựa gỗ). Đấy là không nói gì đến những con ngựa khi chết được chôn cất ngay cạnh mộ chí của các vua chúa Trung, Cận Đông thời cổ đại! Nhiều vô kể!

Bên Tàu, bên ta thì sao?

Bên ta sử sách chẳng thấy nhắc nhở gì đến tên tuổi của một "danh mã" nào; mặc dù lần giở các trang sử thì thấy vua này kỵ mã, tướng kia cưỡi ngựa, rồi những cảnh "kinh kỳ dậy tiếng binh mã," các cánh quân -"người và ngựa"- chuyển từ mặt trận này đến mặt trận khác, v.v.. Chen vào đấy thì lại có những màn "giết ngựa để khao quân"! Có một con ngựa nổi tiếng là con ngựa sắt của Phù Đổng Thiên Vương đời các Vua Hùng, theo chủ đánh chớp nhoáng xong một trận thì nó bèn theo Thánh Gióng bay mất lên trời nên chả còn ai kịp đặt tên cho nó!

Bên Tàu thì số lượng các "danh mã" lại khá phong phú! Đọc "Đông Châu Liệt Quốc," "Tam Quốc Chí," "Hán Sở tranh hùng"... tên tuổi các danh mã cũng đông đảo chả kém gì các anh hùng liệt sĩ! Ai rảnh rang muốn viết một quyển "Danh Mã Sử" hoặc "Danh Mã Ngoại Truyện" dựa vào mấy quyển truyện Tàu vừa ghi, tưởng cũng phải viết cả trăm trang sách in thì may ra mới tạm hết truyện!

Làm gì có nhà Thục-Hán của Ông Lưu Bị nếu như không có Khổng Minh, Bàng Thống, Quan Công, Trương Phi, Triệu Tử Long, Mã Siêu, Hàn Trung, v.v.., đúng không ? Không đúng! Trước khi gặp Khổng Minh thì Lưu Bị đang còn tứ cố vô thân, và có lúc thì đang phải "gặp" anh bà con Lưu Biểu và đứa bộ hạ của Biểu tên là Thái Mạo (có sách ghi là "Sái Mạo") nó muốn xin Ông ta tí huyết! Lưu Biểu thì không có bụng dạ giết ông em họ xa theo như vợ bé họ Thái (có sách ghi là "Sái") xúi dục, thế nhưng vì lý do chính trị, đứa cận thần Thái Mạo nó lại muốn khử! Nó dàn dựng cho Lưu Bị đi "dự tiệc" để rồi tiện thể sẽ hạ sát. Đám hầu cận đi gác-đờ-co cho Lưu Bị cũng dự kiến âm mưu kiểu như thế, nên đến khi phe Thái Mạo sửa soạn ra tay thì Lưu Bị theo mật hiệu của bộ hạ đã kịp thời nhảy lên lưng con ngựa "Đích Lư" (có bản dịch ghi là "Đích Lô") để bôn tẩu! Chạy vòng vo về hướng Tây một hồi theo hướng dẫn tình báo của bộ hạ, đến cái lạch "Đàn Khê" thì cùng đường! Ngựa "Đích Lư" lội xuống khe rồi quỵ chân dưới nước! Lưu Bị hoảng quá, than trời:-" Đích Lư, Ôi Đích Lư, mày hại tao rồi !" Đích Lô nghe ngậm ngùi cảm kích sao đấy bèn lấy trớn nhảy vọt lên khỏi khe Đàn Khê! Lưu Bị thoát chết phen ấy! Đọc "Tam Quốc" đến đoạn đó, thấy có nguyên cả bài Thơ của nhà Thơ Tô Đông Pha để lại; ca tụng cái mạng "chân chúa" của Huyền Đức và công trạng của con ngựa Đích Lư! Sau đó Lưu Bị gặp Từ Nguyên Trực (Từ Thứ), họ Từ nói với họ Lưu là con ngựa ấy có tướng sát chủ. Rốt cuộc thì ngựa Đích Lô đã không sát chủ mà lại còn cứu cả nhà Thục-Hán! (Lưu Bị chết già chứ không chết vì con Đích Lư! Trước khi Bàng Thống bị phục kích, tên bắn chết, sách có ghi là Lưu Bị nhường cho Thống "con ngựa trắng" ông ta vẫn cưỡi, tuy không thấy nêu tên của nó!)

Cũng trong "Tam Quốc," Lã Bố có con danh mã tên là "Xích Thố". Lã Bố đẹp trai, dõng tướng

nhưng lại thuộc hạng hữu dõng vô mưu! Sau khi bị nàng Điêu Thuyền chơi trò "phản gián" để mượn Bố một tay giúp phe Vương Doãn có Tào Tháo tham dự- để giết Đổng Trác, rốt cuộc Lã Bố lại chết về tay Tào Tháo. Quan Vân Trường bấy giờ đang tá túc tại dinh Tào vì thất lạc ông anh Lưu Bị và ông em Trương Phi. Tháo bèn đem ngựa của Lã Bố tặng Quan Võ. Quan Võ mừng lắm, lạy tạ cảm ơn rối rít! Tháo lấy làm lạ, hỏi: "Tôi biếu Ông đủ thứ món, món nào Ông cũng chỉ cảm ơn qua quýt, tại sao đến con ngựa này thì Ông lại tỏ ý thích thú như thế?" Quan Vân Trường đáp:" Là bởi tôi biết rằng ngựa Xích Thố này ngày đi được vạn dặm; có như thế thì khi biết được tông tích Ông Anh và chú em của tôi thì tôi đã có phương tiện để đi tìm." Sau này hai cha con Quan Công bị chặt đầu theo lệnh của Tôn Quyền, con ngựa Xích Thố nhớ chủ, bỏ ăn mấy ngày rồi chết. Người đời sau thờ "Quan Thánh" thì phàm có bức tranh hay bức tượng nào vẽ một Ông tướng râu dài, mặt đỏ, tay cầm cây Thanh Long đao, mặc giáp trụ và cưỡi ngựa trận, thì ấy là con ngựa "Xích Thố"!

Một con danh mã khác: con ngựa "Ô Truy" (Ô Chuy?) của Hạng Võ. Đọc truyện Tàu, những khi ngậm ngùi mủi lòng do cái chết của những nhân vật quang minh chính trực (phải nói thực là cũng họa hoằn lắm, bởi các "vị" ấy, xét cho cùng, "quang minh chính đại" ở mặt này thì cũng lại gian ác, nhỏ mọn ở mặt khác; ngoại trừ mấy anh trước-sau-như-một là cương trực khí khái thì lại nhằm mấy anh Nho gàn, nghĩ và làm rập khuôn theo "Sách Thánh Hiền"), đến đoạn cuối ở Ô Giang thì người viết ở đây "không cầm được nước mắt" khi mường tượng ra cảnh con ngựa "Ô Truy" được Hạng Võ nhờ ông lái đò đưa về Giang Đông. Thuyền ra được khá xa, ngựa ngoái lại nhìn chủ rồi nhẩy xuống nước, ý muốn quay lại với chủ nhưng bị nước cuốn trôi đi! Trước đó ông lái đò đã khẩn khoản mời Hạng Võ lên thuyền trở về Giang Đông để tính chuyện "gây lại nghiệp cả" nhưng Hạng Võ từ chối. Ông ta nói thế này: "Cảm ơn lão trượng, nhưng tôi còn mặt mũi nào để trở về đấy! Khi ra đi tôi đem theo tám nghìn tử đệ của đất Giang Đông, nay không còn một người nào trong đám con em của họ; tôi còn mặt mũi nào để nhìn lại các phụ lão bên ấy? Thôi thì chỉ còn con ngựa này nó đã theo tôi đi trận mạc từ bao năm nay, xin nhờ lão trượng...")

Tạm chỉ kể tên ba con danh-mã trong sách vở bên Tàu như thế !

Giờ bàn về giống ngựa bên cạnh đời sống của con người. Như đã nói ở phần đầu, chả có thời nào, chả có ở đâu có loài người mà không có đề cập đến con ngựa! Họa chăng chỉ có giống dân Eskimo ở vùng Bắc Cực thì mới không xử dụng đến ngựa; hoặc ở những bộ lạc trong rừng già Phi Châu, nơi mà môi sinh không tạo điều kiện để ngựa sinh sống hoặc đi lại. Theo sách vở về động-vật-học thì có cái lạ là xưa kia Nam Bán Cầu hầu như không có ngựa. Người ta liên hệ việc đó với các nền văn minh như của dân Azteque trên đất Mexico xưa và nhận xét rằng nó chỉ cục bộ, không bành trướng ra được vì không có ngựa để tạo phương tiện chuyển vận. Ở phương Tây những câu danh ngôn kiểu: "Nền văn minh nhân loại được mở rộng ra theo vó ngựa" là rất phổ biến. Bên Tàu, các Bá các Vương khi gặp thời thường có cái kiểu nói: "Ta ngồi trên lưng ngựa với ba thước gươm mà lấy được thiên hạ!"

Sách "The History of philosophy" của Will Durant có kể một giai thoại về triết gia Schopenhauer (người Đức, thế kỷ 18-19) như sau. Mấy anh hầu bàn nơi tiệm ăn mà nhà phi-lô-dốp vẫn thường tới ăn trưa có nhận xét là cứ bắt đầu vào bàn thì ông ta móc từ trong túi ra một đồng tiền vàng (cứ tạm coi như bằng 100 đô-la ngày nay để ta có một ý niệm), đặt lên bàn, rồi bắt đầu ăn. Ăn xong, ông ta khẽ nhún vai một cái, cầm lấy đồng tiền vàng bỏ lại vào túi và đứng giậy. Năm lần mười lượt như thế, đám hầu bàn tò mò quá sức, chịu không nổi, bèn đánh bạo hỏi ông lý do. Ông thản nhiên đáp: "Có gì đâu! Tôi đã tự hứa với mình là nếu có bữa nào tôi không phải nghe cái đám đàn ông người Anh ở những bàn bên nói về ngựa và đàn bà thì tôi sẽ đem đồng tiền vàng ấy đi cho một cơ quan từ thiện, thế nhưng mãi vẫn chưa thấy có gì thay đổi!"

Ngựa được phân ra làm nhiều giống loại. Có giống cao và to, có giống bé và lùn. (Ngựa loại nhỏ nhất là cái con "Mã" trên bàn cờ Tướng!) Có giống thon thả gọn gàng, có giống vai u thịt bắp, béo khỏe chả khác gì con bò hay con trâu. Loài người cứ theo đó mà dùng ngựa vào những việc khác nhau. Có ngựa chỉ dùng để kéo xe. Có ngựa chỉ dùng, bên phương Tây, để kéo cày. Có ngựa chỉ dùng để tỉ thí ngoài trường đua. Có ngựa chỉ nên dùng để đánh trận. V.v... Và dù là giống gì đi nữa, thì ngoài những con "danh mã" có tên tuổi trong Lịch sử, có định mệnh không thuộc loại "làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai" như trong Thơ Kiều, rốt cuộc thì hầu hết vẫn bị giết làm thịt! Trở lại cái cầu "danh ngôn" của Ông Hầu Tước người Pháp De Buffon; ông ấy nói rằng ngựa là cái màn "chinh phục cao đẹp nhất của giống người" thì cũng chả khác gì Ông ấy nói rằng, nếu còn sống tiếp, các thuộc địa Châu Phi, Châu Á, Đông Dương của nước thực dân Pháp về sau là

những cuộc chinh phục "cao đẹp nhất" của nước Đại Pháp! Bởi Ông De Buffon thừa biết rằng sau khi xài ngựa chán chê, người ta giết nó để ăn thịt! Da thì thuộc đi để làm món này món nọ. Đuôi ngựa thường thì dùng vào việc thường; còn đuôi ngựa trắng thì dùng để gắn vào cái "archer" cho mấy anh kéo "violon." Mà có đói quá, đem giết nó làm thịt thì ít ra còn có cái lẽ cho sự giết chóc. Đàng này, no cơm rửng mỡ rồi lại còn cái màn "Trảm mã trà": cho con ngựa nhai trà, xong rồi trong quá trình những cọng trà đó đang di chuyển xuống bao tử ngựa thì người ta cắt cổ con ngựa, lấy chất trà đã được trộn với dịch vị của ngựa, đem ra phơi xấy rồi uống, vì có như thế mới là cực kỳ "sành điệu"! "Cao đẹp" với chẳng "cao đẹp"!

Có cao đẹp chăng là ở ngay nơi bản chất của loài ngựa. Trước hết, ở với người, nó rất "chi tình"; và điều ấy thì loài người ở khắp mọi nơi, mọi thời đều biết. Không những thế, và điều này mới quan trọng: "một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ"! Ta rất hiếm-khi nghe chuyện ngựa đá nhau đến chết để tranh con cái. Ngay nơi cái giống người mà xưa kia bên Tàu người ta gọi là "vạn vật chí linh," thứ giống vật cao đẹp nhất trong mọi giống vật, thì dễ mấy ai dám khẳng định rằng cứ nhất thiết là ngay giữa những bạn bè thân nhân chí cốt, một người này gặp hoạn nạn thì những người kia đau lòng đến mất ăn mất ngủ?

Ngược lại, để miêu tả đức tính thẳng thắn của giống người, dân ta ví von rằng người ấy "tính thẳng như ruột ngựa." Chả ai cả dại đi ví von rằng con ngựa nào đó "tính thẳng thắn như ruột người"! (Hoặc để nói lên cái tính hồn nhiên của một người thì dân ta lại quen nói: "Cái anh hay chị ấy tính rất phổi bò"!)

Biểu tượng con ngựa đối với giống người đẹp đẽ đến cái độ mà sử gia kiêm triết gia Xenophon bên Hy Lạp thời cổ đại (430-354 trước CN) có lưu lại sử sách câu: "Chỉ khi được thể hiện trên mình những con ngựa nòi thì các Thần Linh và các anh hùng danh tướng mới thật là sáng giá." Ta giở sách Lịch sử có minh họa của tất cả các nước trên thế giới, không trừ một nước nào, cho đến hết Thế Kỷ 20 thì may ra mới thưa dần hình ảnh các Vua Chúa, Tướng Lãnh, danh nhân ngồi trên lưng ngựa. Người Trung Hoa, rồi đến ta bắt chước, thường treo tranh có vẽ tám con phi-mã trong tiệm buôn hoặc ở tư gia. Phải đúng là tám con, bởi "bát" có âm hưởng như chữ "phát". Nếu chỉ có bảy con là hỏng to, vì đã là "thất" thì còn làm ăn gì nữa? Mà xin nhớ dùm cho là có muốn biếu tranh ngựa cho ai thì cứ việc mua các tranh tám con ngựa chạy-như-điên, vẽ vời ngớ ngẩn hay rẻ tiền thế nào cũng được, miễn là tám con và tám con cùng chạy. Muốn chơi trội, nhè đi mua tranh ngựa loại mỹ thuật, sơn dầu hoặc thủy mạc gì đó, vẽ một hai con ngựa ung dung gặm cỏ trên đồi xanh, rồi biếu người ta vào ngày đầu năm đầu tháng, người ta chẳng cảm ơn thì chớ lại còn mắng cho là "tối dạ, là không am hiểu phong tục tập quán gì hết" thì rõ ràng sẽ đau còn hơn là bị ngựa đá!

Nghệ thuật hội họa của các nước, không trừ một nước nào, có những thời mà hễ có phong cảnh, có người là phải có con ngựa cạnh đấy! Ngay cả từ thời Tiền Sử, các bức vẽ trong hang đá cũng đầy rẫy bóng dáng ngựa!

Còn ngựa trong Văn Học thế giới thì khỏi còn phải nói! Nếu phải đơn cử ví dụ thì vô phương, vì nhiều quá! Tạm đơn cử vài ví dụ điển hình trong Văn Học nước Tàu, nước ta:

Mở tập "Đường Thi" ra xem, có thể nói không sợ sai là cứ dăm bài Thơ của các "Danh Sư" đã thấy có bài đề cập đến con ngựa! Trích ra không xuể! Ví dụ:

Mục đồng khu độc phản
Liệp mã đới cầm quy

(Mục đồng lùa trâu về nhà, ngựa săn đem theo về chim đã săn được)

(Vương Tích; bài "Dã Vọng")

Hạ mã ẩm quân tửu
Vấn quân hà sở chi
Quân ngôn bất đắc ý

v.v..

(Xuống ngựa, uống với nhau chén rượu, hỏi nhau xem "Anh tính đi đâu đây?" Anh nói là Anh có chuyện bất mãn, v.v.)

(Vương Duy; bài "Tống Biệt")

Nha chương từ phượng khuyết
Thiết kỵ nhiễu long thành

(Ấn ngà rời cổng phượng, ngựa sắt chạy quanh thành)

(Dương Quýnh; bài " Tòng Quân Hành)

Vân khai Vấn thủy cô phàm viễn
Lộ nhiễu Lương Sơn thất mã trì

(Rẽ mây trên sông Vấn là cánh buồm xa cô quạnh; quanh nẻo Lương Sơn là vó ngựa một mình chậm rãi)

(Cao Thích; bài tiễn Lý Thẩm)

Mã thượng tương phùng vô chỉ bút
Bằng quân truyền ngữ báo bình an

(Tình cờ gặp nhau trên lưng ngựa, không sẵn giấy bút, vậy thì nếu bạn có gặp người thân của tôi, xin nhắn dùm là tôi vẫn bằng an) (Sầm Tham; bài "Phùng nhập Kinh Sứ").

V.v... và v.v...

Qua đến bên ta:

Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong, thu đã nhuốm màu quan san

(Truyện Kiều - Nguyễn Du; có thể nói là một trong những câu câu đẹp nhất có hình ảnh con ngựa).

Tập Thơ "Chinh Phụ ngâm diễn Nôm" có thể nói là phong phú nhất về hình ảnh con ngựa:

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao
Giã nhà đeo bức chiến bào
Thét roi cầu Vị, ào ào gió thu
.....
Áo chàng đỏ tựa ráng pha
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in
.....
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền
.....
Xông pha gió bãi trăng ngàn
Tên reo đầu ngựa dáo loang mặt thành
.....
Hơi gió lạnh người rầu mặt dạn
Giòng nước sâu ngựa nản chân bon
v.v...

(Chinh Phụ Ngâm diễn Nôm - Đoàn Thị Điểm)

Mùi phú qúy nhử làng xa mã
Bả vinh hoa lừa gã công khanh

(Cung oán ngâm khúc - Nguyễn Gia Thiều)

Lối xưa xe, ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

("Thăng Long Thành hoài cổ" - Bà Huyện Thanh Quan)

Nhong nhong ngựa Ông đã về
Cắt cỏ Bồ-Đề cho ngựa Ông ăn

(Ca Dao)

Dừng cương nghỉ ngựa non cao
dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon

(Huy Cận, trong tập "Lửa Thiêng," trước 45)

Tô Châu lớp lớp Phù Kiều
Trăng đêm Dương Tử mây chiều Giang Nam
Dặt dìu vó ngựa quá quan
Cờ giăng ý cũ mây dàn mộng xưa

(Hồ Dzếnh ?)

Trên đây chỉ là một trong muôn vàn những cái có thể trích dẫn! Trong văn chương bình dân còn có bài "Lục súc tranh công" nhưng người viết ở đây không không trích dẫn vì "tứ Thơ" thì cũng thường; trong sáu con gia súc tranh nhau kể công thì ngựa khoe mình có cái mặt dài hơn ai hết, rằng mình làm đủ thứ việc lớn việc nhỏ, theo người đi đánh Nam dẹp Bắc, gần kề Vua Chúa, v.v.. Chỉ hiềm có chỗ người viết ở đây thấy không "khoái" cho lắm: cái đoạn ngựa kể công phò nhà Hán của ông Lưu Bị và cái công phò ông Quan Công! Tác giả đã là người Việt Nam thì ngựa Việt Nam phò các trào Đinh Lê Lý Trần... cũng đủ mệt rồi, việc gì lại phải qua mãi tận bên Tàu? Nước nào ngựa đó thì nghe xuôi tai hơn! Ngoài ra còn có câu: "Mỏi gối lưng phò xã tắc"; theo sách vở về Động Vật Học thì cái mà ta nghĩ là

TƯỜNG LINH

VƯỜN THÁNG GIÊNG

Xuân tròn căng nụ biếc
Gió còn thơm bao miền
Đời xôn xao tuổi mới
Chim hót vườn tháng Giêng

Cây thêm cành mới lớn
Dang tay đón nắng trời
Vườn thêm nhiều bướm đẹp
Báo mùa Xuân chưa vơi

Cỏ non viền lối sỏi
Mong đợi bước chân người
Chỉ một người trở lại
Thăm vườn Xuân đôi mươi

Một người còn thiếu mặt
Lỡ mất hội Xuân quê
Đã qua mùa hoa bưởi
Lại qua mùa hoa lê

Người trở về đứng lặng
Tìm lại cõi Xuân riêng
Ngọt ngào giai điệu nhớ:
Chim hót vườn tháng Giêng.

Xuân Nhâm Thân 1992

đầu gối nơi cẳng con ngựa thực ra nó có công dụng của cái "mắt cá"!

Trong văn vần đã vậy, trong văn xuôi thì lại càng không biết đâu mà kể! (Trong các bài hát nổi tiếng như Chiến Sĩ Việt Nam của Văn Cao, Chinh Phụ Ca của Phạm Duy, hai bài Hòn Vọng Phu I và III của Lê Thương, và nhất là bài Ngựa phi đường xa của Lê Yên... cũng đều có bóng dáng con ngựa).

Bên phương Tây, cả một cái thời Lịch Sử có bóng dáng của các chàng "Hiệp Sĩ," khi ta dịch ra cái ý "hào hùng" "hào hiệp" của đám Hiệp Sĩ ấy (mà người ta đã đưa chán chê vào phim ảnh) thì ta lại không lột được cái chữ gốc "Chevalerie," "Chevalier" (tiếng Pháp) với ngọn nguồn không gì khác hơn là chữ "cheval" để chỉ con ngựa!

Cứ tưởng tượng cái cảnh mấy chàng "Hiệp Sĩ Bàn Tròn" của Vua "Richard Of The Lion's Heart" bên Anh, thay vì cưỡi ngựa thì lại đi cưỡi bò nếu như không có cái giống ngựa! Còn gì là mỹ thuật ?

Thế rồi lại còn Thành Cát Tư Hãn chẳng hạn! Chẳng lẽ không có ngựa thì lão ta xua quân Mông Cổ đi chinh phục Đông Âu, Trung và Tiểu Á trên lưng trâu? Coi sao được ? (Tương truyền rằng khi đánh vào đến Trung Nguyên bên Tàu, một bề tôi của Thành Cát Tư Hãn có nói với y rằng "Bệ Hạ nên nơi nới tay một chút bởi nước này có Khổng Phu Tử" thì TCTH bèn quắc mắt nạt: "Khổng Tử là thằng nào? Nó có biết cưỡi ngựa bắn cung hay không?")

Ở bên Mỹ này, không có ngựa thì làm gì có biểu tượng đặc trưng của Mỹ là "Cow-Boy"? Làm gì có các phim với cảnh đám "pioneers" đi khai sơn phá thạch đấu súng với mọi da đỏ trên lưng ngựa, rồi kế đó toán kỵ binh của quân đội thổi kèn kéo đến tiếp cứu? Đọc truyện Tàu, tưởng không có hình ảnh nào oai phong lẫm liệt cho bằng cảnh một danh tướng "một mình một ngựa xông thẳng vào giữa chốn ba quân"! Trong phim ảnh loại "Western" của Mỹ thì cũng chẳng khác gì: một anh Cow-Boy, một mình một ngựa, hai bên hông lủng lẳng hai khẩu súng "Colt" (tiếng Mỹ có nghĩa là "ngựa con"), bên yên ngựa giắt khẩu súng trường "Windchester," cứ thế mà lang bạt đó đây trên bước đường trừ gian diệt bạo, để rồi một buổi hoàng hôn rực rỡ trong các thước phim Technicolor sau khi đã "OK Corral" xong một bọn hắc ám nào đấy- thì chàng lại lững thững rong ngựa ra đi ("riding in the sunset"), để lại không biết bao nhiêu luyến nhớ sầu vương trong lòng một mợ nào đấy!

Không có ngựa trên thế gian này thì rõ ràng là Lịch Sử và đời sống nhân loại đã khác đi nhiều lắm! Lấy vũ khí, năng lượng làm ví dụ để so sánh thì tưởng không sợ phạm ngoa ngôn là nếu coi giống ngựa như tương đương với vũ khí hoặc năng lượng nguyên tử trong những cuộc chiến tranh, chinh phạt trên các chặng đường tiến hoá của nhân loại, thì các giống vật khác, từ trâu bò, dê cừu trở xuống chả khác gì là cung nỏ vớ vẩn!

Hình tượng của con ngựa đã đi vào ngôn ngữ trong đời sống dân gian từ bao đời bao kiếp nay ở khắp mọi nơi.

Ta quen với những cách nói như sau: "Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã" để chỉ cùng một cái ý về những kẻ "đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu."

Để "mô tả" những phường lưu manh, đầu trộm đuôi cướp thì người ta gọi chúng là bọn "đầu trâu mặt ngựa" (cũng lại có câu: "Bọn chúng là cái thứ ngưu trâu mã ngựa"). Tự dưng lại đâm ra oan uổng cho cả trâu lẫn ngựa; bởi trâu và ngựa làm sao lại có thể mắc míu gì đến những cái lưu manh đểu cáng của giống người?

Để chỉ một người thuộc phái nữ có tính phong tình lả lơi, cách nói dân gian ở bên ta thường là: "Cái con mụ đó, cái con nhỏ đó nó "ngựa" quá!" Hoặc, dữ dằn hơn, khi phụ nữ họ dánh ghen rồi gọi nhau là "đồ đĩ ngựa"! (Nhà văn nữ George Sand bên Pháp thời thế kỷ 18, một trong các người tình của Nhạc Sĩ Frederich Chopin người Ba Lan, có viết câu này: "Phụ nữ chúng tôi đâu có phải lo dạy dỗ cho đám con gái mình để rồi cánh đàn ông của các ông xử sự như là với những con ngựa cái?") Cũng lại oan cho giống ngựa cái! Ngựa nó có "ngựa" đến mấy thì cũng là do lẽ thiên nhiên, do bản năng. Tội nó!

Đàn ông đàn bà khi làm chuyện âm dương rồi anh đàn ông bị nhồi máu cơ tim hay xuất huyết máu não sao đó, lỡ chết bất đắc kỳ tử thì chả hiểu sao bên ta vẫn quen gọi theo kiểu dân gian là "thượng mã phong"! Vớ vẩn! Vừa chả mắc mớ gì đến ngựa (thế nằm thì sao lại có thể ví với cái thế cưỡi?) vừa tội cho người phụ nữ! Người ta có tội tình gì mà lại đi ví người ta với ngựa ? Mà cũng lại ảnh hưởng không tốt cho một hình tượng tốt đẹp khác là "Tinh thần mã thượng"!

Theo rõi các đối thủ trên chiến trường, trên chính trường, trên trường đời nói chung, rồi dự kiến một bên nào đấy sẽ thắng, nhưng rốt cuộc thì bên khác lại thắng thì ta có câu:"Ngựa về ngược"! (Cụm từ "dark horse" trong tiếng Anh thì có nghĩa khác; nó có nghĩa là một đấu thủ không ai ngó ngàng gì đến thì hoá ra lại thắng cuộc).

Nói năng thiếu cẩn ngôn rồi sau đó đính chính lung tung, xin lỗi lung tung, phân bua lung tung là

chuyện từ bao đời bao kiếp nay vẫn xảy ra hàng ngày, trong mọi giới, mọi nơi. Trong khi cũng từ bao đời bao kiếp nay ai ai cũng cứ tự cho rằng mình "dư biết" cái câu "Nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy"!

Người ta ví những người thuộc loại"có tài có tật" với "ngựa chứng là ngựa hay"! Ngựa thì tất nhiên là không biết gì về cái câu ví von đó, bởi chưa ai từng nghe ngựa này nói với ngựa kia: "Đằng ấy sanh chứng, nhưng đây cũng biết rằng đằng ấy chạy nhanh hơn bọn này nhiều!" Chỉ có người thì mới đưa cái chiêu bài đó ra để tìm chỗ gỡ cho những chứng hư tật xấu của mình!

Dân gian cũng còn có câu: "Ngựa quen đường cũ" để chỉ những người mắc chứng hư tật xấu nhưng không bỏ được. Chẳng hạn như cách nói: "Cái tay đó ít lâu nay tưởng đã bỏ được thói gian manh xảo quyệt nhưng rồi bây giờ ngựa quen đường cũ, đâu lại hoàn đó!"

Riêng động tác "chạy," đã không ví von thì thôi, còn như đã ví thì chỉ có thể nói là "chạy như ngựa"; mà theo như người ta ước tính thì khoảng 70 cây số một giờ! Trước khi chạy thì tất nhiên là ngựa phải ra khỏi chuồng. Ngựa bị nhốt trong chuồng thì chồn chân chồn cẳng. Bởi thế một anh chồng, chẳng hạn, bị vợ quản thúc ngặt nghèo quá, kịp đến khi được "phái" cho đi mua bán gì đấy cho "bà nhà" thì hí hửng chả khác gì "ngựa xổng chuồng"!

Đặc biệt ở nước ta, khi xưa các học trò ra Kinh Đô thi cử, đỗ đạt xong rồi thì Vua ban cho con ngựa về làng để "Vinh Quy" ! Và thế là có cái màn "Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau "; "nàng" cũng vì thế mà được thơm lây tí hơi ngựa ! Chỉ có Ông Trần Tế Xương nhà ta, thi mãi cái Cử Nhân vẫn trượt, không có ngựa để mà cưỡi bèn buồn tình đem ngựa vào Thơ cho nó đỡ buồn:

Nước quạt chưa xong, con nhảy ngựa
Trống chầu chưa dứt, Bố lên thang "

(Ông ấy mà đỗ rồi làm quan thì rất có thể nền văn học nước ta lại có một nhà Thơ khác chứ không phải một Tú Xương như dân ta vẫn yêu mến!)

Ở các nước đã phát triển mạnh về cơ giới thì tuy ít còn dùng ngựa làm phương tiện chuyển vận nhưng người ta vẫn lấy ngựa để làm đơn vi đo lường năng lực của máy móc, cơ giới. Người ta nói cái xe này hoặc cái máy kia "mạnh" bao nhiêu "Mã Lực."

Cam kết với nhau về tình, về tiền, cuối cùng không giữ lời, lánh mặt hoặc bỏ trốn thì người ta nói rằng "cái thằng hay con- đó nó hát bài tẩu mã" hoặc nó "quất ngựa truy phong"!

Ngựa cũng có đóng góp chút ít vào triết học; qua giai thoại cổ xưa, vụ "Tái Ông mất ngựa." Ông lão mất con ngựa, thiên hạ chia buồn, ông nói "Để còn coi đã, chưa biết sao." Vài hôm sau, con ngựa kia lò dò về, dắt theo một con ngựa hoang nó đi dụ dỗ ở đâu được. Làng xóm mừng cho ông lão thì ông lại chép miệng: "Chờ đấy đã; chưa biết hay dở thế nào." Vài bữa sau, quả nhiên thằng con trai cưỡi con ngựa mới, loay hoay sao đấy ngã què chân! Câu chuyện ngụ ngôn ấy nói về cái lẽ phúc-họa cặp kè!

Ngựa vô tình, lắm khi lại can dự vào những trò dã man mà súc vật không thể có; chỉ có giống người mới có! Ấy là cái trò "voi dầy ngựa xé"! Vua Gia Long thanh toán được nhà Nguyễn Tây-Sơn rồi thì con trai Nguyễn Huệ là Nguyễn Quang Toản, 10 tuổi nhắc lại: 10 tuổi- được cho ăn một bữa cơm cuối cùng, rồi người ta cột chân cột tay vào bốn con ngựa để xé xác thằng bé! (Cùng thời điểm thì hai mẹ con Bùi Thị Xuân bị đưa ra pháp trường cho voi dày! Đại để những cái như thế trên đất "Bốn Nghìn Năm Văn Hiến" với toàn là con của Rồng và cháu của Tiên cả!)

Nói về cái "vô tình" của ngựa trong những việc dã man tàn bạo như ở trên thì tưởng cũng nên nhìn rộng ra để thấy rằng qua bao cuộc chiến tranh sát phạt trong lịch sử nhân loại, phần "đóng góp" -dù là vô tình- của ngựa không thể gọi là nhỏ! Có thể cũng vì vậy mà tại sao một con vật sinh động như thế, hiền lành dễ thương như thế, và có vai trò lợi hại như thế đối với giống người thì chung cuộc vẫn thường phải chịu cái số phận bạc bẽo! Có thể coi đó như là "cộng nghiệp"! Nó chẳng may can dự, dính líu vào những mưu toan độc ác của con người, hoá cho nên dù không phải là đồng lõa, nó vẫn ít nhiều gì đấy rước lấy cái nghiệp khá nặng!

Đến đây thì có một cụm từ cần được triển khai rộng ra một tí! Ấy là mấy chữ "Mó dái ngựa."

Mấy chữ đó được dùng để chỉ những ai đang sống yên lành rồi tự dưng trót dại đi động chạm đến những kẻ có quyền lực. Con ngựa thì xưa nay ngoài cái ngón sở trường là chạy, nó lại còn biết đá! Có truyện ngụ ngôn kể rằng ngựa bị cọp đuổi chạy một hồi, đến một bụi rậm không còn chạy được nữa thì bèn thắng lại, cắm đầu vào bụi và cứ thế mà búng cẳng, đá hậu! Cọp quan sát một hồi, thấy ngoài cái ngón phản kích đó ra thì ngựa không còn "chưởng" nào khác nên quay ra tấn công đàng phía đầu. Tất nhiên là ngựa chết! Người lạ, ngựa không quen biết gì, thì ít có mấy khi dám lởn vởn ngay phía sau đuôi ngựa. Bởi thế mà "mó dái ngựa" thì lại là điều càng không nên làm! Từ nghìn năm nay, dân ta vẫn mượn cái ý mó máy đó để ám chỉ những ai liều mạng đi

chọc ghẹo những kẻ có quyền thế. Cái ý thì dung tục, nhưng cái nghĩa của nó thì lại sâu sắc! Ví dụ: để hiểu cho ra tại sao ở nước ta chẳng hạn, người Hoa kiều sống giữa cộng người Việt suốt mấy nghìn năm tương đối "đề huề." Ngoài cái mặt văn hoá, dân ta tiếp thu phong tục tập quán chữ viết v.v... của Trung Hoa từ bao thế hệ trước, sau cả nghìn năm bị "Tàu" đô hộ, còn có một cái rất sờ sờ ra đó: cả cái nước Trung Hoa nó nằm lù lù ngay đấy ở biên giới phía Bắc! "Bứt giây thì động rừng," dân ta hiểu rõ như thế! Sau năm 75, Cộng Sản VN chơi bạo, "đụng" đến người Hoa kiều! Đặng Tiểu Bình bèn lấy đó làm một trong những cái cớ để suy ra rằng CSVN theo hẳn Nga Sô và có "thái độ thù địch," "thái độ khiêu khích" đối với "Thiên Triều"! Thế là có vụ Trung Quốc bật đèn xanh cho Khờ-me đỏ tàn sát Việt kiều ở Campuchia và người dân Việt ở các tỉnh biên giới Tây-Nam! Nói khác thì tức là CSVN đã "mó dái ngựa Trung Quốc"!

Ví dụ khác: cánh Lê Đức Thọ-Trần Quốc Hoàn gài cho Hồ Chí Minh cặp với một phụ nữ, rồi có con với người ta, rồi cũng lại hai tay đó âm mưu thủ tiêu người phụ nữ xấu số đó, nhưng vì "chế độ ta" có lực lượng Công An và hệ thống trại giam rất hiệu nghiệm nên cả mười mấy triệu dân miền Bắc thời đó một là không ai biết gì về những việc đó, hai là cho dù có biết thì cũng chẳng ai điên dại gì mà lại đi "mó dái ngựa"! Cái khác nơi một nước tự do dân chủ thứ thiệt là kẻ có quyền lực đến mấy thì vẫn không thể hành động trên Hiến Pháp, trên Luật Pháp. Bởi thế trước đây bên Mỹ này ông Clinton ông ấy có lăng nhăng với cô này cô kia trước hay sau khi lên làm Tổng Thống thì các cô hoặc báo chí hoặc người dân người ta vẫn có thể mó máy ông ta thoải mái, không sợ bị đá bị điếc gì hết! Tháng Chín Dương Lịch năm 2000, tay khủng bố Bin Laden không biết mình biết người đưa bầy tôi vào khủng bố trên đất Mỹ thì rõ làng là mó dái một con ngựa trận! Phải chăng tiếng Ả-rập (ngôn ngữ gốc của thằng Bin này) không có câu "mó dái ngựa" để hắn biết đường mà cảnh giác?

Năm hết Tết đến, lại là năm ngựa, thì thể nào ta cũng lại có dịp nghe thiên hạ bàn luận về câu sấm "Mã đề Dương cước..." của Nguyễn Bỉnh Khiêm khi xưa! Phe căm ghét Cộng Sản đang cầm quyền ở bên nhà thể nào cũng lại hí hửng rỉ tai nhau rằng: "Chúng sẽ chết đến nơi, vì Cụ Trạng truyền lại rằng 'Mã đề Dương cước anh hùng tận.' Chớ! Chớ có làm như thế! Ngoại trừ trường hợp các vị chống Cộng ấy mặc nhiên thừa nhận rằng cái đám CS ở bên nhà xưa giờ là "anh hùng"! Nếu có thích "Sấm Ký" gì đấy thì nên bỏ thời giờ ra mà rà soát lại, coi xem Cụ Trạng Cụ ấy viết là "gian hùng tận" hay "anh hùng tận". Nếu đúng Cụ viết là "anh hùng tận" thì năm Nhâm Ngọ này Cộng Sản Việt Nam chưa tận!

Năm mới này, ngoài cái tên Ngọ còn thêm chữ "Nhâm" đàng trước! Bên ta vẫn quen nói "Nam Nhâm, Nữ Qúy "! Con trai sinh vào năm "Nhâm" (chiết tự ra thành chữ "Vương") là số một ! Các cặp vợ chồng trẻ hoặc già, nếu còn sức- có được tháng Giêng và tháng Hai âm lịch để bàn định kỹ với nhau xem có nên kiếm tí "Nhâm" trong năm hay không. Chỉ có cái kẹt: lỡ không ra thằng cu mà lài lòi ra cái "hĩm" thì trật mất quẻ! Có điều là cứ theo phép "Dịch" mà luận thì cái ứng cho phái Nam giờ này không còn nhất thiết là chỉ ứng cho phái Nam, và ngược lại đối với can "Quý"! Phái nữ đã từ lâu nhảy qua làm những việc xưa kia chỉ dành cho phái nam, và ngược lại. Do đó, nhắc lại, ta có hai tháng đầu năm Âm Lịch để đưa cái vụ "Nhâm" đó "vào Kế Hoạch"! Để đến tháng Ba là kể như "tác phẩm" sẽ lọt vào can "Quý" của năm "Qúy Mùi" 2003! (Thì rồi ra cũng vẫn được!)

Đầu năm đầu tháng, thể nào bá tánh cũng đem lá số Tử-Vi ra cho các "Thầy" xem lại, hoặc ghé các nơi bói toán để xem tí quẻ đầu năm. Người viết ở đây lần đốt tay bấm độn, thấy cần căn dặn độc giả bốn phương là năm Ngựa thì nên tránh cái món "Cá Ngựa," vì quẻ cho thấy là: "Vui ít, buồn nhiều"! Ai không tin, cứ làm thử rồi sẽ biết!

Năm Ngựa, nhân dịp đầu Xuân thì ta chỉ nên tạm quên những việc thế sự trong một đôi ngày để cho tâm trí nó được thảnh thơi đôi chút! Và nếu như trong cả trăm điều tốt lành giữa đồng loại, đồng bào với nhau ta còn thấy lấn cấn, khó làm cho hết, thì trong năm tới đây chí ít ta cũng chúc nhau xử sự sao cho xứng với tinh thần "Mã Thượng." Không tủi cho con Ngựa! Nếu viện lẽ rằng thời nay không còn cưỡi ngựa nữa, việc gì phải cư xử với nhau trên tinh thần "Mã Thượng" thì xin xét lại cho thật kỹ! Hàng ngày ta vẫn cưỡi không phải một ngựa mà tối thiểu là 108 Ngựa "ém" trong cái "Echo" chẳng hạn, tức là cái thay thế thằng hạng bét trong đám Toyota là cái "Tercel" của những năm trước đây! Tức là lẽ ra, để cho văn hoá theo kịp với văn minh kỹ thuật, phải có tinh thần "Mã Thượng" gấp 108 lần trở lên! Nhưng cứ xem nội cái việc thiên hạ tranh đường tranh nẻo khi lái xe, tranh chỗ đậu xe ở các tiệm ăn, các cửa hàng hoặc Siêu Thị thì tinh thần "Mã Thượng" không những đã không tăng gấp 108 lần so với thời cổ mà ngược lại: gặp nơi, gặp người nó lại còn giảm đi gấp 108 lần! Tủi cho loài ngựa!

Xuân Nhâm Ngọ

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Hoa Sen và Lượng Tử – "The Quantum and the Lotus"

Người đọc: Nguyễn Hùng Vũ

Bản dịch tiếng Anh từ nguyên tác Pháp ngữ *L'Infini dans la Paume de la Main*, một tác phẩm nghiên cứu khoa học/triết lý Phật giáo của hai tác giả **Matthieu Ricard** và **Trịnh Xuân Thuận** biên soạn. Bản tiếng Anh dầy 312 trang, nhà xuất bản Crown, NewYork, số danh bộ ISBN 0-609-60854-1. Xuất bản tháng 12 năm 2001.

Đức Đạt Lai Lạt Ma có nhận xét như sau, "*Cuốn sách là một thành quả mỹ mãn của một cuộc đối thoại sâu sắc giữa khoa học Tây phương và Triết lý Phật giáo. Tác phẩm đáng kể này sẽ là một đóng góp lớn giúp chúng ta đi tìm ý nghĩa thật sự của thiên nhiên cũng như giúp ta trong cách xử thế và ăn ở trên đời.*"

Matthieu Ricard, tăng sĩ Phật giáo người Pháp được biết tiếng qua tác phẩm *Tăng Sĩ* và *Triết Gia* (Le Moine et le Philosophe) cùng tác giả với thân phụ là nhà triết học Jean-Francois Revel. Xuất thân là một khoa học gia, Matthieu Ricard bỏ nghề, thí phát đi tu. Hiện ông sống và tu tập tại Nepal và là dịch giả tiếng Pháp chính thức của đức Đạt Lai Lạt Ma.

Trịnh Xuân Thuận, nhà thiên văn và vật lý không gian, nổi tiếng với những tác phẩm như *Giai Điệu Bí Mật, Hỗn Mang và Hài Hòa*. Ông xuất thân từ CalTech, đại học danh tiếng tại Pasadena, California. Hiện ông là chuyên gia nghiên cứu sự tạo thành của những nhóm thiên hà-*galaxy formation*.

Hai người gặp nhau tại một hội đồng đại học năm 1997. Cơ duyên đến với họ khi họ đưa ra một số đề tài vật lý và triết học Phật giáo để cùng thảo luận. Tác phẩm này là tập hợp của những đề tài nghiên cứu ấy.

Tác phẩm gồm 15 chương. Mỗi chương thảo luận về một đề tài khác nhau, như tâm thức, sự bắt đầu và tận diệt của vũ trụ, sự sống ngoài địa cầu, luân hồi tái sinh đầu thai, khả năng tự cảm và tự hiểu của máy tính-AI, thời gian và nghịch lý thời gian, quan niệm về thức giác và thể xác-mind/body, định luật thiên nhiên, ý niệm về cái đẹp và cân xứng, tính bất khả phân của vi hạt-*inseparability* (còn gọi là tính phi thời-không), tính phân nhánh của hệ môi sinh mở-*bifurcation of open systems*, nguyên lý tự phối hợp-*self organization principle*, sự hiện hữu khách quan của sự vật, và những vấn đề nhân sinh và xã hội hiện đại kể cả những vấn đề thuộc lãnh vực siêu linh-*paranormal* như NDE - trạng thái của người sắp chết.

Tính phi thời-không - *nonlocality,* là một tính chất căn bản của vật chất ở trạng thái hàm sóng - *wave function*. Trong trạng thái này, một yếu tính của vi hạt như vòng quay (spin) không bị thuyết tương đối chi phối. Chúng nối liền với nhau xuyên qua không-thời gian. Đây là một khám phánền tảng thoát thai từ một thí nghiệm của Einstein được biết đến là EPR. Hình như Phật giáo gọi tính chất này là tính đồng nhất thể-*interconnectedness*.

Đức Phật đã nói về bản chất của không gian như sau:

"*Không gian sẽ không còn tính chất thực hữu của nó nếu không có những sự vật đây đó như mặt trời hay mặt trăng.*"

Albert Einstein, cha đẻ ra lý thuyết không-thời gian, cũng đã phát biểu, "*Vật chất là yếu tố cần thiết tất hữu để cho không gian mang tính hiện thực của nó.*"

Hai trí tuệ lớn của hai nền văn hóa khác nhau 25 thế kỷ đã có cùng những nhận thức tương tự,

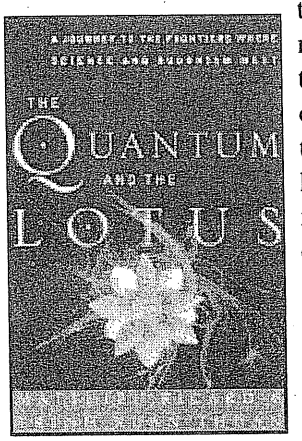

tuy rằng với Einstein, nền không thời gian có thể co dãn vì sự hiện diện của vật chất. Với thuyết tương đối, không gian trở thành một khối vô cùng rắn chắc và chỉ có những vụ siêu sao phát nổ mới có thể tạo ra những *gravity waves* - sóng hấp lực, làm di động và rung chuyển

nền không gian.

Matthieu Ricard đưa ra một số giải thích tinh vi và sâu sắc. Những vấn đề ông đề cập hầu hết là những nghi vấn triết lý quen thuộc. Người đọc có thể hiểu rõ hơn về những điểm triết lý chính của Phật giáo trong việc giải thích tâm thức, ngoài ra, ông cũng trình bầy cách tu tập, cách hành đạo trong Phật giáo để phát huy Phật tính của mỗi cá nhân, những phương pháp thiền quán giúp người tu hành có một cuộc sống an bình và yên ổn trong tâm hồn. Phật giáo quan niệm hư vô / nihilism, sự trống không / nothingness, và chân như / emptiness không giống nhau. Cuốn sách cũng đề cập đến những biện chứng sắc bén về tính không của triết gia trung đạo Nagarjuna (Long Thọ Bồ Tát).

Chương 13 bàn về hai trình độ biết (knowledge) của khoa học và khả năng minh triết (higher awareness) của Phật giáo và là một chương quan trọng.

Tuy nhiên, đề tài chính của cuốn sách vẫn là những khám phá của thuyết lượng tử về bản chất sự vật và ý nghĩa triết lý. Khoa học hiện đại tận dụng hiểu biết về thuyết lượng tử vào những ứng dụng kỹ thuật nhưng mặt siêu hình vẫn chưa được triết gia nghiên cứu đến nơi chốn. Những bàn cãi giữa hai tác giả có mục đích nhằm tìm hiểu những tương quan giữa khoa học và Phật học trong việc giải thích thực tại, và theo tôi, nếu có những tương quan đáng đề cập nhất, đó là Phật giáo và thuyết lượng tử đều phủ nhận một "thực tại khách quan - objective reality." Ngoài ra, tâm thức và tính liên kết của hiện tượng (interdependence of phenomena) là những tương quan khác.

Trang 76, Gs Thuận đã hỏi sư Matthieu một câu quen thuộc nhưng khó trả lời nếu suy tư bằng thứ luận lý thông thường, "*theo Phật giáo, thế giới này hiện hữu hay không hiện hữu nếu không được tâm thức quán sát?*" và Matthiew đã trả lời bằng một giải thích mang tính "Trung đạo - *Middle way.*" Ông cho thấy câu hỏi đó vô nghĩa nếu trả lời bằng một xác quyết dựa trên hư vô luận, khái niệm luận hay duy vật luận.

Chương 5 bàn cãi về tính khách quan của hiện thực và những tranh cãi chung quanh lý luận dựa trên duy vật bản thể luận giữa những vật lý gia lừng danh thế kỷ trước như Bohr, Einstein, Heisenberg về những vật cực nhỏ như hạt điện tử hay nguyên tử, và Matthieu đưa ra một nhận xét của đức Phật về tính duyên khởi của sự vật qua lời của vật lý gia Laurent Nottale.

Trong vòng hơn hai thập niên qua, có một số sách viết về những "tương quan" giữa vật lý, triết lý Phật giáo, phân tâm học, điển hình như Fritjof Capra, G. Zukav, D. Peat, D. Darling, A. Goswami, D. Chopra, vv. Loại sách này thỏa mãn một số độc giả tò mò thuộc thành phần "New Age" nhưng chúng bị giới khoa học gia nhìn bằng cặp mắt rẻ rúng vì những logic gượng ép. Có lẽ không muốn mình là một Guru, Gs Thuận đã tránh dùng những khám phá vật lý để chứng minh cho cái nhìn của Phật giáo. Ông chỉ đưa ra một số ý kiến để thảo luận trên tinh thần vô tư tìm hiểu.

Trong phần kết luận, Gs Thuận cũng đã phản đối những suy nghĩ "chống tôn giáo" của Steven Weinberg. Xin xem cuốn "Ngẩng Mặt - Facing Up," một cuốn sách mới của lý thuyết gia vật lý nổi tiếng này với những phát biểu như, "*Tôn giáo là một động lực thúc đẩy con người vốn tốt lành làm chuyện xấu xa - for good people to do evil - that takes religion...*". Gs Thuận cho rằng Weinberg đã sai lầm. Theo tôi, Gs Thuận và Weinberg đều có lý do riêng. Weinberg quan niệm tôn giáo như một thứ vũ khí xâm lăng và thống trị của người da trắng như KiTô giáo thời trung cổ và cận đại, trong khi đó, Gs Thuận nhìn tôn giáo như một phương pháp khai mở tâm linh như Phật giáo tại Á đông.

Theo thiển ý, Gs Thuận đã có phần ngộ nhận khi ông phàn nàn khoa học bằng cách nêu ra những thí dụ tác hại của khoa học như bom nguyên tử ở Hiroshima và nạn diệt chủng Holocaust . Chúng ta không thể so sánh sự *khảo sát khoa học thuần túy* và sự *ứng dụng* những kiến thức khoa học vào việc gây tội ác.

Weinberg cũng đã có phần nặng phê phán khi ông cho rằng tôn giáo là động lực chính đưa con người đến chỗ làm bậy. Con người với trí khôn lắt léo có thể nhân danh tôn giáo hay khoa học hay bất cứ một chiêu bài nào đó để làm việc thiện hay việc ác. Ông quên rằng những đạo quân viễn chinh dẫm nát châu Âu châu Á của đế quốc du mục Mông Cổ thời xưa đâu cần đến một thứ tôn giáo nào làm hậu thuẫn cho vó ngựa xâm lăng.

Gs Thuận kết thúc cuốn sách qua một câu nhận định của Albert Einstein về Phật giáo, "*Tôn giáo trong thời đại sắp đến sẽ là một vũ trụ đạo.Tôn giáo này sẽ vượt qua những ý niệm Thượng Đế*

hiểu theo lề lối tín điều và thần học. Tôn giáo đó sẽ đặt nền tảng trên những cảm quan siêu hình xuất phát tự kinh nghiệm mỗi cá nhân về cả hai mặt tinh thần cũng như vật chất, và hai mặt này vốn vẫn là một nguyên thể đầy ý nghĩa. Phật giáo trả lời được vấn đề này...nếu có một tôn giáo nào đáp ứng được những đòi hỏi của nền khoa học hiện đại, đó là Phật giáo."

Câu kết luận của Gs Thuận mang tính chất dung hòa, "*Khoa học có thể tự nó phát triển mà không cần đến khía cạnh tâm linh. Hoạt động tâm linh cũng có thể tự phát triển mà không cần đến những khám phá khoa học. Nhưng con người nếu muốn đạt đến chỗ toàn thiện, cần có cả hai yếu tố tâm linh và khoa học.*"

Matthieu Ricard chấm dứt cuốn sách bằng một nhận định về quan niệm thân tâm là một của Phật giáo (mind-body) và ông quan niệm rằng khi người tu tập đạt đến trạng thái chân như, con người sẽ tự phát khởi được một mối từ tâm và tình thương vô hạn đối với chúng sinh (boundless love and compassion). Về nhận định phản tôn giáo của vật lý gia Weinberg, Matthiew trả lời, "*Chỉ khi nào phần tâm linh được khai mở, thì những kẻ đồ tể mới buông dao trở thành Phật - Only spirituality can make evil beings do good.*"

Trước đây đã có nhiều cuốn sách nhằm đối chiếu Khoa học và Phật giáo, nhưng *Hoa Sen và Lượng Tử* có thể xem là cuốn quy mô và rất nhiêm túc trong chủ đề này. Một cuốn sách có giá trị khoa học, triết lý và khai phá tâm linh, cho thấy chỗ đứng của Phật giáo trong thời đại khoa học ngày nay.

Thân Phận Dư Thừa

người đọc: **Phạm Xuân Đài**

bản dịch Việt ngữ của Nhật Tiến từ cuốn *The Unwanted* của Kiên Nguyễn, Việt Tide LLC xuất bản, 435 trang, giá US$25.00. Liên lạc: Việt Tide LLC, 14841 Moran Street, Westminster, CA 92683 – USA. Tel: (714) 677-0912.

Từ sau khi cộng sản chiến thắng miền Nam năm 1975, chúng ta đã được nghe và được đọc khá nhiều sách về trại cải tạo, về việc đánh tư sản, hợp tác hóa nông nghiệp, bắt đi kinh tế mới... toàn những chính sách sai lầm, tiêu cực mà lại tàn bạo làm cho cả xã hội miền nam điêu đứng. Hầu hết dân Việt Nam, dù ở trong nước hay hiện nay đang ở nước ngoài đều đã là nạn nhân của chế độ ấy với các kinh nghiệm cay đắng có lẽ suốt đời không thể nào quên.

Nhưng có một loại nạn nhân âm thầm hơn, tủi cực hơn và có thể nói là hoàn toàn vô tội nhưng rất ít được nói tới, đó là những đứa trẻ lai Mỹ ở lại trong xã hội Việt Nam sau năm 1975. Quân đội Mỹ chính thức ồ ạt lâm chiến ở Việt Nam vào năm 1965, và các quan hệ của họ với phụ nữ Việt Nam trong suốt gần mười năm đã sản sinh ra một số đông đúc trẻ lai Mỹ. Đó là một lớp người mà Kiên Nguyễn đã gọi là *The unwanted*, những kẻ dư thừa, chẳng ai mong muốn. Trong sự đối xử của kẻ chiến thắng đối với kẻ chiến bại, trẻ em cũng là một đối tượng đặc biệt của sự kỳ thị, nhất là con em của những gia đình quân nhân công chức miền Nam. Các em là những công dân hạng hai, bị hạn chế rất nhiều quyền lợi, rõ rệt nhất là trong việc học tập, và đó là chính sách chính thức của đảng cộng sản về lý lịch mà ai cũng đã biết. Trong khi đó các trẻ em lai lại bị kỳ thị đến hai tầng, đối với xã hội cũng như đối với chính quyền. Có lẽ may ra họ chỉ còn được thương yêu và quan tâm bởi gia đình của mẹ họ mà thôi.

Kiên Nguyễn là một trẻ em lai như thế, và đã viết về cuộc đời của mình trong những năm tháng ở với chế độ cộng sản. Bên cạnh vô số sách vở viết về cuộc sống và những số phận sau năm 1975 ở Việt Nam, có lẽ đây là cuốn sách đầu tiên mà tác giả là một trẻ em lai, viết thẳng bằng ngôn ngữ của xứ sở bên nội của mình, và đã đạt được thành công vang dội. Cuốn sách đã được nhà văn Nhật Tiến dịch sang Việt ngữ sau khi nó đã được dịch sang 18 ngôn ngữ khác trên thế giới.

Khi xảy ra biến cố 30 tháng Tư năm 1975 thì Kiên Nguyễn lên tám tuổi và đang sống trong cảnh êm ấm giàu sang với mẹ và ông bà ngoại trong một ngôi biệt thự tại Nha Trang. Chi tiết về gia cảnh này đã cho chúng ta thấy rõ tác giả không thuộc số phận của rất đông trẻ lai khác, phần nhiều

thuộc vào những gia đình nghèo khó và ở tầng lớp thấp trong xã hội. Nhưng cũng chi tiết này càng tô đậm thêm những nỗi khổ do mất mát và sự bần cùng, sa sút của cuộc sống về sau này. Không phải đứa trẻ lai nào cũng theo gia đình vào được tòa đại sứ Mỹ để hy vọng được bốc đi theo những chuyến trực thăng cuối cùng, nhưng tình hình đã trở nên tồi tệ quá nhanh chóng vào ngày 30 tháng Tư khiến họ không lên máy bay được, và từ thời điểm đó đã bắt đầu mọi sự đắng cay khổ ải hằn lên số phận một đứa trẻ vừa chớm hiểu biết.

Theo gia đình về lại Nha Trang, tác giả bắt đầu cuộc sống mới, và cũng từ đây phần chính của cuốn sách này bắt đầu. Dĩ nhiên ở tuổi lên tám vào năm 1975, tác giả không thể biết được những nỗi khổ nhục mà mẹ của ông đã phải đương đầu khi tiếp xúc với chính quyền địa phương gồm những kẻ hãnh tiến và cuồng tín mà người đứng đầu mới tháng trước đây đang là kẻ giúp việc trong nhà bà. Tất cả những kinh nghiệm và ký ức về thời điểm đổi đời ấy tác giả đã phải nhờ mẹ ông cung cấp. Cả tập hồi ký dĩ nhiên là sản phẩm của trí nhớ, của tác giả là chính yếu, nhưng bên cạnh đó có phần góp sức của bà mẹ và người em trai của ông. Một ký ức tập thể như thế sẽ đầy đủ, sẽ bổ túc cho nhau rất nhiều chuyện và chi tiết mà một người khó có thể nhớ hết được. Cả cuốn sách hơn bốn trăm trang, tác giả luôn luôn bám chắc sự kiện, từ những gì xảy ra cho cả gia đình hay những gì xảy đến cho riêng ông, đều lần lượt xuất hiện theo một lớp lang trật tự đúng như cuộc sống đã xảy ra như thế. Nhưng tôi cho đây chính là một sự khổ công của tác giả, vì ký ức có thể cung cấp rất nhiều chuyện thuộc về một quãng đời đã qua, làm sao chọn lấy những gì điển hình nhất, đáng nói nhất để đưa vào sách để thành một tiểu thuyết hồi ký đúng nghĩa. Sự chọn lựa này chứng tỏ khả năng nhà văn của ông.

Tôi cho đây không thuần túy là một cuốn hồi ký, mà một tiểu thuyết hồi ký. Dựa trên người thật, việc thật, tác giả đã sử dụng cái "khả năng viết văn" của mình để biến thành những chương sách thật sự hấp dẫn, không khác nào một bà nội trợ với đồ ăn tươi sống mua ở chợ về đã trổ tài biến chế thành những món ăn ngon lành. Yếu tố hư cấu ở đây bàng bạc khắp nơi như là một chất phụ gia, những gia vị cần thiết làm cho món ăn chính trở nên thú vị. Ví dụ chương kể chuyện mấy anh em vì mẹ đi Sài Gòn mãi không về, hết cả tiền ăn, phải kéo nhau đi bộ xuống thành phố Nha Trang (có lẽ cách vài mươi cây số) để nhờ vả nhà chị Loan là một chương rất thương tâm cực tả nỗi đói khát, mệt nhọc và tâm trạng bơ vơ của mấy đứa trẻ không còn biết nương tựa vào đâu. Mấy chương nói về chuyện vượt biên thì sự hồi hộp cứ tăng dần theo từng cảnh huống, để dẫn tới cao điểm là sự bùng nổ đẩy hết đám vượt biên xuống biển, chứng tỏ tác giả có đầy đủ khả năng và kỹ thuật để viết truyện nghẹt thở. Suốt cuốn sách rất nhiều chỗ đầy kịch tính, như đoạn tác giả đón chị Loan trên đường ra tòa án nhân dân, chị đã kín đáo nhả vào tay tác giả sợi giây chuyền ngậm sẵn trong miệng; lối trừng phạt tù nhân vượt biên bằng cách nhốt dưới một cái hầm rồi xịt nước vào; đoạn tác giả gặp dượng ghẻ của mình trong trại giam và cuối cùng phác giác được chính mẹ mình đã khéo léo đưa anh ta vào tù là một sắp xếp thật hay thường phải một tác giả viết tiểu thuyết dày kinh nghiệm mới có được.

Có một điều chắc chắn là tác giả không viết cuốn sách với một định kiến chính trị có sẵn. Hồi ký một cựu tù nhân cải tạo chẳng hạn, thì dù cố gắng khách quan đến mấy, dấu vết chính trị cũng lộ rõ ra trong từng câu từng chữ, nhưng với Kiên Nguyễn thì không. Ông tường thuật mọi chuyện theo ký ức của một đứa bé, bắt đầu từ năm tuổi, rồi tám tuổi cho đến 18 tuổi, những điều diễn ra trước mắt ông, trong tâm hồn ông, ông phải viết ra vì một nhu cầu thúc bách nội tâm sau này khi đã trưởng thành ở đất Mỹ. Chúng ta có thể tin được là ông không cố tình bôi đen hay tô hồng sự việc, ông viết vì phải bộc bạch chuyện đời ông lên trang giấy để thoát khỏi khủng hoảng do nỗi ám ảnh tâm trí của các bi kịch xưa. Càng bộc bạch được thì tâm trí càng nhẹ nhõm.

Đọc bản dịch này, chúng ta bắt gặp một sự tình cờ kỳ thú, mà người Việt Nam thường gọi bằng một chữ nhà Phật là "duyên." Đó là sự việc người dịch cuốn truyện đầu tay của Kiên Nguyễn chính là nhà văn Nhật Tiến, mà Nhật Tiến lại là một nhà văn mà Kiên Nguyễn đã đọc và hâm mộ từ lâu. Về ảnh hưởng của Nhật Tiến đối với mình, Kiên Nguyễn đã cho biết rằng: *"Những hoàn cảnh mà ông diễn tả cùng những hình ảnh về các mảnh đời tuyệt vọng trong các sáng tác của ông đã vô cùng sống thực đến nỗi vẫn còn mãi mãi ám ảnh trong tâm hồn của tôi."* Và về

bản dịch của Nhật Tiến, Kiên Nguyễn rất bằng lòng, nói rằng "*cứ mỗi trang viết bằng tiếng mẹ đẻ quen thuộc, được trau chuốt qua ngòi bút điêu luyện của Nhật Tiến, lại làm bừng lên trong thế giới riêng tư của tôi một hương vị mới, linh động, rực rỡ màu sắc.*"

Nhưng cũng từ cuốn sách này chúng ta phải đối diện với một sự kiện éo le, là đọc một cuốn sách về Việt Nam, hoàn toàn Việt Nam từ khung cảnh tới nhân vật, mà phải đọc qua một bản dịch từ tiếng Anh. Điều đó có nghĩa là cái Việt Nam kia không còn thuần túy là Việt Nam nữa. Đó là một sự trái khoáy mà người đọc luôn luôn cảm nhận suốt chiều dài quyển sách. Này là Nha Trang, này là Sài Gòn, này là mẹ, là con, là ông ngoại, bà ngoại, này là ông phường trưởng, là cô giáo, ông hiệu trưởng, anh công an... mọi cái rất Việt Nam đó trong bản dịch bỗng như bị khúc xạ để biến dạng đi ít nhiều. Đó là số phận của bất cứ bản dịch nào, từ bất cứ ngôn ngữ nào qua ngôn ngữ nào. Chính ngôn ngữ làm nên phong cách một cuốn sách. Khi viết một truyện Việt Nam bằng tiếng Anh thì cái tính cách Việt Nam trong sự việc, và nhất là trong lời đối thoại, phải tuân theo cung cách của ngôn ngữ diễn đạt nó. Rồi đến khi dịch ngược từ tiếng Anh trở lại tiếng Việt thì người dịch dù có tài đến bao nhiêu cũng khó mà Việt hóa hết những gì vốn là Việt mà đã trót được diễn đạt ra bằng một ngôn ngữ khác rồi. Chúng tôi đoán nhà văn Nhật Tiến cũng thấy chỗ khó khăn này, đã nhận ra rất nhiều lời lẽ của những nhân vật mà mình dịch thật ra không nói như thế trong đời thật tại Việt Nam, nhưng ông đã không làm khác được khi phải trung thành với nguyên bản. Những ông phường trưởng hay công an, hay bất cứ nhân vật nào cũng đều nói bằng tiếng Anh trong cuốn *The Unwanted* thì nay chuyển những câu nói ấy sang tiếng Việt đôi khi nếu không thành trọ trẹ thì cũng không tránh khỏi mang những âm sắc lạ tai.

Bản dịch do đó giống như một người Mỹ nói tiếng Việt.

Nhưng đó là một chuyện chúng ta không tránh được khi thế hệ di dân thứ hai của chúng ta bắt đầu sáng tác bằng tiếng nước ngoài về đời sống Việt Nam. Bất cứ khi nào chúng ta muốn dịch một cuốn sách loại này sang tiếng Việt thì chúng ta cũng sẽ lại gặp vấn đề này. Mà không phải chỉ thời đại bây giờ ta mới gặp chuyện này. Một cuốn sách của Phạm Duy Khiêm viết bằng tiếng Pháp cách đây khoảng năm sáu mươi năm kể những truyện truyền kỳ của Việt Nam là cuốn *Légendes des terres sereines*, rất nổi tiếng với một lối văn trong sáng và thơ mộng, nếu có ai cắc cớ đem dịch ra tiếng Việt thì các truyện đó chưa chắc đã còn thấm được màu sắc thuần túy Việt Nam như nó đã tồn tại với nền văn hóa nước ta hàng ngàn năm qua. Đơn giản chỉ bởi vì cái thơ mộng trong các truyện đó đã được chuyên chở bằng tiếng Pháp.

Nhưng một số những bất tiện như thế không thể làm giảm sự cần thiết phải dịch những tác phẩm như *The Unwanted* sang tiếng Việt. Với một nội dung hoàn toàn Việt Nam, một tâm hồn hoàn toàn Việt Nam, được viết với một tài năng hiếm có, sách của Kiên Nguyễn phải được đến với đông đảo người đọc tiếng Việt. Vấn đề còn lại là phải thể hiện được tính chất Việt Nam trong bản Việt ngữ./.

NHỮNG CUỐN SÁCH ĐÁNG ĐỌC TRONG MÙA XUÂN

- **Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng** $25 (tái bản) *Ngô Thế Vinh*, nhiều hình ảnh, một bản đồ màu bảy nước sông Cửu Long chảy qua.
- **Dăm Ba Điều Nghĩ Về Văn Học Nghệ Thuật** $ 16 - *Trần Hồng Châu* tức giáo sư *Nguyễn Khắc Hoạch*
- **Trần Dần Ghi 1954-1960** $18 một kiện tướng Nhân Văn Giai Phẩm
- **Bè Bạn Gần Xa** $22 - bút ký *Phan Lạc Phúc*
- **Hẹn Thấp Lên, Lời Chứng 25 Năm 1975-2000** - $17 cựu linh mục *Nguyễn Ngọc Lan*
- **Sống Với Bệnh Viêm Gan** $18 bác sĩ *Bùi Xuân Dương*
- **Huyết Đằng** $12 - tập truyện *Phạm Hải Anh*
- **Giấc Mơ Và Huyền Thoại** $10 truyện *Vĩnh Hảo*
- **Giấc Mộng Đình Mai (Mai Đình Mộng Ký)** $10 - *Nguyễn Huy Hổ*, tiểu luận *Hạnh Cơ*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 934-8574

Nhà Hàng Buffet Việt Nam Kiểu Las Vegas
Độc Nhất Vô Nhị Tại Little Saigon

Muốn Có Tiệc Cưới

Sang Trọng

tại **Trung Tâm Little Saigon**

Xin mời đến **REGENT WEST**

4717 W.First Street *(Euclid & Newhope)*
Santa Ana, CA 92703

Schedule & Price

From Monday through Sunday
We apologize for some Wedding Saturdays
DIMSUM: 9:30 am 2:30 pm
Order Items
From Monday to Sunday: Breakfast and Lunch
BUFFET: Monday to Friday
Lunch: **$5.95 + $1** unlimited Drinks 11 am 3:00 pm
Dinner: **$8.95 + $1** unlimited Drinks 5:00 pm 10:00 pm
Saturday & Sunday
Special Brunch: **$8.95 + $1** Drinks 11:00 am 3:00 pm
Special Dinner: **$8.95 + $1** Drinks 5:00 pm 10:00 pm
Featuring Buffet "All You Can Eat"

LIVE MUSIC AT WEEKEND

Regent West có những đặc điểm sau đây:

* Thực đơn Việt Tây Tàu
* Buffet hoặc ăn cơm thổi
* Đầu bếp tàu 5 sao từ Hồng Kông, Bắc Kinh mới sang
* Phòng ăn sang trọng, sàn nhảy lộng lẫy
* Âm thanh nổi, hiện đại
* Ánh sáng tân kỳ với Laser Lights
* Sân Khấu 3D
* Bãi đậu xe rộng rãi, an ninh
* Có phòng trang điểm cho cô dâu
* Free bánh cưới Tiramisu độc nhất vô nhị
* Trang trí lộng lẫy
* Free Wedding consultation

Nhận tất cả các tiệc, thuê phòng hội họp, ra mắt CD, trình diễn kịch nghệ và cải lương.

Mọi chi tiết xin liên lạc

Toll-Free 1 877 Yến Tiệc hoặc 1 877 936 8432 và (714) 531 5798

Kim Phú®

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY

GIAO DOLLAR TẬN NHÀ

LỆ PHÍ THẤP

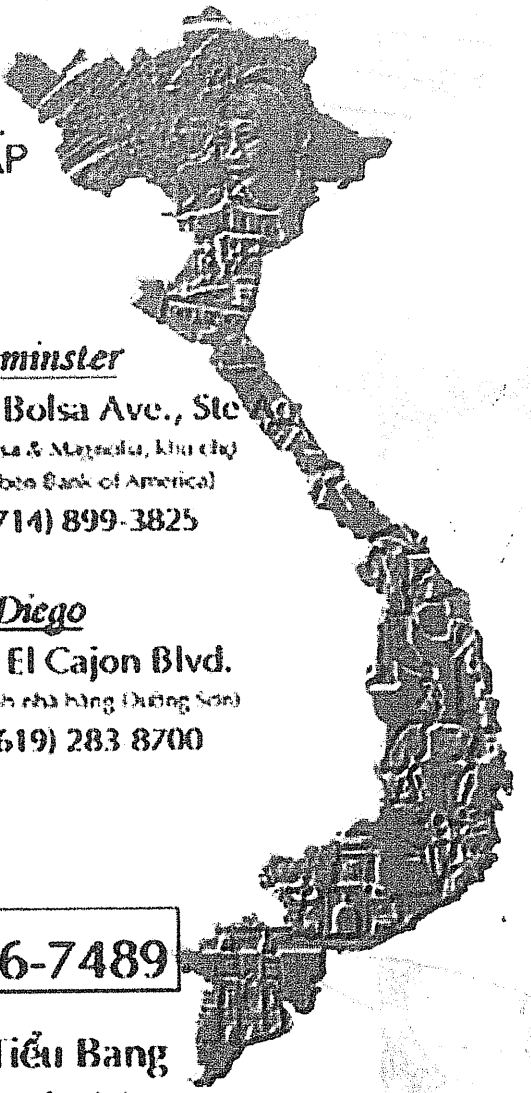

San Jose
1716 Tully Road
(Góc Tully & King, gần chợ Lion Plaza)
Tel.: (408) 528 9860

El Monte
9611 E. Garvey Ave., #118
(Khu Garvey Center, gần nhà hàng Mỹ Hạnh)
Tel.: (626) 444 5588

San Gabriel
120 E. Valley Blvd., Ste. H
(Góc Valley & Del Mar, khu chợ Hawaii
kế bên Phở Số 1)
Tel.: (626) 571 8707

Westminster
8860 Bolsa Ave., Ste. G
(Góc Bolsa & Magnolia, khu chợ
ABC, kế bên Bank of America)
Tel.: (714) 899-3825

San Diego
4654 El Cajon Blvd.
(Bên cạnh nhà hàng Đường Sơn)
Tel.: (619) 283 8700

TOLL FREE: 1-888-546-7489

Cần nhiều Đại Lý khắp các Tiểu Bang
Đại Lý cho Kim Phú sẽ được làm giấy tờ hợp pháp cho khắp các Tiểu Bang tại Hoa Kỳ

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No. 63

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An: (714) 839-6704**

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

thientongvietnam@vinamall.com

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim